

SIGMUND
FREUD

AI VỀ
GIÁC MƠ
VÀ AI DIỄN GIẢI
GIÁC MƠ

Ngụy Hữu Tâm dịch

Về Giấc mơ và Diễn giải Giấc mơ

Sigmund Freud

VỀ GIẤC MƠ VÀ DIỄN GIẢI GIẤC MƠ

(Các bài viết của Freud về Giấc mơ)

Nguy Hữu Tâm

Sưu tầm, biên soạn và biên dịch

Về Giấc mơ và Diễn giải Giấc mơ
Sigmund Freud
Nguyễn Hữu Tâm *dịch*

Trình bày: Domino D.
Thiết kế bìa: Minh Thái

ISBN 978-604-976-857-6

Bản quyền bản dịch tiếng Việt © 2019, Domino Books

DOMINO

Công ty TNHH Domino Books
Email: domino.dominobooks@gmail.com
Facebook: <https://www.facebook.com/dominobooksstore/>
Website: dominobooks.vn

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	9
Lời nói đầu	13
Nhập đề của Hermann Beland	15
Linh cảm trong mơ mà có thật	45
Về giấc mơ	49
Giấc mơ trong văn hóa dân gian	109
Một giấc mơ như là phương tiện chứng minh	143
Chất liệu truyện cổ tích trong các giấc mơ	157
Giấc mơ và thần giao cách cảm	169
Một vài điều bổ sung cho toàn bộ vấn đề diễn giải giấc mơ	205
Thư gửi Maxime Leroy về một giấc mơ của Descartes	223
Sự tiếp xúc của tôi với Josef Popper-Lynkeus	235
Sigmund Freud diễn giải giấc mơ	243
Lời bạt của Hermann Beland	257
Ngôn ngữ giấc mơ trong phân tâm học	287

Lời giới thiệu

1. Sau gần 20 năm điều tra nghiên cứu sự phát triển sinh lý (*về thể chất*) của trẻ trong ngành Y tế và Ủy ban Bảo vệ Bà mẹ & trẻ em (*dưới 3 tuổi*), tôi đã nhận thấy sự phát triển đó thường bị cản trở bởi những rối loạn dinh dưỡng hay bệnh tật. Chính là do những rối loạn chúng tôi gọi là “rối nhiễu tâm thể”, tức là những rối nhiễu tâm lý được biểu đạt trên cơ thể của trẻ (*biếng ăn, táo bón, dai dăm, quấy khóc...*).

Khi tham gia nhóm Nghiên cứu Tâm lý trẻ em tại Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý Trẻ em (Trung tâm NT) do Bác sĩ (BS) Nguyễn Khắc Viện và bà Nguyễn Thị Nhất sáng lập năm 1989, tôi đã có dịp tiếp cận các cộng tác viên Pháp, trong đó có những nhà phân tâm (BS Claude Pigott và cộng sự) đồng thời tham khảo những tài liệu do họ cung cấp cho Trung tâm NT.

Chúng tôi đã phát hiện:

Vào giữa thế kỷ XX, Piaget và Freud nổi lên ở Tây Âu như hai cây đại thụ trong nghiên cứu sự Phát triển Tâm lý Nguyên sinh (Psychologie Genetique) tức là Tâm lý Phát triển. Tuy ở Việt Nam, học thuyết nhận thức của Piaget đã và đang tiếp tục được khai thác và vận dụng, nhưng học thuyết phân tâm chưa được biết tới, thậm chí còn bị gạt ra, bị coi là duy tâm, trái với duy vật biện chứng.

Một cuốn sách như: *Freud, Về Giấc mơ và Diễn giải Giấc mơ* của dịch giả Ngụy Hữu Tâm thật hiếm có và đáng hoan nghênh.

2. Một cách khái quát, đối tượng nghiên cứu của Freud là vô thức, tầng băng chìm của hiện tượng tâm lý con người. Vô thức là nơi ẩn chứa những cảm nghĩ bị lãng quên, những ý tưởng bị chôn chặt, không thể gọi lại hay nhớ lại do ý muốn của cá nhân và chúng có khả năng tác động đến hành vi của cá nhân đó. Cái vô thức đó được lộ ra trong giấc mơ.

Quá trình nghiên cứu giấc mơ của một số nhân vật đã dẫn Freud tới kết luận rằng: Có nhiều chất liệu vô thức hơn đã lộ ra trong giấc ngủ so với khi đang thức.

Trong giấc mộng, kiểm soát tâm lý cũng “ngủ” và cho phép các ý nghĩ gây rối biểu lộ và các mong muốn được thỏa mãn. Các ý nghĩ đó được trá hình cho tới khi bị lột mặt nạ trong quá trình phân tâm.

Do cả bản thân giấc mộng và liên tưởng của chủ thể với giấc mộng ảnh hưởng đến cả nhà trị liệu, phân tích giấc mơ trở nên vô cùng phức tạp và khó khăn.

Cũng thật lạ Freud không nghiên cứu trực tiếp các trẻ em khi xây dựng lý thuyết về phát triển. Có thể do Freud cho là trong nhân cách của người lớn còn lại những chất lỏng động thời thơ ấu. Hơn nữa, những bệnh nhân của Freud tình cờ là những người lớn chứ không phải là trẻ em. Người lớn mới có khả năng chấp nhận những cuộc phân tâm và trị liệu phân tâm trong một phòng tối, kéo dài khá lâu.

Chính những nhà nghiên cứu hậu Freud, Bowlby (1907-1990), Ainsworth (1913-1999), Anna Freud (1895-1982), Melanie Klein (1882-1990), Margaret Mahler (1897-1985), Winnicott (1896-1971) đã bổ sung cho học thuyết phát triển của Freud bằng tập trung theo dõi và trị liệu cho đối tượng trẻ nhỏ; lứa tuổi này, tuy đã được Freud lưu ý khi xây dựng quan điểm về phát triển tính dục (libido) qua các giai đoạn phát triển: môi miệng, hậu môn, dương vật, sinh dục, dậy thì,

song đã không được tác giả đủ quan tâm trong phân tâm vì những lý do đã nêu trên.

Mặt khác, các nhà nghiên cứu hậu Freud nghiên cứu trẻ, không chỉ trong khuôn viên phòng khám bệnh mà cả trong môi trường sống tự nhiên và xã hội (từ chỉ gắn bó với mẹ/bố, và người thay thế mẹ (bà/ông, chị/anh, người thân khác trong gia đình) đến cô nuôi dạy trẻ (và trường mầm non) rồi các thầy cô giáo và các bạn cùng trang lứa ở nhà trường phổ thông.

Môi trường sống tự nhiên và xã hội càng mở rộng, sự cọ xát với môi trường đó giúp nhân cách phát triển đúng đắn hay không tùy thuộc vào sự hoạt động cân bằng hay không giữa bản năng tính dục (Vô thức, Id, Bản ngã (Ego) và Siêu ngã (Superego), Lương tâm).

Còn các nhà nghiên cứu hậu Piaget như Lawrence Kolberg (1927 - 1987), Elliot Turiel, Carol Gilligan, Kagan... đã có những bổ sung cho học thuyết Piaget về ý thức đạo đức ở trẻ.

Đặc biệt Noam Chomsky, vừa đương thời với Piaget khi tiến hành cuộc tranh cãi nổi tiếng về Phát triển tâm lý (Debate between Jean Piaget and Noam Chomsky) vừa là hậu Piaget (về Học thuyết Nhận thức). Noam Chomsky đã được vinh danh sáng tạo ra khoa học kiến thức (nhận thức) hiện đại, ông đã tìm hiểu sâu thêm về thân thể và sự nghiệp của Freud, đồng thời của cả Jean Piaget - hai cây đại thụ của Thuyết Phát triển Tâm lý, và với các học giả hậu Freud, hậu Piaget, mở rộng thêm kiến thức về Tâm lý học Phát triển trẻ em.

3. Để kết thúc lời giới thiệu, tôi muốn chân thành cảm ơn dịch giả Nguyễn Hữu Tâm đã cố gắng hoàn thành cuốn sách này.

Bác sĩ Vũ Thị Chín

Lời nói đầu

Năm 2005, chúng tôi đã cho ra mắt cuốn *Sigmund Freud, các bài viết về Giấc mơ và Giải thích Giấc mơ*, nhỏ gọn nhưng phần nào đã được đón nhận bởi bạn đọc.

Thấm thoát vậy là cũng hơn một con giáp trôi qua. Thế giới toàn cầu hóa, số hóa với bao thay đổi khôn lường. Đất nước Việt Nam chúng ta lại càng có những đổi thay chóng mặt hơn nữa, cởi mở hơn nữa, hội nhập hơn nữa. Để phần nào đáp ứng nhu cầu đó, chúng tôi không thể chỉ tái bản cuốn sách ra trước đây lâu đến thế, mà phải xem lại và bổ sung thêm.

Dĩ nhiên dịch toàn bộ cuốn *Traumdeutung – Diễn giải Giấc mơ* dày hơn 600 trang còn là quá sớm - dấu cho hết sức xứng đáng với Freud, người trong khoa học xã hội và nhân văn vốn được xếp ngang với Einstein trong khoa học tự nhiên thế kỷ XX, bởi lẽ ở thời điểm này, bạn đọc nói riêng hay giới trí thức nước ta nói chung chưa thực sự có nhu cầu đọc toàn bộ, vì vậy về mặt kinh tế, khả năng hoàn vốn cho nhà đầu tư quả nhiên là rất khó.

Vậy tạm thời chúng tôi chỉ xin rút gọn cuốn in trước đây, và đơn giản bổ sung bằng cách giới thiệu năm phần trăm của cuốn sách quá đồ sộ này và đưa ra đề mục toàn bộ cuốn sách để dù chưa đọc được tác phẩm kinh điển ấy, bạn đọc vẫn có thể có một khái niệm nhất định về cuốn sách.

Xin bạn đọc thông cảm và phần nào lượng thứ cho cách làm hơi phũ phàng đó, nhưng có lẽ tôi phần nào có lý khi làm như vậy chẳng.

Cuối cùng, xin có lời cảm ơn Bác sĩ Hermann Beland đã cho phép dịch và in *Lời nói đầu* và *Lời bạt* cho cuốn sách, hai bài giúp chúng ta hiểu sâu hơn về cuốn *Traumdeutung - Diễn giải Giấc mơ* và ý nghĩa của nó.

Cũng xin cảm ơn Nhà xuất bản Văn học và Domino Books đã tận tình giúp để sớm ra mắt được cuốn sách này.

Hà Nội, đầu hè 2019

Ngụy Hữu Tâm

Nhập đề của Hermann Beland

Những công trình do Sigmund Freud viết về giấc mơ được tập hợp lại trong cuốn sách này là một tuyển tập lý thú những ý kiến phân nào đã tổng hợp, hoặc phần khác lại bổ sung thêm nhiều giác độ mới cho cuốn *Diễn giải Giấc mơ* vĩ đại từ năm 1900 của ông. Việc viết ra những bài này được thực hiện vào khoảng thời gian từ năm 1899, vài ngày sau khi *Diễn giải Giấc mơ* (“Linh cảm trong mơ mà có thật”), đến năm 1932 (“Sự tiếp xúc của tôi với Josef Popper-Lynkeus”). Bài quan trọng nhất trong số chín bài này là bài *Về Giấc mơ* được viết vào năm 1901 để tổng hợp một cách sáng sủa tất cả những kết luận cốt yếu nhất cho cuốn *Diễn giải Giấc mơ* của ông, thực ra là một tác phẩm hết sức khó hiểu về mặt lý thuyết. Với việc đọc cuốn sách này như là một cuốn nhập môn để lướt qua một cách hết sức ngắn gọn sự nghiệp bách niên khảo cứu Giấc mơ về mặt phân tâm và thực nghiệm, bạn đọc sẽ hoàn thành được sự khởi mào khó khăn đã nói.

Nhưng trước hết phải có vài lời về hai điểm chung để kết nối chín bài đó. Điểm đầu dĩ nhiên là cuộc sống trong mộng mà nó được xét từ nhiều giác độ khác nhau (các quy luật tự nhiên của sự mộng mơ, các dữ liệu cổ tích trong Giấc mơ, những Giấc mơ đã được sáng tác ra trong văn hóa dân gian, các giác độ cận tâm lý học của Giấc mơ, triết gia với tư cách là người đang chiêm bao...); còn điểm chung kia thì lại hết sức lý thú về mặt tiểu sử tác giả. Nó liên

quan tới chính tác giả bởi vì ở mỗi bài, ông đã bộc lộ một nét nhất định nhân cách của mình. Một vài nét này rồi sẽ được đặc biệt nhấn mạnh.

Conditio humana (Điều kiện con người, tiếng Latin trong nguyên bản)

Thiên tài và thời đại của mình luôn gắn liền với nhau. Wilfred Bion (1897-1979), một trong số các nhân vật vĩ đại trong lịch sử Phân tâm học¹, đã mô tả ba hệ quả đặc trưng cho sự trùng hợp giữa bậc thiên tài và xã hội như sau: Một ý tưởng mới, cơ bản (ở trường hợp Sigmund Freud là nhận thức về quá trình chiêm bao, sự phát hiện ra cái vô thức bị dồn nén và giới tính của trẻ em) luôn có một sức công phá tiềm tàng, một khi nó xuất hiện trong một xã hội nào đó thì nó sẽ làm thay đổi xã hội mà nó xuất hiện ở đó, ít hay nhiều. Hoặc là nó dẫn tới một cuộc thay đổi mang tính cách mạng (chẳng hạn như một phát kiến mới trong ngành vật lý như Thuyết Tương đối của Einstein đã làm lay chuyển thuyết mà cho tới lúc đó vẫn đang có hiệu lực), hay là hệ thống đang trấn áp ý tưởng sáng tạo hoặc nhân tài mới xuất hiện (ví dụ Copernic hay Galilei), hoặc là xã hội đồng hóa ý tưởng mới này bằng cách tự nó phải phần nào biến đổi, và gắn ý tưởng mới này với những quan niệm cho tới khi đó còn phổ biến. Nhờ sự phản ứng đối với cuốn *Diễn giải Giấc mơ* của Sigmund Freud và môn khoa học được khai sinh ra cùng với nó là Phân tâm học, chúng ta có thể quan sát để thấy được tất cả ba hiệu quả nêu trên. Trong vài thập niên qua, chúng ta thấy có sự pha trộn các yếu tố của sự biến đổi mang tính cách mạng lẫn sự trấn áp và sự đồng hóa. Điều này chẳng có gì đáng ngạc nhiên đối với cái tâm cơ của những tri thức nhân học mà các phát kiến của

¹ Xem W.Bion, *Attention and Interpretation*, Tavistock Publications, London 1970.

Freud thể hiện, và chúng liên quan tới tất cả những mối quan hệ xã hội. Chính bản thân Sigmund Freud cũng đã thường so sánh sự phủ nhận cái vô thức - luôn ngự trị trong xã hội, với sự phủ định ban đầu các phát minh của Darwin hay với sự đối kháng với thế giới quan mới của Copernic.

Với ý nghĩa này thì việc lý giải giấc mơ đã trở nên là một sự kiện trong lịch sử trí tuệ nhân loại. Và ý nghĩa này sẽ chẳng dừng lại chỉ ở thế kỷ vừa qua. Những chân lý Tâm lý học mới được phát hiện để thấu hiểu Giác mơ, vượt ra ngoài cả Giác mơ, và với tư cách là các yếu tố của một ngành Tâm lý học về cái vô thức bị dồn nén, tạo cơ sở cho nhận thức của chúng ta về các chứng bệnh tinh thần, các chứng loạn thần kinh và loạn tâm thần cũng như cách điều trị chúng một cách hợp lý.

Nhận thức cơ bản của Sigmund Freud về giấc mơ là: Mỗi một giấc mơ dù cho là có ý nghĩa gì chẳng nữa, đều tuân theo các quy luật cấu thành như một chứng loạn thần kinh hay loạn tâm thần, ở chừng mực mà một người đang mơ, trong cơn chiêm bao của mình coi những suy nghĩ của mình là sự thực, và anh ta hoàn toàn không ý thức được rằng anh ta đồng thời là tác giả, đạo diễn và diễn viên (thường là dưới dạng nhiều nhân vật khác nhau) cho vở kịch chiêm bao do anh ta nghĩ ra, thì ở cái cách rất thông thường, anh ta cũng chịu những trải nghiệm giống như những trải nghiệm mà chúng ta đã biết được từ bệnh loạn tâm thần ảo giác. Bởi vì tất cả những điều gì xảy ra trong giấc mơ ngoài tất cả những ý nghĩa quan trọng ở ngày hôm trước, đặc biệt là những điều thể hiện ra, đều là cái vô thức bị dồn nén, và điều đó cũng đúng đối với hội chứng loạn thần kinh.

Thế thì cái gì là nội dung của cái vô thức bị chèn ép? Chủ yếu là thời kỳ đầu đời đã bị lãng quên, những đam mê và những thâm

họa về quan hệ ở đầu thời thơ ấu, nhưng cũng là cách mà con người suy nghĩ và cảm giác như thế nào ở thời kỳ trước khi biết nói này, cụ thể là ở ngôn ngữ hình tượng và hành động đầy kịch tính, có tính biểu tượng - màn diễn, và ở những sự phân loại luôn được hòa trộn một cách mãnh liệt giữa cái tâm linh của riêng mình và cái tâm linh từ bên ngoài (những sự phóng chiếu, những sự nội nhập, và những sự phân ly, những sự lý tưởng hóa). Nội dung của điều bị chèn ép mà nó tái xuất hiện có bị bóp méo trong các giấc mơ và hội chứng, là tất cả những gì đã được theo đuổi và phân tách ra khi xung đột với xã hội, nghĩa là với cha mẹ, và những gì hình thành từ đó trong nội tâm sau những xung đột đó, tất cả những hoài niệm thuộc chấn thương không được xử lý, tất cả những ước vọng đối bại tội độ và đã man được hình thành có tính phản ứng, tất cả những sự nội nhập¹ đã được phân ly, chứa đầy kỳ vọng giết người. Trong cuốn *Diễn giải Giấc mơ*, khi lần đầu tiên Freud mô tả thế giới vô thức bên trong của con người văn minh và gọi những ước muốn tình dục bị chèn ép của thời thơ ấu là nguyên nhân gây ra giấc mơ, thì cuộc xung đột của ông với xã hội vào năm 1900 cũng đã được tiên định. Bằng chứng cho mâu thuẫn bên trong của con người, sự khẳng định việc phụ thuộc vào tư duy vô thức (mà lại là phần chủ yếu của tư duy) và vào nguyên tắc khoái cảm như là đáng thống trị bề trên của cuộc sống ngay từ lúc sinh ra là trái ngược với tâm tính duy tâm trong triết học và hệ tư tưởng gia đình của thời đại. Với *Diễn giải Giấc mơ*, ông đã dám khuấy động vào giấc ngủ yên lành của những thứ này. Tính ngay thẳng, hay đúng hơn là tính khách quan mới có, và khả năng chịu đựng điều mà cho tới nay không thể tưởng tượng được và sự rõ ràng hiển nhiên của nó, và tư duy được liên tục thể hiện ra trong cuốn sách của Freud, nhưng cũng được đặc biệt minh chứng trong một sự

¹ Xem W. Bion, *Attention and Interpretation*, Tavistock Publications, London 1970.

kiện nhất định. Cũng như trong *Diễn giải Giấc mơ*, trong tác phẩm viết *Về Giấc mơ*, Sigmund Freud cũng chọn các giấc mơ của chính mình để chứng minh cho quy luật của sự hình thành giấc mơ trên những ví dụ cụ thể - Bởi vì mỗi giấc mơ, nếu ta đi từ nguyên văn của nó là Giấc mơ hiển nhiên, đều cấu thành từ các ước vọng bất nguồn từ tất cả các lĩnh vực và giai đoạn của cuộc đời con người, một khi ta đi từ nội dung của nó là giấc mơ hiển nhiên và các tư tưởng của Giấc mơ. Và bởi vì các tư tưởng mạnh nhất, lẽ ra là những tư tưởng tạo nên Giấc mơ, lại là những ước vọng duy kỷ của trẻ con mà sẽ bị những điều tin tưởng đang ngự trị ở người đã trưởng thành khước từ, và bởi vậy đã bị chèn ép từ rất sớm, nên Freud phải để mặc những dồn nén ở thời thơ ấu của chính ông, cùng sự phụ thuộc của mình vào các ước muốn khoái lạc và hiệu danh, tính mâu thuẫn ngày càng gia tăng và sức phản kháng đối với sự công nhận Cái Tâm linh điều khiển mình. Ông đã đi xa tới đâu ở điểm này, điều đó đã được những phân tích của ông về giấc mơ minh chứng. Dù cho ông không nhất thiết là có khuynh hướng mắc chứng phô bày và vẫn giữ không tiết lộ phần lớn những ước muốn chiêm bao mang tính thơ dại, là điều chẳng hề có lợi cho quá trình lập luận của mình, thì từ những ví dụ về giấc mơ của ông, ta vẫn có thể thấy được một cái tính phóng khoáng đáng kể trong sự mô tả và đồng thời là tính khách quan để mô tả, và nhất thiết phải có để mô tả tất cả những sự thỏa mãn, những tính duy kỷ, những ước vọng muốn có sự thoải mái... mà trong quá trình trưởng thành từ trẻ con thành người lớn chúng ta đã phải chịu đựng hoặc coi chúng như là của riêng mình; và mô tả chúng hết như chúng đang tồn tại: là những sự thật của con người mà ta không có quyền phủ nhận, cũng như những ước vọng chiêm bao vô thức, những xung đột để phát triển, hay là tính trọng sự thật. Kết luận nổi tiếng của Phân tâm học về sự phát triển cá nhân: Ở đâu là “Cái Nó”,

thì ở đó sẽ phải hình thành “Cái Tôi”¹ nói chung trước tiên phải có giá trị cho chính tác giả của cuốn *Diễn giải Giấc mơ*. Trước Freud thì hoàn toàn không thể tưởng tượng được rằng tất cả mọi người khi còn là trẻ con không chỉ có những ước muốn loạn luân, mà còn nuôi dưỡng những ước muốn tàn bạo hoặc mong muốn hủy diệt những người gần gũi và thân thương nhất của chính mình, và thậm chí cũng không loại trừ ý muốn cho cha mẹ mình chết đi. Tất cả những cái đó để trước tiên phải có “Sự hình thành Cái Tôi” ở mỗi con người. Sự công nhận bản chất tình dục của đứa trẻ cũng chính là bước đột phá của Freud để vượt qua điều mà trước đó không thể tưởng tượng được. Sự Diễn giải các giấc mơ của chính mình sẽ cung cấp cho sự hiển nhiên bắt buộc phải có.²

Để hiểu rằng đó là một phương pháp nghiêm túc tới mức gây đau đớn, nếu như phải mô tả các quy luật có hiệu lực phổ biến của Tâm lý học cái vô thức và các giấc mộng bằng các con đường thông qua cá nhân mình và qua việc Diễn giải các giấc mơ của chính mình. Như trong cuốn *Diễn giải Giấc mơ*, Freud đã phải thú nhận rằng khi viết nó, ông rất hay có cái cảm giác rằng ông “phải tự bộc lộ mình như là một tên hung ác duy nhất trong tất cả những đồng loại hết sức cao quý như thế này.”³

¹ Nội nhập là những hình tượng hỗn hợp đã được trải nghiệm và tưởng tượng, được pha trộn bởi các phổ eterna và các phóng chiếu và thường được trải nghiệm một cách rất có ấn tượng và gây sợ hãi. Thường trong vô thức, chúng được hình thành từ những Giấc mơ ban ngày tiêu cực, được ý thức trước. Trải nghiệm thực của Giấc mơ ban ngày được quy cho những hình tượng tưởng tượng vô thức này dồn nén. Khi chỉnh lý thì chúng lại có thể ý thức được và sẽ phân hủy nếu những điều kiện thiết lập ban đầu của nội nhập được xử lý. Xem Roy Schäfer, *Aspects of Internalisation, International Universities Press*. New York, 1968.

² Trích dẫn từ S.Freud, *Neue Folge der Vorlesungen zur Einführung in der Psychoanalyse*, in: *Gesammelte Werke*, Bd. 15. Imago Publishing Co. London 1940. S. 86.

³ Trong việc Diễn giải Giấc mơ trừng phạt của chính mình, về “thông tin đặc biệt cho vợ mình về đứa con trai đang ở ngoài mặt trận” (*Die Traumdeutung*, in: s. Freud. *Gesammelte Werke*. Bd.2/3. Imago Publishing Co.. London 1940. s.564566) sẽ thấy đặc biệt rõ tính trung thực mẫu mực của Freud: chứng minh ước mong muốn chính con trai mình chết, thú nhận

Trong Chương 2 của tác phẩm *Về Giấc mơ*, ở đoạn kết bài phân tích Giấc mơ của “Giấc mơ về *Table d’hôte*” (Bàn của những người ăn cơm thán, tiếng Pháp) của mình, mà ở đó các ý nghĩ trong giấc mơ xoay quanh các đề tài như *vụ lợi - không vụ lợi mắc nợ gì đó, làm một việc vô ích*, thì Freud đã bày tỏ quan điểm về việc phải tự khắc phục chính mình để công khai diễn giải các giấc mơ của mình: “Trong tấm vải đã bị lột trần ra để phân tích thì tôi có thể kéo các sợi vải lại chặt hơn và sau đó thậm chí còn có thể cho thấy rằng các sợi này sẽ cuộn về một điểm nút duy nhất, nhưng những điều phải được lưu ý mà không phải theo bản chất khoa học, trái lại hoàn toàn là riêng tư, đã ngăn cản tôi công khai thực hiện việc đó. Lẽ ra tôi đã phải công khai hóa nhiều điều mà tốt nhất là chúng vẫn còn là bí mật của riêng tôi, sau khi - trên con đường đi tới giải pháp này - tôi đã phải tự lý giải cho mình đủ mọi điều mà lẽ ra, bình thường thì tôi rất khó thú nhận.”

Nếu chúng ta lưu ý tới sự phủ nhận và thói đạo đức giả đối với mọi cái gì có liên quan tới tình dục, nói chung là rất phổ biến trong xã hội vào thời đó, cùng với sự lý tưởng hóa mang tính chất xuyên tạc về trẻ em, phụ nữ và về cuộc sống gia đình, thì sự tự lột tả mình một cách trung thực bằng cách diễn giải các giấc mơ của chính mình sẽ mâu thuẫn rất cơ bản với chuẩn mực đang ngự trị. Tuy rằng Freud không qua bất kỳ một cái gì khác mà đã có thể tác động một cách hết sức thuyết phục như nhờ tính trung thực của chính ông, nhưng rõ ràng là ông đã phải cả gan làm cái thí nghiệm này mà không hề lưu ý tới phản ứng tiêu cực của xã hội xung quanh.

“ghen ghét thanh niên”, tin rằng “đã chôn vùi kỹ tính tự nạnh của người có tuổi trong cuộc sống”, mình chứng cho đòi hỏi của Freud phải được công nhận những ước muốn vô thức. Thực ra thì người ta cũng chẳng thể đi được xa hơn là chứng minh trên chính bản thân mình sự thật đau lòng rằng không có một người cha nào lại không mang tính hai mặt đối với đứa con trai mà mình quý mến.

Đây chính là thái độ bình tĩnh của Freud trước xung đột không thể tránh khỏi giữa nhân tài và xã hội.

Chức năng của giấc mơ

Việc xã hội đã phải đồng hóa các phát kiến của Phân tâm học cũng có lịch sử của riêng nó, mà dễ hiểu rằng trước hết là lịch sử của ảnh hưởng gián tiếp của Phân tâm học lên xã hội. Một trong số rất nhiều ví dụ đó là ở việc nghiên cứu Giấc mộng. Trong ngành tâm thần học Mỹ vào những năm 1950 và 1960 thì về mặt học thuật, người ta rất quan tâm tới Giấc mơ vì khi đó có rất nhiều Bác sĩ Tâm thần học được đào tạo thành Bác sĩ Phân tâm học và trong những bài học về Phân tâm học của họ, họ được biết về ý nghĩa của các Giấc mơ của chính họ. Khi mà sau này, tình cờ vào năm 1953 ở Đại học Tổng hợp Chicago, trong những kiểm tra EEG (Electroencephalogramme - Điện não đồ) những người thí nghiệm đang ngủ, người ta mới sửng sốt trước những chuyển động rất nhanh của mắt khi mi mắt đã đóng REM (Rapid Eye Movement, tiếng Anh) và Aserinski và Kleitmann phát hiện ra được giấc ngủ dị thường hoặc chủ động là giấc ngủ REM, mà người ta nhanh chóng cho thấy ngay rằng nó hoàn toàn đồng nhất với thời gian chiêm bao, thì cơ sở cho việc nghiên cứu Giấc mơ về mặt sinh lý học và cho mối liên hệ giữa các thuyết chức năng mới về sinh học với các thuyết chức năng cũ của Phân tâm học về Giấc mơ đã được chuẩn bị kỹ một cách lý tưởng. Mặc dầu việc nghiên cứu thực nghiệm diễn ra không liên quan tới Thuyết Phân tâm học về Giấc mơ, thì vẫn hiển nhiên rằng mối quan tâm về mặt học thuật đối với việc nghiên cứu về mặt sinh học Giấc mơ là tác động từ xa của cuốn *Diễn giải Giấc mơ*.

Quan niệm của Freud về chức năng của giấc mơ, về “cảm giác” sinh học và Tâm lý học của chiêm bao là hoàn toàn tỉnh táo đối

với một số học trò của ông sau này, thậm chí là tỉnh táo đến mức đáng kinh ngạc. Giấc mơ là sự thực hiện ước vọng và đồng thời là người canh giữ cho giấc ngủ, đó là một công thức. Sự bận rộn trong giấc ngủ với cái điều bị chèn ép phải phục vụ cho ước nguyện được ngủ là có thứ bậc cao hơn về mặt sinh học. Sự cự tuyệt về mặt Tâm lý đối với bất cứ cái gì của người đang thiếp đi, sự thoái triển của anh ta đối với tình trạng trong tử cung không thể bao hàm cả điều bị chèn ép, không thể quyết định gì về nó nữa cả, vì nó tồn tại vô thức, nhưng là đã phân ly ra cho chính nó. Nó vẫn còn hoạt động và chống lại ước vọng muốn ngủ, nhất thiết là nó quấy rầy giấc ngủ. Giấc mơ như vậy là sự thỏa hiệp sinh học cũng như Tâm lý học. Sự bận rộn về đêm với những ước vọng bị chèn ép vẫn còn là có thể được, bởi vì những ước vọng này được thỏa mãn nhờ ảo giác. Nhưng vì sự thỏa mãn này sẽ bị bóp méo đến mức không thể nhận ra được nữa do hoạt động của Giấc mộng (sự cô nén, sự dịch chuyển...) nên người chiêm bao thường chẳng còn cảm thấy cả các ước vọng làm việc thỏa mãn chúng. Anh ta chẳng phải giật mình hoảng sợ mà thức dậy.

Còn các kết quả của việc nghiên cứu khoa học về Giấc mơ và giấc ngủ là thống nhất tới mức nào với quan niệm Phân tâm học về Giấc mơ? Chúng rất khó liên hệ với nhau, vì cả hai phương pháp nghiên cứu lại nằm ở hai đầu đối diện nhau của phổ liên tục Phân tâm học. Điều này có hệ quả là tuy rằng nghiên cứu Phân tâm học có thể xử lý các kết quả của các thí nghiệm về giấc ngủ, nhưng trái lại thì việc nghiên cứu giấc ngủ hoàn toàn chẳng đóng góp gì cho các cách đặt vấn đề Phân tâm học, chẳng hạn bệnh học loạn tâm thần về Giấc mơ. Nhưng một số các dữ liệu thu được bằng phương pháp sinh lý học thực sự gây kinh ngạc và có lẽ đòi hỏi phải đặt Giấc mơ ở một vị trí cao hơn trong sinh học và tâm lý học là vị trí mà Freud đã đặt

cho chúng, và có lẽ cũng cả một giả thuyết về chức năng được nhấn mạnh một cách khác. Theo kết quả của nghiên cứu thực nghiệm thì Giấc mơ có vẻ như là cần thiết về mặt sinh học cho sức khỏe cả về mặt thể chất lẫn trí tuệ. Nếu những người thí nghiệm luôn bị đánh thức vào lúc bắt đầu giai đoạn REM, và vì vậy bị cản trở trong chiêm bao, thì vào những ngày sau, họ sẽ kéo dài Giấc mơ tương ứng gấp 2, 3, 4 lần so với bình thường (bình thường thì mỗi đêm có 4 giai đoạn REM, toàn bộ khoảng 90 phút). Thời gian REM bị mất nhất thiết phải được bù. Cơ chế tâm lý học này được các trung khu của thân não điều khiển, và chỉ có thể ngắt đi được bằng hóa học. Vậy là mỗi đêm, người ta phải chiêm bao một thời gian nhất định. Các thí nghiệm với việc ngắt không cho chiêm bao phải được đình chỉ sau một vài ngày, bởi vì chúng sẽ dẫn tới tính dễ kích động, các rối loạn về năng lực tập trung và các ảo giác ngay trong trạng thái tỉnh. William Dement, người chỉ đạo những thí nghiệm ngắt chiêm bao đầu tiên, vào năm 1960 đã viết: “Nếu chúng ta thực hiện việc ngắt chiêm bao theo một thời gian đủ dài thì chúng ta phải tính tới một sự suy sụp nhân cách nghiêm trọng.”¹ Vậy là về mặt sinh học có tồn tại một cái gì đó như là một sự cần thiết sống còn là phải chiêm bao, một xung lực thôi thúc phải chiêm bao. Nhưng trên bình diện nghiên cứu giấc ngủ thì chỉ có thể phát biểu một cách hết sức chung chung, thậm chí khá là mơ hồ và rất giả định về chức năng của nó, chẳng hạn như là: Giấc mơ có vẻ như có một ý nghĩa đặc biệt cho trạng thái cân bằng về mặt tâm-sinh lý. Dẫu sao thì kể từ khi có những thí nghiệm với việc ngắt chiêm bao thì nhu cầu sinh học cho Giấc mơ là việc không phải bàn cãi gì nữa.

¹ W. Dement. *The effect of dream deprivation*, Science. Bd. [3] (1960). Nr. 3415, 10. Juni 1960. S. 1705-1707.

Người ta nhận ra ngay rằng không thể dung hòa giữa các nhận thức của Freud với các nhận thức của nghiên cứu giấc ngủ. Khi đó thì vấn đề lý luận khoa học cũng hết như khi phải xác định chức năng của ngôn ngữ trên bình diện các chia tách EEG và các thống kê từ ngữ. Tuy các kết quả là rất quý, nhưng tất cả các vấn đề gay cân về ngôn ngữ như sự phụ thuộc về xung đột của khả năng tượng trưng, hoặc câu hỏi về các cấu trúc ngữ pháp của tư duy, dĩ nhiên là nằm ngoài tầm với của sinh lý học.

Một kết quả quan trọng khác của các nghiên cứu giấc ngủ EEG và REM liên quan tới các bậc phát triển sinh học. Giấc ngủ REM bắt đầu ở các loài chim. Các loài động vật có vú có nó ở mức độ cao, và ở các con mới sinh thì nó rất dài so với các con già. Điều đó cũng đúng cho người. Trẻ mới sinh thậm chí có thời gian ngủ dị thường (paradox) cao hơn rất nhiều (đến 90%).

Đối với Freud thì tất cả các kết quả này dĩ nhiên là cực kỳ lý thú. Chúng ta chỉ có thể nêu lên những phỏng đoán rằng liệu ông đã liên hệ các sự kiện này ra sao với kinh nghiệm tâm lý học của ông thu được ở đâu kia của phổ liên tục, tức là ở cấp độ phức hợp nhất của tâm lý - của quan hệ con người và việc giáo dục bản thân mình. Mức độ quan trọng đặc biệt của giấc ngủ có chiêm bao, chức năng trị liệu của nó, mà qua sự nghiên cứu giấc ngủ không xác định chính xác hơn được, được chứng minh qua việc tước đoạt đi giấc mơ; và người ta có thể thấy một sự nhất trí ở điểm là việc Diễn giải Giấc mơ trong các luận giải Phân tâm học cũng đặc biệt quan trọng tương tự như ở sự tước đoạt Giấc mơ từ chức năng Giấc mơ. Điều đó sẽ được nghiên cứu bằng các phương pháp Phân tâm học. Tuy rằng chức năng trị liệu của chiêm bao cố gắng một cách vô ích ở những rối loạn tâm thần phân lập — nếu không thì đã không có chứng

loạn thần kinh chức năng và sự cần thiết phải điều trị nó – nhưng người ta có thể nhận biết nó ở khả năng tạo ra các giấc mơ “state of affair” (trạng thái giao thiệp), nó phản ánh trạng thái tâm lý nội tại¹. Cũng còn có hai hiện tượng nữa phù hợp tốt với Lý thuyết về Giấc mơ của Freud: sự suy nhược hoàn toàn của các cơ của bộ xương trong giấc ngủ – REM, cũng là thường xuyên trong các giai đoạn REM, sự hưng phấn theo ở bộ phận sinh dục của hai giới ngay từ khi sinh. Hiện tượng đầu cho phép trải nghiệm một cách kịch tính trong chiêm bao mà không cần hành động bằng thể xác theo Freud là điều kiện ban đầu cho sự giảm bớt áp lực của Cái Siêu Tôi, và qua đó là cho tiếp xúc hồi tưởng đối với cái bị dồn nén: hiện tượng sau ứng với sự thống trị của nguyên tắc khoái cảm ở Cái Nó và ở các suy tưởng chiêm bao bị chèn ép.

Nhưng vị trí trung tâm của cái bị dồn nén, tức là của cái bị chấn động tâm thần, mà cho tới nay chưa được xử lý và/hay các ước muốn bản năng được gia tăng để dẫn tới những trải nghiệm chấn động tâm thần, có vẻ như đã bị nghi vấn đối với lý thuyết chức năng Giấc mơ, thông qua giấc ngủ REM của các loài động vật có vú, ít nhất cũng là qua giấc ngủ REM của các con mới sinh (50% giấc ngủ!). Chúng ta sẽ có thể thử giải quyết vấn đề như sau: Tất cả những tri thức thu được nhờ Phân tâm học, khi liên hệ với các nguyên lý giáo dục khác, đều tán đồng với một cách tổ chức có tính lịch sử cho Cái Tâm lý. Không nhất thiết phải cho rằng cách tổ chức lịch sử Cái Tâm lý này chỉ giới hạn ở thời gian sống của cá nhân. Chính bản thân Freud, thông qua các hiện tượng như sự thống trị kỳ quái

¹ Nhà Phân tâm học Scotland William Ronald Dodds Fairbairn quan niệm rằng, tất cả các Giấc mơ đều thể hiện trạng thái hiện tại nội tâm lý mà ở đó thì tất cả các yếu tố của Giấc mơ đều phải được hiểu là những giác độ của bản thân được quy về đối tượng. Trong: *Psychoanalytic Studies of the Personality*. Routledge & Kegan. London 1952.

của nỗi lo âu bị thiếu, điều cấm kỵ về loạn luân, cảm giác tội lỗi văn hóa của nhân loại và ngoài ra là qua hiện tượng các biểu tượng ngôn ngữ, các biểu tượng Giấc mơ mà đều được chiêm bao như ở nhiều nền văn hóa mà ý nghĩa từ ngữ của chúng đôi khi được nhận biết trực tiếp ở một trong số các ngôn ngữ hiện đang được dùng¹, cũng đã tin chắc rằng các *Cái Tâm lý*, tượng trưng cho lịch sử cuộc sống cũng như thể tạng, rằng vậy là cả tiền sử chấn động tâm thần của loài người (như lịch sử của sự phát triển trước đó) được lưu giữ về mặt tâm lý bằng một cái cách nào đó trong *Cái Vô thức*, và từ ở chính chỗ đó, nó thậm chí tác động liên tục và đôi khi thậm chí rất mãnh liệt. Cái được di truyền lại nhờ ở phát sinh loài, chấn động tâm thần, “Cái bị dồn nén” đang tồn tại ở những sự tưởng tượng vô thức có lẽ là chất liệu cho tất cả mọi chiêm bao, có lẽ là cái phải được xử lý, trước khi các số phận tác nhân bổ sung chất liệu phát sinh cá thể một cách đều đều vào cho *Cái được di truyền*. Các quan niệm lịch sử – tâm lý học của Freud mà như ông đã trình bày đặc biệt về chúng trong các công trình lý luận văn hóa của ông, thực sự là cũng đi theo hướng của cách diễn giải như vậy.²

¹ Trong tiếng Bồ thì Mộc là Madeira - Hòn đảo có cái tên đó vì nó được phủ bởi nhiều rừng, có gốc là materia, gỗ, chất liệu gốc, mà từ này thì lại có gốc từ mater (Xem S.Freud, *Die Traumdeutung*, s.360, auch in den *Vorlesungen zur Einführung in die Psychoanalyse*, in: S. Freud, *Gesammelte Werke*, Bd. 11. Imago Publishing Co., London 1940. s.161f.)

² Những giả thuyết di truyền học của Freud về sự phát triển của văn hóa được trình bày rõ ràng nhất ở hai tác phẩm tâm lý học tôn giáo *Totem und Tabu* (1912/13; in: S. Freud, *Gesammelte Werke*, Bd. 9. Imago Publishing Co., London 1940) và *Der Mann Moses und die monotheistische Religion* (1939[1934-38]; in: ders., *Gesammelte Werke*, Bd.16, Imago Publishing Co., London 1940. s.103-246). “Những trải nghiệm của Cái Tôi lúc đầu có vẻ như bị mất mà không được di truyền. Nhưng nếu chúng được lặp lại thường xuyên và đủ mạnh ở nhiều cá nhân tiếp nhau theo các thế hệ, thì chúng, có thể nói như vậy, chuyển thành những trải nghiệm của Cái Nó mà các ấn tượng của nó sẽ được gìn giữ qua di truyền.” (S. Freud, *Das Ich und das Es*, in: ders., *Gesammelte Werke*, Bd. 13. Imago Publishing Co., London 1940. s.267). Xem thêm: S.Freud: Übersicht der Übertragungsneurosen, ein bisher unbekanntes Manuskript, S.Fischer, Frankfurt am Main 1985, cũng đối chiếu “Zur Gewinnung des Feuers” (1932; in: S.Freud, *Gesammelte Werke*, Bd. 16. s.3-9).

Sự hình thành biểu tượng

Chúng ta sẽ đi vào một thế giới hoàn toàn khác của giấc mơ, nếu như chúng ta hướng vào các giấc mơ được tưởng tượng ra trong văn hóa dân gian, và chúng ta hãy để cho cách diễn giải của Freud về các câu chuyện thô kệch này mê hoặc mình. Đó là thế giới của các biểu tượng. Chất liệu về nội dung cho các mẩu chuyện chiêm bao bằng văn hóa dân gian xoay quanh việc ca tụng các cơ quan sinh dục, quanh việc giấu cợt và sự đau khổ của bệnh liệt dương, quanh dương lực thay thế và thôi loạn dâm gây đau của việc đại tiện, quanh những khoảng không quý giá vùng hậu môn và quanh những cái cách đầu tiên và thô lỗ nhất được chọn để nhằm giải quyết vấn đề là những ước vọng mong chết.

Tất cả các nội dung này đã được diễn đạt chính xác bằng biểu tượng trong các sáng tác tập thể nhờ giấc mộng; nghĩa là việc các thính giả hiểu được các biểu tượng được coi là điều kiện ban đầu bắt buộc phải có là hoàn toàn phù hợp với điều mà Phân tâm học đã giả định. Vào năm 1911, khi Freud diễn giải các giấc mộng tập thể này thì người ta còn rất vui mừng về những sự trợ giúp như vậy, và tìm các minh chứng trong thơ ca, trong thần thoại học, trong truyện cổ tích hay trong văn hóa dân gian. Một trong số các công trình bay bổng và trí tuệ nhất của Freud là: *Áo tưởng và các giấc mơ trong 'Gradiva' của W. Jensen*, nghiên cứu theo các giấc mơ mà nhà thơ sáng tác ra theo tất cả các quy tắc của nghệ thuật, điều đã làm cho một nhà phê bình nhiệt thành trong bản nhận xét của ông trên tờ *Thời báo* của thành Wien ngày 19.5.1907 phải viết rằng, trực giác của Jensen đã tạo ra được một minh chứng thuyết phục cho sự đúng đắn của Lý thuyết về Giấc mơ của Freud. Thực vậy, trong công trình này của Freud, với một sự thích thú đặc biệt, chúng ta có thể làm quen với các yếu tố của việc Diễn giải Giấc mơ.

Nhưng chúng ta hãy trở lại với sự tượng trưng. Chẳng có ở một thế kỷ nào mà người ta lại suy ngẫm một cách căng thẳng hơn là ở thế kỷ này về khả năng tượng trưng hóa của con người, và các đóng góp của Phân tâm học đã mở ra nhiều con đường rộng mở cho lĩnh vực này. Chúng được bắt đầu bằng cuốn *Diễn giải Giấc mơ* của Freud và hiện nay đang tiếp tục ở việc nghiên cứu về bệnh học của khả năng tượng trưng hóa. Khả năng này hình thành trong những tháng đầu đời con người và có một ý nghĩa quyết định tới sức khỏe tâm linh con người. Chính các kết quả nghiên cứu về Phân tâm học và về những rối loạn tư duy của bệnh loạn thần kinh ở những thập niên qua đã cung cấp những tri thức cơ bản để đi tới một lý thuyết về tư duy mà ở đây, các khảo cứu về bệnh học của quá trình chiêm bao đóng một vai trò chính yếu¹. Ngay vào năm 1901, Freud đã viết về vấn đề đó như sau: “Hệ ký hiệu cho Giấc mơ đã vượt khỏi phạm vi Giấc mơ, nó không còn là chỉ riêng của Giấc mơ nữa, mà y như vậy, nó cũng ngự trị ở cách mô tả trong truyện cổ tích, truyện thần thoại và truyền thuyết, trong các câu chuyện khôi hài và trong văn hóa dân gian. Chúng cho phép chúng ta theo dõi các mối quan hệ bên trong của Giấc mơ đối với các sản phẩm này; nhưng chúng ta phải luôn tự nhủ rằng, chúng không hề được tạo ra bởi các công mơ mà có một nét đặc thù riêng – có lẽ là của tư duy vô thức của chúng ta, thứ tư duy đã cung cấp chất liệu cho công mơ để tô đậm, dịch chuyển và bi kịch hóa.”²

Trong các giấc mơ văn hóa dân gian thì cái cách mà Sigmund Freud dùng kiến thức của ông về sự tượng trưng trong giấc mơ

¹ Wilfried R. Bion. *Learning from Experience*. Basic Books. New York / Heinemann. London 1962 (2. Aufl. London 1988). - Donald Meitzer, Traumleben. *Verlag Internationale Psychoanalyse*, München-Wien 1988. Hanna Segal, ‘Notes on Symbol formation’! 1957), in: The Works of Hanna Segal. Kamaç, London 1986. S.49-68. Dies., *The function of Dreams* (1981), in: *ibid.*, S.89-100.

² Về giấc mơ, Chương XII, xem ở dưới.

không chỉ cho thấy ông là bậc thầy trong cách diễn tấu và cách dùng các phương tiện diễn đạt — mà khi đọc chúng, người ta cũng sẽ có một ấn tượng về sự sáng suốt ở cách nhìn có vẻ như quá ư dễ dàng của ông đối với một đề tài dường như đơn giản, nhưng thực ra lại hết sức lờm khờ; còn gây ấn tượng hơn nữa là việc ông diễn giải các mẫu chuyện này sẽ thu phục được người đọc đến mức nào với sự thích thú thật sự, và sự đồng cảm. Dù cho từ từ vụng, chúng ta sẽ nhận biết ra ngay được các cách đánh giá của thế kỷ trước về mỹ học và về xã hội, hay đúng hơn là chính vì khi chúng ta phải lưu ý tới chúng, thì toàn bộ công trình này mà đặc biệt là nội dung của hai câu cuối đã cho ta thấy một Freud không giống với một Freud mà ta đã biết: “[...] rằng ta sẽ đối xử bất công đối với nhân dân, nếu ta cho rằng họ dùng thể loại giải trí này chỉ nhằm vào việc thỏa mãn những ước muốn thô thiển nhất. Thực ra thì ta phải thấy rằng đằng sau những mặt tiền xấu xí này đã giấu những phản ứng tâm lý đối với những ấn tượng phải được xem xét nghiêm chỉnh, thậm chí mang đầy vẻ u buồn về cuộc đời, mà người dân bình thường say mê mà vẫn không hề phải mất đi một sự hứng thú thô kệch.” Những ấn tượng mang đầy vẻ u buồn về cuộc đời.

“Những Giấc mơ từ trên”

Người ta lẽ ra đã phải nỗ lực rất nhiều để thông hiểu được những giấc mơ quan trọng của các nhân vật vĩ đại của nhân loại, những gì mà Leibniz hay Lão Tử đã chiêm bao. Còn quan trọng hơn, hay quan trọng theo một khía cạnh khác là phải thấu hiểu những giấc mơ của các bạo chúa của nhân loại. Tuy các giấc mơ đều đã bị sai lệch rồi, nhưng sau khi chúng được diễn giải, chúng vẫn bóc trần được trạng thái tâm lý của người chiêm bao. Vậy là chúng ta cũng có một Giấc mơ của René Descartes, triết gia hết sức có uy

tin thời nay¹. Vào năm 1957, trong bài giảng kỷ niệm sinh nhật Sigmund Freud của mình, Bertram Lewin đã trình bày hết sức tỉ mỉ tác phẩm bộ ba về các Giấc mơ của Descartes mà Freud đã diễn giải một cách rất dè dặt trong bức thư ông gửi Maxim Leroy. Descartes khi đó mới 22 tuổi. Ông lên giường ngủ ở trạng thái hưng phấn, hoàn toàn hào hứng bởi ý nghĩ rằng ông đã tìm ra được các cơ sở cho một ngành khoa học tuyệt vời. Với Descartes, tác phẩm bộ ba về các giấc mơ có nghĩa là một nhận thức bất ngờ và được Lewin diễn giải là trải nghiệm mang bệnh động kinh trong mơ cũng như là nơi khởi phát ý tưởng cơ bản của Thuyết Descartes. Ngay cả Eric H. Ericson cũng quy về Giấc mơ này và dùng nó làm minh chứng rằng khi hình thành Giấc mơ thì không chỉ có một “*censor*” (người kiểm tra giấc mơ theo Freud) gây ảnh hưởng, mà còn có cả một “*sponsor*” - người bảo đảm ảnh hưởng tới nó, người khách quan này không chỉ công nhận cho những ý định và kỳ vọng cho người mơ, mà còn “thừa nhận” và óc nghĩ là “trách phạt” cho chúng với tư cách là “Cái Siêu Tôi” đáng yêu. Ông thấy tác phẩm bộ ba về các giấc mơ y như một cái gì đó giống như một nghi thức khởi mào cá nhân “cho phép nhà tư tưởng trẻ tiếp nhận một chỗ đứng của mình trong lịch sử tư duy”². Theo quan niệm của Freud thì ba giấc mơ của triết gia này thuộc vào thể loại những *Giấc mơ từ trên* - ở đây phải hiểu trên theo cái nghĩa là - gần với ý thức, “nghĩa là chúng phải được xếp vào hàng những tư duy mà về mặt nguồn gốc của chúng thì chúng cũng có thể thuộc về trạng thái thức hay trạng thái ngủ, và chúng chỉ nhận lấy một sự khuếch đại từ các lớp sâu hơn của cuộc sống tâm linh đối với những phân nhất định. Trong những trường hợp như thế này thì nội dung giấc

¹ B. Lewin. *Dream and the Uses of Regression*. International Universities Press, New York 1958.

² E.H. Erikson, *Einsicht und Verantwortung*. Klett. Stuttgart 1966. s.181.

mộng thường là trừu tượng, mang tính thơ ca, hay có tính tượng trưng. Việc phân tích những giấc mộng như thế này thường cho kết quả như nhau: Chúng ta không hiểu được giấc mơ, nhưng người chiêm bao (hay bệnh nhân) hiểu nó và dịch được nó mà không có khó khăn gì, chừng nào mà nội dung Giấc mơ tương tự với tư duy có ý thức khi thức của người đó.”

Các cách diễn đạt này của Freud về “Các giấc mơ từ trên” phù hợp với các kết quả sau này của nghiên cứu thực nghiệm về giấc ngủ. Quan niệm trước đây rằng các quá trình tâm lý trong giấc ngủ bị giới hạn ở giấc ngủ REM phải được xét lại. Vì trái lại, người ta đã chứng minh được rằng trong toàn bộ thời gian ngủ thì có nhiều quá trình tâm lý khác nhau xảy ra. Các báo cáo trải nghiệm từ các giai đoạn - không phải - REM rõ ràng khác biệt với các giấc mơ - giấc ngủ - REM và trước hết mô tả các suy nghĩ và những sở thích và kỳ vọng cấp bách của hiện tại mà chúng không, hay còn chưa, hay chỉ phục tùng các quá trình sơ cấp thoái triển (régressif) ở một chừng mực không đáng kể. Chúng tương ứng với những suy nghĩ tiềm ẩn của Freud về giấc mộng mà phải được tính cho “phần dư của ban ngày”, trước khi mỗi tiếp xúc với cái bị dồn nén được thiết lập và tạo được ưu tiên cho mình. Một ví dụ đặc trưng từ một loạt các báo cáo của các giai đoạn - không phải - REM là: “Lần này thì tôi không nhớ tới một Giấc mơ, mà tôi phải gọi đó là một suy nghĩ. Giữa các suy nghĩ này không có một mối liên hệ rõ rệt. Đó chỉ là những việc khác nhau mà tôi muốn làm. Chẳng hạn vấn đề xoay quanh điểm là tôi muốn có một cái thuyền buồm, là tôi muốn quan tâm tới những lĩnh vực khác nhau về mặt sở thích, đặc biệt là hóa học... sau đó tôi lại quay về với môn bơi thuyền buồm. Sau đó tôi lại nghĩ tới trường, tới việc quay trở lại

đi học. Đó là tất cả những việc hoặc là có rất nhiều ý nghĩa đối với tôi, hoặc là có một mối liên hệ đến một tương lai gần.”¹

Về cơ bản thì công trình của Freud về “Giấc mơ và thần giao cách cảm” cũng thuộc vào một mối liên quan với lý thuyết về giấc mơ. Các hiện tượng thần giao cách cảm, nếu như chúng tồn tại và xuất hiện trong những Giấc mộng, sẽ thuộc về những phần dư của ban ngày, chúng chẳng có liên quan gì tới công mơ đích thực (tô đậm, chuyển dịch, tượng trưng hóa...). Chính bản thân giấc mơ không bao giờ lại là một hiện tượng thần giao cách cảm, và nếu nói một cách chặt chẽ thì những tin tức thần giao cách cảm trong Giấc mơ cũng không thể quy được cho những phần dư của ban ngày, là *chính bản thân* các nỗ lực tư duy chưa kết thúc của ngày hôm trước, và cũng không thể tính cho những sự kích thích cảm giác đang quấy rối giấc ngủ. Với tư cách là những ý tưởng từ ngoài tới, chúng chỉ *tương ứng* với những suy nghĩ trong giấc mộng không được công việc trong giấc mộng bao trùm.

Thái độ của Freud đối với việc công nhận các hiện tượng thần giao cách cảm là tích cực, dù cho với kinh nghiệm trị liệu lâu năm của chính ông thì các báo cáo được chuyển tới ông rất khó có thể diễn giải được bằng những thuyết máy phát - máy thu vật lý học mà chúng ta đã biết, cũng như bằng các thuyết đã được trình bày trong các tài liệu nghiên cứu khác.² Phỏng đoán của ông đi theo hướng

¹ A. Rechtschaffen, P. Verdone & J. Wheaton. V. *Reports of mental activity during sleep*. *Canadian psychiatric Association Journal*, Bd. 8 (1963), s.409-414, đoạn trích s.411; trích từ: Inge Strauch. *Methoden. Ergebnisse und Probleme der modernen experimentellen Traumforschung*, ở: J. V. Gravenitz (Hrsg.), *Bedeutung und Deutung des Traumes in der Psychotherapie*. 2. Aufl. 1990. a. a. O., S.331-372. đoạn trích s.352f.

² Nhà Vật lý Thiên văn Stanislaw Lem, ở một trong các cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của ông (*Mây đen*) đã hết sức khô khan nêu nguyên nhân cho việc đó là: các thông tin thần giao cách cảm phải được truyền với vận tốc ánh sáng y như truyền thanh và truyền hình. Tất cả các đài phát đều hoạt động nhờ dòng điện xoay chiều. Nhưng não bộ của con người chúng ta lại hoạt động nhờ dòng điện một chiều.

rằng phương pháp thông tin của sự truyền đạt Tâm lý trực tiếp là loại hình thông tin cổ về mặt sinh học mà nó đã bị đẩy lùi trong lịch sử cuộc sống bởi một phương pháp có ưu thế hơn là tiếp nhận sự trợ giúp của các hệ thống ký hiệu - các hệ thống ký hiệu mà các ký hiệu của chúng được thu nhận bằng các giác quan.¹ Thể loại cổ này sẽ vẫn lác đác tồn tại ở loài vật và loài người chỉ ở những phần còn lại.

Hiện nay thì cuộc thảo luận về những vấn đề này, là những vấn đề đã được bàn cãi hết sức gay gắt vào những năm 20 của thế kỷ này, đã hoàn toàn nguội lạnh trong ngành Phân tâm học. Nhưng ngay ở đây thì vấn đề lại đã xuất hiện trở lại trong mối liên quan tới thuyết thông tin Phân tâm học là thuyết được xây dựng qua kinh nghiệm lâm sàng với những nhận biết qua phóng chiếu. Tuy là trong các nhận biết qua phóng chiếu thì vấn đề vẫn đang còn xoay quanh một quá trình nội tâm lý, nhưng sau đó cũng là một quá trình liên nhân cách xảy ra với một sức mãnh liệt ghê gớm mà không bằng truyền khẩu, mà ở quá trình đó thì toàn bộ các lĩnh vực của nhân cách ở cá nhân kia sẽ trở nên sống động và phương tiện truyền tải của quá trình đó vào lúc này còn hoàn toàn chưa biết. Thể loại thông tin này là đặc trưng cho trẻ sơ sinh và cũng còn được thấy thường xuyên ở những hoàn cảnh trị liệu thoái triển và ở những rối loạn tâm lý nặng. Với nghiên cứu về những nhận biết qua phóng chiếu và nội nhập thì nghiên cứu Phân tâm học có một lĩnh vực thực nghiệm mà ở đó hoàn toàn chỉ nhờ phương pháp phân tích để tìm ra lời diễn giải cho một số trong những biến thể của các thể loại thông tin phần nào là ngoài cảm giác mà chúng là đặc trưng cho loài người và liên quan tới tính phụ thuộc vào xã hội của sự hiểu. Nhưng có thể nói một cách chắc chắn rằng các nhà Phân tâm học sẽ không

¹ Freud đã nhiều lần phát biểu về mối quan hệ giữa Phân tâm học và khoa huyền bí. Giả thiết nêu ở đây là rút ra từ bài giảng thứ XXX của *Neue Folge der Vorlesungen zur Einführung in der Psychoanalyse*, ở: *Gesammelte Werke*. Bd. 15. a. a. O., đặc biệt s.58-61.

đóng góp gì cho việc phát minh ra năng lượng vật lý được ứng dụng vào những “quá trình phát” như vậy. Chúng ta có thể nhận biết lại cái thành phần nội tâm lý của phương pháp phóng chiếu này ở sự phân chia các cá thể chiêm bao ở một giấc mộng, mà về cơ bản thì tất cả chúng đều đại diện cho cá nhân người chiêm bao.

Sự làm sai lệch giấc mơ

Bây giờ chúng ta hãy để tâm tới một bài khác và là bài cuối trong số các tác phẩm được tuyển chọn trong tuyển tập các công trình này: “Tiếp xúc của tôi với Josef Popper-Lynkeus.” Bài này thảo luận về sự làm sai lệch giấc mơ là vấn đề từ lâu nay đã luôn trở thành vấn đề hóc búa nhất để thấu hiểu giấc mộng. Ngay từ năm 1923, tác phẩm ngắn gọn này đã có một bài giới thiệu trước, chỉ dài có 2,5 trang (“Josef Popper-Lynkeus và Lý thuyết giấc mơ”) và vì nó là bản sao thu nhỏ của bài sau nên chúng tôi không đưa nó vào tuyển tập này. Đồng thời với nó đã thực hiện được bước khởi đầu, bởi vì trong bài đó thì Freud, lúc đó đã 65 tuổi, đã tiết lộ cho chúng ta một trong số những bài tự đánh giá mình mà ông rất hiếm khi viết, và bài đó đã trả lời cho một câu hỏi đang còn để ngỏ về lịch sử khoa học. Câu hỏi này là: “Cái gì đã tạo cho Freud khả năng giải được bài toán đố về giấc mơ là bài toán mà theo như cái chừng mức chúng ta có thể nhớ lại được, thì luôn luôn là đóng kín đối với nhân loại?” Câu hỏi này liên quan tới phát minh có lẽ là quan trọng nhất của Freud vì nó cho ta lời diễn giải cho phương thức hoạt động của tư duy vô thức là cái chịu trách nhiệm về tính khó hiểu của giấc mơ (sự làm sai lệch giấc mơ) và việc phát minh ra nó đồng thời cung cấp cho ta cái chìa khóa để đi tới nhận thức về Giác mộng cũng như tới phép trị liệu tâm lý cho các chứng loạn thần kinh chức năng. Câu trả lời kỳ lạ của Freud là: “Tôi ngờ rằng, điều đã tạo điều kiện cho tôi để tìm ra nguyên

nhân của sự làm sai lệch giấc mơ, đó chính là tinh thần dũng cảm mang tính đạo đức của tôi.”¹

Còn nói chung thì Freud đặc biệt khiêm tốn, một khi ông phải tự phán xét mình. Dù cho câu này chẳng có cái vẻ đó, thì tốt nhất là ta vẫn phải coi lời phát ngôn này của Freud như là kết quả khách quan của sự ngẫm nghĩ của ông về câu hỏi vừa được nêu và chắc chắn cũng đã khiến chính ông phải suy nghĩ nhiều về mặt lịch sử khoa học.

“Tinh thần dũng cảm mang tính đạo đức” liên quan tới cái gì? Các giấc mơ không bao giờ là chất phác, chúng luôn luôn xuất phát từ một “sức tưởng tượng - ước vọng trung thực, nhưng tàn bạo” ở thời thơ ấu, mà nó được thực hiện một cách đầy kịch tính trong giấc mơ, thông qua tô đậm và dịch chuyển, sự tương trưng về mặt hình ảnh và dàn dựng để làm sao cho hoàn toàn không thể nhận ra được nữa. Nếu như một ngoại lệ, Giấc mơ thể hiện khá là không bị sai lệch với vấn đề mà trên thực tế đang đề cập tới, thì thường ra sẽ xuất hiện sự hải hùng ghê gớm, và Giấc mơ bị ngắt. Người chiêm bao tỉnh dậy.

Lời tuyên bố của Freud về tinh thần dũng cảm của ông nhắc chúng ta nhớ đến việc tự phân tích của ông mà từ năm 1897, dựa trên các giấc mơ của chính mình, ông đã thực hiện một cách có hệ thống. Những điều tự ông nhận thức được về mình mà khi đó ông đã thu thập được, làm cho chính bản thân ông bị chấn động đến tột cùng. Sau này thì những điều đó làm chấn động toàn bộ nền văn hóa phương Tây. Chúng đã mở rộng bức tranh của chúng ta ra thêm được cả toàn bộ khuôn viên của cái vô thức, những niềm đam mê vô thức và các quá trình tư duy vô thức. Ở tâm điểm là sự phát sinh ra những niềm đam mê thời thơ ấu mà sau này được chúng ta biết tới là mặc cảm Oedipus mà Freud đã phải

¹ Sự tiếp xúc của tôi với Josef Popper-Lynkeus.

luận suy từ các Giác mơ của mình (cũng như các Giác mơ của các bệnh nhân của ông). Tình huống phát triển mang tính số mệnh này của mỗi đứa trẻ xét tới những ước vọng đặc biệt, ngoan cố nhất về tình yêu, tới sự ghen lòng, tính tỵ nạnh, căm thù tới mức muốn giết người và những sự sợ hãi trả thù ghê gớm, và nổi dậy vô đang mang nặng tội lỗi. Rõ ràng là cần tới sự dũng cảm vô biên để chịu đựng được nỗi sợ hãi cái siêu tôi mà việc làm sai lệch Giác mơ được điều khiển từ đó, và chấp nhận cũng như thừa nhận cái thực tế nội tại của chính mình nào đó đã bộc lộ rõ rệt ra ở các giấc mơ; và không như điều đã xảy ra từ hàng ngàn năm nay là phủ nhận nó hay không hề nghĩ tới tính hiệu lực chung của nó.

Josef Popper là người duy nhất độc lập với Freud mà cũng đã đi được tới nguyên nhân của sự làm sai lệch giấc mơ, mà theo như sự cân nhắc của Freud thì nó thực sự thể hiện “vấn đề sâu sắc nhất và cũng phức tạp nhất của cuộc sống chiêm bao.” Popper là kỹ sư, bạn thân của Ernst Mach và Albert Einstein, tác giả của nhiều tác phẩm triết học, xã hội học và giàu tính nhân văn và cải cách xã hội. Freud chưa bao giờ tiếp cận cá nhân ông này, nhưng nhờ đọc các sách của ông mà đã đánh giá ông hết sức cao. Trong một cuốn truyện ngắn “Mơ mà như tỉnh” Popper đã giới thiệu về một người có tính cách kỳ quặc là không bao giờ chiêm bao điều gì vô lý, và đã kết hợp được tính cách này với sự rõ ràng của bản tính mình, lòng tốt của mình, tính trọng sự thật và công bằng làm một. Các giấc mơ của ông là dễ hiểu, bởi vì cuộc sống của ông không chứa các xung đột về đạo đức và thẩm mỹ. Vậy là Freud đã tìm ra được rằng, đặc trưng này đúng ra là mô tả chính bản thân Popper, và chính những nét đặc thù là cái mà đã tạo khả năng cho ông nhìn thấu sự làm sai lệch giấc mơ với tư chất của chính nó: một sự thỏa hiệp tâm linh của người chiêm bao, kết quả của một sự thiếu trung thực mang tính cấu trúc của mâu thuẫn đã được nội tâm hóa giữa xã hội (cha mẹ) và đứa trẻ, giữa tư

duy và cảm xúc, giữa một sự kiểm duyệt ở nội tâm và cái bị dồn nén hoặc nói cái cách như khi đó Freud hay dùng, là giữa cái ý thức với cái vô thức (cái bị dồn nén). Giấc mơ che giấu “cái ác” bị dồn nén của chính bản thân người chiêm bao mà anh ta đồng thời bộc lộ ra và làm sai lệch đi để không ai nhận ra nó nữa, sao cho người chiêm bao không - bị khiếp sợ bởi chính mình - sẽ hãi hùng, cảm thấy khó ở tới mức không thể chịu được hay trở nên điên khùng. Freud nhận thức cho Popper rằng tính trọn vẹn của ông này làm cho người ta có thể nhận ra rằng ông đã thực hiện sự làm sai lệch giấc mơ bởi tình thần sợ hãi. Người nào không cần tới sự kiểm duyệt như chẳng hạn Popper thì những Giấc mơ của người đó sẽ là một ngôn ngữ hình ảnh không bị làm sai lệch. “Và nếu khi khoa học nói với chúng ta rằng một con người hoàn toàn chẳng hề có sự Độc ác và Giả mạo và hoàn toàn không có một sự dồn nén nào như vậy, là hoàn toàn không có hoặc không thể tồn tại được, thì như vậy chúng ta có thể đoán nhận rằng, ở chừng mực mà một sự tiếm cận tới trạng thái lý tưởng này là có thể, thì điều này đã tìm ra được sự hiện thực hóa của nó ở chính ngay bản thân Popper.” Rất hiếm khi thấy Freud nâng một người được ông tôn trọng lên cao tới mức đó.

Có lẽ chúng ta nên dừng lại một chút ở vấn đề lòng dũng cảm để hồi tưởng lại hoàn cảnh của cái người mà người đó có số phận và những sự dồn nén của mình, đang cố gắng hiểu những giấc mơ của chính mình. Nếu anh ta tuân thủ lời thỉnh cầu của Freud là, với mỗi chi tiết của Giấc mơ thì hãy để những ý nghĩ của mình ngao du mà không bị kiểm duyệt, và ứng xử một cách không có định kiến và lâu tới mức có thể mà không hề dùng tới các vũ khí của sự thuyết phục cho tới khi đó đã dùng, cũng như sự bám chặt vào nguyên trạng, thì trước mắt anh ta sẽ mở ra những mối liên hệ mà chúng sẽ gây chấn động cho sự tự nhận thức của anh ta. Sớm hay muộn thì anh ta cũng

sẽ nhận ra rằng bất cứ ai cũng đều sẽ gặp khó khăn nếu anh ta đơn độc lần mò tìm theo dấu vết, và mặt khác thì sự gắn bó sẽ được duy trì bởi những ràng buộc trong tư duy, những bức tường khái niệm và những rào chắn co dãn và do nỗi hãi hùng ghê gớm mà bình thường ai cũng phải có, đó là nỗi sợ hãi trước những thay đổi mang tính đột biến cho cấu trúc của chính mình. Anh ta sẽ nhận ra rằng việc diễn giải sẽ kéo theo những thay đổi như vậy và sau đó trước hết nó cũng là một công việc thuộc phạm trù tinh thần - đạo đức, tức là việc phải nhận lấy trách nhiệm đối với những phần của chính bản thân mình mà chúng đã được sự Diễn giải Giấc mơ lột trần ra. Việc muốn nhận cái trách nhiệm này đã được Freud gọi là tinh thần dũng cảm mang tính đạo đức. Tinh thần dũng cảm bao gồm cả sự sẵn sàng chấp nhận nỗi lo sợ trở lại của điều bị dồn nén và những thay đổi về sự tự đánh giá chính mình. Khi Freud cho rằng chỉ nhờ tinh thần dũng cảm của chính ông thì ông mới có được lời giải cho sự làm sai lệch giấc mơ, thì ông đã coi thái độ này là có vị trí chính yếu để tự nhận thức. Tinh thần dũng cảm đồng nghĩa với sự độ lượng đối với những nội dung không ý thức được và khả năng phỏng đoán những nội dung đó.

Lòng dũng cảm¹ hay thậm chí cả tinh thần dũng cảm (mang tính đạo đức), không trở thành một khái niệm Phân tâm học. Thay vào đó, người ta nói một cách khô khan và hơi vụng về về sự độ lượng đối với nỗi sợ hãi. Như vậy là người ta làm mất đi ý nghĩa tích cực chứa trong khái niệm lòng dũng cảm, chính là thái độ tích cực dù có lo sợ, và dũng cảm lao vào nguy hiểm. Tuy nhiên thì trong Phân tâm học, toàn bộ vấn đề liên quan tới và được tổng hợp lại trong

¹ Bản thể học về lòng dũng cảm mà Paul Tillich trong cuốn *Der Mut zum Sein* (Steingrüben, Stuttgart, 1953) đã trình bày theo lịch sử triết học, và ông đã nghiên cứu các thể loại cơ bản của chúng ở Platon, Thomas von Aquin, những người theo chủ nghĩa khắc kỷ, Spinoza và Nietzsche sẽ cho ta cái khung để nghiên cứu lòng dũng cảm theo Phân tâm học đối với sự sợ hãi trước cái chưa biết về mặt tâm lý. Đặc biệt là những nhận xét của Tillich về Spinoza là rất đáng chú ý trong mối liên quan này.

khái niệm “sự độ lượng đối với nỗi sợ hãi” lại là tâm điểm, và nó được coi là thước đo cho năng suất trị liệu của cả nhà Phân tâm học cũng như bệnh nhân.

Yếu tố khác hàm chứa trong khái niệm “tinh thần dũng cảm (mang tính đạo đức)” là sự sẵn sàng nhận trách nhiệm về các mặt nhân tâm một cách ái kỷ và có tính phá hoại của nhân cách bản thân, tức là sự độ lượng đối với tội lỗi, sẽ sống lại hai mươi năm sau trong lịch sử Phân tâm học dưới một khái niệm hoàn toàn khác, đó là “tình cảnh trầm uất” (Melanie Klein)¹. Sự độ lượng đối với nỗi sợ hãi và sống trong tình cảnh trầm uất mang hàm quý tộc trong sự đánh giá độ chín của con người, lại hoàn toàn có xu hướng - riêng cho khái niệm Phân tâm học - nói giảm bớt đi. Những người đồng thời đại với Freud không còn cách nào khác là phải quy chúng cho ông, và chính ông, như mọi người đều thấy, phải tôn trọng sự thật này.

Trong bài: “Một vài điểm bổ sung cho toàn bộ vấn đề Diễn giải Giấc mơ” (1925), Freud kiên quyết đi tìm lời giải cho câu hỏi rằng chúng ta có phải nhận trách nhiệm về nội dung các giấc mơ của mình hay không, và trả lời sau một hồi nỗ lực làm cho sáng tỏ rằng: một cách hợp lý nhất thì chúng ta chỉ có thể quy vấn đề này về những ý nghĩ tiềm ẩn trong giấc mơ: “Dĩ nhiên là người ta phải giữ thái độ có trách nhiệm với những cảm xúc độc ác trong chiêm bao của mình. Nếu không thì người ta phải làm gì với chúng? Nếu nội dung giấc mơ - được hiểu đúng - không phải là ý nghĩ nảy sinh bất chợt của những thần linh xa lạ, thì nó vẫn là một phần bản thể của mình.”

¹ Xem H. Segal, *Melanie Klein. Eine Einführung in ihr Werk*. Kindler Verlag (Kindler Taschenbuch). München 1974. s. 164: “*Depressive Position - Tình trạng trầm uất*”... sẽ xảy ra khi đứa trẻ nhận biết người mẹ với tư cách là toàn bộ đối tượng. Vấn đề là ở vị trí của các quan hệ với đối tượng và các cảm giác sợ hãi, được đặc trưng bởi việc là đứa trẻ biết về các cuộc tấn công của nó chống lại người mẹ được yêu quý một cách đa nghĩa, và bị mất người mẹ với tư cách là một đối tượng ngoại và nội. Kinh nghiệm này sẽ gây ra cảm giác đau đớn, tội lỗi và mất mát.”

Phần tiếp theo cho những điều ông trình bày về vấn đề này đặc biệt đặc trưng cho ông cũng như cho cuộc thảo luận vào những năm hai mươi của thế kỷ này: “Với bệnh ái kỷ thuộc đạo đức học của con người thì phải thấy là đủ nếu trên thực tế của sự làm sai lệch giấc mơ, trong các giấc mơ chứa sợ hãi và các Giấc mơ chứa sự trừng phạt, nó nhận được sự minh chứng cho sự tồn tại và sức mạnh của bản chất độc ác của nó. Ai mà không bằng lòng với điều đó, muốn “tốt hơn” như mình đã được tạo hóa sinh ra, hãy thử làm cái việc là trong đời, liệu hẳn có thể vươn xa hơn là đến sự giả nhân giả nghĩa hay đến sự ức chế hay không.”

**LINH CẢM TRONG MƠ
MÀ CÓ THẬT**

(1941 [1899])

LINH CẢM TRONG MƠ MÀ CÓ THẬT¹

Bà B. vốn là một người tuyệt vời, còn có đầu óc phê phán nữa. Một lần bà kể lại câu chuyện sau, không một dụng ý bày đặt. Cách đây nhiều năm, trong lúc chiêm bao, bà thấy mình gặp Bs. K., ông thầy thuốc tại gia và cũng là bạn. Gặp ở Phố Kärtner, chỗ trước cửa hiệu nhà Hies. Sớm hôm sau bà đi ra phố ấy thì quả nhiên bà gặp chính ông ấy ở đúng chỗ ấy. Cần nói thêm là không có một sự kiện nào tiếp theo cắt nghĩa cuộc gặp kỳ lạ kia, tức là về sau không có gì biện minh cho nó.

Phân tích xem xét thì thấy không tìm được chứng cứ, liệu sau giấc mơ đêm bà ta có nhớ gì đến nó không, trước lúc đi chơi buổi sớm. Chứng cứ nếu có, ắt sẽ là bản lưu ký, là điều truyền đạt của giấc mơ khi nó chưa thành sự thực. Theo tôi thì giải thích sự việc như sau thì có khả năng đúng hơn: bà ta đã phải chấp nhận, không cãi lại. Một buổi sớm lúc đi chơi ở Phố Kärtner, bà ta gặp lại người thầy thuốc tại gia cũ. Thấy ông, bà tin chắc là mới đêm qua, bà chiêm bao thấy cuộc gặp ấy ở chỗ ấy. Theo những quy tắc mà lâu nay người ta dùng để cắt nghĩa các triệu chứng loạn thần kinh chức năng thì niềm tin này là có lý. Phải giải thích nội dung của nó khác đi một chút.

¹ [Những người xuất bản Tập 17 cuốn *Gesammelte Werke* - Tuyển tập với các "tác phẩm rút từ di sản" có ghi trước công trình này: "Bản thảo đề ngày 10.11.1899."]

Quá khứ của bà B. có câu chuyện như sau, liên quan tới Bs. K.

Hồi ấy bà còn trẻ không thật sự tự nguyện, bà lấy một người đàn ông đứng tuổi nhưng giàu có. Chỉ ít năm sau đó, ông này khuynh gia bại sản rồi mắc bệnh lao mà chết. Mấy năm liền, bà phải đi dạy nhạc kiếm tiền để tự nuôi thân và nuôi người ốm. Trong số bạn bè đến với bà lúc hoạn nạn, có Bs. K. Ông chăm lo cho người ốm và ông cũng là người đã dọn đường cho bà đi dạy nhạc lúc mới đầu. Một người bạn nữa cũng tên K., luật sư, Ts. K. là người có công ổn định hoàn cảnh khốn khó của vị thương gia bị phá sản. Song ông này lại đem lòng yêu cô vợ trẻ và thế là ngọn lửa tình bốc cháy trái tim bà, lần đầu và cũng là lần cuối. Mỗi tình ấy đương nhiên là bất hạnh, bởi lẽ gia giáo và lý trí giày vò mãi cô vợ trẻ và sau này là bà goá buông thả. Trong cùng mối liên quan với Giấc mơ, bà B. kể lại một sự việc có thật vào cái thời bất hạnh ấy mà theo bà thì đó là một sự trùng hợp kỳ lạ. Bà chiêm bao thấy mình trong phòng riêng, quỳ gối dưới sàn, úp mặt vào chiếc ghế bành, đang nức nở vì quá nhớ ông luật sư, người yêu và người bảo trợ. Đúng lúc ấy thì ông ta đẩy cửa, bước vào thăm bà.

Sẽ chẳng thấy sự trùng hợp ấy là kỳ lạ nếu nghĩ rằng: đã bao lần bà nhớ ông và cũng đã bao lần ông vào thăm bà. Trong mọi thiên tình sử thường vẫn thấy các chuyện tình cờ mà lại như đã hẹn. Song sự trùng hợp này có lẽ là nội dung đích thực của Giấc mơ và là cơ sở duy nhất để bà tin rằng Giấc mơ kia đã có thật.

Kể từ cái buổi ý nguyện trở thành hiện thực ấy cho đến ngày có Giấc mơ kia ngoài 25 năm đã trôi qua. Trong khoảng thời gian ấy bà B. đã lại goá chồng một lần nữa. Ông chồng sau để lại cho bà cả con cái, cả của cải. Người đàn bà luống tuổi vẫn vẫn vương tình cảm với

ông Ts. K. Vì Ts. K. vừa là cố vấn, vừa là người quản lý tài sản cho bà nên bà vẫn thường gặp. Chắc hẳn mấy ngày trước hôm chiêm bao, bà đã mong ông đến nhưng ông lại không đến - ông cần gì phải vội như những năm trước. Thế thì đêm đến, một Giác mộng tương tự là chuyện rất dễ có, nó đưa bà lội ngược trở về cái thời xa xưa. Hẳn nhiên bà mơ về một cuộc hẹn hò ở cái thời đang còn si mê. Rồi cứ thế, chuỗi ý nghĩ trong mơ lội ngược về tận cái lần ông không hẹn mà đến ấy, đúng lúc bà đang nhớ tới ông. Giờ thì những Giác mơ như vậy cứ thế đến, còn thường xuyên hơn nữa. Chúng là bộ phận của một hình phạt. Hình phạt dành cho người đàn bà bởi đã nhấn tâm khi còn trẻ. Như thế hậu thân của một dòng chảy bị ức chế, đẩy rẩy những điều sức nhớ về các cuộc hẹn hò mà sau ngày tái hôn bà không còn muốn nghĩ đến. Những Giác mơ như thế dễ bị xóa ngay lúc tỉnh giấc. Về cái chúng ta gọi là Giác mơ tiên tri, sự thể chắc cũng như vậy. Bà ta ra ngoài rồi gặp ông thầy thuốc tại gia cũ là Bs. K. ở giữa Phố Kärtner, ở đúng chỗ ấy. Lâu lắm rồi bà không thấy ông ta. Ông ta gần bó mật thiết với những cảm xúc ở cái thời hạnh phúc - bất hạnh kia, ông ta cũng là người đã giúp bà. Dám đoán chắc rằng ông ta chỉ là nhân vật giả trong ý nghĩ và có thể cả trong mộng mị của bà. Ẩn đằng sau đó mới là nhân vật thật, là Ts. K., người mà bà hằng yêu dấu. Cuộc gặp bây giờ đánh thức ký ức về Giác mơ. Hẳn là bà nghĩ: đúng, quả là bữa nay mình vừa mới mơ về một cuộc hẹn giữa Ts. K. với mình. Nhưng ký ức ấy phải chấp nhận một biến dạng mà Giác mơ đã tránh được, chỉ nhờ ở chỗ là nó không hề được lưu lại trong ký ức. Thay vì ông K. yêu dấu, len lỏi xen vào lại là cái ông K. vô tình, người gợi nhớ tới Giác mơ. Nội dung Giác mơ - cuộc hẹn hò, được chuyển thành niềm tin rằng bà đã thấy đúng chỗ ấy trong mơ. Cuộc hẹn hò nào mà chẳng phải có hai người cùng một lúc tới cùng một chỗ. Nếu đúng lúc ấy nảy sinh cảm giác Giác mơ

thành hiện thực, thì với cảm giác ấy, bà lại thấy càng nổi trội, chỉ có cái ký ức về cảnh bà đang khóc vì khao khát chờ mong, thì tức khắc điều bà mong trở thành hiện thực.

Vậy hiện tượng sáng tác muôn măn ra một Giấc mơ, hiện tượng tạo điều kiện chỉ cho các Giấc mơ tiên tri cũng chẳng phải là cái gì khác một thứ hình thái kiểm duyệt, nó tạo điều kiện cho Giấc mơ thẩm thấu vào tiềm thức.

Ngày 10, tháng Mười một, năm 1899

VỀ GIẤC MƠ

I

Ở những thời được mệnh danh là tiên khoa học, con người chẳng hề bối rối khi phải cắt nghĩa Giấc mơ. Tỉnh rồi mà vẫn nhớ, họ cho đó là các thể lực siêu nhiên - thần thánh và ma quỷ - muốn cho họ biết trước một điều lành hay dữ. Sau này tư duy khoa học tự nhiên nở rộ, cái huyền thoại đa nghĩa kia chuyển thành môn Tâm lý học. Người có học ngày nay không còn mấy ai nghi ngờ, Giấc mơ là một *thành quả tâm lý riêng* của người chiêm bao.

Từ khi giả thuyết huyền thoại kia bị gạt bỏ, thì Giấc mơ lại càng cần được Giải thích. Điều kiện phát sinh của nó, quan hệ giữa nó với đời sống tâm linh lúc tỉnh, sự phụ thuộc của nó vào các xung kích thích chèn ép để cảm nhận khi đang ngủ, các đặc điểm riêng trong nội dung của nó nhưng lại xung khắc với dòng tư duy khi thức, sự thiếu nhất quán giữa các hình ảnh mường tượng của nó và các cảm xúc gắn với các hình ảnh, cuối cùng là tính chông chênh của Giấc mơ, cái cách mà tư duy khi thức gạt nó sang bên vì thấy xa lạ, cắt xén hoặc giả xóa nhòa nó trong ký ức từ hàng trăm năm nay, tất cả những vấn đề ấy và cả những vấn đề khác nữa đòi hỏi phải được giải đáp. Vậy mà cho đến tận nay vẫn chưa tìm ra được lời giải thỏa đáng. Đáng quan tâm hàng đầu là vấn đề ý nghĩa Giấc mơ, vốn bao hàm hai mặt. Một là ý nghĩa tâm lý, vị trí của nó đối với những quá trình tâm linh khác, chức năng sinh học thể nào đó

của nó. Hai là liệu có Giải thích được Giấc mơ hay không, liệu từng nội dung riêng biệt của Giấc mơ có một ý niệm như chúng ta thường hay bắt gặp ở các cấu thành Tâm lý khác chẳng. Có ba thiên hướng đáng được lưu ý trong việc đánh giá Giấc mơ. Một thiên hướng bộc lộ rõ ở một số triết gia nào đó, nó như thể dư âm của cách đánh giá quá cao còn sót lại từ ngày xưa. Theo họ thì cơ sở của đời sống khi mơ là một trạng thái đặc biệt của hoạt động tâm linh, thậm chí họ ca tụng, xem trạng thái ấy như một bước nâng cao lên một tầm cao hơn nữa. Chẳng hạn Schubert đánh giá thế này: Giấc mơ là sự giải phóng cho tâm linh khỏi quyền lực của thiên nhiên bên ngoài, là sự cởi trói cho tâm linh thoát khỏi các trói buộc của năng lực cảm nhận. Những nhà tư tưởng không đi xa đến vậy. Tuy nhiên họ vẫn kiên trì rằng Giấc mơ phát sinh từ các kích thích tâm linh, nó biểu lộ những lực tâm linh bấy lâu bị ức chế, không thể tự do phát huy (trí tưởng tượng của Giấc mơ - Scherner, Volkelt). Số đông nhà quan sát còn thừa nhận rằng đời sống khi mơ có khả năng tạo ra những thành quả vượt mức, chí ít cũng là trong một số lĩnh vực (trí nhớ).

Ngược lại hẳn thì nhiều tác giả là bác sĩ lại có quan niệm hâu như phủ định cái giá trị của Giấc mơ như thể một hiện tượng tâm lý. Theo họ thì Giấc mơ chỉ sinh ra từ những kích thích nơi giác quan hay là cơ thể, có khi chúng từ bên ngoài đến mà cũng có khi ngẫu nhiên chúng sống động lên trong những cơ quan nội tại của người chiêm bao. Về ý niệm và ý nghĩa của cái đã được thấy trong mơ thì chúng cũng chẳng có thể đòi hỏi hơn, chẳng hạn như cái chuỗi âm thanh mà mười ngón tay của một kẻ hoàn toàn mù về âm nhạc gây ra lúc chúng lướt qua bàn phím của nhạc cụ. “Giấc mơ chỉ là một quá trình thuộc thể xác, vô bổ trong mọi trường hợp, còn ở nhiều trường hợp thậm chí là bệnh hoạn” (Binz). Mọi nét riêng của

đời sống khi mơ đều được giải thích bằng hoạt động rời rạc, cường bức của từng cơ quan hay nhóm tế bào riêng lẻ của não bộ lẻ ra đã chìm vào giấc ngủ mà các kích thích sinh lý áp đặt cho chúng. Ít bị chi phối bởi phán xét ấy của khoa học, và cũng chẳng quan tâm tìm ngọn nguồn Giác mơ, dư luận dân gian dường như vẫn giữ vững niềm tin rằng, Giác mơ phải có một ý nghĩa. Nó như một thứ dự báo tương lai và từ nội dung rối ren và bí ẩn của nó, bằng một phương pháp Giải thích nào đó, vẫn có thể suy ra được. Các phương pháp Giải thích hiện hành là thay đổi nội dung còn nhớ được của Giác mơ bằng một nội dung khác, hoặc thay từng mảnh theo *một mã khóa cố định*, hoặc thay luôn toàn bộ bằng một toàn bộ khác mà nó có liên quan theo kiểu quan hệ của một *biểu tượng*. Người nghiêm túc chắc hẳn sẽ mỉm cười trước những nỗ lực ấy. “Mơ hão thì vỡ mộng.”

II

Bỗng một hôm, tôi thật sự ngạc nhiên khi khám phá ra rằng, *không* phải là cái quan niệm của giới bác sĩ, mà chính cái quan niệm thế tục, phân nửa còn đang là dị đoan kia mới là gần sự thật. Chẳng là tôi đã thấy sáng ra nhiều điều một khi tôi vận dụng một phương pháp nghiên cứu Tâm lý mới vào Giác mơ. Một phương pháp từng giúp tôi giải được xuất sắc nhiều điều tối nghĩa, nhiều ý niệm gò bó, nhiều ý tưởng điên khùng. Một phương pháp kể từ ngày đó đã được cả một trường phái các nhà nghiên cứu tiếp nhận với cái tên là “Phân tâm học”. Quả vậy, nhiều nhà nghiên cứu y học đã thấy rất đúng là có những điểm tương đồng rất đa dạng giữa đời sống khi mơ với các trạng thái muôn màu muôn vẻ của chứng loạn tâm thần khi tỉnh. Như vậy là ngay từ đầu đã chứa đầy hy vọng rằng có thể vận dụng một phương pháp nghiên cứu từng tự khẳng định nơi những người có bệnh thái nhân cách vào việc làm sáng tỏ cả vấn đề Giác mơ.

Các ý niệm sợ hãi và gò bó cũng xa lạ với ý thức bình thường hết như các Giấc mơ đối với ý thức khi tỉnh. Không biết về ngọn nguồn của ý thức hết như về ngọn nguồn của Giấc mơ. Ở những người bệnh thái nhân cách ấy, người ta dễ bị cuốn đi bởi một điều quan tâm thực tế, đó là cố tìm cho được nguồn gốc và cách phát bệnh. Bởi vì kinh nghiệm từng cho thấy, nếu tìm cho ra được những con lộ tư duy ẩn náu trong ý thức mà qua đó thì các ý niệm bệnh hoạn vẫn liên hệ với nội dung tâm lý còn lại, thì cũng là đã tìm được lời giải cho các triệu chứng ấy mà hệ quả là, có thể khuất phục những ý niệm lâu nay khó chế ngự được. Như vậy là liệu pháp tâm lý chính là xuất xứ của phương pháp mà tôi thường dùng để soi sáng vấn đề Giấc mơ.

Phương pháp này hoàn toàn chẳng khó cho mô tả, tuy nhiên khi thực hành lại cần có hướng dẫn, luyện tập. Khi vận dụng nó vào ai đó, ví dụ một người thường sinh ý tưởng sợ hãi, ta yêu cầu người ấy hãy cố gắng tập trung vào cái ý niệm ấy, song không theo cái cách anh ta vẫn làm là suy ngẫm về nó, mà hãy tự làm rõ tất tần tật *không có ngoại lệ*, rồi báo ngay cho thầy thuốc biết *cái ý tưởng bất chợt đến về nó*. Nếu người bệnh quả quyết rằng dù cố ý vẫn chẳng nắm bắt được gì, thì chúng ta phải kiên quyết khẳng định rằng không thể có chuyện hệt hẳng ở một nội dung linh cảm như vậy. Thật tình thì có nhiều ý tưởng bất chợt xuất hiện rất sớm, rồi những ý khác lại nối tiếp, song chúng đều tuân tự chịu sự phê phán của người tự quan sát, là vô nghĩa hoặc không quan trọng, là chẳng can dự gì vào đây, là chỉ có tính ngẫu nhiên và không có liên quan tới chủ đề. Chúng ta thấy ngay là chính óc phê phán này đã loại tất cả các ý tưởng bất chợt ấy ra khỏi thông tin, thậm chí loại ra ngay khỏi nhận thức. Nếu chúng ta có thể vận động người bệnh từ bỏ phê phán như vậy đối với ý tưởng bất chợt của mình và vẫn duy trì sự chú ý để tiếp tục theo dõi chuỗi ý tưởng, thì chúng ta sẽ thu được một thứ vật liệu

tâm lý, ngay lúc ấy rõ ràng nối vào cái ý niệm bệnh hoạn mà chúng ta đã chọn làm chủ và để làm bộc lộ các mối nối giữa chúng với những ý tưởng khác. Và một khi cứ thế tiếp tục, nó sẽ cho phép thay cái ý niệm bệnh hoạn kia bằng một ý niệm mới, tự du nhập vào quan hệ tâm linh một cách dễ hiểu.

Đây không phải chỗ để bàn chi tiết về các tiên đề làm nền tảng cho thí nghiệm, về những kết luận suy ra từ sự thành công đều đặn của thí nghiệm. Trình bày như sau chắc là đủ: ở mỗi ý niệm bệnh hoạn chúng ta sẽ thu được đủ vật liệu để rồi giải đáp chính nó, nếu ta chú ý tập trung vào chính “*cái không muốn có*”, vào “*cái gây nhiều cho mặc tưởng của chúng ta*”, cái mà óc phê phán xem là đồ phế thải, những tập hợp vô bổ đáng loại bỏ. Vận dụng phương pháp vào chính mình thì để tự hỗ trợ lúc nghiên cứu, tốt nhất là tức khắc ghi lại ngay các ý tưởng bất chợt lúc đầu không hiểu được.

Còn bây giờ thì tôi muốn chỉ ra là phương pháp ấy sẽ dẫn tới đâu khi tôi vận dụng nó vào nghiên cứu vấn đề Giác mơ. Từng Giác mơ phải thích hợp với nó theo cùng một cách. Vì những lý do nhất định, tôi đã chọn một Giác mơ của chính mình, một Giác mơ mà tôi nhớ có vẻ mập mờ, thậm chí còn vô nghĩa nữa, song vẫn đáng chọn bởi nó ngắn ngủi. Có lẽ chính Giác mơ đem vừa rồi đáp ứng được các yêu cầu ấy. Nội dung Giác mơ được cố định lại ngay sau khi thức tỉnh là như sau:

“Một buổi giao tiếp... Cái bàn hay table d’hôte (bàn của những người ăn cơm tháng, t.Pháp)... Chúng tôi ăn rau ba lạng. Bà E.L. ngồi bên tôi, quay ngoắt sang tôi rồi thân mật đặt bàn tay lên đầu gối tôi. Tôi gạt bàn tay ấy đi, tránh ra. Bà ta mới bảo: “Ông đã từng có đôi mắt thật đẹp... Lúc đó tôi nhìn thấy mù mờ một cái gì đó như đôi mắt trên ảnh hay là đường viền của một cái mắt kính...”

Toàn bộ chỉ có vậy, chí ít thì cũng là tất cả những gì tôi còn nhớ. Tôi thấy mập mờ, vô nghĩa, và trên hết, kỳ lạ. Bà E.L. là người mà tôi không hề giữ một mối quan hệ bạn bè, như tôi biết chắc thì không bao giờ tôi mong thân hơn nữa. Lâu rồi tôi không gặp bà ta. Tôi cũng không tin là ai đó đã nhắc tới bà ta ít hôm trước đó. Tuyệt chẳng có chút rung cảm nào đi kèm Giác mơ.

Ngẫm lại mãi vẫn chẳng hiểu thêm được tí gì. Bây giờ thì tôi mới điểm lại từng ý tưởng bất chợt mà đến - không dụng ý, không phê phán - từ sự quan sát chính mình. Tôi nhận ra ngay là sẽ lợi hơn, nếu chúng ta xé nó ra thành các yếu tố của nó, rồi tìm những ý tưởng bất chợt đến gần với từng yếu tố.

Một buổi giao tiếp cái bàn hay table d'hôte. Gắn với ý ấy, tức thì tôi nhớ đến một sự kiện nhỏ vừa mới xảy ra cuối buổi tối hôm qua. Sau một cuộc tiếp tân nhỏ, tôi ra về với một người bạn. Ông này ngỏ ý gọi một chiếc xe đưa tôi về nhà. “Mình thích có đồng hồ chỉ số”, ông nói. “Ta sẽ bận rộn một cách dễ chịu: luôn có cái để nhìn.” Chúng tôi vừa kịp trèo lên xe thì người đánh xe (thời đó còn dùng xe ngựa! -ND) đã vội bấm cho đĩa số quay. Thế là tức thì trông thấy con số 60 đồng Heller đầu tiên. Tôi đùa: “Mới trèo lên xe mà đã nợ 60 đồng.” Cái xe có đồng hồ chỉ số luôn gợi cho tôi nhớ đến *table d'hôte*. Nó làm cho tôi sinh ra keo kiệt, ích kỷ, bởi lẽ nó không ngừng cảnh báo tôi về khoản nợ. Tôi thấy hình như khoản nợ tăng nhanh quá, tôi đâm lo mình bị thiệt. Hết như lúc ngồi bên *table d'hôte*, tôi cũng đã lo, rất nực cười, là tôi nhận được ít thức ăn quá. Cứ phải tính đến phần hơn cho mình, khó cưỡng quá. Trong một mối liên hệ đi ra xa hơn tôi xin dẫn:

“Người dẫn dắt chúng con vào đời,
Người để kẻ nghèo nợ chồng nợ chất.”

Lại một ý tưởng bất chợt đến nhân cái *table d'hôte*. Vừa mấy tuần trước, bên *bàn quán trọ* tại một điểm du lịch ở vùng cao Tirol, tôi đã nổi xung lên với bà vợ yêu quý của tôi. Chỉ vì bà ấy đã không ý tứ đúng mức với mấy người ngồi bên, mà tôi tuyệt không muốn làm quen. Tôi yêu cầu bà ấy quan tâm đến tôi nhiều hơn là quan tâm đến những người lạ. Thì vẫn vậy, *cứ như là tôi bị thiệt lúc ngồi bên cái table d'hôte*. Bây giờ thì tôi mới nhận ra mặt đối lập giữa cách ứng xử của bà vợ tôi ở bên cái bàn kia và ứng xử của bà E.L. trong Giấc mơ: “*Bà ta quay ngoắt sang tôi.*”

Hơn thế nữa, giờ tôi còn nhận ra rằng quá trình xảy ra trong Giấc mơ chính là sự tái hiện một màn diễn nhỏ. Nó đã xuất hiện hoàn toàn giống như thế, giữa một bên là vợ tôi và bên kia là tôi, vào cái thời kỳ mà tôi còn đang âm thầm theo đuổi bà ấy. Ve vút ngấm dưới tấm khăn trải bàn hồi ấy chính là cách đáp lại bức thư tỏ tình nghiêm túc. Chỉ khác là trong mơ thì người đàn bà xa lạ là bà E.L. đã thế chân vợ tôi.

Bà E.L. vốn là con gái một người đàn ông mà tôi đã *mắc nợ tiền bạc*. Không thể không nói thêm là có một mối quan hệ không hề đoán trước được giữa các yếu tố thuộc nội dung Giấc mơ với những ý tưởng bất chợt của tôi đã được hé ra. Nếu chúng ta lần theo chuỗi liên hệ, xuất phát từ một yếu tố thuộc nội dung Giấc mơ thì chẳng mấy chốc, ta lại được dẫn trở về một yếu tố khác của chính nó. Như vậy là những ý tưởng bất chợt của tôi về Giấc mơ đã tạo được những mối liên hệ mà không thể nhận ra ngay trong Giấc mơ.

Nếu có ai đó cứ luôn muốn người khác phải lo cho cái lợi của mình mà không hề được có lợi riêng cho người đó, thì chắc chắn chúng ta sẽ đẩy về mĩa mai mà hỏi kẻ ngu si về thiên hạ ấy như sau: Vậy “quý bà” cứ tưởng chuyện này chuyện nọ diễn ra chỉ vì *cặp mắt*

đẹp của quý bà sao? Khi đó thì câu nói của bà E.L. trong Giấc mơ “Ông đã từng luôn luôn có cặp mắt đẹp”, sẽ chẳng có nghĩa gì khác hơn là: họ đã làm tất cả cho ông vì quý ông; ông đã *được tất mà không mất gì*.

Điều ngược lại dĩ nhiên cũng đúng: tôi đã trả giá đắt cho tất cả những gì tốt đẹp mà người khác đã làm vì tôi. Thế nhưng tối hôm qua tôi lại đã *được mà không mất*, khi ông bạn thuê xe đưa tôi về nhà và điều ấy đã gây ấn tượng cho tôi.

Mặt khác thì cả ông bạn đã khoản đãi chúng tôi tối hôm qua cũng đã nhiều lần biến tôi thành con nợ. Cách đây chưa lâu, tôi đã có dịp trả nợ nhưng lại để nó tuột mất không tận dụng, ông bạn này mới chỉ có một tặng phẩm độc nhất của tôi là một cái khăn choàng kiểu cổ, vẽ những con mắt chạy quanh. Thứ đó gọi là *occhiale* - con mắt (t. Italia), để *xua đuổi Malocchio* (malo = ác, occhio = con mắt; malocchio = *cái nhìn đầy ác ý*, t. Italia). Vả lại, ông ta lại chính là *Bác sĩ chuyên khoa mắt*. Bữa tối ấy, tôi có hỏi ông về bà bạn mà tôi có giới thiệu đến chỗ ông để đo số *mắt kính*.

Như tôi vừa nhận xét, giờ thì hầu như tất cả các yếu tố thuộc nội dung của Giấc mơ đều đã được chuyển vào một quan hệ mới. Tuy thế, để cho nhất quán, tôi vẫn còn có thể hỏi: vì sao trong Giấc mơ lại dọn rau ba lăng để ăn. Đó là vì *rau ba lăng* gợi nhớ đến một chuyện nhỏ, vừa xảy ra bên bàn ăn ở nhà chúng tôi. Một thằng nhỏ, chính cái đứa mà mọi người thật tình có thể khen ngợi vì nó có đôi *mắt thật đẹp*, đã khẳng khẳng từ chối không ăn rau ba lăng. Cả tôi nữa, hồi nhỏ tôi cũng đã hành xử như vậy. Suốt một thời gian dài, tôi rất ngán *món rau ba lăng*, chỉ cho đến sau này, khi khẩu vị đã thay đổi rồi thì tôi mới tôn thứ rau đó lên thậm chí thành món khoái khẩu nữa kia. Kể chuyện món ăn đó để lấp nối thời niên thiếu của tôi

với thời của đứa bé cháu tôi. “Mừng đi con, có rau ba làng đấy”, mẹ tôi vẫn gọi thằng bé kén ăn là cái thằng tôi như vậy. “Có nhiều đứa trẻ thích rau ba làng lắm.” Vậy là tôi lại nhớ đến nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái mình. Lời Goethe:

“Người dẫn chúng con vào đời,
Người để kẻ khó nợ chồng nợ chất”

có được một ý nghĩa mới hẳn trong mối quan hệ này.

Tôi dừng lại ở đây để khái quát hóa những kết quả cho tới nay đã đạt được trong sự phân tích Giấc mơ. Bằng cách lần theo từng mối liên hệ với từng yếu tố rút ra từ tổng thể của chúng, tôi lần được tới một loạt những ý nghĩ và ký ức và tôi đã phải thừa nhận là ở đó có nhiều biểu hiện có giá trị của đời sống Tâm lý của tôi. Giữa thứ vật liệu đã qua thu thập qua phân tích Giấc mơ như vậy với nội dung Giấc mơ có mối quan hệ rất mật thiết. Tuy nhiên lại là một kiểu quan hệ mà tôi chẳng bao giờ khai thác được cái mới tìm thấy từ nội dung của Giấc mơ. Giấc mơ thường vô tình, rời rạc và khó hiểu. Mãi đến lúc khai triển vào những ý tin đằng sau nó thì tôi mới cảm nhận được các xúc động tình cảm mãnh liệt và có nguyên cơ rõ ràng. Những ý tưởng tượng ấy tự lồng ghép vào nhau thật tuyệt vời, hình thành từng chuỗi gắn bó lại logic. Lại có những ý nào đó như thể ý trung tâm cứ lặp đi lặp lại. Những ý tưởng tượng không được thể hiện trong Giấc mơ như thế chẳng hạn có ở ví dụ của chúng ta như các cặp đối nghĩa *vị kỷ - vị tha*, các khái niệm đang *mắc nợ - thực hiện miễn phí*. Thế là tấm mạng đã được cởi ra, bàn tay phân tích có thể rút mạnh hơn từng sợi để rồi chỉ ra rằng chúng đều chạy hết về cùng một đầu mối. Tuy nhiên tôi lại không thể công khai làm cái việc đó vì những lý do mà bản chất thuộc về đời tư chứ chẳng có liên quan gì tới khoa học. Trên con đường đi tìm lời giải, sau khi tự

làm sáng tỏ tất cả, tôi đã phải tiết lộ nhiều thứ mà lẽ ra, tôi nên giữ kín, chẳng hay gì mà thú nhận ngay cả với chính mình. Tại sao tôi lại không chọn một Giấc mơ khác, tiện công bố hơn để còn có thể khơi dậy một lòng tin vững chắc hơn vào ý nghĩa và mối liên quan của cái chất liệu mà phân tích vừa tìm ra được? Câu trả lời là *bất cứ* Giấc mơ *nào* mà tôi định chú tâm, cũng dẫn tôi tới những điều khó thông báo như vậy cả, và rồi cũng sẽ đẩy tôi đến chỗ bị câu thúc như vậy, vì không tiện nói ra. Có lấy Giấc mơ của người khác ra thì việc phân tích cũng sẽ chẳng bớt đi được các khó khăn, ấy là nói khi đã được phép, vì khi tấm mạng che rơi xuống rồi thì liệu có tránh được hết tổn hại cho người đã tin mình.

Ngay bây giờ trong tôi cứ thôi thúc cái quan niệm rằng Giấc mơ chỉ là một thứ *thể phẩm*. Nó thể chân cho những dòng suy nghĩ giàu ý niệm và đầy đam mê mà tôi đã lần ra được sau khi hoàn thành phân tích. Tôi chưa nắm bắt được quá trình hình thành Giấc mơ từ các dòng tư duy ấy, tuy nhiên tôi đã thấy, sẽ là không đúng nếu xem nó chỉ như là một quá trình đơn thuần có tính thể xác, Tâm lý, vô nghĩa, khi có một nhóm tế bào não nào đó chợt thức giấc và hoạt động riêng rẽ.

Tôi còn nhận ra, đó là hai cái khác nhau: Nội dung Giấc mơ ngắn hơn nhiều nếu so với các ý nghĩ mà nó thể chân. Phân tích còn chỉ ra rằng, nguồn hưng phấn gây ra Giấc mơ có khi chỉ là một sự kiện không quan trọng vào tối hôm trước khi chiêm bao.

Tôi sẽ không với xa đến thể trong kết luận, một khi tôi chưa có đủ chỉ một sự phân tích Giấc mơ. Tuy nhiên, kinh nghiệm đã chỉ ra rằng, hãy cứ theo dõi mà không phê phán những sự kết nối của *mỗi* Giấc mơ, rồi sẽ tìm ra được cả một chuỗi ý nghĩ và ở đó sẽ có những yếu tố hợp thành Giấc mơ trở đi trở lại, gắn nối với nhau

đúng đắn và đầy ý nghĩa. Như vậy chỉ còn cách từ bỏ điều chờ đợi mỏng manh là những mối quan hệ mà tôi đã nhận ra lần trước tình cờ mà có. Thế thì tôi nghĩ mình được phép định hình nhận thức mới bằng một cái tên. Tôi đem Giác mơ như tôi còn nhớ đối chiếu với thứ vật liệu mà tôi đã tìm được qua phân tích. Cái trước tôi gọi là *nội dung hiển nhiên của Giác mơ*, cái sau - mới đầu chưa phân cách nhiều, là *nội dung tiềm ẩn của Giác mơ*. Giờ thì tôi đứng trước hai vấn đề bấy lâu nay chưa từng được xác lập: 1) quá trình tâm lý nào chuyển nội dung, từ tiềm ẩn sang cái hiển nhiên như tôi nhớ; 2) lý do hay những lý do nào dẫn đến sự chuyển đổi ấy. Tôi gọi quá trình chuyển nội dung từ tiềm ẩn sang hiển nhiên là *công chiêm bao - công mơ*. Đối lập với công việc này, tức là việc hoàn thành sự chuyển đổi ngược, gọi là *công phân tích*. Những vấn đề khác của Giác mơ như nguồn hưng phấn, nguồn gốc của vật liệu cho Giác mơ, ý nghĩa nào đó, chức năng, cơ sở khi quên, rồi tôi sẽ giải thích, không phải ở nội dung hiển nhiên mà sẽ là ở nội dung tiềm ẩn mới tìm được. Bởi lẽ mọi dữ liệu không đúng về đời sống khi mơ ở các tư liệu, tôi quy hết về sự thiếu hiểu biết cái nội dung tiềm ẩn, mà phải phân tích mới thấy được, nên kể từ đây tôi sẽ cố hết sức tránh nhầm lẫn giữa *Giác mơ hiển nhiên* với *các ý nghĩ tiềm ẩn trong mơ*.

III

Quá trình chuyển đổi từ các ý nghĩ tiềm ẩn qua nội dung hiển nhiên trong mơ rất đáng chú ý, bởi lẽ đó là ví dụ đầu tiên được biết về sự chuyển đổi của chất liệu Tâm lý, từ phương thức thể hiện này qua phương thức khác, từ một phương thức thể hiện chẳng dễ gì hiểu được qua một phương thức có thể tìm hiểu, miễn là được hướng dẫn và có tập luyện, tuy phải thừa nhận cả nó nữa cũng là một thành quả của hoạt động Tâm linh. Nếu chiếu cố đến mối quan hệ giữa

nội dung tiềm ẩn với nội dung hiển nhiên, thì ta có thể phân các Giấc mơ ra làm ba loại. Một loại có thể thấy rõ là *có ý nghĩa* mà cũng *dễ hiểu*, cho phép ăn nhập với đời sống tâm linh của chúng ta mà không có trở ngại gì. Những Giấc mơ như vậy nhiều, thường ngăn ngủi và nói chung ít đáng chú ý, vì chúng chẳng kêu gọi gì ngạc nhiên hay lạ lẫm. Sự hiện diện của chúng tuy nhiên lại là một luận chứng khó bác bỏ, chống lại học thuyết vẫn cho rằng Giấc mơ là sản phẩm hoạt động lẻ của từng nhóm tế bào não riêng biệt. Ở chúng thiếu hẳn mọi dấu hiệu đặc trưng cho thứ hoạt động Tâm lý hạn chế hoặc rời rạc. Chưa từng có ai bảo đó không phải là Giấc mơ và chúng ta cũng không nhầm lẫn chúng với các hoạt động khi thức. Thứ hai là loại Giấc mơ quả thật mạch lạc, lại rõ nghĩa thể nhưng *lạ lùng*, bởi vì chúng ta không biết rồi sẽ xếp cái ý nghĩa ấy vào đâu trong đời sống tâm linh của chúng ta. Đó là khi chẳng hạn nằm mơ thấy người thân chết vì dịch hạch, trong lúc không có một cơ sở nào để đợi, lo lắng hay giả định sự kiện ấy, bèn băn khoăn tự hỏi: Làm sao mà mình lại có thể đi đến ý tưởng này? Cuối cùng là loại thứ ba, các Giấc mơ thiếu cả hai thứ là ý nghĩa và tính dễ hiểu; chúng ta thấy chúng *rời rạc, rối ren, vô nghĩa*. Số đông các Giấc mơ của chúng ta là thế, cho nên chúng hay bị xem thường và y học mới xếp chúng vào hàng các hoạt động tâm linh có hạn chế. Hơn nữa thì ở các hợp phần dài và phức tạp hơn nữa của Giấc mơ, rất hiếm khi mà ta không thấy những tín hiệu rõ rệt của tính không nhất quán.

Sự đối lập giữa nội dung tiềm ẩn và hiển nhiên của Giấc mơ chỉ có nghĩa ở các Giấc mơ loại hai và càng rõ hơn ở loại ba. Ở đây có những điều kỳ bí, chúng chỉ biến đi khi chúng ta thay Giấc mơ hiển nhiên bằng nội dung tiềm ẩn của nó, và ở một ví dụ loại này, một Giấc mơ vừa rối ren vừa khó hiểu, chúng tôi cũng đã tiến hành phân tích như trên. Thế nhưng không được như mong đợi, chúng

tôi đã vấp phải những lý do ngăn cản làm chúng tôi không thể nào nắm bắt được hết các ý nghĩ tiềm ẩn khi mơ. Trải nghiệm ấy cứ lặp lại mãi bắt chúng tôi phải đi đến giả định rằng, *giữa cái rối ren và khó hiểu trong mơ với những khó khăn khi truyền đạt các ý nghĩ khi mơ, vốn có một mối quan hệ mật thiết và theo quy luật*. Trước khi tìm hiểu sâu vào bản chất của mối quan hệ ấy, có lẽ nên ưu tiên chú ý tới những Giác mơ dễ hiểu thuộc loại một trước đã. Ở những Giác mơ này thì các nội dung tiềm ẩn và hiển nhiên trùng hợp, tức là công mơ hình như được tiết kiệm.

Nên nghiên cứu những Giác mơ này trước, cũng còn vì một giác độ khác nữa. Những Giác mơ của trẻ em thuộc loại này, tức là có ý nghĩa và không lạ lẫm, mà tiện thể cũng xin nói thêm, lại thêm mặt luận cứ mới chống việc quy Giác mơ về thứ hoạt động phân ly của não bộ trong giấc ngủ. Vậy thì tại sao ở người lớn, khi các chức năng tâm lý giảm đi như thế thì cho là thuộc tính của trạng thái ngủ, còn ở trẻ em thì lại không? Ta hoàn toàn có quyền mong rằng việc làm sáng tỏ các quá trình tâm lý - cho dù đã được đơn giản hóa hẵn nơi đứa trẻ, sẽ là việc làm đi trước không thể thiếu để hiểu được tâm lý của người lớn.

Vậy, tôi sẽ đưa ra đây vài ví dụ mà tôi đã gom được ở trẻ em. Có một bé gái 19 tháng tuổi đã phải nhịn ăn suốt ngày vì cháu đã nôn lúc sáng sớm. Cứ như lời cô trông trẻ thì cháu đã ăn quá nhiều dâu tây. Sau cả ngày nhịn ăn thì đến đêm, người ta nghe tiếng cháu tự gọi tên mình trong mơ. Cháu còn lảm nhảm thêm: *"Dâu tây, dâu ta, trứng gà, bửu quả."* Cháu mơ được ăn và cháu đã nhặt nhanh từ thực đơn ra những món mà chắc rồi đây, như cháu phỏng đoán, cháu sẽ được chia chỉ phần ít thôi. Tương tự là Giác mơ của một cháu trai 22 tháng tuổi về một món ăn khoái khẩu mà bị ngăn cấm. Chẳng là cách đó ít hôm, cháu được giao cho một giỏ anh đào tươi

roi rói để mang biếu ông chú, và đương nhiên, cháu chỉ được nếm trước có mỗi một quả. Lúc chợt tỉnh, cháu hân hoan thông báo: *Hermann ăn hết sạch anh đào rồi*. Một cháu gái 3,25 tuổi được đi chơi trên mặt hồ, lúc lên bờ, cháu khóc đòi đi nữa. Sáng sau cháu kể chuyện hồi đêm đã lại được đi chơi hồ, tức là cháu đã tiếp tục cuộc đi chơi bị bỏ dở. Một cháu trai 5,25 tuổi có vẻ không hài lòng lắm về chuyến dạo chơi ở vùng đá đen. Thấy ngọn núi nào, cháu cũng hỏi xem có phải đó là núi đá đen không, rồi cháu khẳng khẳng không chịu theo mọi người rẽ xuống thăm thác nước. Người ta vội quy cho là vì cháu mỏi chân. Sáng hôm sau, cháu mới kể lại là cháu vừa chiêm bao *thấy mình được trèo lên ngọn núi đá đen*. Hẳn cháu đã mong được trèo lên núi đá đen, xem đó là cái đích của chuyến đi, nhưng suốt buổi dã ngoại lại không được nhìn thấy ngọn núi ấy nên cháu thất vọng. Rồi ban đêm thì cháu được bù đắp cái mà ban ngày cháu đã bị hổng hụt. Hoàn toàn tương tự là Giấc mơ của một cô bé lên sáu mà cuộc dạo chơi dù chưa tới đích, đã bị cắt giữa chừng vì quá muộn. Trên đường về, cô chợt nhìn thấy một tấm biển chỉ đường, trên đó có tên một địa danh du lịch khác, và ông bố cũng hứa là lần sau sẽ dắt cô đến đấy. Sáng hôm sau gặp bố, cô thông báo ngay là cô nằm mơ *thấy hai bố con đã đến cả nơi này lẫn nơi kia*.

Cái chung trong Giấc mơ của con trẻ thật dễ thấy. Chúng thường đáp ứng mọi nguyện vọng ban ngày đã dày vò đứa trẻ mà nó chưa được thỏa mãn. Chúng chỉ là *việc thỏa mãn một cách đơn giản, không che đậy các ước vọng*.

Vẫn chỉ là việc thỏa mãn ước vọng cũng là Giấc mơ của con trẻ sau đây mà mới xem thì không hoàn toàn dễ hiểu. Có một cô bé chưa đầy 4 tuổi mắc chứng viêm tủy xám nên được đưa từ quê ra tỉnh. Cô qua đêm ở nhà một bà dì không có con. Cái giường cô ngủ

- dĩ nhiên đối với cô là quá lớn. Sớm hôm sau cô kể chuyện cô mơ *thấy cái giường bé quá, đến nỗi cô chẳng tìm ra chỗ nằm trên đó*. Có thể diễn giải đây cũng là một Giấc mơ ước vọng, nếu chúng ta nhớ rằng, “lớn” vốn là điều con trẻ hằng mơ ước. Cái giường lớn đã cảnh báo cô bé mong lớn quá gay gắt về tầm vóc của cô. Vậy là trong mơ, cô đã sửa lại cái tỷ lệ mà cô không ưa ấy, đến mức cái giường quá lớn kia bỗng trở nên quá nhỏ.

Ngay cả những khi Giấc mơ của trẻ em có phần phức tạp và tinh tế hơn nữa, thì cái ý nghĩ muốn thỏa mãn ước nguyện vẫn thật gần. Một cậu bé lên tám chiêm bao thấy mình cưỡi chiến xa với thần Achille, mà người đánh xe là thần Dromedes. Té ra mấy hôm trước cậu từng mê mết với các anh hùng của truyện cổ Hy Lạp. Dễ nhận thấy là cậu đã chọn các vị anh hùng ấy làm gương, và cậu rất tiếc đã không được sống cùng thời với họ.

Từ đám câu chuyện nhỏ kể trên lại sáng ra một thuộc tính thứ hai nữa ở Giấc mơ của trẻ em. Chẳng có gì khó nhận, đó là mối quan hệ của *Giấc mơ với cuộc sống hàng ngày*. Ước vọng mà các cháu chưa thực hiện được hãy còn đọng lại từ trong ngày - thường là ngày vừa qua đi, và trong ý nghĩ lúc còn thức nó thường được tô rất đậm. Cái không quan trọng, cái không gây ấn tượng - hoặc giả cái mà đứa trẻ thấy là như thế, thường bị gạt hết ra ngoài nội dung Giấc mơ.

Ở người lớn cũng có thể thấy nhiều ví dụ về Giấc mơ như thế, kiểu Giấc mơ con trẻ, tuy nhiên như đã nói, thường là với nội dung ngắn ngủi. Nhiều người đã đáp ứng lại cơn khát ban đêm bằng một Giấc mơ thấy mình được uống; Giấc mơ xóa cảm xúc khát đi và giấc ngủ tiếp tục. Một số người lại thường có *Giấc mơ tiện nghi* ngay trước lúc tỉnh, khi người khác đến đánh thức họ dậy. Lúc ấy họ thấy họ đã trở dậy, đang đứng rửa mặt hoặc giả họ đã ở trường học, ở công sở là

nơi họ phải có mặt vào một giờ nhất định. Không hiếm người sắp đi đâu đó, đêm nằm mơ thấy mình đã ở nơi ấy; chiêm bao trước về một buổi đi xem hát, về một buổi tiếp tân thì cũng chẳng hiếm - bất nhân như nhau, cái niềm vui hằng mong đợi. Những lần khác, Giấc mơ lại thể hiện sự thực hiện ước vọng gián tiếp hơn một bậc; để nhận ra sự thực hiện nguyện vọng ấy còn cần thiết lập một quan hệ, cần suy diễn, cần khởi công diễn giải. Chẳng hạn có lần một ông kể cho tôi nghe chuyện bà vợ chiêm bao thấy mình tự nhiên tắt kinh. Tôi nghĩ ngay đến chuyện thai nghén. Thế thì thai nghén là thông điệp của Giấc mơ. Ý nghĩa của nó ở chỗ là nó cho biết trước rằng nguyện vọng sẽ thành hiện thực, tuy nhiên có thể còn phải chờ một thời gian nữa. Trong các hoàn cảnh bất thường và cực đoan, những Giấc mơ mang tính trẻ con như vậy càng đặc biệt nhiều. Trường một đoàn thám hiểm địa cực kể rằng, thời kỳ mà đoàn của ông ta đang còn phải qua mùa đông ở nơi băng giá, vì ăn uống đơn điệu, thiếu thốn nên cứ như trẻ con. Họ đều nằm mơ thấy những bữa tiệc thịnh soạn, thấy hàng núi thuốc lá, thấy họ đang được ở nhà mình.

Chẳng hiếm khi từ một Giấc mơ dài, phức tạp và nhìn về tổng thể thì rối ren, lại nổi bật lên một mảng đặc biệt sáng, nó chứa đựng sự thực hiện nguyện vọng không lẫn vào đâu được, nhưng nó lại được hàn gắn vào một thứ vật liệu khác, khó hiểu. Phân tích các Giấc mơ có vẻ như khó nhận biết¹ của người lớn nhiều hơn nữa, chúng ta sẽ ngạc nhiên thấy rằng hiếm khi nó đơn giản tựa Giấc mơ trẻ con. Nó thường có một cái ý nghĩa khác nữa ẩn đằng sau cái nguyện vọng cần được thỏa mãn.

Chắc chắn việc giải mã những điều kỳ bí trong Giấc mơ sẽ cho những lối giải đơn giản và vừa ý, nếu như công việc phân tích tạo

¹ [Chắc là lỗi in ấn (từ lần tái bản); vì trong bản đầu thì là: dễ nhận biết -ND]

được điều kiện để quy ngay cả những Giấc mơ rối ren, vô nghĩa của người lớn về loại hình các Giấc mơ của trẻ con, là thỏa mãn một ý nguyện nóng bỏng trong ngày. Chắc chắn hiện tượng bên ngoài không hậu thuẫn cho điều trông đợi ấy. Giấc mơ thường đầy những thứ phiếm định, không thuần nhất. Ở nội dung Giấc mơ thường chẳng có gì là thỏa mãn ý nguyện.

Giấc mơ của con trẻ là Giấc mơ thỏa mãn ý nguyện không che đậy. Trước khi để nó lại đó, còn một thuộc tính quan trọng nữa của Giấc mơ mà tôi không muốn bỏ sót. Thuộc tính này đã được nhận ra từ lâu, cũng chính ở nhóm các Giấc mơ này mà nó bộc lộ ra một cách thuần khiết nhất. Có thể thay mỗi Giấc mơ bằng một điều ước. Giá mà được đi chơi hồ lâu hơn; giá mà đã rửa mặt, mặc áo xong; giá mà được giữ giỏ anh đào ấy, không phải tặng đi cho ông cậu. Nhưng Giấc mơ còn cho nhiều hơn điều mong ước. Nó cho thấy ý nguyện đã được thỏa mãn, nó thể hiện sự thỏa mãn ấy như thể có thật, hiện hữu. Nó sử dụng chủ yếu, nếu không phải duy nhất, toàn những tình huống và thường là những hình ảnh mà cảm quan thấy được. Vậy là cả ở nhóm này cũng không hoàn toàn thiếu sự chuyển đổi, có thể gọi là công mơ. *Một ý nghĩ trong lối mong mỏi được thay thế bằng một trực cảm trong thi hiện tại.*

IV

Dễ có xu hướng cho rằng ở những Giấc mơ rối ren cũng có sự chuyển đổi thành tình huống, mặc dù khó biết ở đó nó có hay không liên quan tới lối mong mỏi. Ở Giấc mơ mà tôi đã kể làm ví dụ mở đầu và đã phân tích khá nhiều, tuy nhiên lại có hai chỗ cho phép giả định một cái gì đó gần như một điều như vậy. Khi phân tích tôi có nói rằng, tôi khó chịu bởi lẽ tôi thấy bà vợ tôi trong

bàn ăn cứ bận rộn vì những người khác. Trong chiêm bao đã diễn ra đúng cái *ngược lại*: người phụ nữ thế chân vợ tôi đã hoàn toàn dành sự quan tâm cho tôi. Vậy cái khó chịu kia liệu còn có thể dẫn dắt đến một ý nguyện nào hơn thế? Hơn cái ngược lại, như đã diễn ra trong chiêm bao. Hoàn toàn tương tự là mối quan hệ giữa cái ý chiêm chọc lúc phân tích, rằng tôi chẳng mất gì mà được, với lời người phụ nữ trong mơ: ông luôn có đôi mắt rất đẹp. Như vậy là đã quy được một phần của những cái trái ngược giữa nội dung hiển nhiên và tiềm ẩn của Giác mơ về sự thỏa mãn ý nguyện.

Còn một thành quả quá rõ khác của công mơ, có nó thì mới sinh ra những Giác mơ không nhất quán. Lấy một ví dụ bất kỳ, hãy đối chiếu số lượng các yếu tố tưởng tượng hoặc quy mô ghi ký ở Giác mơ và ở các ý nghĩ trong Giác mơ mà phân tích đã đưa chúng ta đến, và từ đó ta lại tìm ra một dấu ấn trong Giác mơ. Không còn nghi ngờ gì nữa: Giác mơ đã thực hiện một *công nén* hoặc sự cô đọng tuyệt vời.

Về quy mô của công nén, lúc đầu chưa hình dung ra đâu. Song càng phân tích sâu, càng thấy là nó đồ sộ. Không thấy một yếu tố nào của nội dung Giác mơ mà từ đó lại không có những sợi dây liên tưởng chạy ra hai hay nhiều ngả. Không thấy một tình huống nào mà lại không được dàn dựng từ hai hay nhiều ấn tượng hay sự kiện. Có lần tôi mơ thấy một cái bể bơi và mọi người đang bơi đi tứ phía. Lại có người đứng trên mép bể, đang cúi xuống với một người đang bơi, như thể định kéo người này lên. Tình huống đó được ráp lại từ ký ức về một sự kiện xảy ra ngày tôi còn ở tuổi dậy thì, và từ hai bức tranh mà tôi mới vừa được xem. Đó là bức *Bất ngờ lúc tắm*, thuộc bộ tranh *Melusine* của Schwind, và bức *Cơn hồng thủy*, của một danh họa Italia. Còn cái sự kiện nhỏ là tôi đã nhìn thấy ở trường dạy bơi

cảnh ông thấy đỡ một quý bà ra khỏi bể bơi - bà ta cứ nấn ná đến tận sát giờ của nam giới. Tình huống ở ví dụ mà tôi đã chọn lúc đem phân tích lại dẫn tôi đến một số ký ức khác, ký ức nào cũng có phần góp vào nội dung Giác mơ. Trước tiên là cái cảnh hồi tôi đang cầu hôn như tôi đã kể. Cái bắt tay dưới gầm bàn hồi ấy đã góp cho Giác mơ cái chi tiết “dưới gầm bàn” mà tôi phải thêm vào ký ức. Đương nhiên hồi ấy chưa thể nói gì đến “sự quan tâm”; phân tích rồi thì tôi mới biết: yếu tố đó chính là sự thỏa mãn ý nguyện bằng cái điều trái ngược, do cách hành xử của bà vợ tôi ở cái *table d'hôte*. Thế nhưng đằng sau cái ký ức mới ấy còn ẩn náu một cảnh từ hồi chúng tôi mới đính hôn, hoàn toàn tương tự và quan trọng hơn nhiều, bởi lẽ nó đã chia rẽ chúng tôi cả một ngày trời. Thái độ thân tình, đặt bàn tay lên đầu gối, thuộc về một bối cảnh hoàn toàn khác với những con người hoàn toàn khác. Bản thân cái yếu tố Giác mơ ấy rồi lại thành điểm xuất phát của hai dòng ký ức đặc biệt...

Vật liệu lấy từ các ý nghĩ trong Giác mơ để dồn nén lại thành tình huống trong Giác mơ đương nhiên phải đáp ứng được yêu cầu sử dụng ấy ngay từ đầu. Muốn vậy nó cần có một - hay nhiều - cái chung ở tất cả mọi hợp phần. Rồi “công mơ” cũng chịu tác động như khi Francis Galton dàn dựng các tấm ảnh gia đình của ông ta. Các hợp phần được chồng lên nhau, cái chung trong hoàn cảnh lúc ấy mới nổi trội, những chi tiết mâu thuẫn nhau tự xóa lẫn nhau. Cách dàn dựng như vậy cũng diễn giải được một phần vì sao nhiều yếu tố của nội dung Giác mơ lại cứ mờ mờ một cách rất đặc trưng, không xác định rõ ràng. Dựa vào nhận biết này thì sự Diễn giải Giác mơ sẽ đưa ra quy tắc sau: khi phân tích mà gặp một yếu tố *không xác định* đưa tới cái “*hoặc - hoặc*”, thì hãy thay cái “*hoặc - hoặc*” đó bằng một cái “*và*”, rồi lại xem từng vế của cái thể có vẻ như phải lựa chọn ấy như là lối ra độc lập cho cả một dòng ý tưởng bất chợt.

Nơi nào mà giữa các ý nghĩ trong Giấc mơ không có *cái chung* thì công mơ sẽ cố *tạo ra những cái đó* để cho trong Giấc mơ có một bố cục chung. Con đường tiện nhất để cho hai ý nghĩ trong Giấc mơ còn chưa có cái chung có thể xích lại gần nhau, là đổi từ ngữ diễn đạt cái này, rồi để chiếu cố nó, khuôn cái kia lại bằng những từ ngữ khác. Y như người làm thơ phải gò vắn, miễn là cùng thanh thì sẽ đạt được cái chung như đã mong. Mất khá nhiều công mơ như vậy, rút trích những ý trung gian, thường rất khô hài, lắm khi lại có vẻ khiên cưỡng; có thể phù hợp với bố cục chung mà cũng có thể lạc lõng về cả hình thái lẫn bản chất, tùy theo tình huống. Ở Giấc mơ mà tôi đã chọn làm ví dụ để phân tích cũng có một trường hợp như thế, mà chúng ta phải nhào nặn một ý cho phù hợp được với một ý nghĩ khác về bản chất. Chẳng là, khi phân tích tôi đã vấp phải ý nghĩ: Tôi cũng muốn có một lần được mà không mất. Nhưng dạng này thì không thể dùng cho nội dung Giấc mơ được, mà phải đổi nó thành một dạng khác: Tôi cũng rất muốn được hưởng một chút gì đó mà không hề phải "*chi trả*". Bây giờ thì từ chi trả, với ý nghĩa thứ hai của nó¹ thật hợp với bối cảnh cái *table d'hôte*, và có thể được thể hiện qua món rau ba lạng mà người ta đã dọn ra. Ở nhà tôi, mỗi khi có món được dọn ra bàn mà bọn trẻ không chịu ăn, thì mẹ tôi bao giờ cũng nói ngọt, dỗ dành trước: Chúng mày chỉ cần nếm thử một chút. Rằng không còn nghi ngờ gì nữa là công mơ đã khai thác triệt để cái thể đôi ngả của từ ngữ, nếu thoát nhìn thì thấy lạ, tuy nhiên khi đã giàu kinh nghiệm rồi thì lại thấy đó chỉ là một sự kiện thông thường.

Qua công nén của Giấc mơ, còn có thể Diễn giải cả những hợp phần nào đó mà chỉ nội dung Giấc mơ mới có, mà lúc tỉnh thì chẳng

¹ ở đây tác giả chơi chữ, trong tiếng Đức, "*Kosten*" vừa có nghĩa là "*chi trả*", vừa có nghĩa là "*nếm*" -ND

tài nào hình dung ra được. Đó là những *cá thể tập hợp* và *cá thể hỗn hợp*, và những *hình tượng hỗn hợp*, là những sáng tạo tựa tựa các hình thù của trí tưởng tượng nơi các dân tộc phương Đông. Trong tư duy của chúng ta thì từ lâu, chúng đã bị đông cứng lại, nhưng trái lại, ở các sáng tạo trong Giác mơ thì chúng lại có thiên hình vạn trạng, luôn luôn mới lạ. Ai cũng từng có lần đã chiêm bao thấy những hình tượng như thế; có nhiều cách để tạo ra chúng. Có thể tập hợp thành một tác nhân nhờ vay mượn những nét riêng của người này, người khác. Hoặc giả lấy vóc dáng của một người, nhưng lại gán cho cái tên của một người khác. Hoặc giả rõ ràng là ai đó, song lại bị đẩy vào tình huống của một người khác. Trong mọi trường hợp thì việc tập hợp nhiều cá nhân thành một đại diện rất có ý nghĩa; về mặt nào đó thì nó có nghĩa là “và”, “cũng như”; nó xếp ngang bằng các cá thể nguyên gốc mà chúng cũng có thể sẽ được nhắc tới trong Giác mơ. Nhưng nói chung thì trong nội dung Giác mơ chỉ thoáng thấy có một cá nhân tập hợp, và chỉ mãi qua phân tích thì mới nhận ra sự hòa đồng của nhiều cá thể đã được chung đúc này.

Tính chất đa dạng này ở cách hình thành và chính cách phân giải chúng, cũng đúng cho những hình tượng hỗn hợp của nội dung Giác mơ mà tôi chẳng cần phải kể ra nữa. Tính đặc thù của chúng hoàn toàn biến mất, khi chúng ta quyết định không xếp chúng thành một hàng với các khách thể của sự cảm nhận khi thức, mà luôn tự nhắc rằng, chúng thể hiện một thành quả của công nén của Giác mơ; chúng đã rút tĩa một cách đúng đắn để nêu bật lên cái tính cách chung nhất của những khách thể đã được tổ hợp lại. Thường thì ở đây cũng phải phân tích mới nhận ra được cái chung. Nội dung Giác mơ chỉ nói lên được rằng: *mọi thứ này đều có chung một cái X*. Phân tích mổ xẻ các hình tượng hỗn hợp như vậy thường là con đường

ngắn nhất đưa đến ý nghĩa của Giấc mơ. Có lần tôi chiêm bao thấy tôi với ông thầy hồi còn ở đại học đang ngồi trên một cái ghế băng: nó chuyển động tịnh tiến rất nhanh giữa những cái ghế khác. Đó là một sự tổ hợp giữa giảng đường với vỉa hè di động. Nghĩ đến đó thì đứt quãng. Lần khác tôi mơ thấy mình ngồi trong toa xe lửa đang ôm vào lòng một vật gì đó như thể một cái mũ hình trụ nhưng lại bằng thủy tinh trong suốt. Hình ảnh ấy tức gợi cho tôi câu châm ngôn: Mũ cầm tay thì ta sẽ đi khắp xứ. Còn *hình trụ bằng thủy tinh* thì gián tiếp gợi nhớ cây đèn Auer. Tôi chợt nhận thức được ngay rằng chính tôi cũng đang ao ước có được một tấm bằng phát minh. Nó sẽ làm cho tôi giàu có và độc lập, không thua gì ông bạn đồng hương của tôi là TS. Auer von Welsbach nhờ tấm bằng phát minh nọ. Là tôi muốn được đi chơi đó đây, thay vì nằm lì mãi ở Wien. Thế là tôi chiêm bao thấy tôi đang đi chơi đây đó với cái mũ hình trụ bằng thủy tinh của tôi, mặc dù nó chưa thông dụng. Đặc biệt là công mơ còn hay thể hiện nhờ hình tượng hỗn hợp, hai điều tưởng tượng mà chúng có quan hệ đối lập nhau. Chẳng hạn khi một người phụ nữ nằm mơ thấy mình đang dương cao một cành hoa như thiên thần ở bức tranh Maria Loan tin (Đồng trinh - Marie chính là tên bà), thì cách ấy lại đẩy những cánh hoa trắng mà dày kia, như Hoa Trà (Đối lập với Đức Đồng trinh là Trà Hoa nữ).

Có thể đúc kết thành công thức những gì mà chúng ta vừa mới được biết về công nén của Giấc mơ. Từng yếu tố trong nội dung Giấc mơ vậy là đã được *tiền định* bởi vật liệu nằm ở các ý nghĩ trong Giấc mơ. Chúng có thể thuộc về những miền cực kỳ khác nhau của một ý nghĩ. Yếu tố của Giấc mơ, nếu hiểu đúng nghĩa thì chính là đại diện trong nội dung Giấc mơ của tất cả thứ vật liệu phát tán ấy. Phân tích còn làm lộ ra một mặt khác nữa của quan hệ tổ hợp giữa nội dung Giấc mơ và các ý nghĩ trong Giấc mơ. Tựa như mỗi yếu tố

của Giác mơ đều có liên quan tới nhiều ý nghĩ trong Giác mơ, nên về nguyên tắc thì mỗi ý nghĩ trong Giác mơ cũng được đại diện bởi nhiều yếu tố trong Giác mơ. Các đường dây tập hợp đi từ các ý nghĩ trong Giác mơ không chỉ đơn thuần hội tụ về nội dung Giác mơ, mà dọc đường đi chúng còn đan xen, còn bắt chéo nhau nhiều lần.

Vậy bên cạnh sự chuyển đổi từ một ý nghĩ thành một tình huống (“chuyển thể kịch”), thuộc tính quan trọng nhất và cũng độc đáo nhất của công mơ chính là sự cô nén. Tuy nhiên, động cơ nào đã khiến nội dung phải được dồn nén lại như vậy? Về điều này thì cho tới nay, chưa hề biết được một chút gì.

V

Bây giờ chúng ta xét đến những Giác mơ phức tạp hơn, rối ren hơn. Ở đây không thể quy hết ấn tượng về sự khác biệt giữa nội dung Giác mơ với các ý nghĩ trong Giác mơ về mặt sự cô nén và việc chuyển thể kịch. Nhiều bằng chứng cho thấy là còn tác dụng của một nhân tố thứ ba, đáng để chúng ta tìm hiểu kỹ.

Sau khi đã phân tích, nắm bắt được các ý nghĩ trong Giác mơ, tôi đặc biệt cảm thấy rằng, chất liệu được đề cập tới ở nội dung hiển nhiên khác hẳn với chất liệu ở nội dung tiềm ẩn của Giác mơ. Đương nhiên đó chỉ là một ảo giác, mà nó sẽ biến mất ngay khi khảo sát kỹ hơn. Bởi lẽ cuối cùng thì tôi cũng nhận ra là toàn bộ nội dung Giác mơ có đủ ở các ý nghĩ trong Giác mơ và hầu hết các ý nghĩ trong Giác mơ đã được phản ánh vào nội dung Giác mơ. Tuy nhiên vẫn cứ tồn tại một chút khác biệt nào đó. Cái hiện ra sáng sủa, rõ ràng như thể đó là nội dung chủ yếu thì sau khi phân tích, lại thấy là nội dung các ý nghĩ trong Giác mơ thì nó chỉ giữ một vai trò hết sức thứ yếu. Như tôi cảm nhận được, nội dung các

ý nghĩ trong Giấc mơ thì cái đáng chú ý nhất phải là cái mà chất liệu tưởng tượng của nó tuyệt không hề thấy trong nội dung Giấc mơ, hoặc giả chỉ thấy ám chỉ xa xôi ở một miền mù mờ nào đó của Giấc mơ. Tôi có thể miêu tả sự kiện đó như sau: *Trong diễn tiến của công mơ, cường độ tâm lý của các ý nghĩ và trí tưởng tượng mà lẽ ra nó phải được nhấn mạnh vào đó, thì lại chuyển qua những cái mà theo đánh giá của tôi thì không đáng nhấn mạnh như vậy.* Không một quá trình nào khác lại góp phần vào đó nhiều như thế, nó che mất ý nghĩa của Giấc mơ, nó làm cho không còn nhận ra mối quan hệ giữa nội dung Giấc mơ với các ý nghĩ trong Giấc mơ. Trong quá trình mà tôi tạm gọi là *sự chuyển dịch Giấc mơ*, tôi cũng thấy cả cường độ tâm lý, tầm quan trọng hay là khả năng tạo cảm của các ý nghĩ chuyển thành cảm giác sống động. Cái rõ nhất ở nội dung Giấc mơ vậy hiển nhiên là cái quan trọng nhất; nhất là trong một yếu tố không rõ ràng của Giấc mơ thì tôi lại thường nhận ra được chất dẫn xuất trực tiếp nhất của ý nghĩ cơ bản trong Giấc mơ.

Cái mà tôi vừa gọi là sự chuyển dịch Giấc mơ thì tôi cũng có thể gọi là *sự chuyển đổi các giá trị tâm lý*. Nhưng sẽ là chưa đánh giá hết hiện tượng này nếu không nói thêm rằng, công chuyển dịch hay chuyển đổi này sẽ tham gia vào từng Giấc mơ theo một khoảng hết sức thay đổi. Có những Giấc mơ hình thành mà không hề có một sự chuyển dịch nào. Đó là những Giấc mơ có ý nghĩa và dễ hiểu, chẳng hạn các Giấc mơ ý nguyện không chút giấu giếm mà chúng ta đã gặp. Ở những Giấc mơ khác thì chẳng một ý nghĩ trong Giấc mơ nào còn giữ được cái giá trị tâm lý riêng của nó. Tất cả những gì là chính xuất xứ từ các ý nghĩ trong Giấc mơ đều bị thay thế bởi cái phụ, và ở giữa là cả một dãy cực kỳ hoàn chỉnh những thứ quá độ. Giấc mơ càng tối và rối, tức là mômen chuyển dịch lúc hình thành ra nó càng lớn.

Ở ví dụ chúng ta đã chọn để phân tích, chí ít thì cũng đã có sự chuyển dịch đủ để cho nội dung có vẻ *định tâm* khác hẳn các ý nghĩ trong Giấc mơ. Nổi lên ở nội dung là cảnh có người đàn bà dường như muốn ve vãn tôi. Trọng lượng chính ở các ý nghĩ trong Giấc mơ nằm ở ước nguyện muốn được hưởng một mối tình mà “không mất gì”. Ý ấy còn ẩn dụ đằng sau cái cách nói về đôi mắt đẹp và cách nói bóng gió xa xôi về “rau ba lăng”. Nếu qua phân tích mà lật ngược được bước chuyển dịch thì sẽ với được đến những thông tin hoàn toàn chắc chắn về hai vấn đề được tranh cãi nhiều là nguồn kích thích Giấc mơ và mối quan hệ giữa Giấc mơ và đời sống khi thức. Có những Giấc mơ chỉ gián tiếp bộc lộ chỗ kết nối của chúng với các trải nghiệm lúc ban ngày. Ở những Giấc mơ khác lại không tìm thấy một dấu vết nào của mối quan hệ ấy.

Nếu đem phân tích thì sẽ có thể chỉ ra rằng: Không có ngoại lệ, Giấc mơ nào cũng kết nối với một cảm xúc của mấy ngày qua - nói như sau hẳn đúng hơn: ở cái ngày cuối cùng trước Giấc mơ (của ngày mơ), cái cảm xúc giữ vai trò nguồn kích thích Giấc mơ có thể mạnh đến mức, đã tỉnh rồi mà vẫn còn vương vấn. Ở trường hợp ấy nói “Giấc mơ” là đúng, nó tiếp nối mối quan tâm quan trọng của đời sống khi thức. Thế nhưng thông thường thì, nếu quả có mối quan hệ giữa nội dung Giấc mơ với một cảm xúc lúc ban ngày, cảm xúc này lại hay mờ nhạt, tầm thường và dễ quên đến mức, có muốn nhớ lại cũng khó. Khi ấy thì nội dung Giấc mơ, cho dù mạch lạc và dễ hiểu, vẫn chỉ quẩn quanh những chuyện tầm phào, vô bổ nhất, chẳng đáng cho chúng ta để ý tới khi thức. Giấc mơ hay bị xem thường phần nhiều chính vì nội dung đầy những thứ phù phiếm, vô cảm của nó.

Sự phân tích sẽ phá vỡ cái vỏ ngoài làm cho Giấc mơ bị xem thường. Ở đâu mà nội dung Giấc mơ tưởng như được kích thích bởi

một cảm xúc không quan trọng, thì phân tích lại chứng minh rằng ở đó có một sự kiện quan trọng và tạo cảm. Chỉ có điều nó sẽ bị át đi bởi cái không quan trọng mà nó vốn có quan hệ kết nối. Ở đâu mà nội dung Giấc mơ trình ra những hình ảnh vô nghĩa, nhạt nhẽo, thì ở đó phân tích lại chứng minh rằng có vô số ngã đường liên thông, nối giữa cái tầm thường với cái cao quý nhất trên các nấc thang giá trị tâm lý. *Đó chỉ là những động thái của công chuyển dịch, một khi thay vì cái cảm xúc đúng lý ra phải kích thích lại là cái vô cảm, thay vì thứ chất liệu đúng lý ra phải hấp dẫn lại là cái tâm phào lợt vào nội dung Giấc mơ.* Vậy nếu hỏi về nguồn kích thích Giấc mơ, về quan hệ giữa Giấc mơ với đời sống thường nhật thì dưới các quan niệm mới ấy - thay nội dung hiển nhiên bằng nội dung tiềm ẩn, có thể trả lời: *Không bao giờ Giấc mơ lại quan tâm tới những thứ chẳng đáng quan tâm lúc ban ngày, và không bao giờ những chuyện vụn vặt chẳng đáng bận lòng lúc ban ngày lại đeo đuổi chúng ta vào tận giấc ngủ.*

Vậy đâu là cái nguồn kích thích Giấc mơ ở ví dụ mà chúng ta đã chọn để phân tích? Trải nghiệm nọ thật sự vô nghĩa: Có người bạn đã giúp tôi một *chuyến xe không mất tiền*. Tình huống diễn ra bên *table d'hôte* trong Giấc mơ có ám chỉ đến cái sự kiện vô nghĩa ấy, chẳng là trong cuộc đàm đạo, tôi đã đối chiếu cỗ xe có đồng hồ chỉ lộ trình với cái *table d'hôte*. Nhưng tôi có thể dẫn ra đây một trải nghiệm quan trọng mà cái trải nghiệm vô nghĩa kia đã át đi mất. Nguyên là trước đó ít ngày, tôi có chi một món tiền còn lớn hơn thế cho một người khá thân trong gia đình. Nào có chi lạ - đó là ý nghĩ trong Giấc mơ - nếu mà người này biết ơn tôi thì câu chuyện tình cảm này đâu phải là không mất tiền. Nhưng trong các ý nghĩ trong Giấc mơ thì chuyện tình cảm không mất tiền lại đứng ở hàng đầu. Nguyên là trước đó không lâu, tôi từng nhiều lần đi xe với người họ hàng vừa nói, vậy là lần đi xe cùng với anh bạn gọi luôn cho tôi

nhớ đến các mối quan hệ giữa tôi với người kia. Để một ấn tượng vô nghĩa qua những mối kết nối như vậy trở thành được nguồn kích thích Giác mơ, lại còn có một điều kiện mà cái nguồn thật không tuân thủ: Nó nhất thiết phải là một ấn tượng *mới mẻ*, vừa mới xảy ra trong ngày mơ.

Tôi chưa thể bỏ đề tài về sự chuyển dịch Giác mơ lại đó khi còn chưa nói đến một quá trình rất đáng chú ý lúc Giác mơ được hình thành, là cô nén và chuyển dịch cùng tác động, tạo hiệu quả.

Lúc bàn về công nén có nói rằng, nếu trong ý nghĩ trong Giác mơ lại có hai trí tưởng tượng có chung với nhau một cái gì đó, một tiếp điểm, thì ở trong nội dung Giác mơ sẽ có một trí tưởng tượng hỗn hợp thể chân chúng. Mà ở trí tưởng tượng hỗn hợp này thì cái lõi rõ rệt hơn thì ứng với cái chung, còn những thứ phụ, không rõ ràng ứng với những nét riêng của từng cái. Nếu thêm vào công nén còn có công chuyển dịch nữa thì lại không hình thành trí tưởng tượng hỗn hợp, mà sẽ thành một *cái chung đứng giữa*. Quan hệ giữa nó với các yếu tố lẻ tựa như quan hệ giữa hợp lực với các lực thành phần trong hình bình hành tổng hợp lực. Chẳng hạn như ở một Giác mơ của tôi có chỗ nói đến việc tiếm *propylen*. Lúc phân tích, mới đầu tôi chỉ lần ra được một trải nghiệm không quan trọng có tác động như nguồn kích thích, mà ở đó thì *amylen* có đóng một vai trò. Tôi chưa thể hiểu vì sao lại có sự hoán vị giữa amylen với propylen. Nhưng vẫn trong vòng ý niệm của chính Giác mơ ấy lại còn có một ký ức: Tôi đã để tâm đến *propyläen* (tiền sảnh có nhiều cột và để thoáng ở các đền cổ Hy Lạp - ND) hồi tôi đến thăm Munich lần đầu. Lại phân tích tiếp thì thấy có thể giả định rằng, chắc là vòng tưởng tượng thứ hai đã tác động vào vòng tưởng tượng thứ nhất, gây ra sự chuyển dịch từ *amylen* sang *propylen*. Vậy propylen là trí tưởng tượng trung gian đứng giữa

amylen với *propyläen*. Nó lọt vào nội dung Giấc mơ như thể một sự thỏa hiệp, do cùng lúc vừa có nén vừa có chuyển dịch.

Ở công chuyển dịch, nhu cầu có vẻ còn cấp thiết hơn ở công nén, là phải tìm ra một cái nguyên cơ cho những nỗ lực đẩy bí ẩn ấy của công mơ.

VI

Những khi trong nội dung Giấc mơ có những ý nghĩ trong mơ mất hẳn hoặc giả biến dạng đến mức không còn nhận ra được, mà lại không đoán ra lý do bóp méo như thế, thì có thể quy cho công chuyển dịch là chính. Những khi ấy nếu biết chuyển đổi theo một cách khác, nhẹ nhàng hơn, thì sẽ nhận ra một thành tựu mới mà dễ hiểu của công mơ. Chẳng là khi khai triển phân tích thì thường những ý nghĩ trong Giấc mơ gần nhất lại dễ thu hút chúng ta nhất bởi vẻ ngoài khác thường của chúng. Chúng được diễn đạt không bằng ngôn ngữ đời thường mà chúng ta vẫn quen tư duy, mà bằng thứ ngôn ngữ biểu tượng đầy những sự so sánh và phép ẩn dụ, và giàu hình ảnh như ngôn ngữ thi ca. Tìm động cơ cho sự gò bó đến mức độ ấy trong diễn đạt các ý nghĩ trong Giấc mơ là chẳng khó. Nội dung Giấc mơ thường là các tình huống trực cảm; vậy các ý nghĩ trong Giấc mơ trước hết phải qua trau chuốt rồi mới thành cách diễn đạt ấy. Hãy hình dung: chúng ta phải thay câu chữ ở một bài chính luận hoặc một lời bào chữa trong toà án bằng một chuỗi hình ảnh. Ta sẽ hiểu những thay đổi mà công mơ buộc phải làm cốt để cho nội dung Giấc mơ có thể thể hiện được.

Ở chất liệu tâm lý của các ý nghĩ trong Giấc mơ hay có những ký ức về những trải nghiệm đầy ấn tượng - không hiếm khi mãi từ thời thơ ấu. Đó chính cũng là những tình huống, thường với nội

dung hình ảnh. Ở bất cứ đâu có thể thì hợp phần ấy của các ý nghĩ trong Giấc mơ cũng chỉ phối có tính quyết định tới nội dung, nó như một điểm kết tinh vừa thu hút lại vừa phát tán chất liệu của các ý nghĩ trong Giấc mơ. Tình huống của Giấc mơ lắm khi chẳng là gì khác cái trải nghiệm dây ấn tượng ấy, nó được lặp lại có cải biên, thêm bớt tí chút cho ly kỳ hơn; hiếm khi thấy tái hiện cảnh thực, trung thực, không pha tạp.

Nội dung Giấc mơ tuy nhiên không chỉ toàn là tình huống, cũng có từng mảng hình rời rạc, từng đoạn thoại, thậm chí từng ý tưởng chưa bị thay đổi. Cho nên có lẽ cũng đáng duyệt lại thật ngắn gọn những phương thức thể hiện mà công mơ thường dùng, để có thể phục nguyên các ý nghĩ trong Giấc mơ đúng như chúng vẫn được diễn đạt theo cách độc đáo riêng của Giấc mơ.

Các ý nghĩ trong Giấc mơ mà chúng ta nắm bắt được qua phân tích cho thấy chúng thành cả một phức hợp tâm lý với kết cấu rắc rối nhất. Giữa chúng với nhau là những mối quan hệ logic cực kỳ đa dạng. Chúng tạo ra mặt tiến, mặt hậu, các điều kiện, những nét điểm xuyết, các đoạn giảng giải, những phần chứng minh và cả những ý phản bác. Ở chất liệu ấy không thiếu một tính cách nào mà tư duy lúc thức từng đã biết. Nếu bây giờ gom tất thành Giấc mơ, thứ chất liệu tâm lý ấy mới được dồn lại, nén chặt, có chỗ vỡ vụn, có chỗ xê dịch ở trong - thì cũng tức là tạo ra những bề mặt mới và cũng là có một tác động chọn lọc qua những hợp phần thích đáng nhất để hình thành tình huống.

Quá trình này nên gọi là “*thoái triển*”, bởi lẽ diễn tiến phát sinh của chất liệu vốn đã như thế. Đến lúc chất liệu chuyển thành nội dung Giấc mơ thì tuy nhiên, sẽ mất đi các sợi dây logic mà bấy nay vẫn gom nó lại, cũng tức là công mơ đã chỉ xử lý phần nội dung

đúng thực chất của các ý nghĩ trong Giấc mơ. Bây giờ thì công việc phân tích phải lập lại được mối liên kết mà công mơ đã xóa mất.

Các phương tiện diễn đạt của công mơ cũng nghèo nàn, nếu so với các phương tiện của ngôn ngữ tư duy. Thế nhưng Giấc mơ không cần phải từ bỏ hoàn toàn việc phục nguyên các quan hệ logic giữa các ý nghĩ trong Giấc mơ. Ngược lại, thường nó đủ thành công khi nó thay các quan hệ ấy bằng những tính cách riêng mang tính hình thức của kết cấu riêng của nó.

Trước tiên là Giấc mơ thừa nhận mối liên kết không thể chối bỏ giữa mọi phần của các ý nghĩ trong Giấc mơ, bằng cách nó hợp nhất thứ chất liệu ấy thành một tình huống. Nó phục nguyên *mối liên hệ* logic như thể một *tiếp cận trong thời gian và không gian*. Tựa như cái chàng họa sỹ đã gom hết các nhà thơ lại trên ngọn Parnasse (núi đá vôi ở Trung Hy Lạp - ND) để thành một bức tranh - họ chưa bao giờ tụ tập trên một ngọn núi, nhưng trong khái niệm thì họ vẫn hợp thành một cộng đồng. Anh ta tiếp tục cách thể hiện như thế đến tận chi tiết và có khi nào anh cho thấy hai yếu tố cần nhau trong nội dung Giấc mơ, thì đó là anh bảo lãnh cho những cái tương ứng ở các ý nghĩ trong Giấc mơ được có một mối liên hệ đặc biệt mật thiết. Tiện đây nói thêm rằng, mọi Giấc mơ xảy ra trong cùng một đêm, khi được phân tích sẽ cho thấy rằng chúng đều bắt nguồn từ cùng một nhóm ý nghĩ đó.

Quan hệ nhân quả giữa hai ý nghĩ hoặc là sẽ bị bỏ đi không thể hiện, hay là sẽ được thay bằng hai đoạn *kế tiếp nhau* trong Giấc mơ, có độ dài khác nhau. Thường nhiều khi còn thể hiện ngược, phần đầu là hệ quả, phần kết là tiên đề. Trong Giấc mơ thì sự *chuyển đổi* cái này thành cái kia hình như thể hiện mối quan hệ *nhân quả*.

Giấc mơ không bao giờ thể hiện thể đôi ngả “*hoặc - hoặc*”, nó xem hai vế là bình đẳng trong mỗi quan hệ ấy. Nếu chúng ta gặp “*hoặc - hoặc*” trong việc tái hiện Giác mơ, thì phải phiên thành “*và*”, như tôi đã có nói.

Trong chiêm bao, những ý tưởng đối lập hay được ưu tiên thể hiện bởi cùng chính một yếu tố.¹ Đối với Giác mơ thì hình như không có cái “*không*”. Sự đối nghịch giữa hai ý nghĩ, quan hệ thuận nghịch được thể hiện trong chiêm bao một cách rất độc đáo. Cách ấy là: đảo một mảng khác của nội dung Giác mơ cho thành các nghịch của nó - thì cũng như là thêm. Còn một cách diễn đạt *mâu thuẫn* khác nữa, mà chúng ta sẽ làm quen sau. Cái cảm giác *chuyển động bị ức chế* hay gặp trong chiêm bao, cũng thể hiện một mâu thuẫn giữa hai xung động, một *xung đột ý chí*.

Trong hàng các mối liên quan logic, chỉ có một mối duy nhất, về *sự tương tự, tính chung nhất, sự trùng khớp* là hợp với cơ chế hình thành Giác mơ ở mức độ cao nhất. Công mơ vẫn lấy các trường hợp ấy làm điểm tựa để cô nén, bằng cách gom tất cả những gì trùng khớp như thế thành một *thể thống nhất mới*.

Đương nhiên dăm ba nhận xét thô thiển trên chưa phải là đủ để điểm cho hết cả đồng các phương tiện của Giác mơ, nhằm thể hiện hình thức mối quan hệ logic giữa các ý nghĩ trong Giác mơ. Về mặt này thì từng Giác mơ vốn được gia công hoặc tinh tế hơn, hoặc cấu thả hơn. Chúng bám lấy kịch bản sẵn có, sát nhiều hay sát ít, nó sử dụng các phương tiện hỗ trợ của công mơ nhiều hay ít hơn. Ở trường hợp cuối thì Giác mơ có vẻ tối nghĩa, rời ren rời rạc. Thế nhưng chính

¹ [Phần bổ sung 1911:] Đáng lưu ý là, những nhà nghiên cứu ngôn ngữ nổi tiếng khẳng định rằng, những ngôn ngữ cổ nhất của loài người thể hiện sự đối lập mang tính mâu thuẫn nói chung bởi chính từ ấy (mạnh - yếu; trong - ngoài... “*nghĩa ngược lại của các từ gốc*”).

ở chỗ Giấc mơ hình như phi lý, hiển nhiên nghịch nghĩa với nội dung thì lại là có dụng ý. Nó giả đồ buông lơi mọi yêu cầu logic để cố diễn đạt bằng được cái nội dung trí tuệ của các ý nghĩ trong Giấc mơ. Điều phi lý trong chiêm bao có nghĩa là *phản bác*, *mĩa mai* và *chế giễu* ở các ý nghĩ trong Giấc mơ. Diễn giải như vậy là chống lại cái quan niệm bấy lâu nay vẫn cho rằng Giấc mơ hình thành từ hoạt động tinh thần tách biệt, không có phê phán. Vậy nên để nhấn mạnh, tôi xin dẫn một ví dụ:

Tôi có một người quen là ông M., bị công kích trong một bài viết. Người công kích lại không phải ai khác mà chính là Goethe. Mà công kích rất gay gắt, tất cả chúng tôi đều cho rằng là có phần quá đáng. Ông M. dĩ nhiên bị tiêu diệt vì ngón đòn công kích đó. Trong một buổi tiếp tân, ông hết sức phàn nàn vì dù sao thì bất chấp trải nghiệm cá nhân kia, ông vẫn tôn kính Goethe. Tôi mới tìm cách làm rõ thêm mối tương quan về mặt thời gian mà tôi thấy là vô lý. Goethe mất năm 1832. Hẳn nhiên là Goethe đã phải công kích ông M. từ trước đó nữa, nên khi đó thì ông M. còn trẻ lắm. Tôi thấy có thể chấp nhận rằng khi đó, ông 18 tuổi. Nhưng tôi lại chẳng biết chắc là hiện nay chúng ta đang ở vào năm nào, và thế là phép tính cứ rối mù. Mặt khác thì đòn công kích lại ở trong bài viết nổi tiếng, “Tự nhiên” của Goethe.

Cái phi lý của Giấc mơ ấy càng thêm gai góc, nếu tôi còn cho biết rằng, ông M. chỉ là một thương gia trẻ, chẳng có một chút duyên nợ nào với thi ca và văn chương cả. Nhưng nếu đi sâu vào việc phân tích Giấc mơ thì tôi sẽ chỉ ra được rằng, ẩn đằng sau cái phi lý kia là biết bao “phương pháp”. Giấc mơ đã rút chất liệu của nó từ ba nguồn:

Ông M. mà tôi đã quen trong một *buổi tiếp tân*, có lần nhờ tôi chẩn đoán bệnh cho người anh ông ấy. Có dấu hiệu ông này bị rối

loạn về hoạt động tinh thần. Lúc tôi trò chuyện với người bệnh thì đã có một việc khó xử xảy ra. Chẳng hề có một lý do nào cả mà ông này đã bóng gió để lộ ra hết mọi *trò ngông* của em mình thời còn trẻ. Tôi mới hỏi người bệnh về *năm sinh* của ông (*năm mất* trong chiêm bao). Rồi để ông tính toán một lúc, cốt tìm ra cái suy trong trí nhớ của ông.

Một tờ tạp chí y học mà tôi được vinh dự đứng tên trên trang bìa, có đăng bài phê bình của một tay điểm sách *còn rất trẻ*, viết về một cuốn sách của ông bạn F. của tôi ở Berlin. Viết kiểu “*tiêu diệt*.” Tôi nói với biên tập viên, ông này tỏ ý lấy làm tiếc, nhưng không hứa đính chính. Ngay sau đó, tôi cắt quan hệ với tạp chí, và trong lá thư cáo biệt, tôi ngỏ ý hy vọng là “*quan hệ cá nhân giữa chúng ta sẽ không vì sự cố ấy mà bị tổn thương*”. Đó mới là cái nguồn đích thực của Giấc mơ. Việc họ khước từ bài của bạn tôi đã để lại cho tôi một ấn tượng sâu sắc. Theo đánh giá của tôi thì chính ở trong đó có một phát minh rất cơ bản về sinh học mà mãi ngày nay - sau nhiều năm - các bạn đồng nghiệp trong ngành mới thấy nó là thú vị.

Trước đó không lâu, một nữ bệnh nhân có kể cho tôi nghe bệnh sử của người em trai bà ta. Ông này lúc lên cơn điên cứ gào tướng lên: “*Tự nhiên, tự nhiên*.” Bác sĩ nghĩ rằng hẳn trước đó, ông ta có đọc bài viết quá nổi tiếng của Goethe, rồi lại ngẫm nghĩ thái quá nên bị ám ảnh. Tôi đã nói ngay rằng, theo tôi thì quá rõ ràng, phải hiểu cái tiếng gào “*tự nhiên*” kia theo cái nghĩa tình dục mà ở ta thì ngay đến những kẻ ít học cũng phải biết. Việc rồi sau đó kẻ bất hạnh kia đã tự hủy hoại cơ quan sinh dục ít nhất cũng làm cho tôi thấy rằng, chẳng nên cho thế là sai. Khi cơn bệnh trên xảy ra thì con bệnh vừa tròn *18 tuổi*.

Trong nội dung Giấc mơ thì lúc đầu, đằng sau Cái Tôi là người bạn đã bị công kích quá kịch liệt. “*Tôi mới tìm cách làm rõ thêm mối*

tương quan về mặt thời gian.” Chẳng là trong cuốn sách, ông bạn tôi đã bàn về những mối tương quan về mặt thời gian trong đời sống và đã rút bớt đi đến mấy lần số ngày có ý nghĩa sinh học, kể cả trường hợp tuổi thọ của Goethe. Cái Tôi ấy đã được đặt ngang hàng với một người bị liệt (“Nhưng tôi lại chẳng biết chắc là hiện nay chúng ta đang ở vào năm nào”) - Vậy là Giấc mơ thể hiện là ông bạn tôi ứng xử như một kẻ bị liệt, và như thế là bị chìm vào cái phi lý. Nhưng những ý nghĩ trong Giấc mơ lại rất khôi hài: “Đương nhiên hẳn là một gã điên, một thằng ngốc còn các người mới là những thiên tài hiểu biết mọi chuyện sáng sủa hơn. Thế chẳng phải là *đảo ngược* ư?” - *Sự đảo ngược* này được thấy hết sức đối đảo trong nội dung Giấc mơ. Chẳng hạn việc Goethe công kích người thanh niên là phi lý, trong khi ngay cả hiện nay, một người còn rất trẻ có thể công kích Goethe thì lại là thường tình.

Tôi dám khẳng định rằng chẳng có một Giấc mơ nào mà lại không xuất phát từ những động cơ ích kỷ. Cái Tôi trong chiêm bao thật tình không chỉ là ông bạn tôi mà còn là chính tôi nữa. Tôi đồng nhất tôi với ông ta, bởi lẽ số phận của cái phát kiến của ông ta dường như cũng là tấm gương soi cho cái phát kiến của *chính tôi*. Giả như tôi cố nổi lên được với học thuyết của mình, là học thuyết nêu bật lên bản năng giới tính trong bệnh căn học ở các chứng loạn thần kinh tâm thần (hãy xem lại sự ám chỉ lời con bệnh tuổi 18 “*Tự nhiên, tự nhiên*”), thì ắt tôi cũng sẽ gặp sự công kích hệt như thế và đã phải bày tỏ ngay từ giờ chính cái lời nhạo báng đó trước một sự công kích như vậy.

Tiếp tục lần theo các ý nghĩ trong Giấc mơ, tôi luôn thấy chỉ rất có *mỉa mai* và *nhạo báng* với tư cách là *từ tương liên* cho *những phi lý của Giấc mơ*. Như chúng ta biết, việc tìm ra cái sợ cừu đã

bị rạn trên bãi biển gần Venice mới đưa Goethe tới ý tưởng về học thuyết được gọi là thuyết cột sống về xương sọ. - Ông bạn tôi thường khoe khoang rằng, hồi còn là sinh viên, ông ấy đã dám khuấy lên cả một cơn đông tố để lật đổ vị giáo sư già vốn một thời nổi tiếng (về nhiều vấn đề nhưng cũng có cả phần này của Giải phẫu học so sánh), song bây giờ đã *lăn vì tuổi tác*, không còn khả năng giảng dạy nữa. Cuộc náo động mà ông ta khuấy lên đã góp phần giúp khắc phục tình trạng đáng buồn là không đặt *hạn tuổi* cho công tác giảng dạy ở các Trường Đại học Tổng hợp Đức. *Alter schützt nicht vor Torheit* - *Tuổi tác đâu có ngăn chặn được sự ngu ngốc* (ngạn ngữ Đức - ND). - Ở bệnh viện nơi đây, tôi từng có vinh dự được làm việc nhiều năm dưới quyền của một vị bác sĩ trưởng từ lâu đã là *cổ hủ*, nhiều thập niên qua nổi tiếng là *đần*, vậy mà vẫn được phép giữ mãi cái cương vị đầy trách nhiệm ấy. Trong đầu tôi bỗng xuất hiện một nét đặc trưng theo phát hiện khai quật ở bãi biển. Vẫn về con người ấy, có hồi các bạn đồng nghiệp trẻ trong bệnh viện đã từng soạn một bài về nhại lại một bài thơ dung tục rất thịnh hành hồi ấy: Có ông Goethe nào lại viết như thế, có ông Schiller rào lại sáng tác vậy...

VII

Chúng ta vẫn chưa đánh giá hết cái công mơ. Ngoài các sự tô đậm, sự chuyển dịch, sắp xếp chất liệu tâm lý sao cho dễ thấy, còn có một hoạt động nữa phải được ghi công, dù phần đóng góp lại không phải ở Giấc mơ nào cũng nhận ra được. Tôi sẽ không đi vào những chi tiết của cái đoạn này của công mơ mà chỉ muốn nói lên rằng, muốn sым hình dung ra bản chất của nó thì nhất thiết phải chấp nhận một giả định. Đó là: *nó chỉ tác động muộn, mãi sau này, vào cái nội dung Giấc mơ đã hình thành*. Thành tựu của nó là ở chỗ nó sắp đặt các hợp

phần theo cách nào đó, cho tạm có một mối quan hệ gắn bó, cho thành một kết cấu. Vậy là Giấc mơ có một cái dạng như mặt tiền mà cái mặt tiền này đương nhiên chưa thể che chắn hết mọi chỗ ở trong nội dung. Giấc mơ sẽ nhận được sự Diễn giải một cách tạm thời ban đầu, cách này rồi sẽ còn được gia cố bằng những xen cài, những thay đổi nhỏ. Tuy nhiên sẽ chỉ có thể gia công cho nội dung Giấc mơ như thế, khi mà ta không quá sát sao, không thêm thắt làm cho dẫn tới hiểu lầm các ý nghĩ trong Giấc mơ, và nhất là khi chúng ta bắt tay vào phân tích Giấc mơ, trước tiên là chúng ta không được để ta bị ràng buộc bởi thử nghiệm Diễn giải ban đầu kia.

Ở đoạn này của công mơ thì rất dễ nhận thấy động cơ thúc đẩy. Đó là *chú ý làm sao cho dễ hiểu*, vì thế mới có đoạn chỉnh lý cuối cùng này cho Giấc mơ. Nhưng qua đó cũng lộ rõ nguồn gốc của hoạt động này. Cách hành xử của nó trước nội dung Giấc mơ đã có cũng tựa như cách hành xử của hoạt động tâm lý lúc bình thường trước bất kỳ một nội dung cảm nhận nào. Nó nắm bắt cái nội dung này nhờ một vài ý tưởng về kỳ vọng, sắp xếp nó ngay từ lúc mới cảm nhận theo tiến đề là phải dễ hiểu. Thật ra thì cũng có nguy cơ phát sinh sự bóp méo, thậm chí sẽ dẫn tới hiểu lầm một cách kỳ cục nhất, nếu như không xếp nó vào cạnh những điều đã biết. Cũng đã biết là, ta vốn không có khả năng nhìn cả một loạt các tín hiệu lạ hoặc giả nghe cả một chuỗi từ ngữ lạ, mà không trước hết làm sai lệch sự cảm nhận chúng theo *sự chú ý làm sao cho dễ hiểu*, theo việc dựa vào một cái gì đó đã biết.

Có thể gọi những Giấc mơ là được bố cục tốt nếu như chúng đã trải qua sự gia công ấy từ phía của một hoạt động tâm lý hoàn toàn giống như tư duy khi thức, ở những Giấc mơ khác thì hoạt động này hoàn toàn thất bại, không hề có một nỗ lực sắp xếp và Diễn giải nào, sau khi đã tỉnh rồi, chúng ta đã có thể cảm thấy mình đồng

nhất được với cái đoạn cuối cùng này của công mơ, thì chúng ta mới nhận định rằng Giác mơ “hoàn toàn rồi ren”. Thế nhưng để phân tích thì một Giác mơ lộn xộn từng mảng, không cô kết vẫn có giá trị ngang một Giác mơ đã được mài nhẵn, có bề mặt đã đánh bóng. Ta khỏi mất công lại phải hủy đi cái việc chỉnh lý nội dung Giác mơ như đã gặp ở trường hợp thứ nhất.

Tuy nhiên sẽ là sai lầm, nếu như ở trong những cái mặt tiền ấy, ta lại không muốn nhìn thấy gì khác hơn là sự gia công khá là tùy tiện và thật ra là dễ hiểu sai của nội dung Giác mơ thông qua thẩm cấp quyết định có ý thức của đời sống tâm linh của chúng ta. Để tạo dựng nên những cái mặt tiền ấy, không hiếm khi người ta dùng những trí tưởng tượng về ước vọng đã được xây dựng từ trước ở trong các ý nghĩ trong Giác mơ và cũng cùng thể loại với những cái được gọi rất đúng là “Giấc mơ ban ngày” mà chúng ta đã biết từ đời sống khi thức. Những trí tưởng tượng về ước vọng mà nhờ phân tích được phát hiện ra trong các Giác mơ đêm, thường bộc lộ ra là những thứ lặp lại và sửa đổi những cảnh thời thơ ấu. Như vậy là ở một số Giác mơ, cái mặt tiền ấy chỉ thẳng cho ta thấy đâu mới là cái lõi đích thực của Giác mơ đã bị biến dạng do pha trộn với chất liệu khác.

Trong công mơ sẽ không thấy còn có hoạt động nào khác ngoài bốn hoạt động đã kể. Nếu ta cứ bám chặt lấy cái định nghĩa khái niệm rằng, “công mơ” vốn là công chuyển tải các ý nghĩ trong Giác mơ vào nội dung Giác mơ, thì phải nói là công mơ không có tính sáng tạo. Nó không khai triển trí tưởng tượng đặc thù cho nó, không phán xét, không kết luận, chẳng làm gì khác là cô nén, là chuyển dịch, là gia công lại chất liệu cho dễ hiểu và thêm vào đó nữa là công đoạn cuối cùng, hay thay đổi là sự gia công bằng Diễn giải. Quả vậy, trong nội dung Giác mơ chúng ta thấy đủ thứ, cái mà ta muốn coi là

kết quả của một thành tựu trí tuệ ở một bậc cao khác, nhưng phân tích mỗi lần lại minh chứng với đầy sức thuyết phục cho chúng ta rằng *những thao tác trí tuệ này vốn đã xảy ra từ ở các ý nghĩ trong Giấc mơ, và chỉ được nội dung Giấc mơ tiếp thu mà thôi*. Một kết luận trong chiêm bao chẳng phải là cái gì khác là sự lặp lại một kết luận đã có sẵn ở các ý nghĩ trong Giấc mơ. Sẽ là nghiêm chỉnh nếu nó cứ thế được chuyển vào Giấc mơ, còn sẽ là phi lý, nếu như lại bị công mơ chuyển dịch sang một chất liệu khác. Một phép tính ở nội dung Giấc mơ không có nghĩa gì khác, là ở các ý nghĩ trong Giấc mơ đã có một phép tính. Trong khi phép tính ở ý nghĩ trong Giấc mơ này luôn đúng thì phép tính ở Giấc mơ lại có thể cho kết quả kỳ cục nhất. Bởi lẽ các thừa số đã bị tô đậm, còn chính cách tính cũng đã bị chuyển dịch qua một chất liệu khác. Không có khi nào các lời nói ở trong nội dung Giấc mơ lại được kết cấu mới. Rõ ràng là chúng được gom từ những lời đã từng được nói ra, được nghe thấy hoặc đọc được ở các ý nghĩ trong Giấc mơ, lặp lại, còn văn tự thì được sao lại trung thực nhất song bối cảnh lại bị bỏ qua, cho nên ý nghĩa lắm khi bị thay đổi đến mức quá đáng nhất.

Sẽ không thừa, nếu dẫn ra đây mấy ví dụ để minh chứng các điều vừa nói:

I) Giấc mơ của một nữ bệnh nhân, được kết cấu tốt, nghe vô hại:

Bà ta đi chợ, có chị bếp xách giỏ đi theo. Sau khi bà ta hỏi thứ gì đó, người hàng thịt bảo: thứ đó không còn. Ông này muốn chào bán một thứ khác, nói nối thêm: thứ này cũng tốt. Bà ta khước từ rồi sang chỗ hàng rau, bà này muốn chào bán một thứ rau đặc biệt, đã bó thành bó, nhưng lại có màu đen. Bà ta đáp: thứ đó tôi không quen, tôi không lấy thứ đó.

Câu nói: thứ đó không còn - là lời trao đổi. Ít ngày trước đó, chúng tôi đã Diễn giải cho bà ta hiểu rằng những kỷ niệm xa xưa nhất từ thời thơ ấu *không còn* được nguyên vẹn thế đâu, mà thay vào đó bây giờ là những phiên bản và những Giác mơ. Vậy tôi là người hàng thịt.

Câu thứ hai: *thứ đó tôi không quen* ~~ rơi vào một bối cảnh hoàn toàn khác. Ít ngày trước đó, chính bà ta đã mắng mỏ chị bếp: *hãy ăn ở cho phải lễ, thứ đó tôi không quen*, có nghĩa là: Tôi không chấp nhận cách ăn ở như thế, không cho phép. Qua một sự chuyển dịch, phần vô hại của câu nói đã lọt vào nội dung Giác mơ; các ý nghĩ trong Giác mơ chỉ ở phần kia của Giác mơ và có vai trò. Bởi lẽ đến đây thì công mơ đã làm cho tình huống phóng tác thay đổi hẳn, tới mức hoàn toàn biến dạng và cực kỳ vô hại. Trong tình huống ấy, tôi đã cư xử *như thế* nào đó *không phải* với bà. Song chính cái tình huống được mong chờ trong phóng tác ấy lại cũng chỉ là bản in lại của một tình huống đã xảy ra thật sự.

II) Một Giác mơ tưởng là hoàn toàn vô nghĩa, ở đó có những con số:

Bà ta muốn trả tiền mua thứ gì đó; cô con gái mới móc ví lấy ra 3 fl. 5 kr¹. Nhưng bà ta bảo: Con làm gì vậy? Giá chỉ có 21 Kreuzer thôi mà.

Người chiêm bao là một người nước ngoài, bà ta đã gửi con vào một cơ sở giáo dục ở Wien, vậy chừng nào cô con gái còn nấn ná ở Wien thì bà ta còn có cơ hội để điều trị ở chỗ tôi. Hôm trước đêm chiêm bao, bà phụ trách ở chỗ cơ sở kia có bày tỏ với bà ta rằng, bà ta nên gửi con ở đó thêm một năm nữa. Những con số trong Giác mơ

¹ fl=Florin, tương ứng Gulden ở Hà Lan, Đức là đồng tiền cổ bằng vàng, kr = Kreuzer, là đồng tiền cổ bằng kẽm, được dùng từ thế kỷ XIII đến XIX ở Nam Đức, Áo và Thụy Sĩ - ND

trở thành có ý nghĩa, nếu ta nhớ rằng thời gian là tiền bạc, *Time is money*. Một năm có 365 ngày, tính ra tiền là 365 Kreuzer, tức là 3 fl. 65 kr. 21 Kreuzer ứng với ba tuần, là số tuần lúc đó đang còn trong hạn tính từ ngày chiêm bao cho đến ngày trường đóng cửa, cũng tức là ngày kết thúc điều trị. Rõ ràng là bà ta đã cân nhắc chuyện tiền bạc, chuyện khước từ lời đề nghị của bà phụ trách; lại cũng vì sự cân nhắc ấy mà sinh ra sự nhỏ nhen của món tiền trong Giấc mơ.

Một bà hầy còn trẻ tuy đã lấy chồng từ lâu, một hôm được tin người quen gần như cùng tuổi với mình, cô Elise L., vừa đính hôn. Tức thì chiêm bao thấy như sau:

Bà với chồng đi xem hát, mà cả một bên rạp hầu như không có người. Ông chồng cho bà biết rằng cô Elise L. với vị hôn phu cũng muốn đi đấy, nhưng chỉ còn những vé ngồi chỗ tồi, mà giá ba vé là 1 fl. 50 kr., nên họ không thể chấp nhận. Bà ta cho rằng điều ấy chẳng có gì là bất hạnh.

Hãy thử xem do đâu mà có những con số rút ra từ chất liệu của các ý nghĩ trong Giấc mơ, cũng như những thay đổi mà các con số ấy phải trải qua. Đầu ra 1 fl. 50 kr.? Từ một chuyện ngẫu nhiên không có gì quan trọng đúng hôm trước đó. Chẳng là cô em dâu bà ta được chồng cho 150 fl. làm quà; cô này vội tiêu tiền, đi mua ngay một thứ đồ nữ trang. Còn với con số *ba*, nơi mấy tấm vé, thì chỉ có một liên hệ: đó là vị hôn thê của Elise L. trẻ hơn người chiêm bao đúng *ba* tháng. Tình huống trong Giấc mơ dựng lại một sự kiện nhỏ, mà ông chồng đã mấy lần lôi ra để chọc tức bà: Có lần quá vội, bà đã mua sẵn vé xem hát trước. Lúc vào rạp mới thấy *cả một bên rạp hầu như không có người*. Lẽ ra bà không cần vội đến thế. Cuối cùng xin đừng bỏ qua *cái phi lý* của Giấc mơ, hai người đi xem hát mà lại phải mua những ba vé!

Giờ đến những ý nghĩ trong Giấc mơ: lấy chồng sớm quá thế thật là ngu ngốc; lẽ ra *không cần vội đến thế*. Thì như cô Elise L. đó, vẫn kiếm được một ông kia mà, lại còn tốt hơn *trăm* lần (chồng là của cái) nếu như nán lại. Với số tiền ấy (của hồi môn) thì mua được đến ba ông chồng như vậy.

VIII

Qua những điều đã trình bày, chúng ta đã biết thế nào là công mơ. Hẳn rằng chúng ta muốn hiểu nó như thế một quá trình tâm lý rất đặc biệt, mà cứ như chúng ta được biết thì thật là độc nhất vô nhị. Có thể nói, chính do ở công mơ cái lạ mà Giấc mơ, là sản phẩm của nó, khơi dậy trong ta. Thật tình thì công mơ, nơi chỉ là một, được nhận ra trước tiên, trong cả một loạt các quá trình tâm lý. Những triệu chứng loạn thần kinh chức năng như lo âu, câu thúc, rối đại đều quy chung về đó cả. Tô đậm và trước hết là chuyển dịch cũng không bao giờ là những tính chất thiếu hụt cho các quá trình khác này. Ngược lại thì việc sửa đổi lại cho dễ thấy, chỉ có ở mỗi riêng công mơ. Một khi việc làm sáng tỏ kia lại đưa Giấc mơ vào cùng một hàng với các biểu hiện Tâm lý bệnh hoạn, thì đối với chúng ta, điều càng quan trọng là phải biết những cơ chế cơ bản của các quá trình ấy như là của quá trình hình thành Giấc mơ. Hẳn chúng ta sẽ ngạc nhiên lắm nếu nghe nói rằng, trong số những điều kiện không thể thiếu được ấy, chẳng có trạng thái ngủ mà cũng không có trạng thái ốm. Rất nhiều hiện tượng trong đời sống hàng ngày - quên, hứa, nhầm và lẫn nữa - trong một số trường hợp nào đó, hết thảy đều sinh ra từ một cơ chế Tâm lý tương tự, như Giấc mơ và các mất xích khác của cái chuỗi các quá trình đó.

Cốt lõi của vấn đề nằm nơi khâu chuyển dịch, nó kỳ lạ hơn hẳn mọi khâu còn lại của công mơ. Điều kiện cốt yếu của chuyển dịch, như chúng ta đã biết khi đi sâu vào đối tượng, là một điều kiện thuần túy tâm lý, nó là một kiểu *động cơ*. Ta sẽ lần ra dấu vết của nó nếu biết trọng những kinh nghiệm mà lúc phân tích Giấc mơ, ta không thể không có. Khi phân tích Giấc mơ được chọn làm ví dụ (với bà E.L. - ND), tôi đã phải cắt ngang lúc bàn về các ý nghĩ trong Giấc mơ chỉ bởi - như tôi đã thú nhận, có những ý nghĩ mà tôi không thể tiết lộ với người lạ; nếu nói ra sẽ vi phạm một số nguyên tắc quan trọng. Tôi cũng đã nói thêm là sẽ chẳng hơn gì, nếu thay vì Giấc mơ ấy, đi chọn một Giấc mơ khác, ở Giấc mơ nào mà nội dung tối và rối thì tôi cũng vấp phải những ý nghĩ trong Giấc mơ mà tôi cần phải giữ kín. Thế nhưng đến lúc tôi phân tích tiếp cho riêng mình tôi, chẳng cần quan tâm tới ai khác - mà quả vậy, một trải nghiệm quá riêng tư như Giấc mơ riêng của tôi chẳng phải để dành cho họ, thì cuối cùng tôi lại lần ra được những ý nghĩ khiến tôi phải giật mình, không ngờ chúng lại có trong tôi. Những ý nghĩ chẳng những *xa lạ* mà còn *không dễ chịu* và bởi vậy mà tôi cứ muốn kịch liệt phản bác, trong lúc qua phân tích thì cả chuỗi ý nghĩ thành dòng đó vẫn không khoan nhượng, nhất định áp đặt chúng cho tôi. Tôi chẳng thể lưu ý một cách thỏa đáng đến cái sự thể quá chung ấy nếu không giả thiết rằng, những ý nghĩ thật sự có trong cuộc sống tâm linh của mình, với một cường độ hay là một năng lượng tâm lý nào đó, nhưng chỉ trong một tình huống riêng biệt cho nên mình đã *không ý thức được*. Tôi gọi cái trạng thái đặc biệt ấy là trạng thái của sự *dồn nén*. Vậy thì không thể không thấy là, giữa bóng tối của nội dung Giấc mơ với trạng thái dồn nén, phải thừa nhận rằng, giữa một số các ý nghĩ trong Giấc mơ và *khả năng không ý thức được* phải tồn tại một mối liên hệ nhân quả.

Để đi đến kết luận là Giấc mơ phải tối *saο cho nó khỏi bộc lộ* các ý nghĩ trong *Giấc mơ bị phản đối*. Vậy là tôi đã đi đến khái niệm *làm sai lệch giấc mơ*, đó là sản phẩm của công mơ, và nó giúp cho sự dịch chỗ nhằm mục đích che giấu.

Tôi muốn thử ngay ở Giấc mơ đã được chọn làm ví dụ để phân tích, xem ý nghĩ nào ở đó đã được thể hiện ra ở Giấc mơ này khi đã bị làm sai lệch, còn nếu như nó không bị làm sai lệch thì họ sẽ gây cho tôi mỗi mâu thuẫn gay gắt nhất. Tôi nhớ ra rằng, chuyến xe không mất tiền đã gợi cho tôi nghĩ tới những chuyến trước đó rất tốn tiền mà tôi đã cùng đi với một người trong nhà, rằng cuối cùng đi đến sự Diễn giải Giấc mơ là: Có lần tôi cũng muốn thử nếm ái tình mà không tốn tiền, và rằng ít hôm trước chiêm bao, tôi đã phải chi cho chính người ấy một món tiền khá lớn. Trong bối cảnh đó thì tất nhiên là tôi không khỏi trần trối *mà xót cho mình cái khoản chi đó*. Chỉ đến lúc nhận ra sự kích thích này, mọi chuyện mới có ý nghĩa: trong chiêm bao, tôi ước muốn có được món tình ái miễn phí cho mình. Tuy nhiên vẫn có thể nói rất thành thật rằng, lúc chi món tiền kia, tôi đã không hề do dự. Lúc đó, tôi chưa ý thức được cái dòng nước ngược, chính là sự nuối tiếc cái đó. Vì những lý do nào mà không, thì đó lại là một câu hỏi khác, còn dẫn đi quá xa, mà câu trả lời, như tôi biết, lại thuộc về một mối quan hệ khác.

Giả định rằng tôi không phân tích một Giấc mơ của chính tôi mà lại đi phân tích một Giấc mơ của một người khác, thì kết quả vẫn là như vậy, duy chỉ những lý do để thuyết phục sẽ khác. Nếu đó là Giấc mơ của một người lành mạnh, tôi sẽ không còn cách nào khác là tất phải có nó để ghi nhận những ý niệm bị dồn nén mà tôi tìm ra được, như là mối liên hệ các ý nghĩ trong Giấc mơ - đương nhiên là nó vẫn có thể củng cố lại sự ghi nhận ấy. Còn nếu lại là một

con bệnh loạn thần kinh, chẳng hạn một người mắc chứng hysteria, thì giả thiết về ý niệm bị dồn nén là bắt buộc đối với anh ta thông qua mối liên hệ của cái ý niệm này với các triệu chứng bệnh của anh ta, và qua sự phục hồi mà anh ta sẽ có được khi thay các triệu chứng bằng các ý niệm bị dồn nén. Chẳng hạn như ở người nữ bệnh nhân với Giấc mơ với ba cái vé xem hát giá 1 fl. 50 kr., thì khi phân tích phải giả định rằng, bà ta coi thường chồng, rằng bà nuối tiếc là đã lấy ông ta, rằng bà sẵn sàng đổi lấy một ông chồng khác. Đương nhiên là bà ta vẫn quả quyết rằng mình yêu chồng, rằng cuộc sống tình cảm vợ chồng chẳng hề có biểu hiện gì của sự xem thường kia (tốt gấp trăm lần). Thế nhưng mọi triệu chứng lại cứ dẫn tới một chung cục như ở Giấc mơ. Mãi đến lúc những ký ức đã có một thời bị dồn nén bỗng được thức tỉnh - là bà cũng ý thức được rằng mình không yêu chồng, thì những triệu chứng này mới được giải tỏa, và việc chúng chống trả sự Diễn giải Giấc mơ mới giảm dần.

IX

Sau khi chúng ta đã định hình được khái niệm dồn nén và cũng đã xác lập được quan hệ giữa sự làm sai lệch giấc mơ với phần chất liệu tâm lý bị dồn nén, thì chúng ta có thể khái quát hóa kết quả chính mà chúng ta đã thu được qua phân tích các Giấc mơ. Về những Giấc mơ dễ hiểu và có ý nghĩa, chúng ta biết rằng đó là những sự thỏa mãn không che giấu một ước nguyện, tức là qua chúng thì trạng huống Giấc mơ thể hiện rằng một ước nguyện đã được ý thức nhận biết, dư ra từ đời sống ban ngày, đáng để quan tâm, được coi là đã thỏa mãn. Còn về những Giấc mơ vừa tối vừa rối thì phân tích chỉ ra rằng cũng hoàn toàn tương tự; tình huống Giấc mơ cũng thể hiện một ước nguyện đã được coi là thỏa mãn, ước nguyện này thường xuyên nổi lên từ các ý nghĩ trong Giấc mơ, nhưng sự trình bày lại khó nhận ra và chỉ được

khai sáng sau khi đã có phân tích, còn ước nguyện thì hoặc chính là một ước nguyện bị dồn nén, xa lạ với ý thức hoặc nó đang còn liên hệ rất mật thiết với những ý nghĩ bị dồn nén và được tải bởi các ý nghĩ đó. Vậy thể thức cho các Giác mơ này là: Thỏa mãn không che đậy những ước nguyện bị dồn nén. Một nhận xét lý thú là, trong dân gian vẫn tồn tại dư luận cho rằng, Giác mơ cho phép báo trước tương lai. Thực ra thì cái tương lai mà Giác mơ cho chúng ta thấy đâu phải là cái tương lai rồi sẽ đến; mà chỉ là cái tương lai mà chúng ta mong mỏi rằng nó sẽ đến như vậy. Ở đây thì Tâm linh dân chúng cũng xử trí như nó đã quen như vậy: ước gì, tin vậy.

Các Giác mơ được chia làm ba loại, tùy theo xử sự của chúng đối với sự thỏa mãn ước nguyện. Một là những Giác mơ thể hiện *không che đậy* một ước nguyện *không bị dồn nén*, kiểu Giác mơ của con trẻ, mà với người trưởng thành thì chúng càng ngày càng thưa dần. Hai là những Giác mơ thể hiện *có che đậy* một ước nguyện đã bị *dồn nén*; số đông những Giác mơ của chúng ta thuộc loại này, và để hiểu chúng thì cần phải có sự phân tích. Ba là những Giác mơ quả thật có thể hiện một ước nguyện đã *bị dồn nén*, nhưng không che đậy hoặc giả che chưa đủ kín. Các Giác mơ loại này thường kèm theo *sợ hãi* mà chúng sẽ cắt Giác mơ giữa chừng. Ở đây thì nỗi sợ hãi thay thế cho sự làm sai lệch giấc mơ, chỉ có ở các Giác mơ loại hai, thông qua công mơ, nó mới được chữa ra. Chẳng khó khăn gì lắm, có thể minh chứng cái nội dung tưởng tượng đã làm chúng ta sợ lúc chiêm bao lúc này, vốn dĩ trước kia là một ước nguyện và suốt từ đó tới nay vẫn bị dồn nén.

Cũng có những Giác mơ rõ ràng, có nội dung khó chịu, nhưng trong khi chiêm bao lại chẳng hề cảm thấy khó chịu. Không xếp chúng vào hàng các Giác mơ sợ hãi được, song chúng vẫn cứ minh

chứng cho tính vô nghĩa và sự vô giá trị tâm lý của các Giấc mơ. Phân tích xong một ví dụ như thế rồi mới thấy, ở đó chính là những sự thỏa mãn *được che đậy tốt* cho các ước nguyện bị dồn nén, tức là các Giấc mơ loại hai. Phân tích cùng lúc cũng chứng minh tính thích hợp đến mức tuyệt vời của công chuyển dịch để che đậy cho ước nguyện.

Có một thiếu nữ chiêm bao thấy đứa con duy nhất còn lại của bà chị mình mới chết, trong khung cảnh xung quanh hệt như trước đó mấy năm, cô đã nhìn thấy tử thi của đứa con đầu. Khi đó, cô chẳng hề cảm thấy đau đớn gì, song đương nhiên là cô cố cưỡng lại ý nghĩ cho rằng cái tình huống ấy ứng với một ước nguyện của chính cô. Cũng không hề yêu cầu tới điều đó; song mấy năm trước, chính bên linh cữu đứa bé kia lại đúng là nơi cô từng gặp gỡ và nói chuyện lần chót với người đàn ông cô hằng yêu quý. Giả định đứa thứ hai chết nốt, ắt hẳn cô sẽ có dịp gặp lại người đàn ông kia ở nhà bà chị. Cô khắc khoải mong cuộc gặp ấy, nhưng cũng cố cưỡng cái cảm xúc đó nơi mình. Đúng hôm chiêm bao, cô nhận được giấy mời đến dự một cuộc thuyết trình mà báo cáo viên sẽ là chính người đàn ông cô hằng yêu quý. Giấc mơ của cô chỉ là một Giấc mơ *Sốt ruột* đơn giản, như biết bao Giấc mơ trước những lúc người ta đi xa, đi xem hát, hoặc giả những khi người ta mong đợi một niềm vui nào đó. Song để che giấu sự khao khát này trước cô, tình huống đã được chuyển dịch qua một trường hợp chẳng thích hợp với một cảm xúc vui vẻ chút nào, nhưng lại là một trường hợp từng có thật. Tình huống trong Giấc mơ thể hiện trước một bước một cuộc gặp gỡ đã từ lâu hằng khao khát, nó không hề thả một sợi dây liên lạc nào cho một cảm xúc đau buồn.

X

Lâu nay các triết gia chưa hề có dịp nào để tâm tới tâm lý học về sự dồn nén. Cho nên xuất phát từ sự hình thành của Giác mơ, tôi xin được tiếp cận bước đầu, nêu ra một hình ảnh thể hiện để thấy được về cái sự thể đang còn bí ẩn ấy. Sơ đồ mà chúng tôi dựng được, không chỉ riêng từ việc nghiên cứu về Giác mơ, quả thật hãy còn khá phức tạp, tuy nhiên chúng tôi chưa tìm ra được cái nào đơn giản hơn. Chúng tôi cho rằng, ở bộ máy tâm linh của chúng ta có đến hai thẩm cấp tạo ra ý nghĩ. Cấp thứ hai có quyền ưu tiên để cho các sản phẩm của mình luôn thấy con đường lọt vào ý thức được rộng mở. Trong khi ấy thì hoạt động của cấp thứ nhất là hoạt động vô thức, nhất thiết phải lên được cấp thứ hai mới có thể lọt vào ý thức, ở chỗ quá độ từ cấp thứ nhất lên cấp thứ hai có một bộ phận kiểm duyệt. Nó chỉ cho qua cái gì mà nó ưng, còn ngoài ra nó gạt lại hết. Thế là theo định nghĩa của chúng ta thì cái bị kiểm duyệt gạt lại sẽ nằm ở trạng thái bị dồn nén. Trong những điều kiện nhất định, mà trạng thái ngủ là một, thì tương quan lực lượng giữa hai thẩm cấp ấy thay đổi theo hướng, không còn có thể gạt lại hẳn cái đã bị dồn nén. Trong trạng thái ngủ thì điều này diễn ra, chẳng hạn vì sự trỗi dậy của bộ phận kiểm duyệt. Thế là cái bấy nay bị gạt lại, lúc này tự mở được đường cho mình tiến vào ý thức. Lại vì bộ phận kiểm duyệt không bao giờ được nâng lên, mà chỉ có bị hạ xuống thôi nên đành phải chấp nhận sự thay đổi, nó bớt số sàng đi. Còn cái gì sẽ ý thức được trong trường hợp như vậy, thì lại là một sự thỏa hiệp giữa cái mà thẩm cấp này dự định và cái mà thẩm cấp kia đòi hỏi. *Dồn nén - Giảm bớt kiểm duyệt - Tạo sự thỏa hiệp*, đó là sơ đồ gốc của chúng tôi về sự phát sinh của rất nhiều hình thái bệnh nhân cách khác nữa, tương tự như sự phát sinh ra Giác mơ. Còn khi tạo sự thỏa hiệp thì ở đây cũng như ở đó, đều thấy có các quá trình tô

đậm và chuyển dịch và sự đặt ra những yêu cầu về những sự liên kết bề mặt mà chúng ta đã từng thấy ở công mơ.

Chẳng có duyên cớ gì để chúng ta phải giấu giếm cái yếu tố tin quý thần, vốn đã góp phần làm cho chúng ta Diễn giải công mơ. Chúng tôi cảm thấy lúc hình thành những Giác mơ tối tăm, như thể có một người phụ thuộc vào người khác muốn nói một cái gì đó, mà người thứ hai này phải cảm thấy khó chịu nếu phải nghe. Và từ sự so sánh này mà chúng tôi đi đến khái niệm về sự làm sai lệch giấc mơ và khái niệm kiểm duyệt. Rồi chúng tôi cố gắng chuyển ấn tượng của chúng tôi thành một học thuyết Tâm lý học, có phần còn thô thiển nhưng chí ít cũng dễ hiểu. Về cái mà trong lúc tiếp tục làm sáng tỏ đối tượng, chúng tôi luôn đồng nhất với thẩm cấp thứ nhất và thứ hai của chúng tôi, thì chúng tôi đang còn kỳ vọng rằng có một sự tương liên xác minh cho giả định của chúng tôi: thẩm cấp thứ hai làm chủ lối vào ý thức, còn thẩm cấp thứ nhất có khả năng cách ly khỏi ý thức.

Một khi trạng thái ngủ được chế ngự rồi thì bộ phận kiểm duyệt nhanh chóng trở về tâm cao cũ và lúc này, nó có thể tiêu hủy cái mà nó đã bị tước đoạt khi nó suy yếu. Hiện tượng *quên* được diễn giải bằng cách ấy, chí ít thì cũng *một phần*; kinh nghiệm từng được kiểm chứng rất nhiều lần đã chỉ ra là thế. Không hiếm khi ta đang kể chuyện về một Giác mơ hoặc đang phân tích dở cái Giác mơ đó, chợt có một mẫu của nội dung Giác mơ nào đó tưởng như đã quên lại thành linh tái hiện. Cái mẫu được bứt khỏi lãng quên ấy lại thường sẵn có lối vào nội dung Giác mơ, là lối tốt nhất và gần nhất. Hẳn chỉ vì thế mà xảy ra hiện tượng quên, tức là sự ức chế một lúc.

XI

Một khi đã quan niệm rằng nội dung Giác mơ là diễn trình của một ước nguyện được thỏa mãn và đã quy sự tâm tối của nó về những đối thay về kiểm duyệt ở chất liệu bị chuyển dịch thì cũng thấy rằng, không còn khó tìm hiểu về chức năng của Giác mơ. Nhiều ý kiến cho rằng Giác mơ quấy rối giấc ngủ. Ngược lại thì chúng ta phải thừa nhận là *Giấc mơ che chở cho giấc ngủ*. Với Giác mơ của con trẻ thì dễ tin điều chúng tôi vừa nêu trên.

Trạng thái ngủ hay là sự biến thiên về mặt tâm lý của giấc ngủ, dù diễn biến thế nào đi nữa, vẫn là do nơi đứa trẻ. Nó thấy cần hoặc thấy mệt nên quyết định ngủ, mà cũng chỉ ngủ được khi đã xua đi được những kích thích khiến bộ máy Tâm lý của nó đi trệch hướng, nhằm những mục tiêu khác chứ không nhằm giấc ngủ. Phương tiện để xua sự kích thích từ ngoài thì đã rõ, nhưng phương tiện nào sẽ xua kích thích từ bên trong, từ Tâm linh, là cho mất ngủ. Ta hãy quan sát một bà mẹ ru con ngủ. Đứa trẻ không ngừng đòi, nó muốn được hôn, muốn được chơi nữa. Một phần nhu cầu của nó được thỏa mãn ngay lúc ấy, phần còn lại được khất qua ngày hôm sau, nghiêm khắc. Vậy đã rõ: những ước nguyện và nhu cầu mới nổi chính là những rào cản ức chế giấc ngủ. Mấy ai không biết câu chuyện vui về cậu bé hư của Balduin Grollers: đang đêm thức giấc, nó gào lên trong phòng ngủ: *nó đòi con tê giắc?* Một đứa trẻ ngoan, thay vì gào lên, hẳn sẽ *chiêm bao* thấy nó đang chơi với một con tê giắc. Vì Giác mơ vốn cho thấy ước nguyện được thỏa mãn, trong lúc ngủ lại gặp *niềm tin*, nên nó nâng cánh cho ước nguyện và tạo điều kiện cho giấc ngủ. Không thể chối cãi là niềm tin ấy thuộc hình ảnh trong mơ, bởi lẽ hình ảnh khoác tấm áo hiện tượng Tâm lý của tri giác, mà đứa trẻ thì chưa có cái khả năng mãi sau này mới có, để phân biệt giữa ảo giác hoặc sự tưởng tượng với sự thật.

Người lớn đã học được cách phân biệt, đã nắm bắt được tính vô bổ của ước nguyện và nhờ tập luyện, đã đạt đến trình độ lui lại được những ham muốn của mình cho đến lúc chúng được giải toả thông qua những con đường vòng vèo, dài đặc bởi ngoại cảnh đã thay đổi. Cho nên trong lúc người lớn ngủ, hiếm khi thấy ước nguyện được thỏa mãn qua con đường tâm lý ngắn ngủi, thậm chí còn có thể tuyệt đối không có chuyện ấy. Tất tât những gì cứ tưởng là được hình thành kiểu Giấc mơ con trẻ, thì lại đã phải qua một cách phân giải phức tạp hơn nhiều, ở người lớn - ở bất kỳ ai suy xét lành mạnh, không ngoại lệ - đã hình thành cái khả năng phân biệt chất liệu tâm lý mà trẻ nhỏ không có. Đã hình thành một thẩm cấp tâm lý, qua tích lũy kinh nghiệm trong cuộc sống, có đủ sức chi phối và kìm nén cảm xúc tâm hồn bằng một sự nghiêm ngặt đến mức ghen ghét, và do vị trí của nó đối với ý thức và để có một năng lực vận động độc đoán, khả năng ấy được trang bị những phương tiện mạnh nhất về quyền lực tâm lý. Một phần các cảm xúc của con trẻ bị nó xem là vô bổ, bị nó áp chế; tất cả các chất liệu ý niệm bắt nguồn từ các cảm xúc ấy, đều nằm trong trạng thái bị dồn nén.

Đến lúc thẩm cấp ấy - nơi ta nhận thấy Cái Tôi bình thường của chúng ta, đã nghiêng về ước nguyện muốn ngủ, tức thì các điều kiện tâm-sinh lý của giấc ngủ lại buộc nó phải giảm bớt phần năng lượng mà nó đã dùng ban ngày để kìm giữ cái bị dồn nén. Tuy chính sự giảm này là vô hại, thế nhưng cảm xúc vẫn quay cuồng trong tâm hồn đang bị kìm giữ của đứa trẻ. Lại do chính trạng thái ngủ nên những cảm xúc này khó mà tìm con đường đi vào ý thức, và con đường vào năng lực vận động cũng bị chặn đứng. Song vẫn phải chống lại cái nguy cơ chúng phá rối giấc ngủ. Giờ thì chúng ta đành chấp nhận cái giả định là ngay cả trong một giấc ngủ sâu, sức chú ý vẫn canh chừng các cảm xúc, làm cho khả năng thức giấc

thành khó hơn khả năng ngủ tiếp. Nếu không thì sẽ không thể Diễn giải vì sao vào bất cứ lúc nào, nhờ những kích thích cảm xúc với *chất lượng* nào đó, chúng ta vẫn có thể thức giấc, như nhà sinh lý học Burdach từng nhấn mạnh. Chẳng hạn mẹ thức giấc khi con khóc, thợ côi khi máy xay ngừng chạy, số đông khi có ai đó khẽ gọi tên mình. Sự chú ý làm nhiệm vụ canh gác này bây giờ cũng hướng về những kích thích nội tâm bởi ước nguyện đi từ cái bị dồn nén ra, và cùng chúng tạo thành Giác mơ - nó đồng thời thỏa mãn cả hai thẩm cấp với ý nghĩa là một sự thỏa hiệp. Giác mơ tạo ra một kiểu giải toả Tâm lý cho cái ước nguyện vốn bị kìm giữ hoặc giả vừa được hình thành từ cái bị dồn nén, bằng cách trình diễn nó như thể là đã được thỏa mãn. Nhưng nó cũng đáp ứng cả thẩm cấp thứ hai bằng cách là để cho giấc ngủ tiếp tục. Ở đây thì Cái Tôi của chúng ta ứng xử hết như một đứa trẻ, nó ban phát niềm tin cho các hình ảnh trong mơ, cứ như thể nó muốn bảo: Này, này, cậu đúng nhưng mà hãy để cho tớ được yên. Giác mơ hay bị chúng ta xem thường sau khi thức giấc, bởi lẽ nó rối ren và hình như phi logic. Hẳn đó chẳng phải cái gì khác là sự phán xét của Cái Tôi còn đang ngủ về các cảm xúc từ phía cái bị dồn nén, đương nhiên cũng đang dựa vào sự yếu kém về năng lực vận động của những yếu tố quấy rối giấc ngủ. Đôi khi chúng ta cũng ý thức được sự phán xét coi thường ấy ngay trong lúc ngủ; nếu nội dung Giác mơ mà không vươn quá xa tầm kiểm duyệt, thì ta dễ nghĩ: thì cũng chỉ là mơ - và ta lại ngủ.

Quan niệm này vẫn không bị phản bác, ngay cả khi Giác mơ rơi vào các trường hợp giới hạn, không còn giữ vững được chức năng duy trì giấc ngủ - như ở những Giác mơ sợ hãi - mà lại chuyển qua chức năng kia, là cắt ngang giấc ngủ vừa đúng lúc. Lúc đó thì nó ứng xử hết như một gã tuần đêm có trách nhiệm. Gã thực thi trách

nhệm, mới đầu bằng cách đẹp nhiều để mọi người khỏi mất ngủ, rồi sau đó lại bằng cách đánh thức mọi người dậy, khi mà nguyên nhân nhiều đáng ngại, một mình gã bất lực.

Giấc mơ có một chức năng đặc biệt rõ, khi cảm nhận giác quan của người đang ngủ bị kích thích. Giác quan bị kích thích lúc còn đang ngủ sẽ tác động vào nội dung Giấc mơ, điều ấy ai cũng biết, có thể xác minh bằng thí nghiệm và thuộc vào số ít các kết quả nghiên cứu y học xung quanh Giấc mơ, chắc chắn song đã được đề cao quá mức. Tuy nhiên gắn với các kết quả vẫn còn một điều bí ẩn, lâu nay chưa giải được. Những kích thích cảm giác mà người thí nghiệm tác động vào người đang ngủ có vẻ không được cảm nhận đúng trong Giấc mơ. Chúng chịu một số không xác định được những cách Diễn giải mà việc xác định hoàn toàn tùy thuộc sự tùy tiện tâm lý. Đương nhiên không có vấn đề tùy tiện tâm lý. Trước một kích thích cảm giác từ bên ngoài, người đang ngủ có thể phản ứng theo nhiều cách. Hoặc anh ta thức dậy, hoặc anh ta bất chấp và ngủ tiếp, ở trường hợp thứ hai có thể loại trừ kích thích bằng một Giấc mơ, và đến đây lại cũng có nhiều cách. Chẳng hạn loại kích thích bằng cách chiêm bao một tình huống tuyệt không thể chấp nhận. Chẳng hạn, một người khi đang ngủ mà bị apxe gây đau đớn ở vùng chậu quấy rối sẽ ứng xử như vậy. Anh ta mơ thấy mình đang cưỡi ngựa, nhưng không ngồi trên cái yên ngựa bình thường, mà dùng một thứ thuốc đắp giảm đau thay yên, và như vậy khắc phục được sự quấy nhiễu đó. Hoặc giả, trường hợp này thường xảy ra nhiều hơn, kích thích từ ngoài được hiểu khác đi, rồi sau đó được lồng ghép với một ước nguyện khác vốn đã bị dồn nén và đang chờ để được thỏa mãn, tức là nó bị đứt ra khỏi cái thực tế vốn dĩ của nó để rồi được xử lý như một chất liệu tâm lý. Đã từng có người chiêm bao thấy mình viết xong một vở hài kịch, vở này thể hiện một ý tưởng

cơ bản nhất định, được công diễn ở nhà hát, màn đầu đã được diễn xong và được hoan nghênh nhiệt liệt. Tiếng vỗ tay vang lên như sấm dậy... Vậy là ở đây thì người chiêm bao đã kéo dài được giấc ngủ, khắc phục được nhiều, bởi lẽ khi thức giấc nào còn nghe thấy gì, nhưng anh ta có lý khi đoán rằng có ai đó đã vỗ thảm hay đập đệm. Điềm lại các Giấc mơ bị đứt quãng ngay trước lúc bị đánh thức bởi tiếng động mạnh thì thấy rằng, chúng đều cố gắng phủ nhận xung kích thích tỉnh bằng một cách diễn giải khác và để kéo dài thêm giấc ngủ tí chút.

XII¹

Người nào kiên trì giữ quan điểm rằng, kiểm duyệt là động cơ chính cho sự làm sai lệch giấc mơ, sẽ không ngạc nhiên khi từ các kết quả Diễn giải Giấc mơ được biết rằng, phần lớn các Giấc mơ của người lớn qua phân tích đều được quy về các *ước nguyện gợi tình*. Điều khẳng định này không nhằm các Giấc mơ có nội dung tình dục không che đậy mà đều được mọi người đã chiêm bao biết đến từ những trải nghiệm của chính mình và thường được mô tả riêng là những “Giấc mơ tình dục.” Các Giấc mơ như thế vẫn luôn có đủ cái lạ để phơi bày thông qua cái cách mà chúng chọn người để làm đối tượng tình dục, qua việc dọn sạch mọi rào cản vẫn buộc những người chiêm bao trong lúc tỉnh phải biết dừng những nhu cầu tình dục, qua nhiều chi tiết đặc biệt nhắc nhở về cái gọi là *đôi bại*. Thế nhưng phân tích lại cho thấy rằng, có nhiều Giấc mơ khác mà nội dung hiển nhiên chẳng thấy gì là gợi tình, qua công việc Diễn giải mới té ra đó là sự thỏa mãn ước nguyện tình dục, rằng mặt khác còn có nhiều ý niệm còn sót lại của công việc tư duy khi tỉnh với tư cách

¹ Toàn bộ đề mục này được bổ sung vào năm 1911.

là những “phần dư của ban ngày”, nếu không được các ước nguyện gợi tình đã bị dồn nén trợ giúp thì sẽ không thể nào thể hiện được trong chiêm bao.

Để làm sáng tỏ cho cái sự thể về mặt lý thuyết không được xem là định đề ấy, có điều cần lưu ý rằng, chẳng có một nhóm bản năng nào khác lại bị những yêu cầu về giáo dục để có văn hóa bóp nghẹt như các bản năng tình dục, nhưng ở hầu hết mọi người thì các bản năng tình dục cũng đã sớm nhất biết cách thoát ra khỏi sự kìm kẹp của các thẩm cấp tâm hồn cao nhất. Kể từ khi chúng ta biết được *bản năng giới tính ở trẻ em* thường thể hiện ra ngoài không rõ, luôn bị bỏ qua và bị hiểu lầm, thì chúng ta có quyền nói rằng, hầu như bất cứ người có văn hóa nào cũng vẫn còn bịn rịn ở một điểm bất kỳ nào đó với cái cách mình đã hình dung về sinh hoạt tình dục từ thời thơ ấu. Và như vậy ta hiểu ra rằng, những ước nguyện tình dục đã bị dồn nén ở trẻ em lại chính là những động lực thường xuyên nhất, mạnh mẽ nhất làm nảy sinh các Giấc mơ.¹ Nếu Giấc mơ nào mà thành công trong việc thể hiện nội dung hiển nhiên của mình một cách vô tính đến mức vô hại, thì điều đó chỉ có thể thực hiện được bằng một cách. Chất liệu các điều tưởng tượng tình dục không được thể hiện nguyên như vậy, trong nội dung Giấc mơ phải được thể chân bởi những ám chỉ, bóng gió và những cách thể hiện gián tiếp, tương tự khác. Thế nhưng lại khác các trường hợp thể hiện gián tiếp khác, ở cách thể hiện được dùng trong Giấc mơ, phải loại bỏ hẳn khả năng được hiểu trực tiếp. Người ta quen gọi những cách thể hiện ứng với những điều kiện như thế là những *biểu tượng* của cái mà chúng muốn thể hiện. Chúng được quan tâm đặc biệt, kể từ khi người ta nhận ra rằng: thì ra người chiêm bao vẫn sử dụng

¹ Xem thêm để so sánh *Drei Abhandlungen zur Sexualtheorie*, 1905, của tác giả: S. Freud, in: *Gesammelte Werke*, Bd. V.

cùng thứ ngôn ngữ ấy của chính các biểu tượng. Thật vậy, ở một số trường hợp riêng, cộng đồng các biểu tượng thậm chí còn vượt ra ngoài cộng đồng ngôn ngữ. Vì chính người chiêm bao không nắm được ý nghĩa của các biểu tượng đã dùng nên vẫn còn một điều bí ẩn là từ đâu có mối quan hệ giữa chúng với những cái mà chúng thể chân và ám chỉ. Tuy nhiên bản thân thực tế ấy là hiển nhiên, không thể nghi ngờ và nó rất quan trọng trong kỹ thuật Diễn giải Giấc mơ. Bởi vì nếu có kiến thức về hệ ký hiệu thì sẽ có thể nắm bắt được ý nghĩa ở những yếu tố lẻ của nội dung Giấc mơ, từng phần của Giấc mơ, đôi khi thậm chí toàn bộ Giấc mơ - mà không cần phải lục vấn người chiêm bao về các ý tưởng bất chợt. Vậy là chúng ta đang tiếp cận cái lý tưởng dân dã: Có cách nào “biên dịch” nổi Giấc mơ? Mặt khác, chúng ta cũng đang quay về kỹ thuật diễn giải của các bộ tộc xa xưa: cách Diễn giải Giấc mơ của họ đồng nhất với cách Diễn giải thông qua hệ ký hiệu.

Tuy những khảo luận về các biểu tượng trong Giấc mơ còn rất lâu nữa mới đến hồi kết, song đã có thể nêu ra một số nhận định khái quát cũng như những dữ liệu riêng có liên quan đến các nhận định ấy, mà không sợ thiếu chín chắn. Có những biểu tượng rất chung, song hầu như lại chỉ có một nghĩa để dịch ra. Chẳng hạn hoàng đế với nữ hoàng (đức vua với hoàng hậu) chỉ cha mẹ, căn phòng chỉ đàn bà, các cửa ra, vào phòng chỉ các lỗ ngỏ ở cơ thể. Số đông biểu tượng để thể hiện con người, các bộ phận cơ thể và các thao tác bằng tay được nhấn theo hướng gợi tình. Đặc biệt một số biểu tượng lắm khi rất lạ lại thể hiện các bộ phận sinh dục, và còn nhiều đồ vật cực kỳ đa dạng khác cũng để làm biểu tượng cho các cơ quan sinh dục. Các thứ vũ khí nhọn sắc, các thứ đồ vật dài và cứng như thân cây, gậy gỗ thay mặt cho cơ quan sinh dục nam; trong khi ấy thì tử, hộp, xe, lò sưởi lại là đại diện cho phần dưới

người phụ nữ trong Giấc mơ. Vậy thì cái *tertium comparationis* (cái thứ ba của sự so sánh, cái chung, t. Latin), cái chung cho những sự thay thế ấy không khó hiểu, nhưng không phải là ở mọi biểu tượng, mối quan hệ kết nối đều dễ nắm bắt như vậy. Những biểu tượng như cầu thang, trèo thang ám chỉ sự giao phối, chiếc ca-vát chỉ dương vật, khúc gỗ chỉ phần dưới người phụ nữ - cứ như thách đố lòng tin, chừng nào mà ta còn chưa nhìn vào được quan hệ biểu tượng theo những con đường khác. Lại có các biểu tượng lưỡng tính, tùy tình huống mà quy cho cơ quan sinh dục của nam hay nữ.

Có những biểu tượng rất phổ cập, ở người chiêm bao nào cũng gặp, miễn là họ cùng một nhóm ngôn ngữ hay là học vấn. Có những biểu tượng chỉ thấy nội trong một phạm vi cực kỳ hạn hẹp, thậm chí cá nhân - có ai đó đã dựng nó từ chất liệu hình tượng của riêng mình. Trong số các biểu tượng phổ cập lại phân ra những thứ mà quyền đại diện cho giới tính được cách dùng ngôn ngữ hợp thức hóa cho, không khó (ví dụ từ nghề nông; nhân giống, hạt giống), và những thứ mà quan hệ với giới tính dường như đã được xác lập từ những thời xa xưa nhất và ở những độ sâu thẳm nhất của quá trình hình thành khái niệm. Với hai loại biểu tượng vừa tách riêng ở trên, thì lực đẩy tạo ra biểu tượng cho đến nay vẫn chưa ngừng. Ta có thể quan sát: đến như các đồ vật vừa mới được phát minh ra (như khí cầu) đã tức thì được nâng lên thành biểu tượng tình dục để dùng phổ cập.

Vả lại kỳ vọng sẽ là sai lầm, một sự hiểu biết thấu đáo hơn nữa về hệ ký hiệu (ngôn ngữ của Giấc mơ) có thể khiến ta không còn bị lệ thuộc vào việc ngồi cật vấn người chiêm bao về những ý tưởng bất chợt đến với anh ta trong Giấc mơ, và dần dặt ta quay hẳn về kỹ thuật Diễn giải Giấc mơ của thời cổ đại. Tách riêng những biểu tượng

của cá nhân và những dao động khi sử dụng các biểu tượng phổ cập, không khi nào biết được liệu phải hiểu một yếu tố nào đó ở nội dung theo nghĩa riêng hay là theo biểu tượng. Người ta đã thừa biết rằng, biểu tượng không Diễn giải được toàn bộ nội dung Giấc mơ. Kiến thức về hệ ký hiệu mãi mãi chỉ có thể là công cụ để “phiên dịch” từng phần riêng lẻ ở nội dung Giấc mơ. Nó không khiến cho việc vận dụng những quy tắc kỹ thuật đã có trước trở nên thừa, nhưng nó sẽ lại là thứ công cụ đắt giá nhất ở bất kỳ đâu, mỗi khi thiếu hẳn hay là không đủ các ý tưởng bất chợt của người chiêm bao.

Cũng không thể thiếu hệ ký hiệu cho Giấc mơ, mỗi khi muốn hiểu những cái gọi là “Giấc mơ điển hình” của mọi người và “Giấc mơ hay lặp lại” của một người. Tập kỷ yếu ngắn gọn này không có tham vọng trình bày đầy đủ về cách diễn đạt bằng biểu tượng trong chiêm bao. Nó chỉ mới chỉ ra được cái quan trọng nhất, cái đáng được xem xét, cái đã có thể nói ra về vấn đề này. Hệ ký hiệu còn dẫn dắt đi xa, vượt ra ngoài phạm vi Giấc mơ. Nó không phải của riêng của Giấc mơ, nó còn ngự trị cũng như vậy ở các truyện cổ tích, truyện thần thoại và truyền thuyết, truyện cười và văn hóa dân gian. Nó cho phép chúng ta lần theo những mối quan hệ mật thiết giữa Giấc mơ và các sáng tác ấy. Tuy nhiên chúng ta cũng phải nói với chính mình rằng, nó không phải là sản phẩm của công mơ. Nó chính là một đặc thù, có lẽ là của tư duy vô thức, cái tư duy vẫn cung cấp chất liệu để công mơ tô đậm, chuyển dịch và bi kịch hóa.¹

¹ Chúng ta có thể tìm thấy thêm về hệ ký hiệu cho Giấc mơ, ngoài các tác phẩm cổ về Diễn giải Giấc mơ (Artemidorus von Daldis, Schemen “Das Leben des Traumes”, [Berlin] 1861), trong “Traumdeutung - Diễn giải Giấc mơ” của tác giả, trong các công trình về thần thoại của trường phái Phân tâm học, và cũng còn ở các công trình của W. Stekel (“Die Sprache des Traumes - Ngôn ngữ giấc mơ”, [Wiesbaden] 1911).

XIII

Tôi chẳng dám kỳ vọng đã làm sáng tỏ tất cả mọi vấn đề của Giấc mơ cũng như đã giải đáp đầy sức thuyết phục cho những câu hỏi đã được thảo luận ở đây. Nếu như có ai đó quan tâm tới toàn bộ phạm vi của các tài liệu tham khảo về Giấc mơ, thì tôi có thể giới thiệu cuốn sách của Sante de Sanctis: *I sogni*, Torino 1899; còn nếu muốn tìm cách lý giải chi tiết hơn nữa cho quan điểm về Giấc mơ đã được tôi nêu lên, thì xin hãy xem tác phẩm *Traumdeutung - Diễn giải Giấc mơ*, Leipzig und Wien, 1900. Tôi chỉ muốn lưu ý thêm phần kế tiếp của bài trình bày của tôi về công mơ sẽ phải được theo dõi theo hướng nào.

Nếu tôi đặt ra nhiệm vụ cho Diễn giải Giấc mơ là phải thể chân Giấc mơ bởi các ý nghĩ hiển nhiên trong Giấc mơ, nghĩa rằng đó là việc phải gỡ ra cái mà công mơ đã đan, thì một mặt, tôi đã nêu lên một loạt các vấn đề mới cho tâm lý học, chúng liên quan tới cơ chế của chính công mơ này, cũng như tới bản chất và các điều kiện cho cái được gọi là sự dồn nén, mặt khác thì tôi khẳng định có sự tồn tại của các ý nghĩ trong Giấc mơ như là một chất liệu rất phong phú cho các hình ảnh tâm lý có trật tự cao nhất, và có được tất cả các đặc điểm của khả năng trí tuệ bình thường, là chất liệu mà đã lẩn tránh khỏi ý thức cho tới khi ý thức đã trao cho nó những khách hàng đã bị nội dung Giấc mơ làm sai lệch đi. Tôi bắt buộc phải giả thiết rằng ở tất cả mọi người đều đã phải tồn tại những ý nghĩ như thế này, bởi vì hầu như tất cả mọi người, kể cả những người bình thường nhất, đều có khả năng chiêm bao. Các câu hỏi tiếp theo, rất quan trọng đối với Tâm lý học, sẽ tiếp nối vào cái vô thức của các ý nghĩ trong Giấc mơ, vào mối quan hệ của nó với ý thức, và vào với sự dồn nén, mà chắc là phải hoãn lại việc giải chúng cho tới khi mà sự phân tích đã làm sáng tỏ sự hình thành các dạng khác của bệnh nhân cách, chẳng hạn như các triệu chứng Hysteria, và các ý niệm gò ép.

GIẤC MƠ
TRONG VĂN HÓA DÂN GIAN
(1958 [1911])

GIẤC MƠ TRONG VĂN HÓA DÂN GIAN

Sigmund Freud và David Ernst Oppenheim

*“Celsi praetereunt austera poemata ramnes” Persius, “Satirae”*¹ Một người trong chúng tôi (O.) trong các nghiên cứu của mình về Văn hóa dân gian đối với các Giấc mơ được kể lại, ở nơi đó đã quan sát thấy hai điều đáng được thông báo cho người khác biết. *Điều thứ nhất* là các hình tượng sử dụng trong các Giấc mơ này hoàn toàn trùng khớp với cái mà các nhà phân tâm học giả định, và *điều thứ hai* là, một số lượng nhất định các Giấc mơ đó được dân chúng nhận thức theo cách mà phân tâm học cũng sẽ diễn giải như vậy, nghĩa là không như những gợi ý tới một tương lai cần phải bóc trần mà là sự đáp ứng ước vọng, sự thỏa mãn các nhu cầu được khơi dậy trong trạng thái ngủ. Một số đặc điểm nào đó của các Giấc mơ mà toàn là nội dung không đứng đắn được kể ra như một mẩu chuyện vui đã làm cho người thứ hai trong chúng tôi (Fr.) cảm thấy cần phải đi tìm sự diễn giải và cho chúng xuất hiện một cách nghiêm túc hơn, đáng để ý hơn.

¹ Tiêu chí đặt lên đầu công trình lấy theo trích lục bản thảo chép tay của Oppenheim. Câu trích dẫn này thực ra lấy từ khổ 345 trong tác phẩm của Horaz: *Ars poetica*... Trong khuôn khổ ở đây ta tạm diễn giải như sau: “Tư duy cao thượng làm thương tổn văn thơ mộc.”

I

HÌNH TƯỢNG DƯƠNG VẬT TRONG CÁC GIẤC MƠ - VĂN HÓA DÂN GIAN

Giấc mơ mà chúng tôi đặt lên đầu tiên mặc dù nó không chứa đựng sự mô tả có tính tượng trưng, song lại vang lên gần như chế giễu đối với sự Diễn giải Giấc mơ theo kiểu tiên tri, và như lời tựa đối với việc Diễn giải Giấc mơ về mặt tâm lý học.

Diễn giải Giấc mơ theo kiểu tiên tri và theo tâm lý học

Hình tượng dương vật 1

Một cách diễn giải Giấc mơ

Một thiếu nữ rời khỏi giường ngủ và kể với mẹ về một Giấc mơ tuyệt vời mà nàng mới chiêm bao thấy.

– Nào con gái mẹ đã mơ gì vậy? - Người mẹ hỏi.

– Con chẳng biết kể cho mẹ nghe như thế nào cả bởi vì tự con cũng chẳng hiểu sao. Có cái gì đó hơi dài, đo đo mà lại tù tù.

Người mẹ nghĩ lại một chút rồi nói:

– Cái dài là chỉ một con đường, con đường dài, còn cái gì đo có nghĩa là niềm vui, còn mẹ không biết cái gì tù tù kia có nghĩa là gì.

Trong lúc đó người cha đang mặc quần áo và đã nghe hết thấy câu chuyện giữa bà mẹ và con gái. Ông lẩm bẩm một mình:

– Chà, cái gì đó có phần giống cái vĩ đại của mình quá!

Thật là thoải mái biết bao nếu ta nghiên cứu hình tượng Giấc mơ trong Văn hóa dân gian hơn là trong các Giấc mơ thật. Giấc mơ buộc phải che giấu và chỉ tiết lộ bí mật của mình cho sự diễn giải.

Những câu chuyện vui này tự hóa trang thành Giấc mơ và muốn chia sẻ khoái cảm cho người kể lẫn người nghe và vì vậy gán ghép sự diễn giải không e ngại thành hình tượng vào đó. Chúng gây ra sự vui mừng bởi bộc lộ cái hình tượng che đậy.

Trong các khổ thơ tứ tuyệt dưới đây, dương vật mang hình tượng cái gậy quyền uy.

Hình tượng dương vật 3

Đêm qua ta mơ làm vua trong vương quốc

Và khi tỉnh tay ta vẫn cầm cái vật.

Ta thử so cái “Giấc mơ” vừa rồi với các ví dụ sau đây mà ở đó chính cái hình tượng kia được dùng bên ngoài Giấc mơ.

Cô em xinh đẹp lòng ta.

Ta mê nàng lắm lắm

Đặt vô tay nàng cây gậy.

Nàng sẽ trở thành nữ hoàng

Napoleon Bonaparte.

Có lần nói với con trai

Chừng nào cái đuôi con là gậy.

Thì vương miện cũng chẳng là chi.

Trí tưởng tượng nghệ thuật thích sử dụng biến thể khác về sự ngợi ca hình tượng của dương vật. Trên một tờ tranh tuyệt vời của Felicien Rops¹ mang tựa đề: “Tout est grand chez les rois” (ở các đấng Vua Chúa thì cái gì cũng vĩ đại), người ta nhìn thấy hình hài

¹ Tác phẩm gợi tình của Felicien Rops; 42 tranh đồ họa. Bản in tư nhân Berlin 1905, tờ thứ 20.

trần truồng của một ông vua mang dáng nét của Roi Soleil (Đời Louis thứ 14) mà dương vật vĩ đại của ngài dựng lên ngang tầm đôi tay lại được đội cả vương miện. Tay phải ngài đang giữ thẳng bằng cây gậy quyền uy trong bàn tay trái ôm quả táo là biểu tượng của xấ tặc mà trên đó có một khe xử trung trung nhắc đến một sự giống nhau không lắm lẫn được với một bộ phận cơ thể gọi tình khác¹. Ngón tay trở của bàn tay trái đặt lên cái khe này.

Trong bài dân ca miền Si-lê-di ta xem dưới đây thì Giấc mơ được cải biên để che đậy một xuất xứ khác. Ở đây dương vật hiện hình dưới dạng *con giun* (một con giun đất mập mạp) đã chui vào trong người cô gái và đến kỳ của nó lại chui ra dưới dạng *giun con* (đứa bé).

Hình tượng dương vật 2 (*con giun*)

Bài ca con giun đất

Nàng Susanna ngã mình trên bãi cỏ ẩm

Và thiu thiu mơ màng tới người tình

Một nụ cười đùa giỡn quanh mũi nàng

Nàng đang nghĩ về kẻ đánh cắp trái tim.

Bống dâu, ôi chiêm bao, ôi khiếp quá!

¹ Chưa lẽ của Oppenheim: Giống như tranh của Rops là quả táo thì trên một phù điêu La Mã của nhà hát Amphí ở Nîmes quả trứng cũng có một khe tương ứng là biểu tượng bộ phận sinh dục đàn bà. Cũng như thế ở đây không thiếu vắng cái... của đàn ông. Ở đây lộ ra một dương vật tuyệt vời dựng lên mang hình tượng một con chim đậu lên bốn quả trứng có dạng mô tả ở trên. Gần như người ta có thể thốt lên từ (từ này viết dưới dạng tốc ký) ấp (Facqué, Antoine Dulaure (1755-1835), "Sự sinh sản trong tín ngưỡng, phong tục và tập quán của các dân tộc", dịch ra tiếng Đức do F.S. Kraus và Karl Reiskel (có bổ sung của H. thêm lời bạt của F. Kind) (Bản in tư nhân chỉ dành cho học giả, không bán ở hiệu sách) (Tập I của các tác phẩm phụ đề để nghiên cứu Anthropophyteia chịu trách nhiệm xuất bản F.S.Kraus) Leipzig 1909, trang 204, hình số 191.

Người yêu dấu nhất của nàng, thật đáng yêu sao
Biến thành con giun mập, con giun dài
Nó chui vào bụng cứ chui vào.
Cô gái trẻ kinh hoàng tỉnh giấc
Vội chạy về phố nhỏ, lệ tuôn rơi.
Nàng kê vắn dài trong tiếng nấc.
Giun chui vào tôi, một con giun đất.
Mẹ nàng nghe được lời than ấy.
Bà xót xa và nguyên rủa
Vội kéo cô gái vào buồng.
Bà kiểm tra kỹ lưỡng
Cô gái ơi tìm căn nguyên loài giun đất.
Nhưng tiếc thay chẳng có kết quả gì
Cô gái nhao đi trong cơn bão.
Và tìm đến hỏi một người đàn bà thông thái
Bà láu cá lật cổ bài trước cô gái rồi phán rằng:
“Chúng ta phải đợi thôi
Con 7 cơ ta đã hỏi phí lời,
Để xem con K nói gì vậy.
Con K đỏ hiện ra rõ mồn một
Con giun quả đã chui vào cô
Tuy nhiên giờ làm gì hãy còn sớm.
Bởi vì mọi vật đều cần có thời gian.
Susanna nghe tin âm đạm.

Và khóa cửa buồn rầu nằm nhà.
 Rồi cuối cùng thời khắc lo lắng đến gần
 Và hạnh phúc thay một chú giun con chui ra.
 Bởi vậy, hỡi các nàng hãy nắm lấy mũi chúng bay
 Và đừng thiu thiu ngủ rồi mơ màng trên bãi cỏ.
 Nếu không chúng bay cùng hỡi hù, xấu hổ
 Bởi con giun mập nó chui vào.

Hình tượng hóa dương vật thành *con giun* tương tự cũng được tìm thấy trong vô số các chuyện tiểu lâm thô tục.

Giấc mơ kể tiếp đây hình tượng hóa dương vật thành một *đoản kiếm* bằng cách cho người đàn bà đang chiêm bao kéo một thanh đoản kiếm để tự đâm mình, trong khi thì bị người đàn ông đánh thức và nhắc nhở không được kéo đứt cái dương vật của anh ta.

Một Giấc mơ khủng khiếp

Một cụ đàn bà chiêm bao thấy rằng nhà cụ đã sa sút tới mức mà trước ngày lễ chẳng còn gì để ăn và cũng chẳng mua được gì. Số là chồng cụ đã nhậu sạch số tiền nhà có chỉ còn lại độc một cái vé số mà chính nó lại phải mang đi đặt cược cho một nhà ai đó. Anh ta giữ nó lại bởi ngày mồng hai tháng Một sẽ là ngày quay số. Gã nói: “Này cụ, ngày mai sẽ quay số vậy nên vé số cứ nằm đó một thời gian đã. Nếu chúng mình không trúng số thì ta phải bán nó đi hoặc đưa đi đặt cược.” “Quý tha ma bắt nó đi, tổng cái của nợ đó đi cho rảnh khác chi chờ sữa ở nơi dê đực.” Vậy rồi buổi mai cũng đến và xem kìa cậu bán báo đang tới. Gã gọi cậu lại lấy một số và bắt đầu dò hàng số. Gã lướt mắt qua các con số và tất cả các cột gã đều xem qua. Số của gã không có ở đây. Gã không tin vào mắt mình, nhìn lại một lần nữa

và giờ thì gã bắt gặp cái số của số mình. Số của vé số thì trúng cơ mà số xê ri lại không. Gã lại không tin chính bản thân mình nữa và nghĩ thầm: “Chắc lộn ở đâu đó! Đợi đã, ta đến nhà băng hỏi cho ăn chắc.” Thế là gã đến đó, đầu cứ cúi gằm. Dọc đường gã gặp cậu bán báo thứ hai gã lại mua một số của tờ báo thứ hai. Lại dò danh mục và tìm ra ngay lập tức cái số của vé số của gã; xê ri cũng đúng y như tên vé số của gã. Giải thưởng 5.000 rúp rơi vào cái vé số của gã. Gã nhao về phía nhà băng, chạy xộc vô và yêu cầu người ta trả tiền ngay cho giải thưởng. Ngài quan chức nhà băng nói rằng chưa thể trả thưởng sớm mà phải đợi một tuần nữa mà cũng có thể là hai. Gã bắt đầu van nài: “Xin ngài làm phúc, hãy đưa ra đây ít nhất một ngàn đi. Phần còn lại tôi sẽ nhận sau.” Ngài quan chức nhà băng từ chối song lại cho gã một lời khuyên là nên nhờ cậy cái người đã bán cho gã cái vé số. Chà. Biết làm sao đây. Tức thì như vừa dưới đất trời lên một anh chàng Do Thái nhỏ thó. Chàng Do Thái ngửi thấy ngay mùi thịt chiên và đề nghị sẽ trả ngay cho anh ta số tiền nhưng không phải 5.000 mà chỉ 4.000 thôi. Cái ngàn thứ năm đó anh Do Thái sẽ hưởng. Gã mừng vì sung sướng và quyết định tặng anh Do Thái cái một ngàn đó để nhận ngay được số tiền. Gã nhận tiền từ anh Do Thái và chuyển cho anh ta cái vé số. Sau đó gã về nhà. Dọc đường gã ghé vào một quán rượu, tợp một chén nhỏ rồi từ đó thẳng đường về nhà. Gã cứ đi như thế rồi cười một mình và cất tiếng ca. Mụ vợ trông qua cửa sổ và nghĩ: “Chắc anh ta đã bán cái vé số. Đó, trông cứ tươi hơn hơn. Anh ta đang về và chắc đã nhậu ngây ngất cho quên nỗi sầu.” Gã bước vô nhà, đặt số tiền lên trên bàn ở trong bếp và tiến lại gần mụ vợ để mang đến cho mụ cái tin hân hoan nọ, gã đã trúng số và đã nhận tiền. Khi họ ôm nhau nô nê trong hạnh phúc, hôn hít nhau khắp lượt thì cháu bé gái ba tuổi đã vô lấy cục tiền và vứt nó vào bếp lò. Bây giờ cả hai mới vội vã quay ra để đếm tiền thì chẳng còn nữa. Góí tiền cuối cùng đang cháy dở.

Điên tiết gã tóm lấy đôi chân đứa con gái và lẳng vô bếp lò. Thế là nó hồn lìa khỏi xác. Gã nhìn thấy tai họa bởi chẳng thể thoát khỏi cảnh lưu đày Xi-bê-ri và rồi hấn chụp lấy cây súng lục. Đùng! Gã bắn vào ngực mình và thế là hồn cũng lìa khỏi xác. Mụ vợ hốt hoảng trước tai họa kinh hoàng vội tóm lấy thanh đoản kiếm toan tự đâm mình. Mụ cố kéo thanh đoản kiếm ra khỏi vỏ mà chẳng làm sao được. Rồi mụ nghe thấy một giọng từ trên trời vọng xuống. “Đủ rồi! Thôi buông ra, mụ làm gì vậy?” Mụ ta tỉnh dậy và thấy không phải mình đang kéo thanh đoản kiếm mà là cái kia của chồng mình. Và gã bảo vợ “Đủ rồi, thôi buông ra, mày kéo đứt của tao bây giờ!”

Mô tả dương vật như một vũ khí: con dao cắt, đoản kiếm... đối với chúng ta đã quen thuộc từ các Giấc mơ hải hùng đặc biệt là đối với đàn bà vắng chồng và cũng là căn nguyên vô số sợ hãi của người mắc chứng loạn thần kinh chức năng. Câu chuyện rối rắm về Giấc mơ vừa rồi thách thức chúng ta gắng sức làm sáng tỏ sự hiểu biết về nó thông qua diễn giải bằng phân tâm học dựa theo những công trình giải nghĩa thực hiện trước đó. Ở đây chúng ta không phải không thấy rằng chúng ta đã vượt một đoạn xa ra khỏi cái mà Văn hóa dân gian trình diễn và vì vậy chịu tổn hao một phần độ đảm bảo của nó.

Vì Giấc mơ ấy, bằng hành động chiêm bao để thực hiện một sự tiến công tình dục xuất phát từ người đàn bà, cho nên sẽ hợp lẽ là lấy tình cảnh khốn quẫn về vật chất trong nội dung Giấc mơ để thay thế cho tình cảnh khốn quẫn về tình dục. Chỉ có sự khốn quẫn do khao khát tình dục cực độ mới có thể bênh vực được cho sự tiến công như vậy của người đàn bà. Những đoạn khác của nội dung Giấc mơ chỉ dẫn tới hướng nhất định khác. Cái lỗi cho tình trạng bi đát nọ được quy hết cho người đàn ông (gã đã nốc hết sạch cả tiền).

Rồi sau đó, khi giấc mơ loại người chồng và đứa con ra, và bằng một lối khéo léo né tránh cảm giác tội lỗi về ước vọng của người vợ bằng cách là để người chồng giết con rồi sau đó do hối hận và tự vẫn, thì những nội dung Giác mơ như vậy, sau khi đối chiếu với nhiều tình huống tương tự, có thể kết luận rằng người đàn bà đó không được thỏa mãn bởi người chồng và mơ tưởng về một mối tơ duyên khác. Đối với sự diễn giải thì giá trị là như nhau, dù cho sự không thỏa mãn của người đàn bà chiêm bao là thường xuyên hay chỉ là dấu hiệu nhất thời của sự thèm khát. Câu chuyện xổ số trong Giác mơ đã đưa lại sự ngất ngây hạnh phúc ngắn ngủi tựa hồ như có thể biểu thị cho mối tình chồng vợ. Biểu tượng ấy xét về mặt công năng của Phân tâm học thì chưa được nhận biết chắc chắn. Tuy nhiên mọi người vẫn thường nói, tình nghĩa vợ chồng là một trò may rủi, trong đó người ta hoặc trúng số hoặc chẳng trúng gì. Những con số đã được công năng của Giác mơ hết sức thổi phồng lên, chắc sẽ ứng với những “số hiệu”, tức là số những lần tái diễn giao hợp thỏa mãn đã được ước mong. Như vậy là bằng cách đó, đã lưu ý chúng ta rằng việc nghiên cứu ở dương vật người đàn ông không chỉ có nghĩa là một sự khiêu khích tình dục, mà cũng còn có một nghĩa vụ là một sự phê phán, coi thường, cứ y như là người vợ muốn rút dương vật ra - cũng là điều mà người chồng đã nhận thức đúng, bởi vì nó không làm đúng bốn phận của mình.

Chúng ta sẽ chẳng dừng lâu ở việc Diễn giải Giác mơ này và khai thác hết được sự tượng trưng hóa đang để mở, nếu như những Giác mơ khác, mà chúng cũng đều kết thúc bằng một hành động chiêm bao, lại không làm sáng tỏ rằng, ở đây thì dân gian đã tập trung được sự chú ý vào một trạng huống đặc trưng mà nó có sức chuyển hóa về một cội nguồn thống nhất.

II

HÌNH TƯỢNG CỤC PHÂN VÀ NHỮNG HÀNH ĐỘNG CHIÊM BAO TƯƠNG ỨNG

Phân tâm học đã dạy chúng ta rằng ở cái thuở khởi thủy của thời thơ ấu thì phân là một thứ chất thể rất được coi trọng mà với nó thì những bản năng sống trong phân được thỏa mãn. Cùng với việc loại bỏ cho thật nhanh những bản năng như vậy, thông qua giáo dục thì cái chất thể đó bị rơi xuống hàng chất thể đáng khinh bỉ và rồi phục vụ những xu hướng có ý thức với tư cách là phương tiện biểu đạt sự coi thường và chế giễu. Có những cách thức lao động tinh thần nào đó tỷ như chuyện tiểu lâm đã từng biết cách khai thác cái nguồn khoái cảm đã bị chôn lấp ấy cho một khoảnh khắc ngăn ngủi và đã cho thấy rằng cái sự quý trọng trước đây của con người trong vô thức với phân của chính mình nay còn giữ lại được bao nhiêu. Nhưng cái phần còn lại đáng kể nhất của sự đánh giá thuở trước là tất cả sự quý trọng của một đứa bé đối với phân của mình, khi vào tuổi trưởng thành đã chuyển sang một chất khác mà rồi trong cuộc đời con người học cách đặt chất đó gần như lên vị trí cao nhất. Đó chính là vàng¹. Cái mối liên quan giữa chất bản và vàng có tự bao giờ thì chúng ta có thể thấy từ nhận xét của Jeremias²: Theo thần thoại Cận Đông cổ đại thì vàng là chất bản của hang động².

Trong các giấc mơ ở văn hóa dân gian thì vàng được biết tới như một biểu tượng rõ rệt nhất cho phân. Nếu kẻ đang ngủ thấy có nhu cầu tháo phân thì anh ta sẽ chiêm bao thấy vàng, thấy báu vật. Giấc mơ dành cho việc thỏa mãn nhu cầu ở trên giường thường

¹ So sánh với "Tư cách và gợi tình cận hậu môn", Tập sưu tầm bài viết về thần kinh học, quyển 2 (1909), (*Sigmund Freud toàn tập*, tập 7, Luân Đôn 1941, trang 203-209). ² E. Jeremias: Về Babilon trong *Cựu Ước* (đúng ra là *Tân Ước*), Leipzig 1906 (đúng ra là 1905), trang 96.

² (Chùa lễ của Oppenheim) Tương tự như ở Mêhicô.

được tiết tấu là đồng phân trở thành dấu hiệu cho cái nơi mà ở đó tìm được báu vật; nghĩa là: giấc mơ nói một cách trực tiếp thông qua cảm nhận nội tâm lý (endopsychic), dù là ở thể ngược; vàng trở thành dấu hiệu, biểu tượng cho phân.

Ta tìm thấy kiểu giấc mơ báu vật hay giấc mơ đại tiện đơn giản như trên trong *Facetien des Poggio* (Chuyện tiểu lâm của Poggio).

Vàng trong chiêm bao¹

Trong một buổi chè nước, một gã kể cho mọi người nghe rằng y đã tìm được vàng trong chiêm bao. Một gã khác nghe xong liền kể ngay câu chuyện sau đây (trích nguyên văn lời kể của y):

“Một lần ông láng giềng của tôi mơ thấy một con quỷ đã đưa ông ta ra ruộng để đào vàng.

Nhưng mà ông ta không tìm được gì. Lúc đó con quỷ mới nói: Đây, đúng chỗ rồi đấy, nhưng bây giờ anh chưa khai ra được đâu. Hãy nhớ lấy chỗ này để rồi một mình anh tự tìm lại.

Ông ta định làm một cái dấu gì đó để nhớ chỗ đó thì con quỷ bảo: ‘Anh hãy đại tiện vô đó!’

Rồi sẽ chẳng có người nào nghĩ rằng ở đây có vàng và anh sẽ nhớ chính xác chỗ này!’

Ông ta nghe lời làm theo và ngay lập tức tỉnh dậy. Ông cảm thấy mình đã làm một đồng to tướng trên giường.”²

¹ Poggio, *Facetten* (Chuyện vui do Gian - Francesco Poggio Bracciolini - người Floren kể, Alfred Semerau dịch và chú giải (trong tập IV của bộ sách “Các nhà kể chuyện bậc thầy thành Rôma” do F.S. Krauss chịu trách nhiệm xuất bản. Bán in tư nhân (chỉ dành cho độc giả, không bán ở cửa hàng sách), Leipzig 1905, trang 103, Nr.130.

(Oppenheim đã rút ngắn câu chuyện một chút so với nguyên bản).

² Tarasevsky “Cuộc sống tinh dục của nông dân Ucraina”, trang 194 (193- 195), Nr 122 (đúng ra là 232).

(Lời kết có rút gọn): Ông ta chạy trốn khỏi nhà và vợ lấy cái mũ chụp lên đầu, chính cái mà một con mèo đã ị vô ngay trong đêm đó. Ông ta phải đi gội cả đầu lẫn tóc ngay.

“Và như vậy vàng chiêm bao của hắn trở thành thứ bẩn.”

Tarasevsky cũng nói về một giấc mơ tương tự như vậy ở Ukraina¹:

Trong chiêm bao, một anh nông dân đã nhận được từ con quỷ mà trước đó anh ta đã dâng cho nó một cây nến - một báu vật và làm lên đó một bãi để đánh dấu.¹

Nếu như trong hai giấc mơ trên con quỷ xuất hiện là kẻ hiến báu vật và dụ dỗ, thì điều đó chẳng làm chúng ta ngạc nhiên bởi vì con quỷ, cho dù là tiên từ thiên đường bị đày xuống hạ giới, “thì chắc chắn cũng không phải là cái gì khác hơn là sự nhân cách hóa đời sống bản năng trong vô thức dồn nén.”²

Những nguyên cơ cho các Giấc mơ - chuyện cười đơn giản đó dường như được khai thác triệt để thông qua các thú vui thô thiển trước sự bẩn thỉu và thông qua cái thỏa mãn đầy ác ý về sự xấu hổ của kẻ chiêm bao.

Trong các giấc mơ báu vật khác thì tiết tấu mơ biến đổi đa dạng và tiếp nhận nhiều thành phần khác nhau mà chúng ta có quyền được hỏi về xuất xứ và ý nghĩa. Bởi vì chúng ta sẽ không xem như các nội dung giấc mơ nhằm bào chữa cho sự thỏa mãn một cách hợp lẽ tùy tiện và vô nghĩa.

¹ (Điều dưới đây do Oppenheim viết bằng bút chì, có 2 dấu tốc ký đã thêm vào). So với các khảo dị Anthropophyteia Tập 4 (1907), trang 342-345, Nr 580-581 “Chuyện dân gian Nam Slavơ về quan hệ tình dục (Phần tiếp theo thứ III) F.S. Krauss sưu tầm, dịch và hiệu đính. Trang 342-344, Nr 580 “Khi: một người châm nến cho con quỷ và giúp hắn”, trang 344-345 Nr. 581 “Chuyện kể rằng một người đã châm nến cho con quỷ”).

² “Tư cách và gợi tình cận hậu môn”, trang 136, Toàn tập, tập 7.

Trong hai ví dụ tiếp theo sau đây giấc mơ không xảy ra ở một người ngủ mà là hai người đàn ông cùng chia nhau một cái giường. Kẻ chiêm bao, do hậu quả giấc mơ mà làm bắn người cùng ngủ.

Giấc mơ sôi động¹

Hai chú thợ học nghề thủ công mệt mỏi bước vô nhà trọ xin ngủ qua đêm. Ông chủ nói: Được, nếu các anh không hãi thì có thể vào phòng ngủ, có điều trong đó ghê lắm, các anh muốn ở lại chứ, vậy thì tốt. Nếu chỉ ngủ thôi thì các anh được trọ miễn phí.

Các chàng trai quay lại hỏi nhau “Mày có hãi không.” “Không.” Vậy thì tốt và thế là chúng lấy thêm một lít rượu vang và kéo nhau về cái buồng được chỉ.

Chưa nằm được bao lâu thì cánh cửa mở ra và một hình hài trắng toát lướt vào rồi bay lơ lửng qua giường ngủ. Một cậu nói với cậu kia: “Cậu có mơ thấy gì không?” “Có.” “Này sao cậu chẳng nói gì cả.” “Đợi đã, nó lại quay lại và bay lơ lửng qua giường ngủ.” Đúng vậy lại một lần nữa cái hình hài kia lơ lửng bay qua.

Một cậu nhảy lên nhưng cái bóng ma lại còn nhanh hơn và luồn qua khe cửa ra ngoài. Anh chàng chẳng phải kẻ lười nhác, vội gạt cánh cửa đuổi theo và hình ma kia đã là một người đàn bà đẹp đang xuống tới nửa cầu thang. Anh chàng lên tiếng: “Bà làm gì vậy.” Hình hài đó đứng lại và quay người nói: “Giờ thì ta đã được giải thoát. Đã từ lâu ta phải đi lang thang. Ta thưởng công cho anh bằng báu vật đó, nó nằm ngay ở chỗ anh đang đứng đấy!” Anh chàng vừa sợ lại vừa vui mừng và để đánh dấu ấy, chàng vén áo ngủ lên rồi ngồi xuống và trông ngay một bãi to tướng và nghĩ bụng: Cái này chẳng ai xóa được.

¹ “Chuyện kể nông dân Đức”, F. Wernert sưu tầm ở vùng Thượng và Hạ Elsass, Tập 3 (1906), trang 72 Nr.15.

Nhưng mà vào cái lúc sung sướng nhất thì cảm thấy ai đó túm lấy cậu hét: “Đồ con chó! Mày ỉa vào áo tao rồi!” Sau mấy câu thô tục đó, kẻ chiêm bao sung sướng kia tỉnh giấc từ trong truyện cổ tích hạnh phúc và “bay” chẳng mấy nhẹ nhàng ra khỏi giường.

Gã đại tiện lên mộ

Hai người đàn ông đến một khách sạn. Họ ăn tối rồi uống rượu và cuối cùng muốn đi nằm.

Họ nói với chủ khách sạn chỉ cho họ một phòng. Vì các phòng đều đầy khách cả nên chủ khách sạn nhường cho hai vị cái giường của mình để ngủ chung. Hai người hạ mình vào cái giường đó. Một người bắt đầu nằm mơ thấy ma đang châm ngọn nến và dẫn mình ra nghĩa địa, cánh cổng nghĩa địa mở ra. Con ma tay cầm ngọn nến cùng người đàn ông đi theo bước về phía ngôi mộ của một cô gái. Khi họ vừa tới ngôi mộ thì nến tắt. “Bây giờ ta làm gì đây? Làm sao đến mai khi trời sáng ta biết được ngôi mộ nào là của cô gái.” Người đàn ông tự hỏi như vậy trong mơ. Một ý nghĩ chợt đến giúp y. Hắn tụt chiếc quần vải ra và lượm chính ở các ý nghĩ trong Giấc mơ nằm ở ước nguyện muốn được hưởng chính một mối tình mà “không mất gì”. Ý ấy còn ẩn dụ đằng sau cái cách nói về đôi mắt đẹp và cách nói bóng gió xa xôi về “rau ba lạng”. Nếu qua phân tích mà lật ngược được bước chuyển dịch thì sẽ với được đến những thông tin hoàn toàn chắc chắn về hai vấn đề được tranh cãi nhiều là nguồn kích thích Giấc mơ và mối quan hệ giữa Giấc mơ và đời sống khi thức. Có những Giấc mơ chỉ gián tiếp bộc lộ chỗ kết nối của chúng với các trải nghiệm lúc ban ngày. Ở những Giấc mơ khác lại không tìm thấy một dấu vết nào của mối quan hệ ấy.

Nếu đem phân tích thì sẽ có thể chỉ ra rằng: không có ngoại lệ, Giấc mơ nào cũng kết nối với một cảm xúc của mấy ngày qua - nói

như sau hẳn đúng hơn: Ở cái ngày cuối cùng trước Giác mơ của ngày mơ). Cái cảm xúc giữ vai trò nguồn kích thích Giác mơ có thể mạnh đến mức, đã tỉnh rồi mà vẫn còn vương vấn. Ở trường hợp ấy nói “Giác mơ” là đúng, nó tiếp nối mối quan tâm của đời sống khi thức. Thế nhưng thông thường thì, nếu quả có mối quan hệ giữa nội dung Giác mơ với một cảm xúc lúc ban ngày, cảm xúc này lại hay mờ nhạt, tầm thường và dễ quên đến mức, có muốn nhớ lại cũng khó. Khi ấy thì nội dung Giác mơ, cho dù mạch lạc và dễ hiểu, vẫn chỉ quẩn quanh những chuyện tầm phào, vô bổ nhất, chẳng đáng cho chúng ta để ý tới khi thức. Giác mơ hay bị xem thường phần nhiều chính vì nội dung đầy những thứ phù phiếm, vô cảm của nó.

Sự phân tích sẽ phá vỡ cái vỏ ngoài làm cho Giác mơ bị xem thường. Ở đâu mà nội dung Giác mơ tưởng như được kích thích bởi một cảm xúc không quan trọng, thì phân tích lại chứng minh rằng ở đó có một sự kiện quan trọng và tạo cảm. Chỉ có điều, nó sẽ bị át đi bởi cái không quan trọng mà nó vốn có quan hệ kết nối. Ở đâu mà nội dung Giác mơ trình ra những hình ảnh vô nghĩa, nhạt nhẽo, thì ở đó phân tích lại chứng minh rằng có vô số ngã đường liên thông, nối giữa cái tầm thường với cái cao quý nhất trên các nấc thang giá trị tâm lý. *Đó chỉ là những động thái của công chuyển dịch, một khi thay vì cái cảm xúc đúng lý ra phải kích thích lại là cái vô cảm, thay vì thứ chất liệu đúng lý ra phải hấp dẫn lại là cái tầm phào lọt vào nội dung Giác mơ.* Vậy nếu hỏi về nguồn kích thích Giác mơ, về quan hệ giữa Giác mơ với đời sống thường nhật thì dưới các quan niệm mới ấy - thay nội dung hiển nhiên bằng nội dung tiềm ẩn, có thể trả lời: *Không bao giờ Giác mơ lại quan tâm tới những thứ chẳng đáng quan tâm lúc ban ngày, và không bao giờ những chuyện vụn vặt chẳng đáng bận lòng lúc ban ngày lại đeo đuổi chúng ta vào tận giấc ngủ.*

Vậy đâu là cái nguồn kích thích Giấc mơ ở ví dụ mà chúng ta đã chọn để phân tích? Trải nghiệm nọ thật sự vô nghĩa: Có người bạn đã giúp tôi một *chuyến xe không mất tiền*. Tình huống diễn ra bên *table d'hôte* trong Giấc mơ có ám chỉ đến cái sự kiện vô nghĩa ấy, chẳng là trong cuộc đàm đạo, tôi đã đối chiếu cỗ xe có đồng hồ chỉ lộ trình với cái *table d'hôte*. Nhưng tôi có thể dẫn ra đây một trải nghiệm quan trọng mà cái trải nghiệm vô nghĩa kia đã át đi mất. Nguyên là trước đó ít ngày, tôi có chi một món tiền còn lớn hơn thế cho một người khá thân trong gia đình. Nào có chi lạ - đó là ý nghĩ phóng uế lên mộ. Sau khi đại tiện, người bạn bên cạnh tát vào má hắn và quát: “Này mày ị cả lên mặt tao đấy à.”

Trong hai giấc mơ trên, thay chỗ cho con quỷ là những hình hài bí ẩn, những hồn ma của linh hồn người chết. Trong chuyện thứ hai, con ma đích thân dẫn kẻ nằm mơ ra nghĩa địa, chỉ nơi người mơ đánh dấu một ngôi mộ nhất định bằng việc tháo phân của mình. Một phần của tình huống ấy giờ đây trở nên rất dễ hiểu. Người ngủ biết rằng cái giường không phải là nơi thích hợp để thỏa mãn cái nhu cầu của mình. Trong mơ anh ta cho đưa mình ra khỏi nơi ấy và kiếm cho mình một nhân vật chỉ ra lối thoát để thực hiện cái ước vọng đen tối và ở một chỗ khác cho phép đáp ứng yêu cầu, hơn nữa lại khá tiện lợi. Trong giấc mơ thứ hai, con ma còn dùng cả một cây nến để đánh dấu đường theo kiểu như một người trần vắn làm khi dẫn khách lạ trong đêm tối đến nhà vệ sinh. Tuy nhiên có sao các đại biểu cho cái ham muốn về việc chuyển rời vị trí mà người ngủ đang thoải mái muốn tránh lại đi dùng những hình hài bí ẩn như con quỷ, con ma của người chết? Có sao con ma trong câu chuyện mơ thứ hai lại dẫn ra nghĩa địa như để thỏa mạ một ngôi mộ? Những yếu tố đó dường như chẳng liên quan gì tới dục tâm tháo phân và hình tượng hóa phân bằng vàng.

Ở đây gợi đến một nỗi sợ hãi có thể về việc như là cố nén một sự giải tỏa ngay trên giường mà không cắt nghĩa sự sợ hãi kia và chính nó mang tính chất đặc trưng của nội dung mơ hướng tới cái chết. Chúng tôi còn dành lại sự giải nghĩa và nhấn mạnh tới yêu cầu diễn giải cho điều là trong hai tình huống mà ở nơi đó hai người đàn ông ngủ chung với nhau cái ghê rợn của kẻ đưa đường ma quái lại gắn với sự liên hệ tới một người đàn bà. Con ma trong giấc mơ thứ nhất bỗng chốc lộ nguyên hình là một phụ nữ đẹp mà giờ đây cảm thấy được giải thoát, còn con ma trong giấc mơ thứ hai lại lấy mục tiêu là mộ một cô gái cần phải đánh dấu.

Chúng ta chuyển sang tiếp tục làm sáng tỏ các giấc mơ đại tiện loại này trong đó người cùng ngủ không còn là hai người đàn ông nữa mà là đàn ông với đàn bà, một đôi vợ chồng. Cái sự thỏa mãn diễn ra trong giấc ngủ do mơ xuất hiện ở đây thật đáng kinh tởm song lại có thể chính vì thế mà che giấu một ý nghĩa đặc biệt.

Chúng ta nói trước rằng trong giấc mơ trình bày sau đây quan hệ nội dung của nó không đáp ứng nghiêm ngặt sự loan báo trên kia. Nó không hoàn toàn đầy đủ ở chỗ là không xảy ra việc làm bẩn người ngủ cùng trên giường - ở đây là người vợ. Thay vì mối quan hệ giữa sự thôi thúc đại tiện với cái sợ chết lại rõ nét. Gã nông dân được gọi là đã có vợ mơ thấy mình bị sét đánh chết và linh hồn đang bay lơ lửng trên trời. Tới nơi anh ta xin được quay xuống hạ giới một lần nữa để nhìn lại vợ con. Gã được phép biến thành con nhện và xuống trần theo sợi tơ tự nhả ra. Sợi tơ ngắn quá và trong khi đang cố nhả tơ thêm nữa thì từ bụng mình sự kiện tháo phân xảy ra.

Mơ và thực

Một gã nông dân nằm trên giường và mơ thấy mình đang trên cánh đồng và cùng mấy con bò đang cày ruộng. Đột nhiên một tia chớp

giáng xuống và đánh chết gã. Giờ thì gã cảm thấy là linh hồn mình đang bay lên và cuối cùng cũng tới trời. Thần Petrus đứng ở cổng trời toan thu nạp và đẩy gã vào trong. Nhưng hắn lại có lời xin thần được xuống hạ giới một lần nữa để từ giã vợ và các con. Thần Petrus lại cho là không được bởi ai đã lên trời thì người ta chẳng còn cho trở lại trần gian. Gã nông dân khóc gào thảm thiết và cầu khẩn tới khi thần Petrus mềm lòng. Số là chỉ còn một cách để chàng nông dân nhìn lại người thân của mình nếu như thần Petrus biến gã nông dân thành một con vật và gửi về hạ giới.

Và như thế là gã nông dân kia trở thành một con nhện và nhả ra một sợi tơ dài rồi lần xuống theo con đường ấy. Tới khi anh ta chùng ngang tấm ống khói, lơ lửng trên mảnh sân của mình và nhìn thấy lũ trẻ nhà mình đùa trên bãi cỏ thì anh ta hãi hùng nhận ra rằng mình không thể nhả tơ thêm được nữa. Nỗi sợ hãi quả là to lớn bởi vì anh ta muốn xuống tận mặt đất, bởi vậy anh ta cố rặn, rặn nữa để sợi tơ được dài ra. Gã lấy hết sức bình sinh mà rặn, bỗng đâu có tiếng gì kêu to và anh ta tỉnh giấc. Thế là trong giấc ngủ một cái gì đó rất con người đã xảy ra đối với anh ta.

Chúng ta bắt gặp ở đây một hình tượng mới cho việc đại tiện dưới một dạng sợi tơ trong khi Phân tâm học không cung cấp được một cái gì khác để thay thế, nhằm gán cho sợi tơ một ý nghĩa tượng trưng khác. Điều mâu thuẫn này sau đó phải hoàn tất sứ mệnh của mình.

Giấc mơ tiếp theo được trang hoàng khá phù phiếm và cái ý ẩn dụ cũng khá sắc sảo, có thể nói là “nhộn” hơn; nó xuất phát từ việc làm bản người vợ, sự trùng khớp với câu chuyện mơ vừa rồi lại hết sức lộ liễu. Tuy gã nông dân không bị chết nhưng anh ta lại ở trên thiên đàng, muốn quay về hạ giới và cũng rơi vào cảnh éo le là phải

“nhả tơ” cho sợi dây đủ dài để theo đó mà xuống. Cái sợi dây ấy anh ta phải tạo ra không phải trong vai con nhện và từ trong thân mình mà bằng ít cách hoang tưởng hơn là từ mọi thứ kiếm được để bện lại và khi mãi nó chẳng đủ dài thì các cô tiên bày cách ị ra để lấy cái bán thiu ấy mà làm sợi dây.

Chuyến lên Thiên đàng của anh nông dân

Một gã nông dân nằm mơ câu chuyện sau: anh ta nghe nói ở trên Thiên đàng, lúa đại mạch đang được giá. Thế là anh ta ham, muốn mang đại mạch nhà mình lên đó bán. Gã chất các thứ lên xe, đóng ngựa và lên đường. Anh ta đi khá xa, chợt nhìn thấy đường lên Thiên đàng thì rẽ vào.

Cứ thế anh ta đến được cổng Thiên đàng và nhìn kìa, cổng Trời đang mở. Anh ta lấy đà và phóng thẳng vào. Xe chưa tới nơi thì đột nhiên cổng sập lại đánh âm một cái. Anh ta bắt đầu van xin: “Xin làm ơn làm phước cho tôi vào.” Thế nhưng các thiên thần không cho vào và bảo anh ta đến trễ rồi. Gã nông dân nhận ra là ở đây chẳng thương lượng được gì, thấy sự tình chẳng thuận đành quay về. Nhưng nhìn kìa! Con đường lúc nãy đi qua giờ đã biến mất rồi. Làm gì bây giờ đây? Anh ta quay ra xin các thiên thần: “Các chú bồ câu bé nhỏ, làm ơn dẫn ta xuống hạ giới và nếu được thì chỉ giùm con đường để ta đánh xe về nhà”. Các thiên thần đáp: “Không được! Con người đời kia để xe lại đây còn người xuống được thế nào là tùy người.” “Ta làm sao mà xuống được dưới đó, ta không có một sợi dây.” “Hãy tìm một cái gì đó mà người có thể tự dùng mà xuống”. Thế là gã lấy bộ dây cương, dây kéo, dây buộc nối lại với nhau và lần theo dây tụt xuống, tụt mãi; ngó xuống bên dưới còn xa mới chạm đất. Anh ta lại bò lên lấy thêm cả đai da buộc lưng ngựa, các đai da để nối thêm vào và lại tụt xuống nhưng cũng chưa đủ xuống đến mặt đất.

Thế rồi anh ta nối cả cần kéo bằng gỗ với cả các thứ ở thân xe thêm vào nữa mà vẫn không đủ. Làm gì bây giờ? Anh ta nghĩ đi nghĩ lại và lẩm bẩm: “Giờ ta nối thêm áo khoác, quần dài, áo sơ mi và đoạn chót của cái dải rút nữa.” Nói sao làm vậy, anh ta buộc chúng hết thảy vào nhau rồi tụt xuống. Tới đầu mút cái dải rút rồi mà vẫn còn xa mới tới đất. Giờ thì anh ta bí thật sự và chẳng biết làm gì nữa vì chẳng còn gì nữa để thêm còn cứ thế nhảy xuống thì nguy hiểm quá; gãy cổ chứ chẳng chơi. Hăn lại van nài các thiên thần: “Các vị hãy làm ơn cho tôi về hạ giới.” Các thiên thần bảo: “Hãy ị đi rồi lấy cái thứ bắn ấy làm dây.” Anh ị, ị mãi tới gần nửa giờ cho đến khi chẳng còn gì nữa mà ị (đến khi ị xong). Từ đó anh ta có một cái sợi dây dài để leo xuống, leo mãi, leo mãi tới đầu mút của dây mà vẫn còn xa mặt đất. Anh ta lại van nài các thiên thần đưa giúp anh ta về nhà. “Con người đời ời”, các thiên thần lại bảo, “giờ người hãy phồng má mà phì ra thì sẽ được một sợi dây tơ”. Gã nông dân cố sức phồng má phì phì mãi cho tới khi hết cả hơi và quả nhiên dây tơ theo đó mà ra và rồi lại leo xuống, lại tới đầu mút mà vẫn chưa tới nơi, vẫn còn thiếu một rưỡi đến hai Klafter (đơn vị chiều dài của Áo, bằng một sải tay - ND) nữa. Anh ta lại nhờ cậy các thiên thần đưa về. Các thiên thần lại bảo: “Này người anh em, bây giờ thì chẳng còn cách gì giúp được nữa; phải nhảy xuống thôi. Gã nông dân lưỡng lự, không tìm được dũng khí để nhảy xuống nhưng không còn con đường nào khác đành liều. Thay vì bay từ thiên đường xuống thì gã lại nhảy từ nóc lò sưởi và tỉnh lại ở ngay giữa phòng. Anh ta tỉnh lại và gọi; “Bà, bà nó ời, bà ở đâu?” Mụ vợ tỉnh dậy. Mụ đã nghe tiếng lập bập hồi nãy. Mụ mắng: “Quý sứ bắt ông đi! Ông điên rồi à”. Rồi mụ rờ xung quanh và phát hiện cái sự chẳng lành. Lão chồng đã ị be bét vào mụ và còn phóng tinh tùm lum nữa. Mụ bắt đầu chửi mắng y thậm tệ. Gã nông dân nói: “Bà la gì dữ vậy? Đang có chuyện bức mình đây. Ngựa thì

đã mất. Nó ở lại trên trời ấy. Tôi suýt nữa thì đi đời. Ổn Chúa. Ít ra thì tôi cũng còn giữ được cái mạng sống.” - “Ông nói nhằm gì vậy? Ông khùng thật rồi. Con ngựa vẫn ở trong chuồng, còn ông lúc này ở trên nóc lò sưởi, ông phóng bắn đủ thứ lên người tôi rồi thì ông nhảy xuống.” Anh chống chọi ngớ người ta, giờ thì trong đầu anh ta mới lóe sáng. Tể ra tất cả chỉ do anh chiêm bao, và rồi anh kể cho vợ nghe về giấc mơ mới rồi - về việc anh lên thiên đàng rồi trở về hạ giới như thế nào.

Ở đây Phân tâm học áp đặt chúng ta một cách diễn giải làm đảo lộn toàn bộ quan niệm về chủng loại Giác mơ này. Các vật dụng tự nó dài ra theo kinh nghiệm của phép diễn giải giấc mơ nói với chúng ta rằng chúng toàn là những biểu tượng của sự xuất tinh. Trong cả hai Giác mơ - chuyện dân gian trên thì cái nút của chuyện đều là yếu tố rằng sợi dây cứ không muốn đủ dài và cả sự sợ hãi ở trong Giác mơ cũng gắn vào đó. Thêm vào đó thì cái sợi tơ cũng như các vật tương tự khác (sợi dây, sợi chỉ...) đều là biểu tượng của tình trùng¹. Như vậy là anh nông dân cố để xuất tinh và cho đến khi điều này không đạt được thì anh ta quay ra tháo phân. Đằng sau cái sự khôn ngoan để thái phân ở trong các giấc mơ này, bỗng nhiên xuất hiện nỗi khốn quẫn tình dục.

Tuy thế, điều này lại thích hợp hơn nhiều để lý giải các thành phần còn lại của nội dung giấc mơ. Người ta phải tự nói rằng, nếu chúng ta muốn giả thiết là các giấc mơ được hư cấu ra kia, về cơ bản được xây dựng nghiêm túc thì tình tiết giấc mơ mà ở đó chúng kết thúc, chỉ có thể là tình tiết hợp lý và được dự kiến từ các ý nghĩ hiển nhiên của người chiêm bao. Nếu như cuối cùng, kẻ chiêm bao phụt cứt đái vào vợ mình thì toàn bộ giấc chiêm bao phải nhằm cái đích

¹ Xem Stekel: *Die Sprache des Traumes - Ngôn ngữ của giấc mơ* (Wiesbaden) 1911.

ấy và kiến giải cho cái hiệu quả nọ. Nó không thể có nghĩa gì khác ngoài sự chê bai, suy cho cùng là sự thóa mạ người vợ. Với cách đó cho phép kết nối dễ dàng cái ý nghĩa sâu xa của nỗi sợ hãi lộ ra ở trong giấc mơ.

Tình huống đặt ra ở trong Giấc mơ cuối cùng theo những gợi ý đó, chúng ta có thể dựng lên theo cách sau. Kẻ đang ngủ bị một nhu cầu tình dục mạnh mẽ xâm chiếm mà ở đầu giấc mơ được báo trước bằng các biểu tượng khá rõ ràng.

(Anh ta nghe thấy là lúa đại mạch [có thể coi là tinh trùng]¹ được giá. Anh vội lấy đà để cùng ngựa và xe [các biểu tượng của bộ phận sinh dục]² lao vào cổng trời để ngủ). Tuy nhiên xúc động libido đó dường như dành cho một đối tượng không với tới được. Cánh cổng đóng lại, anh ta từ bỏ ý định và muốn quay về hạ giới. Người vợ nằm gần lại chẳng kích thích y. Y cố sức vô vọng để xuất tinh cho mụ. Cái mong muốn loại bỏ mụ để thay thế bằng người khác, nếu trong ý niệm tuổi thơ sẽ là một ước vọng chết người. Ai mà trong vô thức mong cái điều ấy đối với một người thật ra là yêu dấu, thì cái đó sẽ biến thành nỗi sợ hãi đến chết, sợ hãi cho sự sống của chính mình. Chính vì thế mà trong giấc mơ trên có cái sự chết đi, sự lên thiên đàng, cái khát vọng bịp bợm muốn gặp lại vợ con. Sự thèm muốn tình dục (libido) không được đáp ứng, trên đường thoái triển, được thay thế bằng mong ước thái phân, bằng cách đó mà chửi rủa và nhuốm bẩn đối tượng tình dục vô tích sự.

Nếu như chúng ta công nhận cách Diễn giải Giấc mơ này như vậy, thì cái kiểu chứng ấy khi có chú ý tới các đặc điểm của chất liệu hiện diện có thể thành công bằng cách cùng dùng cách Diễn giải

¹ Dấu ngoặc vuông trong nguyên bản.

² Dấu ngoặc vuông trong nguyên bản.

ây cho một loạt các giấc mơ khác có nội dung liên quan. Với ý định đó, ta quay lại với các giấc mơ trước trong tình huống mà người đàn ông đang ngủ có bạn ngủ cùng giường cũng là đàn ông. Từ đó ta mới thấy được hết ý nghĩa của mối quan hệ khi xuất hiện người đàn bà trong các Giấc mơ ấy. Người đàn ông ngủ bị xâm chiếm bởi cảm xúc libido chê bai người đàn ông kia, ước hãy biến xa đi để thay vào đó một người đàn bà.

Cái ước vọng muốn người ngủ cùng giường không mong đợi người kia chết đi, xét từ khía cạnh kiểm duyệt đạo đức đương nhiên không bị trừng phạt nặng bằng ước vọng muốn vợ chết. Tuy nhiên, sự phản kháng cũng đủ mạnh để hướng cái ước nguyện đó chống lại bản thân hoặc cái đối tượng đàn bà mà hấn kỳ vọng. Chính kẻ đang ngủ sẽ bị cái chết lôi đi, nhưng không phải người đàn ông, mà người đàn bà đang được khao khát kia sẽ chết. Cuối cùng thì sự thỏa mãn đối tượng tình dục nam giới mở đường cho việc bôi bẩn và điều này được phía bên kia cảm nhận và trừng trị như một sự sỉ vả.

Như vậy, cách diễn giải của chúng ta phù hợp với nhóm giấc mơ này. Nếu giờ đây chúng ta quay lại với các giấc mơ bôi bẩn vợ thì chúng ta đã được chuẩn bị trước rằng, cái không tìm thấy hoặc chỉ là ước lệ trong giấc mơ khuôn mẫu sẽ được thấy lại ở các giấc mơ tương tự nhưng đã được diễn đạt không thể không nhận ra.

Trong giấc mơ đi ngoài sau đây không nhấn mạnh đến sự bôi bẩn vợ, song lại thể hiện cực kỳ rõ ràng - ở mức độ mà bằng con đường hình tượng có thể thực hiện được - rằng cảm xúc libido là dành cho một người đàn bà khác. Kẻ nằm mơ không muốn làm vấy bẩn mảnh đất của mình, mà muốn ị xuống đất hàng xóm.

Đồ con vật¹

Một người nông dân nằm mơ thấy mình đang giã cỏ bông mót quá và vì anh ta không muốn làm bẩn thắm tam điệp của mình nên chạy tới gốc cây trên đám đất của người hàng xóm tụt quần xuống và vãi ra một bãi tương như cái bánh đa trên đất. Cuối cùng khi mãn nguyện rồi, anh ta muốn chùi nên bắt đầu bứt cỏ. Nhưng mà cái gì lạ vậy ạ? Ai đó đã dựng chú nông dân bé nhỏ của chúng ta dậy và túm lấy đôi má rát bông của hắn vừa mới bị ăn tát xong: “Đồ con vật!” Anh nông dân vừa chợt tỉnh ngủ nghe mẹ vợ nằm bên cạnh găm gù: “Lại còn vạt nhẵn hết lông trên bụng bà nữa.”

Việc vạt lông (vạt cỏ) ở đây đã thế chỗ cho việc làm bẩn² lại được nhắc tới trong câu chuyện tiếp theo bên cạnh cái việc kia. Kinh nghiệm phân tâm học cho thấy là điều đó xuất xứ từ nhóm hình tượng về thói thủ dâm (nhổ lên, vứt ra).

Trong sự diễn giải của chúng ta, dường như ước vọng của kẻ nằm mơ muốn cho vợ chết đi, cần tới sự trợ giúp. Thế nhưng trong Giấc mơ kể lại sau đây thì kẻ nằm mơ lại trực tiếp chôn vợ mình mà hắn gọi một cách bịp bợm là của quý, bằng cách chôn cái bình bên trong đựng của quý là vàng xuống đất. Và như chúng ta đã quen thuộc trong các giấc mơ báu vật, hắn vãi một đồng phân lên đó để đánh dấu. Trong khi bối thì tay hắn ngo ngoáy trên cửa mình vợ hắn.

Giấc mơ báu vật³

Một anh nông dân có lần có giấc chiêm bao khủng khiếp. Gã tưởng như đang là thời chúng ta và toàn bộ vùng đó bị bọn lính giấc cướp phá.

¹ Trong bản thảo của Oppenheim chỗ này ghi ở lẽ một dấu hỏi.

² Ghi chú bên lề của Oppenheim: ý nghĩa?

³ *Những câu chuyện vui của dân nông thôn vùng Hạ Áo* của A. Riedl, *Anthropophytia* Tập 5 (1908).

Gã có một báu vật, vì nó mà gã lo lắng, chẳng biết đường nào cất giấu cho chắc ăn. Cuối cùng gã cũng nghĩ ra là đem chôn trong vườn của gã, một chỗ nhà hăn biết là đẹp. Vậy là hăn nhanh chóng mang nó tới chỗ ấy và định đào đất lên để có thể đặt một cái vại lớn xuống đó. Hăn tìm một cái gì đó để đào nhưng nhìn quanh chẳng kiếm được cái gì, cuối cùng đành dùng tay không vậy. Vậy là hăn làm một cái hố bằng tay không, đặt cái vại đựng tiền vào đó rồi lại lấp toàn bộ các thứ lại. Giờ thì hăn muốn đi khỏi đó nhưng còn dừng lại và nghĩ: “Đến khi bọn lính đi rồi thì làm sao tìm lại báu vật này nếu mình không đánh dấu?” Lập tức gã tìm cái đánh dấu nhưng tìm khắp nơi: trên dưới, trước, sau; chỗ nào gã ngó tới là chẳng tìm được gì làm dấu để hăn biết đã chôn tiền của mình ở đâu. Quả thật là hăn đang bí. Gã nói một mình: “Thôi cũng được, ta ị lên đây vậy”. Tất nhiên là hăn tụt quần ngay và làm lên đó một bãi rỗ bụi - cái chỗ mà hăn đặt cái vại xuống đó. Xong xuôi hăn thấy gần đó có một lùm cỏ và định vặt để chùi. Đúng lúc đó hăn nhận được một cái tát làm hăn tỉnh ngủ ngay với bộ dạng ngơ ngác. Tiếp theo hăn nghe mẹ vợ điên tiết găm lên: “Cái đồ giẻ rách! Đồ khốn nạn. Anh tưởng anh làm gì tôi cũng chịu à? Đầu tiên anh cho cả hai tay vào trong đó mò tìm, rồi thì ị lên đó, giờ lại còn tính nhổ sạch lông chỗ đó ra nữa!”

Với ví dụ giấc mơ này, chúng ta lại trở về với các Giác mơ kho báu mà chúng ta đã từng xuất phát, và để ý rằng các giấc mơ đi ngoài kia, khi đề cập tới báu vật đã không hoặc ít chứa nỗi sợ hãi chết người. Trong khi đó, ở các giấc mơ khác mà ở đó quan hệ với cái chết được nói ra trực diện (các giấc mơ lên thiên đàng) - không sử dụng tới báu vật, và việc đi vệ sinh cũng được lập luận bằng cách khác. Làm như là cái sự biến đổi mang tính bịp bợm người

vợ thành báu vật có thể tránh được bị trừng phạt cho ước vọng muốn vợ chết¹.

Ước vọng muốn vợ chết được thừa nhận rõ nhất trong một giấc mơ lên thiên đàng khác, ở đó kết cục không dẫn tới việc vãi phân lên người cô vợ, mà tới hành vi tình dục ở âm hộ cô ta, giống như giấc mơ vừa rồi. Kẻ chiêm bao trực tiếp rút ngắn cuộc đời vợ để kéo dài đời mình bằng cách lấy dầu của cái đèn tượng trưng sự sống của vợ đổ sang cho đèn mình. Dường như để đền bù cho hành vi thù địch không hề giấu giếm ấy thì ở phần cuối của giấc mơ, xuất hiện một cái gì đó như là sự găng gượng, vượt vè.

Ánh sáng tượng trưng cho sự sống²

Thần Petrus xuất hiện khi một người đàn ông ngủ say và đưa anh ta lên thiên đàng. Hết sức tự nguyện, người đàn ông nọ đồng ý đi theo thần Petrus. Họ đi lại vòng vo rất lâu trên thiên đàng rồi đến một cánh rừng khang trang, rộng rãi và được trông nom rất tươm tất. Trên mỗi cây ở đây đều có treo nhiều đèn dầu đang cháy sáng. Người đàn ông hỏi thần Petrus rằng điều đó có nghĩa gì. Thần đáp, những cái đèn này chỉ sáng chừng nào người còn sống. Một khi dầu hết và đèn tắt thì người cũng chết theo. Điều này làm cho anh ta hết sức thích thú, anh xin thần Petrus dẫn tới ngọn đèn của mình. Thần Petrus nghe lời thỉnh cầu và dẫn anh tới chỗ treo đèn của vợ anh còn đèn của anh ta cũng treo cạnh đó. Anh nhìn thấy trong đèn của vợ còn nhiều dầu, còn đèn của mình thì lại rất ít khiến anh rất đau khổ, bởi anh sẽ phải chết nay mai. Vậy là anh ta xin thần Petrus

¹ [Chú giải lẽ của Oppenheim: gạch chân từ “bịp bợm”] nhưng mà giấc mơ báu vật của một bạn ngủ.

² Một giáo viên trung học ở Beograd đã kể lại chuyện rằng theo lời một bà nông dân vùng Kragujevac, Khứu giác ở trong *Vita sexualis*. Ivan Bloch (Berlin) *Anthropophyteia*, Tập 4 (1907) trang 255-257, Nr 10.

đổ thêm cho đèn mình một ít dầu. Thần Petrus nói rằng: Đức Chúa trời đã đổ dầu ngay lúc con người vừa lọt lòng và quyết định tuổi thọ cho mỗi người. Điều này làm cho người đàn ông buồn rười rượi và anh than thở trước cây đèn. Thần Petrus nói với anh: “Anh hãy ở đây, tôi phải đi tiếp vì tôi còn việc, phải làm!” Người đàn ông mừng rỡ, và khi thần Petrus vừa rời khỏi tầm nhìn, anh bèn chấm ngón tay vào đèn vợ và nhỏ sang đèn mình. Cứ thế anh làm nhiều lần cho tới khi thần Petrus tới gần thì anh ta giật thót, sợ hãi và tỉnh dậy, anh nhận ra mình đang chấm ngón tay vào cái của vợ và đưa lên miệng liếm.

Ghi chú: Theo khảo dị chuyện kể của một thợ thủ công sống ở Sarajevo thì người đàn ông bị đánh thức dậy sau cái tát của người vợ vì anh đã chọc ngoáy vào vùng sinh dục của mình. Ở đây thấy hình ảnh của thần Petrus và thay vì đèn treo thì ở đây là những bình thủy tinh đựng dầu. Theo một khảo dị thứ ba mà tôi nghe được từ một học trò ở Mostar thì một cụ già đáng kính chỉ cho người đàn ông các ngọn nến khác nhau đang cháy. Ngọn nến của anh ta rất mảnh, của người vợ thì rất đồ sộ. Để kéo dài cuộc sống của mình, người đàn ông bắt đầu liếm cây nến đồ sộ ấy. Anh ta nhận được một cái tát nảy lửa. “Tôi biết anh ta là đồ con bò, còn là con lợn thì thực tình tới giờ tôi chưa biết!” Mẹ vợ nói với anh ta như vậy vì trong giấc ngủ anh ta liếm cái bộ phận kia của vợ.

Câu chuyện này được lan truyền hết sức rộng ở châu Âu [...]¹.

Giờ đây đã đến lúc ta nhớ lại “giấc mơ khủng khiếp” của người đàn bà nọ mà ở cuối bà ta kéo cái dương vật của đức ông chồng như muốn rút nó ra. Cách diễn giải mà ở đó chúng tôi thấy có căn cứ

¹ [Chú giải lẽ của Oppenheim:] Kryptadia Tập 5 (1898), trang 15 (Hoàn toàn giống như ở Ucraina).

trùng khớp hoàn toàn với cách diễn giải các giấc mơ đi đại tiện của người đàn ông, mà chúng tôi bênh vực. Nhưng cả Giấc mơ của bà vợ không được thỏa mãn cũng không hề e ngại loại bỏ đức ông chồng (và đứa trẻ) với tư cách là vật cản thỏa mãn ra ngoài.

Một giấc mơ đi đại tiện khác, mà sự diễn giải nó có lẽ không được vững vàng cho lắm, lại khuyến cáo chúng ta rằng, cần cho phép sự biến đổi nhất định trong chủ định của các giấc mơ đó, và rọi một tia sáng mới làm sáng tỏ các giấc mơ như Giấc mơ cuối cùng vừa nói, cũng như một số còn kể tiếp, trong đó tình tiết Giấc mơ bao gồm việc mân mê vào bộ phận sinh dục đàn bà.

Chiếc nhẫn chung thủy¹

Franciscus Philelphus là người rất hay ghen đối với vợ mình và bị hành hạ bởi nỗi lo quá lớn là vợ anh ta quan hệ với người đàn ông khác. Thế là ngày đêm anh ta rình mò.

Bởi thường trong chiêm bao hay thấy lại cái mà lúc tỉnh làm ta suy nghĩ cho nên khi trong lúc mơ màng, anh gặp một con ma nói với anh ta rằng nếu làm theo nó thì vợ mình sẽ mãi chung thủy. Franciscus thuận theo hắn trong mơ rằng anh ta sẽ rất toàn tâm với y và còn hứa thưởng cho y nữa.

“Hãy cầm lấy cái nhẫn này”, con ma đáp lại, “và hãy đeo cẩn thận vào ngón tay. Chừng nào anh đeo nó thì vợ anh không thể nằm với người khác mà anh không biết”.

Anh ta hí hửng thức dậy và cảm thấy là ngón tay mình đang dút vào cái kia của vợ.

¹ Poggio, Facetten [những chuyện vui của người Floren Gian - Francesco Poggio Bracciolini]: O. trang 105, Nr 133.

Những kẻ ghen tuông không có phương thuốc nào tốt hơn. Bằng cách đó các bà vợ không bao giờ qua mặt được các ông chồng để lén phét với người khác.

Nguồn gốc¹ cho chuyện vui này của Poggio là một chuyện kể của Rabelais, tất cả đều rất giống, song còn rõ hơn là, chuyện kể trực diện về người chồng, ngay trước thêm tuổi già của mình dẫn một người vợ trẻ về và rồi cô trở thành nguyên cớ cho những lo lắng ghen tuông của ông².

Hans Carvel là một người đàn ông uyên thâm, nhiều kinh nghiệm và cần mẫn, một người đàn ông đáng kính có trí tuệ và tư cách tốt. Ông vị tha, nhân từ với người nghèo và một triết gia hóm hỉnh, nói chung là một bạn chí cốt đầy bản lĩnh, thích nói đùa, hơi mập một chút và có cái đầu lác lư nhưng mà ngoài ra thì tất thấy đều ổn.

Ở cái tuổi đã già, ông ta kết hôn với con gái viên quan Concordat, một thiếu nữ trẻ, đầy sinh lực, hoạt bát, ngoan ngoãn và đáng yêu, chỉ có điều hơi rất thân mật với ngài hàng xóm và gia nô. Cứ thế đã qua khỏi tuần lễ, ghen tuông như một con cạp dữ và nghi kỵ là một ngày kia nàng sẽ để người ta đóng móng trong một xưởng của người khác. Để ngừa cái đó, ông ta kể một lô những câu chuyện khá đẹp về những sự trừng phạt về tội phá hoại quan hệ vợ chồng, thường đọc cho nàng nghe những huyền thoại đáng yêu về những người đàn bà đoan chính, giảng cho nàng Tin Mừng về sự trong trắng, viết cho nàng cả một quyển sách nhỏ về những bài ca ngợi lòng chung thủy

¹ [Có lẽ nhầm lẫn vì Facetion của Poggio được in khoảng năm 1470, trước ngày sinh của Rabelais khoảng 25 năm.]

² Francois Rabelais: *Gargantua và Pantagruel*, Paris (1532). Dịch ra tiếng Đức Engelbert Hegauer và T.S. Owlglass với minh họa chọn lọc của Gustav Dore, Quyển II, Chương 28, trang 139 (= 360) của bản tiếng Đức xuất bản năm 1961 của Hội Guergberg, Frankfurt/Main.

vợ chồng, chê bai bằng những lời lẽ sắc nhọn và quẩn cổ thật lộng lẫy xung quanh có đính những hạt ngọc phương Đông.

Nhưng mà chẳng để ý tới những điều đó, ông ta thấy nàng vẫn thân mật và sốt sắng với các ông láng giềng làm cho sự ghen tuông của ông ngày càng lên cao. Thế rồi vào một đêm, với những ý nghĩ tràn đầy đau khổ kia, ông vào giường nằm với nàng. Ông mơ, ông nói với tất cả cõi lòng và than vãn về nỗi khổ của mình. Con quỷ xoa đực động viên ông, lồng cho ông vào ngón tay một chiếc nhẫn và nói: “Hãy nhận chiếc nhẫn này; chừng nào anh còn đeo nó ở ngón tay thì vợ anh sẽ không bị một ai khác đụng vào da thịt mà anh không biết và không muốn.” “Cảm ơn ngàn lần ngài quỷ.” Ông Carvel nói vậy. “Tôi thế sẽ là sẽ không để tụt nhẫn khỏi ngón tay!” Con quỷ biến mất, Hans Carvel tỉnh dậy lòng khắp khởi và nhận thấy ngón tay của mình đang nằm trong cái gì kia của vợ ông.

Tôi quên không kể rằng khi người vợ trẻ kia cảm nhận cái đó thì nàng rướn mông về phía sau như muốn nói: “Dừng lại, không, không, vào chỗ ấy là cái khác kia!” Điều đó đối với Hans Carvel như thể người ta muốn lột mất nhẫn của ông.

“Phải chăng đó là phương tiện không bao giờ sai? Hãy tin tôi, hãy hành động theo tấm gương này và lo sao vào bất kể lúc nào cái nhẫn của vợ anh cũng không phải đeo trên ngón tay!”¹

¹ Chú giải của Freud: Goethe đã căn cứ vào hình tượng cái nhẫn và ngón tay trong một phác thảo ở Venetia (Nr. 65 Paralipomena Sophia xuất bản (Weimar 1910) Tập 5 Chương III, trang 381).

Tôi sở hữu những chiếc nhẫn đắt giá! Những viên đá mỏ tuyệt vời. Ý niệm, phong cách cao siêu nằm trong vàng ròng. Trả nhiều tiền cho những khâu nhẫn trang trí bởi viên đá rực lửa. Anh vẫn nhìn thấy chúng lấp lánh trên bàn sòng bạc. Nhưng tôi biết đến một khâu nhẫn nhỏ, được rửa sạch khác thường mà Hans Carvel từng sở hữu lúc tuổi già. Chẳng mấy khôn ngoan ông lồng ngón bé nhất trong mười ngón tay, mong khi chỉ ngón to nhất mới xứng vô đây, ngón thứ mười một.

Con quỷ, như trong các giấc mơ kho báu, xuất hiện ở đây là cố vấn, có lẽ cho phép phỏng đoán đôi điều về những ý nghĩ tiềm ẩn của người chiêm bao. Có lẽ ban đầu, nó “bắt đi”¹ người vợ không thủy chung, khó trông giữ kia. Sau đó trong giấc mơ hiển nhiên, nó lại chỉ ra cái phương tiện không bao giờ sai để người ta bảo vệ lâu dài như thế nào. Ở đây chúng ta cũng nhận ra một sự tương tự như ước muốn loại bỏ (mong chết) trong các giấc mơ đại tiện.

Chúng tôi muốn kết thúc tuyển tập nhỏ này bằng cách gắn thêm một mối liên hệ lỏng lẻo với giấc mơ xổ số. Nó có thể bổ trợ cho tiên đoán đã nói ra trước đây (trang...) là xổ số tượng trưng cho việc kết hôn.

Có sự hối hận, nhưng không có đường lui²

Một nhà buôn có một giấc chiêm bao thật là tuyệt vời. Mơ rằng anh ta đã nhìn thấy một người đàn bà với tất cả những gì kèm theo nó. Nửa bên này có số 1 còn nửa bên kia có số 3. Trước đó anh nhà buôn có ý định mua một vé số. Cái hình mơ này mách bảo anh một sự loan báo vận may. Không đợi tới giờ thứ chín, ngay lúc tỉnh mơ anh chạy ngay tới quầy nhà băng để mua cái vé số. Tới nơi và chẳng nghĩ ngợi chi lâu anh đòi cái vé số 13 chính là các số anh đã thấy trong mơ. Mua vé số rồi, không ngày nào là anh không tìm kiếm trong hết thấy các tờ báo xem có trúng không.

Sau một tuần, không, ít nhất cũng khoảng một tuần rưỡi người ta mới đăng mục kết quả. Anh ta nhìn vào thì thấy số của mình không được chọn mà số 103, xê ri 8, số đó trúng 200.000 rúp. Suýt nữa thì anh nhà buôn rút trụi cả tóc mình, “chắc là mình lầm, có cái gì đó

¹ Trong bản thảo bên lề có một dấu hỏi của Oppenheim.

² Tarasevssky: Đời sống tình dục của nông dân Ucraina (A và O), trang 40 Nr 63.

không đúng”. Anh ta không còn giữ được bình tĩnh, gần như bị bệnh sâu não và không hiểu cái giấc mơ đã thấy có nghĩa gì. Anh ta quyết định bàn với bạn mình về việc này, không chừng nó có thể diễn giải (về cái rủi cho mình). Anh ta gặp bạn và kể tỉ mỉ tới chân tơ kẽ tóc. Nghe xong anh bạn nói: “Ôi! Mà chẳng sáng dạ gì cả. Không lẽ mà không nhận ra trên móng đít giữa con số 1 và số 3 là số 0 à?...”

“À, quý tha ma bắt, mình không nghĩ tới điều ấy là cái móng lại diễn tả con số 0.” “Nhưng mà nó sáng và rõ mồn một, mà chỉ không tìm ra cái vé số đúng mà thôi; còn con số 8 của xê ri, cái âm hộ nó cũng hiện ra, nó giống như hình con số 8”. Và thế là có sự hối hận mà chẳng có đường lui.

Ý định của chúng tôi khi trình bày công trình nhỏ này là theo hai phía. Một mặt chúng tôi muốn cảnh báo rằng, người ta không nên để cho cái dạng thường là bẩn thỉu đến ghê tởm và không lịch sự của chất liệu dân gian nó ngăn cản, mà phải đi tìm trong đó sự xác nhận quý giá cho các quan điểm phân tâm học. Chẳng hạn lần này, chúng tôi đã xác định là Văn hóa dân gian diễn giải các biểu tượng của giấc mơ theo chính cái cách y như Phân tâm học, và trái với các quan điểm dân gian đã nói lớn ra thành lời, có một nhóm các giấc mơ có cội nguồn từ các nhu cầu và ước muốn đã trở nên thời thượng. Mặt khác chúng tôi muốn nói rằng, người ta sẽ bất công với nhân dân, nếu cho rằng thể loại này của văn nghệ chỉ nhằm đáp ứng những khoái cảm thô thiển nhất. Hơn thế, đằng sau cái mặt tiền xấu xí kia đang che giấu những phản ứng tâm linh đối với những ấn tượng nghiêm túc, và cả đáng buồn của cuộc đời mà con người bình thường chỉ không muốn dâng hiến mà không nhận được một phần sự hoan lạc thô thiển.

**MỘT GIẤC MƠ NHƯ LÀ
PHƯƠNG TIỆN CHỨNG MINH**

(1913)

MỘT GIẤC MƠ NHƯ LÀ PHƯƠNG TIỆN CHỨNG MINH

Một quý bà mắc chứng si mê ngờ vực và các nghi lễ bắt buộc, đặt yêu cầu cho những điều dưỡng viên là họ không một giây lát nào được rời mắt vì nếu không bà sẽ bắt đầu trăn trở là trong khoảng thời gian không được trông coi đã làm việc gì đó không được phép. Một buổi tối nọ khi bà nằm nghỉ trên đi-văng và tưởng rằng mình phát hiện được cô điều dưỡng viên trực đã thiếp ngủ. Bà hỏi: “Cô có trông thấy tôi không?” Cô điều dưỡng viên giật thót và trả lời: Vâng, tất nhiên. Bà bệnh nhân giờ có cơ để ngờ vực và lại nhắc lại câu hỏi ấy sau một hồi. Cô điều dưỡng viên lại quả quyết như lúc này; ngay lúc đó một người hầu gái khác mang đồ ăn tối đến.

Điều này xảy ra vào một buổi tối thứ Sáu. Sáng hôm sau, cô điều dưỡng viên kể lại một giấc mơ, nó làm tiêu tan nỗi ngờ vực của người bệnh.

GIẤC MƠ: Người ta chuyển cho cô một đứa bé, mẹ nó đã lên đường và cô bị lạc mất đứa trẻ. Dọc đường cô hỏi thăm mọi người trên phố liệu có ai nhìn thấy đứa bé không. Sau đó cô đi tới một cái hồ, vượt qua một cái cầu nhỏ. (Về chỗ này thì sau sẽ có điều bổ sung: Trên cầu nhỏ đó bỗng đâu trôi lên hình của một cô điều dưỡng viên khác tựa hồ như một ảo ảnh trước mặt cô). Sau đó cô đến một vùng mà cô quen và gặp ở đó một người đàn bà quen biết từ thời con gái. Thừa ấy bà ta là

người bán hàng trong cửa hiệu thực phẩm, sau đấy thì đi lấy chồng. Cô ta hỏi người đàn bà đứng trước cửa: “Bà có nhìn thấy đứa bé không?”

Người kia chẳng quan tâm gì tới câu hỏi ấy, mà lại kể là giờ đây bà đã ly dị chồng và còn nói thêm là trong quan hệ vợ chồng không phải lúc nào cũng hạnh phúc. Sau đó cô ta tỉnh dậy một cách bình thản và nghĩ thầm, đứa bé sẽ tìm tới một bà hàng xóm.

PHÂN TÍCH: Từ giấc mơ nọ, bà bệnh nhân cho là nó liên quan tới cái việc cô điều dưỡng viên đã chối việc ngủ gật. Những gì cô điều dưỡng viên kể, không cần lục vấn, cho bà nghe trong đoạn cuối của giấc mơ đã đưa bà tới mức, tiến hành một cách diễn giải giấc mơ trên thực tế là đủ, cho dù còn đôi chỗ chưa hoàn thiện. Bản thân tôi chỉ nghe báo cáo của quý bà mà không nói chuyện với cô điều dưỡng viên. Sau khi bệnh nhân trình bày diễn giải của mình, tôi sẽ bổ sung thêm cái mà từ giác độ tìm hiểu chung của chúng tôi cho phép bổ sung vào các quy luật hình thành giấc mơ.

“Cô điều dưỡng viên nói rằng, đối với đứa bé trong mơ, cô ta nghĩ tới sự chăm sóc mà cô cảm thấy cực kỳ vừa lòng. Đó là một đứa trẻ bị viêm mắt bởi lậu nên không nhìn thấy được. Nhưng người mẹ của đứa bé lại không mang đi xa chữa, mà tham gia chăm sóc đứa bé. Ngược lại tôi biết là chồng tôi, một người coi trọng cô điều dưỡng viên, khi chia tay tạm biệt, đã giao tôi cho cô để chăm nom và lúc đó cô ta cũng hứa sẽ để ý tôi như đối với một đứa trẻ!”

Mặt khác, từ sự phân tích của bệnh nhân, chúng ta phải suy đoán rằng với yêu cầu luôn luôn phải có người để mắt tới mình, bà ta đã tự đặt mình về vị trí trẻ thơ.

“Cô ta đã để lạc đứa trẻ”, bà bệnh nhân nói tiếp, “có nghĩa là cô ta đã không nhìn thấy tôi, đã rời mắt khỏi tôi. Đó là sự thừa nhận

của cô ta là trên thực tế đã có lúc cô ta ngủ gật, nhưng rồi lại không nói thật với tôi.”

Cái mẩu trong Giấc mơ về việc cô điều dưỡng viên hỏi mọi người trên đường về đứa bé, đối với quý bà còn là khoảng tối, ngược lại bà lại có lời giải đáp tốt đối với các tình tiết tiếp theo của giấc mơ hiển nhiên.

Ở bên hồ nước rộng lớn kia thì cô nghĩ tới dòng sông Ranh, nhưng lại nói thêm là nó to hơn nhiều so với sông Ranh. Rồi cô nhớ ra là đêm trước tôi có đọc cho cô nghe câu chuyện về Jonas và con cá voi và đã kể rằng bản thân tôi đã từng trông thấy một con cá voi ở eo biển La Manche (t.Pháp, t. Đức là Armelkanal—Kênh-Tay-áo, vậy ở dưới mới có sự liên hệ được về cái kênh - ND). Tôi cho rằng hồ nước rộng lớn kia chính là biển, nghĩa là ám chỉ tới câu chuyện về Jonas.

Tôi cũng tin rằng cái cầu hẹp kia xuất phát từ chính mẩu chuyện nọ, được viết ra theo thổ ngữ. Trong đó kể rằng thầy dạy môn tôn giáo đã kể câu chuyện phiêu lưu tuyệt vời của Jonas cho học sinh nghe. Sau đó một trò trai nều thắc mắc là không thể có chuyện đó, bởi một lần khác thầy giáo có nói là cá voi có một lỗ miệng nhỏ tới mức nó chỉ nuốt được những con vật nhỏ. Thầy giáo mới tìm cách cứu vãn tình thế bằng cách diễn giải rằng, bởi Jonas là người Do Thái nên dù thế nào thì hắn cũng luôn lách được. Cô điều dưỡng viên của chúng ta vốn rất sùng đạo, nhưng lại có thiên kiến hoài nghi tôn giáo, và tôi tự trách mình là do tôi đọc chuyện mà có thể đã kích thích sự hoài nghi của cô.

Trên con cầu hẹp đó giờ đây cô thấy xuất hiện một cô điều dưỡng viên quen biết khác. Sau đó, cô kể cho tôi nghe câu chuyện của cô kia, rằng cô kia đã trẫm mình trong dòng sông Ranh bởi đã

mắc lỗi gì đó và bị chuyển công tác¹. Như vậy là cô cũng sợ hãi vì đã mắc lỗi ngủ gật nọ mà sẽ bị chuyển công tác. Hơn nữa là sau cái ngày xảy ra sự cố đó và sau câu chuyện kể về Giấc mơ thì cô khóc rất dữ dội, và khi tôi gạn hỏi căn nguyên thì cô đáp khá xẵng: “Điều đó thì quý bà biết rõ như tôi, giờ thì quý bà không còn tin tôi nữa”.

Vì sự xuất hiện cô điều dưỡng viên trầm mình là một bổ sung, lại đặc biệt rõ ràng, nên lẽ ra chúng tôi phải khuyên quý bà nên bắt đầu sự diễn giải giấc mơ từ chỗ này. Nửa đầu của giấc mơ theo lời kể lại của người chiêm bao, cũng chứa nỗi sợ mạnh mẽ nhất, còn nửa thứ hai chuẩn bị cho sự tỉnh tâm mà nhờ nó, cô đã thức dậy.

“Trong đoạn tiếp của giấc mơ,” quý bà đang phân tích kia nói tiếp “tôi tìm thấy một bằng chứng chắc chắn cho quan điểm của mình là nó đề cập tới sự cố hôm tối thứ Sáu vì với người đàn bà bán hàng trong tiệm thực phẩm chỉ có thể ám chỉ cô gái mang đồ ăn tối tới dạo nọ. Tôi để ý thấy suốt ngày hôm đó, cô điều dưỡng viên than phiền về các sự việc thông thường. Câu hỏi mà cô đặt ra cho người đàn bà: “Bà có trông thấy đứa bé không?” thật ra rõ ràng xuất phát từ câu hỏi của tôi: ‘Cô có trông thấy tôi không?’ như một công thức của tôi mà tôi đã hỏi tới lần thứ hai khi cô gái mang những cái liễn bước vào.”

¹ Ở chỗ này tôi còn mắc lỗi bởi đã tô đậm chất liệu mà khi chỉnh lý bản ghi chép lại câu chuyện quý bà kể tôi có sửa lại. Cái cô điều dưỡng viên được cho xuất hiện trên cầu hẹp kia không hề có lỗi gì trong công việc điều dưỡng của mình. Cô ta chỉ bị chuyển công tác vì người mẹ của đứa trẻ buộc phải lên đường kia đã tuyên bố là trong khi vắng nhà muốn có một người đứng tuổi trông coi cho đứa bé. Nghĩa là một người đáng tin cậy hơn. Tiếp nối điều này có một chuyện kể thứ hai về một cô điều dưỡng viên khác quả thật đã bị đuổi việc do một lỗi lơ là công việc song lại không trầm mình. Cái chất liệu cần thiết để diễn giải các yếu tố giấc mơ ở đây, cũng như chẳng hiếm nơi khác, được phân ra trên hai nguồn. Trí nhớ của tôi thực hiện phép tổng hợp dùng cho diễn giải. Ngoài ra trong câu chuyện về cô điều dưỡng viên chết đuối kia tìm thấy các yếu tố ra đi của người mẹ mà quý bà liên hệ với sự ra đi của chồng mình. Như ta thấy, đó là sự quá nhấn mạnh khi xác định, nó làm hạn chế sự thanh cao cho cách diễn giải.

Trong Giác mơ, cũng có hai lần hỏi tìm đứa bé. Việc người đàn bà không trả lời, chẳng quan tâm gì, thì chúng tôi muốn diễn giải là một sự hạ thấp người hầu gái kia theo hướng có lợi cho người chiêm bao, mà trong giấc mơ muốn nâng mình lên trên cô kia, cũng vì cô ra sức chống lại lời buộc tội vì sự lơ đãng của mình.

“Người đàn bà xuất hiện trong giấc mơ thật ra không bị chống ly hôn. Toàn bộ chỗ này xuất phát từ câu chuyện đời của cô gái nọ mà do lời nguyện của cha mẹ cô là ai mà cưới cô thì cô sẽ bị chống cách ly, bị ly dị. Cái câu nói rằng trong mối quan hệ vợ chồng cũng chẳng phải lúc nào cũng suôn sẻ chắc là một lời an ủi chỉ được sử dụng trong câu chuyện của hai người. Lời an ủi này trở thành khuôn mẫu cho câu an ủi khác mà nhờ nó, giấc mơ kết luận: Đứa bé rồi sẽ tìm được.

Tôi rút ra được từ giấc mơ này là cô điều dưỡng viên quả thật đã ngủ gật trong buổi tối nọ và vì vậy lo sợ bị chuyển công tác. Vì thế tôi đã từ bỏ sự ngờ vực về sự cảm nhận của chính mình. Vả lại, sau khi kể chuyện giấc mơ, cô còn nói thêm rằng cô rất lấy làm tiếc là đã không mang theo cuốn sổ ghi chép giấc mơ. Khi tôi cho rằng trong các cuốn sổ loại đó chỉ ghi lại những điều mê tín thậm tệ, thì cô nói cô không mê tín nhưng có điều cô phải nói: “Tất cả những phiền toái cho cuộc đời cô đều xảy ra vào ngày thứ Sáu. Ngoài ra, giờ đây cô đối xử rất tồi tệ, dễ tự ái, cáu kỉnh và gây chuyện với tôi.”

Tôi tin rằng chúng ta phải thừa nhận với quý bà là đã diễn giải đúng đắn giấc mơ và vận dụng nó. Thường thì khi diễn giải giấc mơ trong phân tâm học, không chỉ phải lưu tâm riêng tới các kết quả liên hệ khi dịch thuật giấc mơ, mà còn phải để ý đến cả các hiện tượng đi kèm câu chuyện Giác mơ, tư cách của người chiêm bao trước và sau phép phân tích Giác mơ, cũng như tất cả những gì cơ hồ đồng

thời - trong thời khắc xử lý - với giấc mơ được nói ra, lộ ra. Ví dụ như chúng ta bổ sung tính dễ cáu kỉnh của cô điều dưỡng viên, cái sự quy về ngày thứ Sáu mang đến bất hạnh của cô... vào, thì chúng ta sẽ xác nhận được một lời phán xét rằng, giấc mơ hàm chứa sự thú nhận là lúc đó, khi cô chối cãi thì thực ra cô đã ngủ gật và vì vậy lo sợ bị “đứa trẻ cần chăm bẵm” đuổi đi¹.

Tuy nhiên giấc mơ, đối với quý bà có một ý nghĩa thực tế, còn đối với chúng tôi nó kích thích sự hứng thú về mặt lý thuyết theo hai hướng. Tuy giấc mơ hướng tới một niềm an ủi nhưng mà về cơ bản là nó cung cấp một lời thú tội quan trọng cho mối quan hệ của cô với quý bà. Làm sao có thể một giấc mơ lại thay thế cho lời thú tội, mà lẽ ra nó phải phục vụ việc đáp ứng một ước muốn, chính nó (lời thú tội) lại chẳng đem lại cho người chiêm bao một lợi thế nào? Phải chăng chúng ta thực sự có cơ để nói rằng ngoài các giấc mơ ước muốn, sợ hãi còn phải thừa nhận giấc mơ thú tội cũng như các giấc mơ cảnh báo, giấc mơ phản xạ, giấc mơ thích nghi...

Giờ đây tôi thú nhận rằng tôi còn chưa thật hiểu tại sao quan điểm chống lại những sự cảm dỗ như vậy trong cách diễn giải giấc mơ lại gây cho nhiều nhà phân tâm học, trong đó có nhiều người nổi danh, những e ngại. Việc phân chia Giấc mơ ra thành giấc mơ mong ước, giấc mơ thú tội, giấc mơ cảnh báo, giấc mơ thích nghi... đối với tôi dường như không có ý nghĩa nhiều hơn là sự phân biệt cho phép, nhưng là bất đắc dĩ của các chuyên gia y tế, thành các bộ môn phụ khoa, nhi khoa, nha khoa. Tôi dành cho mình quyền tự do để nhắc lại² một cách ngắn gọn nhất những điều đã được bàn

¹ Vài ngày sau cô điều dưỡng viên đã thú nhận với một người thứ ba việc mình ngủ gật vào buổi tối nọ và do đó xác nhận sự giải nghĩa của quý bà.

² Toàn tập, Tập II/III, trang 599.

luận về diễn giải giấc mơ. Cái mà người ta vẫn gọi là “phần dư ban ngày” có thể đóng vai trò của kẻ phá rối giấc ngủ và tạo ra giấc mơ. Đó là các quá trình tư duy chứa đầy cảm xúc của ngày chiêm bao, và ở chừng mực nào đó, chúng đã kháng cự lại sự giảm sút nói chung của giấc ngủ. Các phần dư ban ngày ấy được người ta bộc lộ ra bằng cách liên hệ giấc mơ hiển nhiên về các ý nghĩ tiềm ẩn trong Giấc mơ. Chúng là những mảnh vụn của chính những ý cuối này, và như thế là thuộc về các hoạt động - còn lại một cách hữu thức hay vô thức - khi tỉnh. Các hoạt động khi tỉnh này có thể được chuyển tiếp vào khoảng thời gian của giấc ngủ. Tương ứng với tính đa dạng của các quá trình tư duy trong hữu thức và trong tiềm thức, các phần dư ban ngày này có các ý nghĩa đa dạng nhất, theo các chủng loại khác nhau nhất. Đó có thể là các mong ước chưa hoàn thành hoặc những nỗi lo, có thể là các dự định, suy tư, cảnh báo, tìm cách thích nghi đối với nhiệm vụ đang đến... Xét về mặt đó thì đặc trưng được nói đến của các giấc mơ theo nội dung được nhận biết qua diễn giải, phải cho ta thấy là thỏa đáng. Tuy nhiên các phần dư ban ngày đó chưa phải là giấc mơ, nói đúng hơn là chúng còn thiếu cái căn bản để làm ra giấc mơ. Riêng tự bản thân mình thì chúng không đủ khả năng để tạo ra giấc mơ. Khắt khe mà nói, chúng chỉ là chất liệu tâm lý cho công mơ, cũng như những kích thích thể xác và tinh thần hiện hữu ngẫu nhiên, hoặc là các điều kiện thực nghiệm đưa vào sẽ tạo ra chất liệu thân (*somatique - ND*) cho chúng. Nếu quy cho chúng vai trò chủ đạo trong việc tạo ra giấc mơ, sẽ không khác gì là lặp lại lần lần tiền phân tích ở một nơi mới, như thể diễn giải giấc mơ thông qua bằng chứng rằng dạ dày đã thối, hoặc là một chỗ xước ngoài da. Những nhầm lẫn trong khoa học có thể sống dai như vậy, và chúng sẵn sàng tái hiện dưới một cái mặt nạ khác, một khi đã bị bác bỏ.

Trong chừng mực mà chúng ta đã nhìn thấu trạng huống, thì chúng ta phải công nhận rằng, nhân tố cơ bản để tạo ra giấc mơ là một ước vọng vô thức, thông thường là một ước vọng thời thơ ấu, giờ đây bị dồn nén, cái đó có thể được biểu hiện ở cái chất liệu hoặc tâm lý đó (tức là cũng ở những phần dư ban ngày), và do đó truyền cho chúng một sức mạnh làm cho ngay cả trong lúc tư duy nghỉ ngơi vào ban đêm, chúng cũng có thể thâm nhập vào ý thức. Cái sự thỏa mãn ước vọng một cách vô thức này, lần nào cũng vậy, chính là giấc mơ, dù cho nó có chứa đựng cái gì, dù là cảnh báo, suy tư, thú tội hoặc bất cứ cái gì khác từ nội dung phong phú của đời sống tiềm thức lúc tỉnh mà chưa được hoàn thành nên chuẩn vào ban đêm. Chính ước vọng vô thức này là cái đã truyền cho công mơ tính chất độc đáo của nó như là một sự gia công vô thức cho một chất liệu tiềm thức. Nhà phân tâm học chỉ có thể xác định tính chất giấc mơ như là kết quả của công mơ; những ý nghĩ tiềm ẩn trong giấc mơ thì nhà phân tâm học không gán cho giấc mơ được, mà cho suy tư tiềm thức, dù cho anh ta chỉ biết được những ý nghĩ đó sau khi diễn giải giấc mơ. (Ở đây phải bổ sung sự gia công thứ cấp cho công mơ thông qua thẩm cấp hữu thức; quan điểm này cũng không hề thay đổi, nếu như tách biệt nó ra. Khi đó sẽ phải nói rằng: Giấc mơ theo ý nghĩa phân tâm học bao gồm chính bản thân công mơ và sự gia công thứ cấp kết quả của nó). Kết luận từ các cân nhắc này là không được đặt tính chất thỏa mãn ước vọng của giấc mơ lên cùng cấp bậc với tính giấc mơ là cảnh báo, thú tội, tìm giải pháp... mà không chối bỏ quan điểm chiều sâu tâm lý, tức là quan điểm của phân tâm học.

Bây giờ chúng ta quay lại với giấc mơ của cô điều dưỡng viên để kiểm chứng tính chất chiều sâu của sự thỏa mãn ước muốn. Chúng ta đã được chuẩn bị rằng, sự diễn giải nó bởi quý bà là chưa hoàn chỉnh. Còn nhiều tình tiết của nội dung Giấc mơ mà diễn giải này

là chưa thỏa đáng. Hơn nữa, bà bị mắc chứng loạn thần kinh chức năng bắt buộc mà theo các ấn tượng của tôi, thì bệnh này gây rất nhiều khó khăn cho việc hiểu các biểu tượng của Giác mơ.

Nhưng các kiến thức của chúng ta về hệ ký hiệu Giác mơ cho phép chúng ta hiểu được ngay cả những chỗ chưa diễn giải ở Giác mơ này và khám phá được cả ý nghĩa sâu hơn ẩn giấu sau những chỗ đã diễn giải. Cái phải đã đập vào mắt chúng ta là một số tư liệu được cô điều dưỡng viên dùng là xuất phát từ tổ hợp sinh nở, hay đẻ con. Cái hồ nước rộng (sông Ranh, cái kênh mà con cá voi đã được mục kích) chính là nước ối mà bọn trẻ con sinh ra từ đó. Bà ta cũng đã đi tới chỗ “tìm kiếm đứa bé”. Huyền thoại Jonas đằng sau việc xác định chất nước này, câu hỏi rằng, bằng cách nào mà Jonas (đứa trẻ) qua được cái khe hẹp, cũng thuộc vào mối liên hệ này. Cô điều dưỡng viên, người đã trẫm mình xuống dòng Ranh vì bị xúc phạm, tức là xuống nước, trong sự tuyệt vọng của cô đối với cuộc đời, tất nhiên cũng đã tìm thấy một sự an ủi lấy tình dục làm biểu tượng ở cái chết. Cái cầu hẹp mà ở trên đó thì cô đối diện với hiện tượng, rất có thể cũng đồng thời phải diễn giải là biểu tượng của bộ phận sinh dục, dù cho tôi phải thú nhận rằng, vẫn chưa có hiểu biết chính xác hơn về điều đó.

Ước vọng: Tôi muốn có một đứa con, vậy là có vẻ như chính kẻ tạo ra Giác mơ từ cái vô thức, và có lẽ cũng chẳng có một ai thích hợp hơn để an ủi cô điều dưỡng viên trước cái hoàn cảnh đau đớn của thực tại. “Người ta sẽ chuyển tôi đi, tôi sẽ mất đứa trẻ chăm sóc của tôi. Ai có lỗi ở đây? Thay vì đó, tôi sẽ tìm ra được đứa con của chính tôi, máu mủ ruột thịt với tôi.” Có lẽ cái chỗ chưa giải thích được là cô ta hỏi mọi người trên đường về đứa bé sẽ thuộc về mối quan hệ nào. Khi đó có lẽ nên dịch nghĩa ra như thế này: Dù cho tôi có tự bán mình trên đường phố thì tôi cũng sẽ biết cách kiếm cho

mình một đứa con. Một sự phản kháng cho đến giờ vẫn bị che đậy của cô điều dưỡng viên giờ đây bỗng dưng lộ ra và chính lời thú tội lại khớp với điều này: “Vâng! Thôi được, tôi đã chớp mắt đấy, và tôi đã làm tổn hại thanh danh về độ tin cậy của tôi ở tư cách là cô điều dưỡng viên. Tôi sẽ mất việc làm. Tôi sẽ đại dột đi trẫm mình như cô X ư? Không! Tôi hoàn toàn không thể ở lại làm cô điều dưỡng viên nữa. Tôi muốn lấy chồng, làm vợ, sinh con máu mủ của mình. Tôi sẽ không cho phép ai ngăn cản tôi làm thế.” Dịch nghĩa như vậy là thỏa đáng bởi điều cần nhắc là việc “sinh con” dường như là biểu hiện trẻ thơ của ước muốn về quan hệ tình dục, cũng giống như ý thức biểu đạt hoa mỹ được chọn dùng làm cho cái ước muốn dung tục này.

Vậy là lời thú tội có hại cho cô gái chiêm bao, mà dường như khi tỉnh đã luôn tồn tại một khuynh hướng nào đó, được tạo điều kiện trong giấc mơ bằng cách là một tính cách tiềm ẩn trong cô điều dưỡng viên đã sử dụng nó để tạo ra việc thỏa mãn ước muốn trẻ thơ. Chúng ta có quyền phỏng đoán rằng tính cách đó có quan hệ mật thiết - về thời gian cũng như nội dung - với ước muốn có con và hưởng lạc tình dục.

Tìm hiểu tiếp sau đó ở quý bà (mà tôi rất biết ơn về phần đầu của sự diễn giải giấc mơ này) đã hiện lên những tình tiết bất ngờ về số phận cuộc đời của cô điều dưỡng viên. Trước khi trở thành cô điều dưỡng viên, cô ta đã muốn kết duyên với một người đàn ông rất nhiệt tình sẵn đón cô, song phải từ bỏ do một người cô không cho phép. Giữa hai người có một mối quan hệ lạ lùng, đan xen giữa phụ thuộc và phản kháng.

Người cô đã cự tuyệt hôn nhân kia chính là một xơ trưởng trong hiệp hội nuôi dưỡng bệnh nhân. Cô gái chiêm bao tìm thấy ở bà luôn là một tấm gương và gắn bó mình vào đó bởi những ý

niệm thừa kế. Tuy nhiên chống lại bằng cách không gia nhập hiệp hội mà bà đã chỉ định. Sự phản kháng thể hiện trong giấc mơ vậy là dành cho bà cô. Chúng ta quy nguồn gốc gợi dục cận hậu môn cho đặc điểm tính cách này và thêm nữa là những quyền lợi tiền nong đã làm cô phụ thuộc vào bà cô. Chúng ta cũng nghĩ đến cái yếu tố phản kháng trẻ thơ đó có lẽ cho phép chúng ta cho rằng có mối liên quan mật thiết giữa màn đầu tiên và màn cuối cùng của giấc mơ. Người bán hàng thực phẩm trước kia trong Giác mơ lúc đầu, chính là người hầu gái khác của quý bà đã bước vào phòng cùng với đồ ăn đem vào thời điểm có câu hỏi: “Cô có nhìn thấy tôi không?” Tuy nhiên có cái vẻ như là cô ta đã được chỉ định thay thế vị thế của đối địch. Với tư cách cô điều dưỡng viên, cô ta bị hạ thấp xuống bởi việc chẳng quan tâm gì tới đứa trẻ bị lạc, mà lại trả lời câu hỏi bằng cách kể chuyện của mình. Vậy là cô ta bị trút cho cái sự thờ ơ đối với đứa trẻ cần chăm sóc mà người chiêm bao đang hướng vào đó. Chính cô ta bị gán ghép chuyện bất hạnh vợ chồng và ly hôn, mà thật ra người chiêm bao trong những ước muốn thầm kín nhất của mình, lẽ ra phải rất sợ bị vận vào cho chính mình. Nhưng chúng ta cũng biết rằng, chính bà cô đã chia lìa cô gái nằm mơ với người yêu của mình. Vậy thì người đàn bà “bán hàng thực phẩm” (không cần tới ý nghĩa biểu tượng trẻ thơ) trở thành đại diện cho người cô làm bà xơ (thực ra chẳng già hơn bao). Đối với cô gái chiêm bao của chúng ta, bà cô nọ được đặt vào vai người tranh giành làm mẹ. Tình huống xác nhận cách diễn giải này chính là ở chỗ, địa điểm “quen thuộc” trong giấc mơ mà cô điều dưỡng viên gặp người được nói đến, đang đứng trước cửa nhà, lại là cái nơi bà cô làm xơ trưởng kia sinh sống.

Do cái khoảng cách tách biệt người phân tích với đối tượng phân tích mà chúng tôi thấy rằng, ở đây không nên đi sâu thêm nữa vào mọi ngóc ngách của giấc mơ này. Có lẽ người ta được quyền nói

rằng, trong chừng mực có thể tiếp cận được Giấc mơ để diễn giải, thì nó đã chỉ ra được những xác nhận phong phú cùng với những vấn đề mới.

**CHẤT LIỆU TRUYỆN CỔ TÍCH
TRONG CÁC GIẤC MƠ**
(1913)

CHẤT LIỆU TRUYỆN CỔ TÍCH TRONG CÁC GIẤC MƠ

Không có gì bất ngờ là, cũng đều từ phân tâm học mà chúng ta biết được rằng, những câu chuyện cổ tích dân gian có ý nghĩa như thế nào đến đời sống tinh thần của con cái chúng ta. Đối với một số người thì việc nhớ lại những câu chuyện cổ tích yêu thích đồng nghĩa với những hoài niệm tuổi thơ của chính mình. Họ đã biến truyện cổ tích bao trùm lên những hoài niệm.

Các yếu tố, các tình huống từ trong các truyện cổ tích đó giờ đây thường được thấy lại trong các giấc mơ để diễn giải những chỗ như vậy, người phân tích bất chợt nhớ tới truyện cổ tích có đầy ý nghĩa cho chúng. Từ các sự việc xảy ra hết sức bình thường đó, tôi xin đơn cử hai ví dụ. Mỗi quan hệ giữa truyện cổ tích đến câu chuyện tuổi thơ và đến chứng loạn thần kinh chức năng của người chiêm bao, tuy nhiên cũng chỉ được ám chỉ mà thôi, bởi nó có thể đe dọa xé tan các mối liên hệ quý giá nhất cho người phân tích.¹

I

Giấc mơ của một người đàn bà trẻ mà trước đó mấy ngày đã đón chồng về thăm: cô ta ở trong một căn phòng toàn màu nâu, qua một cánh cửa nhỏ người ta bước tới một lối lên dốc đứng và đi qua

¹ Trừ chi tiết tóc hơi ngắn trong khi ông bố chùng để tóc dài.

lối đó một người đàn ông nhỏ thó và quái dị bước vào buồng, nhỏ bé, tóc bạc trắng, hói đầu và cái mũi thì đỏ. Ông ta múa may trong phòng trước mặt cô, điệu bộ rất dị hợm và rồi lại ra theo lối dốc đó. Người đàn ông vận áo khoác dài xám hằn lên mọi đường nét bên trong. (Đính chính: Ông ta mặc một áo thụng đen và cái quần màu xám).

PHÂN TÍCH: Mô tả về người đàn ông nhỏ thó đó phù hợp với diện mạo ông bố chồng mà không cần phải sửa sang gì¹. Rồi thì cô ta chợt nhớ tới truyện cổ tích về chú lùn ngộ nghĩnh cũng múa may ngộ nghĩnh như người đàn ông trong mơ và do đó tiết lộ tên của mình cho hoàng hậu. Tuy nhiên cũng vì thế mà anh ta mất đi cái quyền đối với đứa con thứ nhất của hoàng hậu và trong cơn tức giận, đã tự xé đôi thân mình ra.

Trong cái ngày chiêm bao, cô ta giận dữ với chồng mình và nói: Tôi ước có thể xé đôi anh ra.

Căn phòng màu nâu thoát đầu gây một số khó khăn, cô ta chỉ nhớ ra căn phòng ăn của bố mẹ mình, nó được dát gỗ màu nâu và rồi cô ta kể về những cái giường, mà nằm hai người trong đó thấy rất không thoải mái và khó ngủ. Vài ngày trước đó, khi người ta nói chuyện về giường nằm ở các nước khác, cô buột miệng nói điều gì đó rất vụng về - với ý định vô hại, cô nghĩ vậy - làm cho mọi người được một trận cười vỡ bụng.

Giấc mơ giờ đây đã trở nên dễ hiểu. Căn phòng màu nâu gỗ¹ trước tiên là cái giường, trong mối quan hệ với phòng ăn thì đó là giường vợ chồng.² Như vậy cô ta đang ở trên giường. Khách thăm cô là người chồng trẻ của cô, sau khi xa nhà nhiều tháng nay trở

¹ Gỗ - như đã biết thường là biểu tượng nữ tính, người mẹ (Matric, Madeira...)

² Bàn và giường vốn dĩ đặc trưng cho vợ chồng.

về với cô để thực hiện vai trò của mình trên giường vợ chồng. Thế nhưng trước tiên lại là bố của chồng, ông bố chồng.

Đằng sau diễn giải đầu tiên này, ta nhìn thấy một nội dung sâu xa hơn, thuần túy về tình dục. Căn phòng giờ đây là âm hộ (căn phòng đối với cô, ở trong Giấc mơ nó nằm ngược). Người đàn ông nhỏ thó, kẻ làm cái điệu bộ dị bợm và ứng xử kỳ quặc, là cái dương vật. Cái cửa hẹp và cầu thang dốc xác nhận nhận thức tình huống là một hình tượng giao hợp. Chúng ta vốn quen coi đứa trẻ là biểu tượng dương vật, song cũng hiểu rằng, nếu ở đây ông bố được sử dụng làm đại diện cho dương vật thì cũng là điều có một ý nghĩa hay.

Việc phân giải những phần còn lại của giấc mơ sẽ làm chúng ta vững vàng hơn khi diễn giải giấc mơ. Áo khoác dài màu xám và xuyên thấu tự nó nói lên cái bao cao su. Chúng ta được phép biết rằng, mối quan tâm tới việc hạn chế sinh con, nỗi lo là liệu chuyến viếng thăm này của chồng không khéo lại đặt cái mầm cho một đứa con thứ hai, đã là yếu tố kích thích cho giấc mơ này.

Áo choàng đen: Một cái như vậy sẽ rất hợp với chồng cô. Cô ta muốn tác động để chồng luôn mặc cái đó thay cho quần áo bình thường vẫn mặc. Khi khoác áo choàng đen, chàng sẽ có dáng vẻ mà cô thích. Áo choàng đen, quần xám: có nghĩa là từ hai lớp khác nhau, che lấp lẫn nhau: Em thích anh ăn vận như thế. Anh như thế thì em hài lòng.

Chú lùn ngộ nghĩnh đã kết nối với những ý nghĩ thời sự của giấc mơ - phần dư ban ngày - thông qua một mối quan hệ đối kháng đẹp đẽ. Trong truyện cổ tích, chú đến để lấy đi của hoàng hậu đứa con thứ nhất; còn người đàn ông nhỏ thó trong Giấc mơ đến với tư cách là người cha, vì chắc là ông đã mang đứa con thứ hai tới.

Tuy nhiên, chú lùn cũng truyền tới sự tiếp cận tầng sâu hơn, mang tính trẻ thơ của các ý nghĩ trong Giấc mơ. Anh chàng lùn ngộ nghĩnh mà đến tên anh ta, người ta cũng chưa biết, song người ta lại muốn tỏ tường về những bí mật của anh, vì anh có nhiều trò ảo thuật đặc sắc (trong truyện cổ tích, anh ta biến được rơm thành vàng) - sự căm giận mà người ta dành cho anh, thực ra là cho người sở hữu anh, bởi họ ghen tức với quyền sở hữu ấy, sự ghen tức của bọn con gái đối với cái dương vật - đó là những yếu tố mà mối liên hệ của nó đến cơ sở của chứng loạn thần kinh chức năng, như đã nói ở trên, mà ở đây đề cập lướt qua mà thôi. Có lẽ cả bộ tóc cắt ngắn của người đàn ông bé nhỏ trong Giấc mơ cũng thuộc về đề tài thiển.

Nếu như trong các ví dụ xuyên thấu, người ta để ý tới điều là, người chiêm bao làm gì với chuyện cổ tích và dùng nó vào chỗ nào, thì qua đó có thể nhận ra những chỉ dẫn cho việc diễn giải các truyện cổ tích mà cho đến nay chưa làm.

II

Một người đàn ông trẻ tìm thấy điểm tựa cho những kỷ niệm thời thơ ấu của mình ở tình huống là, bố mẹ anh đã đổi trang trại cũ của họ ở quê lấy một cái khác khi cậu chưa đầy năm tuổi, đã kể về giấc mơ sớm nhất của mình, xảy ra vào cái thời còn trang trại cũ, như sau:

“Tôi chiêm bao là lúc ấy vào đêm, và tôi đang nằm trên giường (giường của tôi chân quay về phía cửa sổ, trước cửa sổ có một loạt cây hạt dẻ già; tôi còn biết là lúc ấy vào mùa đông, khi tôi nằm mơ và là ban đêm). Bỗng nhiên cửa sổ tự bật ra và tôi vô cùng hãi hùng thấy trên cây dẻ to trước cửa sổ có vài con chó sói trắng ngồi trên đó. Tất cả

có sáu hay bảy con cá thấy. Lũ chó sói tuyền một màu trắng và trông giống những con cáo hoặc chó săn, bởi chúng có những cái đuôi lớn như lũ cáo và tai chúng dựng lên như lũ chó khi chúng chú ý tới một cái gì. Do quá sợ hãi sẽ bị lũ sói ăn thịt, tôi thét lên và bừng tỉnh. Bà bảo mau vội chạy đến giường để xem có gì xảy ra với tôi. Phải mất một lúc tôi mới thực sự tin đó chỉ là một giấc mơ. Đối với tôi, cái hình ảnh đó thật và rõ lắm, nhìn thấy cửa sổ mở ra như thế nào và các con sói ngồi trên cây. Cuối cùng tôi bình tĩnh lại, cảm thấy mình mới thoát nạn và tiếp tục ngủ. Cái hoạt động duy nhất trong giấc mơ là cửa sổ mở ra, vì những con sói thì ngồi im lặng không có một cử động nào trên các cành cây và nhìn vào tôi. Dường như toàn bộ sự chú ý của chúng đều nhằm vào tôi. Tôi nghĩ đó là giấc mơ hãi hùng đầu tiên của tôi, lúc bấy giờ tôi độ ba, bốn, cùng lắm là năm tuổi. Từ lúc ấy cho tới khi mười một, mười hai tuổi tôi luôn sợ hãi nhìn thấy cái gì kinh khủng trong giấc mơ."

Rồi anh đưa cả một bản vẽ cái cây với những con sói để xác minh cho điều vừa mô tả. Việc phân tích giấc mơ đã khai thác ra các tư liệu sau đây.

Anh ta gắn giấc mơ này với một điều nhớ lại là trong những năm tuổi thơ đó có một nỗi sợ hãi khủng khiếp một khi nhìn bức tranh con chó sói trong một quyển truyện cổ tích. Chị gái anh, trội hơn anh nhiều, thường trêu anh là, nhân bất cứ cơ gì đó lại chìa cái tranh kia ra trước mặt anh, và thế là anh hãi hùng hét toáng lên. Trong tranh con sói đứng thẳng, một chân bước tới, bàn chân duỗi thẳng và đôi tai dựng đứng. Anh cho rằng, bức tranh đó là tranh minh họa cho truyện cổ tích *Cô gái mũ đỏ*.

Tại sao lũ sói lại trắng? Điều này làm anh liên tưởng tới những con cừu mà những đàn lớn được chăn thả gần trang trại. Thỉnh

thoảng ông bố dắt anh theo chị đến thăm những đàn cừu và lần nào anh cũng rất tự hào và vui vẻ. Sau đó, theo các thông tin thu lượm được thì có thể vào khoảng trước thời gian xảy ra giấc mơ một ít, đã xảy ra một trận dịch cừu. Người cha có mời một học trò của Pasteur đến tiêm chủng cho lũ cừu, song sau khi tiêm, chúng còn chết nhiều hơn trước.

Vì sao lũ sói lại trèo lên cây? Về điều này, anh nhớ ra một câu chuyện đã nghe được từ ông nội. Anh không nhớ là trước hay sau Giấc mơ, nhưng theo nội dung câu chuyện thì nhất quyết phải là trường hợp đầu. Câu chuyện là: một anh thợ may ngồi làm việc trong phòng của mình, bỗng cánh cửa sổ mở ra và một con sói nhảy vào. Anh thợ may dùng cây thước gấp đánh về phía nó - không! Anh sửa sai, anh tóm lấy đuôi và rút ra làm cho con sói sợ hãi bỏ chạy. Ít lâu sau anh thợ vào rừng và bỗng nhìn thấy một bầy sói đến gần, anh trèo lên cây để trốn chúng. Thoạt đầu lũ sói bất lực chẳng biết làm gì, nhưng con mất đuôi cũng có trong đàn, và nó muốn báo thù anh thợ may nên mới đề xuất là, cứ con nọ chông lên con kia cho đến khi con cuối cùng với tới anh thợ may. Bản thân con đó là một con già khỏe mạnh, muốn làm đế cho cái tháp ấy. Bọn sói làm theo, nhưng anh thợ may đã nhận ra tên khốn kiếp đã đến nhà anh, và bỗng quát như trước đây: Hãy tóm đuôi thằng xám kia! Con sói mất đuôi giật mình nhớ lại, bỏ chạy, và những con khác đều ngã lộn nhào xuống.

Trong chuyện này tìm thấy cái cây mà trong giấc mơ, có những con sói ngồi trên đó. Tuy nhiên nó cũng bao hàm một sự liên hệ không thể có hai nghĩa về mặc cảm bị thiến. Con sói *già* bị anh thợ may rút mất đuôi. Những cái đuôi cáo của lũ sói trong giấc mơ có lẽ là sự bù trừ cho tình trạng không đuôi đó.

Vì sao lại là sáu bảy con sói? Câu hỏi này tưởng như không trả lời được cho đến khi tôi nêu điều nghi ngờ phải chăng anh đã liên tưởng hình ảnh sợ hãi từ câu chuyện cổ tích cô gái mũ đỏ (Cô bé quàng khăn đỏ - ND). Chỉ có truyện cổ tích đó mới cho ta hai bức minh họa về cuộc gặp của cô gái mũ đỏ với con sói ở trong rừng và cảnh con sói đội mũ trùm đầu của bà cô gái và nằm trên giường. Chắc là có một chuyện cổ tích khác ẩn sau việc nhớ lại bức tranh. Rồi anh cũng tìm ra đó chỉ có thể là câu chuyện về *Con sói và bảy chú dê con*. Ở đây có con số bảy và con số sáu vì con sói chỉ ăn có sáu con dê, con thứ bảy đã trốn trong hộp đồng hồ. Cái màu trắng cũng xuất hiện trong câu chuyện này bởi con sói đã để anh thợ làm bánh làm trắng các bàn chân màu xám của nó trong lần đến thứ nhất. Trong cả hai đều có chuyện ăn thịt, việc mổ bụng, lấy những người bị ăn ra, thay thế chúng bằng các tảng đá nặng và cuối cùng trong cả hai truyện, con sói độc ác đều bị chết. Trong truyện cổ tích về dê con còn xuất hiện cái cây. Sau khi ăn, con sói nằm dưới gốc cây và ngáy.

Tôi sẽ phải đề cập tới giấc mơ này bởi một lẽ đặc biệt ở một chỗ khác, sẽ diễn giải tỉ mỉ hơn và đánh giá nó¹. Dẫu sao thì đây cũng là một giấc mơ sợ hãi đầu tiên được nhớ lại từ thời thơ ấu. Nội dung của nó, trong mối liên hệ với các giấc mơ khác, được nối tiếp sau đó, và với những sự kiện nhất định trong thời kỳ thơ ấu của người chiêm bao, khuấy động lên sự hứng thú theo cách rất đặc biệt, ở đây chúng ta chỉ giới hạn vào mối liên hệ của giấc mơ với hai truyện cổ tích, mà chúng có nhiều điểm giống nhau - “Cô gái mũ đỏ” và “Con sói và bảy chú dê con”. Ấn tượng mà các

¹ Xem “Về câu chuyện của một người bệnh tâm thần ấu thơ” trong Tập XII của toàn tập: *Gesammelte Werke*.

truyện cổ tích này tác động tới đứa trẻ chiêm bao đã thực sự biểu hiện thành chứng sợ thú vật. Điều này chỉ nổi bật hơn các trường hợp tương tự khác ở chỗ là con vật đáng sợ không phải là đối tượng dễ tiếp cận về ý niệm (như con ngựa hoặc con chó), mà chỉ được biết tới từ truyện kể hoặc truyện tranh.

Một dịp khác, tôi sẽ bàn luận về chứng sợ thú vật này được diễn giải như thế nào, và chúng có ý nghĩa gì. Chỉ xin được nói trước một chút là, những diễn giải đó rất phù hợp với tính cách chủ đạo, mà nó cho phép ta nhận ra chứng loạn thần kinh chức năng của người chiêm bao trong đường đời sau này. Nỗi sợ hãi trước người cha là cái động lực mạnh mẽ nhất làm anh ta lâm bệnh, và thái độ nước đôi đối với mỗi sự thay thế người cha sẽ ngự trị cuộc đời anh ta cũng như hành vi anh ta trong khi điều trị.

Nếu như con chó sói chỉ là sự thay thế đầu tiên cho người cha ở bệnh nhân của tôi, thì có thể hỏi rằng, liệu các truyện cổ tích về sói ăn thịt dê con và cô gái mũ đỏ có lấy một cái gì khác hơn là nỗi sợ hãi trẻ con trước người cha làm nội dung thẩm kín¹. Ngoài ra, người cha của bệnh nhân tôi vẫn có cái đặc tính hay “máng yêu” mà nhiều người trong quan hệ với con cái mình vẫn hay thể hiện. Và lời đe dọa cột nhà: “Tao ăn thịt mày” có thể không phải chỉ một lần được nói ra bởi người cha, sau này sẽ nghiêm khắc, với cậu ấm lúc chơi đùa và âu yếm trong những năm đầu. Một trong những nữ bệnh nhân của tôi kể cho tôi nghe là, hai con mình không hề biết

¹ So sánh sự tương tự của hai truyện cổ tích này với truyện thần thoại về Kronos đã được O. Rank nhấn mạnh. (Đối chiếu nhân học - tâm lý học với các thuyết tình dục; Zentralblatt für Psychoanalyse, II, 1912.)

quý ông ngoại chúng chỉ vì ông hay làm chúng sợ hãi khi ông vui đùa âu yếm với chúng mà lại nói, ông sẽ mỗ bụng chúng.

**GIẤC MƠ
VÀ THẦN GIAO CÁCH CẢM
(1922)**

GIẤC MƠ VÀ THẦN GIAO CÁCH CẢM

Một thông báo nhỏ như thông báo này của tôi sẽ gây ra những kỳ vọng nhất định vào thời điểm này, khi mà ai ai cũng đều quan tâm tới các hiện tượng thường được gọi là *huyền bí*. Bởi vậy mà tôi phải nhanh chóng cảnh báo trước những kỳ vọng như vậy. Từ báo cáo này¹ của tôi thì các vị sẽ chẳng biết thêm được điều gì hơn cho câu đố về thần giao cách cảm, thậm chí còn chẳng nhận được một thông tin nào cho câu hỏi là liệu tôi có tin rằng có tồn tại hay không của cái gọi là “thần giao cách cảm.” Ở đây, tôi chỉ tự đặt cho mình nhiệm vụ rất chi khiêm tốn là khảo cứu mối quan hệ giữa các biến cố thần giao cách cảm, dù cho chúng có nguyên nhân nào đi chăng nữa, với Giấc mơ, hay chính xác hơn là: với học thuyết về Giấc mơ của chúng ta. Như các vị đã biết thì nói một cách đại thể, người ta coi mối quan hệ giữa Giấc mơ và thần giao cách cảm là mối quan hệ rất sâu sắc; nhưng trước các vị thì tôi lại đại diện cho quan điểm rằng hai vấn đề này ít có liên quan gì với nhau, và nếu như người ta có thể chứng minh được sự tồn tại của các Giấc mơ thần giao cách cảm thì điều đó cũng sẽ chẳng làm thay đổi gì đến quan niệm của chúng ta về Giấc mơ.

¹ [Trong lần in đầu và ở: *Gesammelte Schriften*, Bd. 3 (1925), dưới đầu đề có lời chú thích sau: “Báo cáo tại Hội Phân tâm học Wien.” Tuy nhiên thì trong các biên bản đã được công bố của Thành Hội Pôn Đorudê, không hề có thấy ghi lại một báo cáo như vậy.]

Các tư liệu được dùng làm cơ sở cho thông báo này là rất ít. Đặc biệt là tôi phải bày tỏ sự luyến tiếc rằng, không phải như trước đây, khi tôi viết cuốn *Diễn giải Giấc mơ* (1900) thì tôi đã có thể xem xét vấn đề ở ngay chính những Giấc mơ của mình. Nhưng tôi chưa bao giờ có một Giấc mơ “thần giao cách cảm”. Chẳng phải là tôi thiếu những Giấc mơ có chứa thông tin rằng ở một vị trí nào đó ở nơi xa có xảy ra một sự kiện nhất định, mà ở đó thì hoàn toàn dành cho khả năng linh hội của người chiêm bao quyền quyết định rằng liệu sự kiện xảy ra ngay bây giờ hay vào một lúc nào đó muộn hơn. Tôi cũng thường cảm nhận những linh cảm về những quá trình ở xa ngay khi đang còn tỉnh, nhưng tất cả những thông báo, dự báo và linh cảm đều - như ta có thể diễn đạt; không xảy ra.

Có thể thấy rõ được rằng, thực tế bên ngoài không tương ứng với chúng, bởi vậy chúng phải được xem như là những kỳ vọng hoàn toàn chủ quan.

Chẳng hạn có một lần, vào cái thời đang còn chiến tranh, tôi đã chiêm bao là một trong số những đứa con trai của tôi ở ngoài mặt trận đã hy sinh. Giấc mơ không trực tiếp nói ra điều đó. Nhưng chẳng thể nhầm lẫn được, Giấc mơ đã thể hiện điều đó bằng các phương tiện của sự tượng trưng cho cái chết, mà W. Stekel là người đầu tiên nêu lên. (Ở đây thì chúng ta cũng không được phép sao nhãng việc thực thi cái trách nhiệm thường chẳng thoả mái chút nào là việc phải thận trọng khi trích dẫn các tài liệu!)... Tôi thấy người chiến sỹ trẻ đang đứng bên một chiếc cầu tàu, ngay chỗ tiếp giáp giữa đất liền với nước. Tôi có cảm giác là mặt người lính tái nhợt, tôi muốn bắt chuyện với anh ta, nhưng anh ta không trả lời. Thêm vào đó còn có những điều ám chỉ khác nữa mà tôi không thể lâm được. Người lính không mặc quân phục mà một bộ đồ thể thao để trượt tuyết, bộ này chính là cái bộ mà con tôi đã mặc nhiều năm

trước chiến tranh, và nó đã bị tai nạn nghiêm trọng khi trượt tuyết. Nó đứng trên một móm đất thoải thoải hình cái ghế đầu, trước một cái hòm. Toàn cảnh này chắc chắn là đã gợi ý cho tôi lời Diễn giải cho cú ngã (trong tiếng Đức, ngã cũng đồng nghĩa với hy sinh -ND) khi tôi liên hệ đến một kỷ niệm của chính mình. Bởi vì khi còn nhỏ chắc vào cỡ hai tuổi, tôi đã trèo lên một cái ghế đầu để lấy một thứ gì đó trong một cái hòm - có lẽ là một cái gì đó hết sức hay. Khi đó tôi bị ngã và đã bị thương, mà bây giờ thì tôi vẫn còn mang một vết sẹo. Nhưng con trai tôi, người mà Giác mơ đó đã tiên báo sự hy sinh, lại vượt qua được mọi hiểm nguy và yên ổn từ mặt trận trở về.

Mới gần đây, tôi lại trải qua một Giác mơ báo trước cho một tai họa khác. Tôi cho rằng, có lẽ chỉ ngay trước khi tôi có quyết định viết bài báo này. Lần này thì chẳng hề cần một sự giấu giếm nào cả. Tôi thấy hai đứa cháu gái tôi, hiện đang ở Anh. Chúng mặc những bộ váy màu đen, và bảo tôi: vào hôm thứ năm thì lễ an táng đã được tổ chức. Tôi biết ngay rằng chúng nói về sự ra đi của mẹ chúng. Bà thọ 87 tuổi, là chị dâu tôi, tức là vợ ông anh cả tôi. Dĩ nhiên là sau đó thì tôi đã có một thời gian chờ đợi đầy lo lắng. Việc ra đi đột ngột của một người phụ nữ cao tuổi như vậy dĩ nhiên là chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả, nhưng rõ ràng là hoàn toàn chẳng có một ai mong muốn việc Giác mơ của tôi lại sẽ trùng khớp với sự kiện trên. Nhưng ngay sau đó thì lá thư từ Anh đến đã giải toả được nỗi lo âu này. Với tất cả những ai đang bận tâm với Thuyết Cầu mong trong Giác mơ thì tôi muốn nói lời khẳng định mang tính trấn an rằng, chẳng có gì khó khăn cho việc phân tích để tìm ra những động cơ có vẻ như không có ý thức cho cả những Giác mơ báo trước cho sự chết chóc như thế này.

Xin các vị đừng có ngắt lời tôi bằng kháng nghị rằng những thông báo như thế này là chẳng hề có một giá trị gì, bởi vì những trải

nghiệm tiêu cực ở đây cũng sẽ chẳng chứng minh được một chút gì, thậm chí cho cả những lĩnh vực khác, ít thần bí hơn lĩnh vực này. Điều này thì tự tôi cũng hiểu, và tôi cũng chẳng đưa các ví dụ này ra với ý định muốn cung cấp một bằng chứng, hay có mưu mô muốn áp đặt một quan điểm nhất định cho các vị. Tôi chỉ muốn biện bạch cho mặt hạn chế về các tư liệu của mình mà thôi.

Nhưng tôi thấy là một sự thực khác lại quan trọng hơn. Đó là, trong thời gian công tác 27 năm của tôi với tư cách là nhà Phân tâm học, chưa bao giờ tôi bắt gặp trường hợp là thấy được một bệnh nhân của tôi đã trải nghiệm một Giác mơ thần giao cách cảm thực sự. Những người mà tôi phải xử lý đều nằm trong một tuyến tập những người có bản chất là bị bệnh thần kinh nặng và “có siêu cảm giác”; rất nhiều người trong số họ đã kể cho tôi nghe những biến cố kỳ quặc nhất trong cuộc đời trước đây của mình, và họ dựa chủ yếu là trên đó để xây dựng niềm tin của mình vào những sự tác động huyền bí, đầy bí hiểm. Trong đợt đi điều dưỡng của họ, những sự kiện như tai nạn, người thân bị lâm bệnh, đặc biệt là cha hoặc mẹ bị chết rất hay xảy ra và làm gián đoạn vụ điều dưỡng này. Nhưng chẳng có một lần duy nhất nào mà những sự ngẫu nhiên xảy ra theo bản chất như thế này lại tạo được cho tôi dịp may để chứng kiến một Giác mơ thần giao cách cảm, dù cho đợt điều dưỡng kéo dài nửa, cả năm hay thậm chí nhiều năm. Dù ai chẳng nữa, miễn là người đó muốn thì đều có thể cố gắng tìm cách Diễn giải cho sự kiện này, cho dù là nó lại kéo theo mình việc hạn chế các tư liệu của tôi. Các vị cũng sẽ thấy rằng chính chúng cũng chẳng hề được xét đến để đưa vào nội dung báo cáo của tôi.

Cũng như vậy, câu hỏi rằng tại sao tôi lại chẳng hề lấy tư liệu từ một cái kho khổng lồ các Giác mơ thần giao cách cảm, đã được đăng trong các tài liệu tham khảo, cũng chẳng hề làm cho tôi phải bối rối.

Tôi cũng chẳng cần phải tìm kiếm lâu la gì, bởi vì các công bố của “Society for Psychical Research”, Hội nghiên cứu Tâm linh của Anh và Mỹ luôn luôn sẵn để trên bàn để tôi sử dụng, vì tôi là hội viên những hội trên. Trong tất cả những công bố này chưa bao giờ có một sự cố gắng nào để nhờ Phân tâm học mà đánh giá các Giấc mơ như chúng ta lẽ ra đã phải làm¹. Mặt khác thì chắc các vị cũng phải nhận thức được rằng, chỉ cần duy nhất một ví dụ về Giấc mơ cũng đã đủ để biết chủ định của thông báo này của tôi.

Vậy là tư liệu của tôi duy nhất chỉ gồm có hai bản báo cáo mà tôi nhận được ở Đức từ những người mà tôi có trao đổi thư tín. Những người có liên can này thì tôi không được biết với tư cách cá nhân, nhưng họ có cho tôi cả tên tuổi lẫn địa chỉ nhà ở của họ, và tôi cũng chẳng có lý do gì để tin rằng những người này viết ra các báo cáo đó với mục đích để lừa tôi.

I

Với một trong số hai người này thì từ lâu, tôi đã có liên lạc bằng thư từ. Anh ta đáng yêu tới mức làm cái điều mà nhiều bạn đọc khác cũng đã làm, là thông báo cho tôi được biết những điều quan sát từ cuộc sống thường nhật và những vấn đề tương tự. Còn lần này thì người đàn ông, rõ ràng là có học và thông minh, dứt khoát cho tôi quyền sử dụng tư liệu của anh ta, một khi tôi muốn “sử dụng chúng vào những mục đích văn chương”.

Thư của anh như sau:

¹ Trong 2 tác phẩm của tác giả nêu trên W. Stekel (“Der telepathische Traum”, Berlin, không ghi năm [1920], và “Die Sprache des Traumes” [1911]) ít nhất cũng có những tiền đề cho ứng dụng kỹ thuật phân tích cho các Giấc mơ hình như là thần giao cách cảm. Tác giả tin rằng thần giao cách cảm là một thực tế.

“Tôi coi giấc mơ sau đây là đủ thú vị để cung cấp nó cho Ngài như là một tài liệu phục vụ cho các khảo cứu của Ngài. Nhưng tôi phải báo trước: Cô con gái tôi, đã lấy chồng ở Berlin, sẽ ở cử lần đầu vào giữa tháng Mười hai năm nay. Vì vậy mà tôi có ý định cùng vợ (hai) tôi, và là dì ghê của con gái tôi, lên Berlin vào dịp này. Vào đêm 16 rạng ngày 17 tháng Một thì tôi đã chiêm bao, và thậm chí sinh động và rõ ràng như chưa bao giờ tôi trải qua một giấc mơ như vậy. Tôi mơ thấy rằng vợ tôi đã đẻ sinh đôi. Tôi đã thấy rõ môn một hai hài nhi mũm mĩm, trông đẹp tuyệt vời với những cặp má phình hồng màu đào nằm cạnh nhau trong một cái nôi chung nhỏ bé, nhưng tôi không để ý rằng chúng là trai hay gái, chỉ thoáng nhận xét thấy đứa tóc vàng rất giống tôi, và cũng còn mang những nét của vợ tôi, còn đứa kia, với món tóc nâu màu hạt dẻ thì rõ ràng là giống vợ tôi, nhưng nó cũng mang những nét đã cố pha trộn với những nét của tôi. Tôi nói với vợ tôi - vốn có tóc hung - rằng có lẽ là món tóc màu hạt dẻ của con “em” sau này cũng sẽ chuyển màu hung. Vợ tôi cho hai đứa trẻ bú. Cô ấy đang nấu miết (cũng trong chiêm bao) trong một cái chậu thau, và hai đứa bé leo trèo lung tung trong chậu rồi liếm sạch miết.

Đây là giấc mơ. Khi đó tôi đã suýt bừng tỉnh tới bốn hoặc năm lần, và tự hỏi rằng, có thật là vợ tôi đã sinh đôi hay không, nhưng vẫn không đi đến được một kết luận hoàn toàn chắc chắn là tôi chỉ nằm mơ mà thôi. Giấc mơ kéo dài cho tới khi tôi tỉnh, và sau đó thì cũng phải mất một lúc cho tới khi tôi tự làm sáng tỏ được sự thật. Vào lúc ăn sáng thì tôi kể lại cho vợ tôi nghe về giấc mộng và nó làm cho cô ta hết sức lý thú. Nàng nói: Ilse (con gái tôi) chẳng lẽ sinh đôi? Tôi trả lời: Tôi hầu như chẳng thể nghĩ tới điều đó và cả ở gia đình nhà tôi, lẫn ở gia đình nhà G. (chồng nó) đều không có truyền thống sinh đôi. Vào lúc 10 giờ sáng ngày 18 tháng Một thì tôi nhận được bức điện báo gửi vào chiều hôm trước của con rể tôi báo rằng vợ nó đẻ sinh đôi - một

trai một gái. Vậy là cái việc sinh nở lại xảy ra đúng vào thời gian mà tôi nằm mơ thấy vợ tôi sinh đôi. Việc sinh này đã xảy ra sớm 4 tuần so với thời gian mà tất cả chúng tôi đều dự kiến khi căn cứ vào những ước đoán của con gái tôi và chồng nó.

Và rồi còn tiếp tục: Vào đêm sau thì tôi chiêm bao thấy người vợ trước đã mất của tôi, chính là mẹ đẻ của con gái tôi, đã nhận 48 cháu sơ sinh làm con nuôi. Khi tá sơ sinh đầu tiên được gửi tới thì tôi phản đối. Giác mơ kết thúc tại đây.

Người vợ đầu đã mất của tôi rất yêu trẻ. Nàng thường nói rằng, nàng muốn có cả một bầy trẻ vây quanh mình, càng đông càng tốt, rằng nàng sẽ rất thích hợp với nghề cô nuôi dạy trẻ và sẽ cảm thấy thoải mái. Sự âm ỉ hò hét của lũ nhóc là món nhạc sống cho nàng. Đôi khi, nàng còn mời cả một đám trẻ ngoài phố vào nhà và khoản đãi chúng trong sân ngôi biệt thự của chúng tôi bằng kẹo sô-cô-la và bánh ngọt. Con gái tôi, sau kỳ sinh nở và đặc biệt là sau cú bất ngờ với hai cháu đẻ non, bởi sự sinh đôi mà lại là sinh đôi cả trai lẫn gái, chắc chắn là đã phải nghĩ ngay tới mẹ đẻ nó, mà nó biết rằng bà sẽ tiếp nhận sự kiện này với niềm vui mừng và sự cảm thông tốt độ. “Mẹ sẽ nói sao nếu bây giờ mẹ đến ngồi bên giường sản phụ của con gái?” Chắc chắn rằng ý nghĩ này đã phải nảy sinh trong óc nó. Vậy là tôi đã chiêm bao giấc mộng về người vợ đầu đã mất của tôi - mà tôi rất hiếm khi mơ tới - nhưng sau giấc mơ đầu thì tôi chẳng nói gì, và hoàn toàn chẳng nghĩ gì về nàng nữa.

Liệu Ngài có coi sự trùng hợp của giấc mộng và sự thật trong cả hai trường hợp trên là ngẫu nhiên hay không? Con gái tôi, mà cháu rất gần bó với tôi, trong những giờ phút cam go của cháu, chắc chắn đặc biệt nghĩ tới tôi, có lẽ cũng là vì tôi hay trao đổi với cháu về những ứng xử khi mang thai và luôn luôn nói cho cháu những lời khuyên bảo cần thiết.”

Có lẽ là dễ đoán rằng tôi sẽ trả lời bức thư trên như thế nào. Tôi rất đau lòng là ngay cả ở cái người mà tôi có trao đổi thư tín thì mối quan tâm về mặt Phân tâm học tới thần giao cách cảm cũng đã hoàn toàn biến mất, bởi vậy tôi lái câu hỏi trực tiếp của anh ta đi theo một hướng khác bằng nhận xét là giấc mơ cũng còn chứa nhiều cái khác nữa ngoài mối quan hệ của anh ta đối với việc đẻ sinh đôi, và đề nghị anh thông báo ngay cho tôi biết những thông tin và ý tưởng chợt đến có thể cho phép tôi đi đến được một Diễn giải cho Giấc mơ.

Vì vậy mà sau đó thì tôi nhận được lá thư thứ hai sau đây; đầu rằng dĩ nhiên là nó cũng chẳng hoàn toàn thỏa mãn các ước muốn của tôi:

“Mãi cho tới hôm nay thì tôi mới có dịp để trả lời bức thư đầy thân ái của Ngài gửi ngày 24 tháng này. Tôi đã sẵn sàng thông báo một cách đầy đủ và thẳng thắn cho Ngài tất cả những mối liên hệ mà tôi có. Nhưng đáng tiếc là không có nhiều, nếu có một cuộc đối thoại cởi mở thì mới phát hiện ra được nhiều điều hơn.

Như vậy là: vợ tôi và tôi không muốn có con nữa. Trên thực tế thì chúng tôi cũng hầu như chẳng còn có quan hệ sinh lý với nhau nữa, ít nhất là vào thời gian giấc mơ thì không có “nguy hiểm” gì. Việc sinh nở của con gái tôi được dự kiến là vào giữa tháng Mười hai, nên dĩ nhiên đó là đề tài thường xuyên cho những cuộc trao đổi của chúng tôi. Con gái tôi đã đi kiểm tra và chụp điện quang tử vào hạ; khi đó thì người bác sĩ kiểm tra nó đã xác định rằng cái thai mà nó mang là con trai. Vợ tôi thỉnh thoảng lại đùa: “Em sẽ cười cho đấy, nếu đó lại là con gái.” Đôi khi nàng cũng thổ lộ rằng, nếu là một đứa họ H thì hay hơn là thuộc dòng họ G (G là họ của con rể tôi), và về thể tạng thì con gái tôi to và đẹp hơn con rể tôi, mặc dù nó là sĩ quan hải quân. Tôi

có nghiên cứu các vấn đề về di truyền và vì vậy có thói quen hay để ý những đứa trẻ xem là chúng giống ai. Còn việc này nữa! Chúng tôi có một con chó con; buổi tối thì nó được ngồi cùng bàn với chúng tôi để ăn các thức ăn của nó và rồi nó liếm sạch các bát và tô. Tất cả những dữ liệu này sẽ đều trở lại trong giấc mơ.

Tôi rất thích trẻ nhỏ và thường nói là tôi muốn lại có một lần nữa được nuôi dạy một sinh linh như vậy, nhất là vào lúc này, khi chúng tôi có thể làm điều đó bằng sự cảm thông, thích thú và bình an hơn nhiều. Nhưng với vợ tôi là người không có khả năng nuôi dạy nghiêm chỉnh một đứa trẻ thì tôi chẳng muốn có con. Còn bây giờ thì giấc mơ lại cho tôi đến hai đứa - tôi không xác định được giới tính của chúng. Cho đến hôm nay, tôi vẫn như thấy chúng đang nằm trong nôi, và nhận biết rõ ràng các nét của chúng: đứa này giống "tôi", đứa kia giống vợ tôi, nhưng đứa nào cũng có những nét nhỏ của người kia. Vợ tôi mang tóc hung thì một trong hai đứa trẻ cũng có tóc nâu hạt dẻ - hung. Tôi nói: "Úi dào, rồi sau này nó cũng biến thành hung đấy." Hai đứa trẻ bò lung tung trong một cái chậu thau rất lớn mà vợ tôi đã khuấy mút trong đó, rồi chúng liếm hết mút ở cả đáy lẫn vành chậu (trong chiêm bao). Nguồn gốc của chi tiết này dễ dàng diễn giải, cũng như giấc mơ hoàn toàn là không khó hiểu và diễn giải, nếu như nó không trùng hợp về thời gian đến mức đúng đến cỡ giờ (chính xác thì tôi không nói được là giấc mơ bắt đầu vào lúc nào, các cháu tôi sinh vào lúc 9 giờ và 9 giờ 15, còn vào lúc 11 giờ thì tôi đi ngủ và đêm đó thì tôi chiêm bao), dù cho là chúng bị đẻ non (sớm 3 tuần), và nếu như chúng tôi không biết được trước là cháu sẽ là con trai. Dĩ nhiên là mỗi hoài nghi rằng điều khẳng định - trai hay gái - có đúng hay không thì trong giấc mơ sẽ được thể hiện là cặp song sinh, nhưng sẽ vẫn còn để ngỏ là sự trùng hợp về thời gian của giấc mơ về cặp sinh đôi với sự sinh bất ngờ và sớm ba tuần của cặp song sinh của con gái tôi.

Không phải lần đầu tiên mà các sự kiện ở xa đi vào ý thức tôi trước khi tôi nhận được thông tin. Đó chỉ là một trong số vô vàn mà thôi! Vào tháng Mười thì ba cậu em tôi lên thăm tôi. Từ ba mươi năm nay, chúng tôi chưa gặp lại nhau (dĩ nhiên là theo từng cặp thì chúng tôi vẫn gặp nhau luôn), việc đó chỉ xảy ra hai lần rất ngắn vào dịp tang lễ bố và mẹ chúng tôi. Cả hai cuộc ra đi này đều đã được tiên đoán từ trước rồi, không có trường hợp nào mà tôi phải “cảm nhận từ trước.” Nhưng khi trước đây khoảng 25 năm, cậu em út của tôi bị chết bất ngờ và hết sức đột ngột, thì đúng vào cái lúc mà người đưa thư mang tấm bưu thiếp báo tin cậu em mất, ý nghĩ rằng: trong đó báo tin là cậu em đã mất - đã nảy ra ngay dù tôi chưa hề nhìn tới tấm bưu thiếp. Cậu ấy là người duy nhất còn ở lại với bố mẹ tôi, đó là một cậu bé khỏe mạnh, tráng kiện. Còn tất cả bốn anh lớn chúng tôi đều đã đủ lông cánh để bay đi xa. Hết sức tình cờ là cuộc đàm đạo nhân chuyển viếng thăm của ba cậu em tôi lại quay về với kỷ niệm xưa của tôi, và cả ba cậu em y như đã được nhận lệnh từ trước, đều cùng tuyên bố rằng, vào thời đó thì điều đó cũng đã xảy ra với họ hết như là với tôi. Liệu có phải theo đúng cách đó hay không thì nay tôi không thể khẳng định được nữa, nhưng dù sao thì ai trong số anh em tôi cũng đều tuyên bố rằng trước đó đã nhận biết được trong cảm xúc cái chết đó một cách chắc chắn, dù cho tin kia đến đó sau này một cách bất ngờ.

Cả bốn anh em chúng tôi đều mang theo từ phía mẹ bản chất mẫn cảm, dù đều là những người đàn ông cao to, lực lưỡng, nhưng không có một hơi hướng gì của thuyết thông linh hay thuyết thần bí, vì trái lại, chúng tôi kiên quyết chối từ hai thuyết này. Các em tôi, cả ba đều là trí thức, hai người là giáo viên phổ thông trung học, một người là kỹ sư đặc diễn. Họ đều là những con một sách chứ không phải là những kẻ mộng mơ. - Đây là tất cả những gì mà tôi có thể nói cho Ngài biết về giấc mơ. Nếu Ngài muốn xử lý nó cho văn chương thì tôi xin vui lòng để nó cho Ngài tùy ý sử dụng.”

Tôi phải ngại rằng, các vị cũng sẽ phải ứng xử tương tự như người viết hai bức thư trên. Ngay cả các vị cũng sẽ phải đặc biệt quan tâm tới điều là: liệu chúng ta có được phép coi giấc mơ này là một thông tin thần giao cách cảm cho sự sinh đôi đột ngột hay không, hay thậm chí phải có xu hướng là đem nó ra mà phân tích như bất cứ một giấc mơ nào khác. Tôi đã thấy trước được rằng, sự việc sẽ luôn luôn xảy ra như vậy, một khi Phân tâm học đụng độ với thuyết thần bí. Môn đầu có thể nói là sẽ chống lại mọi bản năng tâm linh, trái lại môn sau lại nhận được những mối thiện cảm mạnh mẽ nhưng không rõ ràng. Nhưng tôi không ủng hộ lập trường cho rằng Phân tâm học không phải là ngành phải bắt buộc lưu tâm tới các vấn đề của thuyết thần bí. Nếu vậy thì các vị sẽ chỉ đi đến kết luận rằng đó là sự lẩn tránh vấn đề. Mà tôi khẳng định rằng tôi sẽ rất sung sướng nếu thông qua những quan sát mà không ai chê trách được, tôi tự thuyết phục được mình và thuyết phục được người khác rằng có tồn tại các quá trình thần giao cách cảm. Nhưng những thông tin về giấc mơ này quá ư là không đủ để có thể biện minh cho một quyết định như vậy. Các vị cũng phải thấy rằng là một người đàn ông hết sức thông minh và rất quan tâm tới những vấn đề về giấc mơ của mình như thế này, nhưng lại không hề nghĩ đến một cái việc còn con là phải cho chúng ta biết là vào lúc nào thì ông đã gặp cô con gái đang sắp sinh nở của ông lần cuối, hay gần đây ông đã nhận được những thông tin nào. Trong bức thư đầu thì ông viết rằng cô con gái đẻ non một tháng, nhưng trong lá thư thứ hai thì lại chỉ có ba tuần, và chẳng có thư nào cho chúng ta biết là liệu đó có thực sự là đẻ non, hay lại như cái điều rất thường xuyên xảy ra là những người liên can đã tính nhầm. Nhưng chính chúng ta lại phụ thuộc vào những chi tiết này và các chi tiết khác nữa của biến cố, một khi mà chúng ta phải cân nhắc về xác suất của một sự ước tính và đoán

nhận mà người chiêm bao không ý thức được. Tôi luôn tự nhủ rằng, sẽ chẳng có ích gì nếu như tôi không nhận được câu trả lời cho các câu hỏi như vậy. Nhưng trong quá trình tiến hành thủ tục chứng minh mà chúng ta muốn đạt tới, sẽ liên tục xuất hiện những nghi vấn mới mà chúng ta chỉ có thể loại trừ được chúng, nếu như chúng ta có được người đàn ông đó ngay trước mặt chúng ta để ta có thể hâm nóng lại trong não bộ ông ta tất cả những kỷ niệm liên quan tới vấn đề đó, mà ông ta có thể vì coi là không quan trọng nên đã quên không nhắc tới. Chắc chắn là ông đã có lý khi vào lúc mở đầu cho lá thư thứ hai của mình, ông cho rằng nếu có đối thoại trực tiếp thì sẽ sáng tỏ được nhiều điều hơn.

Xin các vị hãy lưu ý đến một trường hợp tương tự khác, nhưng ở đó thì mối quan tâm tới thuyết thần bí rất gây rối sẽ không hề vào cuộc. Liệu các vị đã có bao nhiêu lần lâm vào hoàn cảnh là phải so sánh tiền sử bệnh và bản bệnh án mà bất kỳ một bệnh nhân loạn thần kinh chức năng nào cũng phải cung cấp cho các vị, với những điều mà các vị biết được từ bệnh nhân đó sau vài tháng tiến hành thực thi Phân tâm học. Không kể tới việc rút gọn là điều dễ hiểu, thì anh ta đã bỏ qua hay bưng bít biết bao nhiêu thông tin cốt yếu, bao nhiêu mối quan hệ đã bị làm cho sai lệch, thực ra là: lần đầu, anh ta kể cho các vị biết bao điều không đúng, thậm chí giả dối: Tôi tin là các vị không cho rằng tôi quá ư thiếu sự tin cậy một khi mà trong các điều kiện mà chúng ta đang có, tôi từ chối phải phán xét rằng liệu giấc mơ mà chúng ta được nghe kể có tương ứng với một sự kiện thần giao cách cảm hay chỉ là một công trình hết sức hay nhưng không mang chủ tâm của người chiêm bao, hay thậm chí đơn giản phải được coi là một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Chúng ta sẽ chỉ có thể hy vọng giải tỏa được tính hiếu kỳ của mình ở một dịp sau khi mà chúng ta có điều kiện khảo cứu

tường tận bằng miệng đến tận gốc rễ người chiêm bao. Nhưng các vị không thể nói rằng, kết cục của cuộc khảo cứu này đã làm các vị thất vọng, bởi vì tôi đã cảnh báo cho các vị từ trước rằng, các vị sẽ chẳng biết được một điều gì để làm sáng tỏ cho vấn đề thần giao cách cảm đâu.

Còn nếu như bây giờ, chúng ta chuyển qua việc xử lý Phân tâm học cho giấc mơ này, thì chúng ta lại phải thú nhận sự không hài lòng của chúng ta. Các tư liệu về tư duy mà người chiêm bao gắn vào nội dung hiển nhiên của giấc mơ lại thể hiện là không đủ vì qua đó thì chúng ta không thể thực hiện được việc phân tích giấc mơ. Giấc mơ chẳng hạn đã dừng lại ở những chi tiết về việc bọn trẻ giống bố mẹ chúng, mô tả màu tóc của chúng và dự báo về sự biến màu của tóc trong tương lai, và để diễn giải cho những chi tiết được thêu dệt thoả mái này thì chúng ta lại chỉ có một thông tin rất nghèo nàn của người chiêm bao là anh ta luôn quan tâm tới các câu hỏi về sự giống nhau và di truyền. Nhưng chúng ta lại quá quen với việc phải đặt ra những yêu cầu đi vào chi tiết hơn. Nhưng chỉ ở duy nhất có một chỗ thì giấc mơ lại cho phép có sự diễn giải Phân tâm học, chính là ở đây thì Phân tâm học đã tham gia trợ giúp cho thần giao cách cảm bằng một cách rất đặc biệt, dù cho là Phân tâm học chẳng có liên quan gì tới thuyết thần bí. Chính vì cái chỗ này mà tôi phải đòi hỏi ở các vị sự lưu ý tới giấc mơ này. Nếu các vị quan sát thực kỹ thì giấc mơ này chẳng có quyền gì để được gọi là “thần giao cách cảm.” Nó chẳng thông báo một chút gì cho người chiêm bao về điều mà hoàn toàn thoát ra khỏi tiềm thức anh ta - đang đồng thời xảy ra ở một nơi khác, còn cái mà giấc mơ kể thì lại là một cái gì hoàn toàn khác với cái mà sáng hôm sau đêm chiêm bao bức điện báo thông báo. Giấc mơ và sự kiện khác biệt nhau ở một điểm cực kỳ quan trọng. Chúng chỉ trùng hợp với nhau - không kể

đến sự đồng thời - ở một chi tiết khác, nhưng rất lý thú. Trong giấc mơ thì *vợ* của người chiêm bao để sinh đôi. Kết quả thì lại là *con gái* anh ta đang sống ở xa đó, sinh đôi. Chính người chiêm bao cũng không bỏ sót sự khác biệt này. Rõ ràng là anh ta cũng không tìm ra một lối khả dĩ để vượt qua điểm này, và bởi vì theo những chỉ dẫn của anh ta về bản thân mình thì anh ta cũng không có thiên hướng theo thuyết thần bí nên anh ta chỉ hỏi một cách hết sức bẽn lẽn rằng, liệu sự trùng hợp giữa giấc mơ với sự kiện về điểm sinh đôi có phải chỉ là một sự tình cờ chẳng. Nhưng chính sự Diễn giải Giấc mơ theo Phân tâm học sẽ triệt tiêu sự khác biệt này giữa giấc mơ và sự kiện, và sẽ cung cấp cho cả hai điểm này cái nội dung đích thực của nó. Nếu ta đi tìm sự trợ giúp của tư liệu liên quan tới giấc mơ này, thì dù là rất hạn chế, nó vẫn cho ta thấy rằng ở đây có một mối ràng buộc tình cảm nội tâm giữa người cha với người con gái, một mối liên hệ tình cảm thông thường và tự nhiên tới mức mà chúng ta chấm dứt không được phép ngượng khi nói về điều đó, vì trong cuộc sống thường nhật, nó chỉ thể hiện như là một mối quan tâm đầy âu yếm, còn đến mãi trong chiêm bao thì những hậu quả cuối cùng của nó mới được rút ra. Người cha biết rằng, cô con gái rất yêu ông, nên ông hoàn toàn tin tưởng rằng, trong những giờ phút cam go của mình, cô nghĩ nhiều tới ông. Tôi thậm chí muốn nhấn mạnh rằng, về cơ bản thì ông không phải là không ghen với con rể mình, người mà trong thư ông có lướt qua bằng một vài nhận xét rất coi thường. Chỉ trong cái bị chèn ép thì, nhân cơ hội mà cô này sinh (đã được kỳ vọng hay được tiếp nhận qua thần giao cách cảm), ước muốn vô thức mới xuất hiện: lẽ ra cô ta phải là vợ (hai) của tôi, và chính ước vọng này là cái làm sai lệch suy nghĩ của giấc mơ và đang mang nợ cho lời diễn giải sự khác biệt giữa nội dung hiển nhiên của giấc mơ và sự kiện. Chúng ta hoàn toàn có cái quyền đặt cô con gái

vào vị trí người vợ kế trong giấc mơ. Nếu mà chúng ta đã có nhiều tư liệu hơn về giấc mơ thì chắc chắn chúng ta đã có thể khẳng định được lời diễn giải này và thậm chí còn đi sâu hơn nữa vào chi tiết.

Vậy là tôi đã đi đến cái điểm mà tôi muốn trình bày cùng các vị. Chúng ta đã hết sức nỗ lực để đi đến sự khách quan hết sức nghiêm ngặt, và đã chấp nhận hai quan niệm của giấc mơ là cùng có hiệu lực về khả năng như nhau và đều không được chứng minh như nhau. Theo quan niệm đầu thì giấc mơ là phản ứng đối với một thông tin thần giao cách cảm: con gái anh đang sinh đôi đây này. Theo quan niệm thứ hai thì nguyên nhân là một công việc tư duy vô thức mà chúng ta có thể dịch lại như sau: hôm nay là ngày mà việc sinh sẽ phải xảy ra nếu như bọn trẻ ở Berlin thực sự đã tính nhầm một tháng, điều mà tôi tin chắc. Và nếu vợ (đầu) của tôi còn sống thì nàng sẽ không vừa lòng với chỉ một cháu ngoại! Với nàng thì ít nhất phải có một cặp song sinh. Nếu quan niệm thứ hai này là đúng thì đối với chúng ta, không nảy sinh vấn đề gì mới. Đó là một giấc mơ như bất kỳ giấc mơ nào khác. Ước vọng (vô thức) rằng không phải ai khác ngoài cô con gái, lẽ ra đã phải là vợ kế của người chiêm bao đã bổ sung thêm vào cho ý nghĩ của giấc mơ đã nêu (được ý thức từ trước), và giấc mơ hiển nhiên, đã được kể lại cho chúng ta, đã hình thành là như vậy.

Nhưng nếu các vị muốn giả thiết rằng, cái tin thần giao cách cảm về việc cô con gái đẻ đã được đưa tới người đang ngủ, thì như vậy sẽ nảy sinh những câu hỏi mới về mối quan hệ của một thông tin như vậy đối với giấc mơ và về ảnh hưởng của nó đối với sự hình thành giấc mơ. Câu trả lời khi đó sẽ rất sẵn sàng và phải được nêu ra một cách rõ ràng. Thông tin thần giao cách cảm sẽ được xử lý như một phần của tư liệu để tạo thành giấc mơ, như một sự kích thích

khác từ ngoài hay từ trong, như một tiếng ồn gây rối từ ngoài phố, như một cảm giác khó chịu từ một cơ quan của người đang ngủ. Trong ví dụ của chúng ta thì thấy rõ được là nó được sửa đổi thành một sự thỏa mãn ước vọng nhờ một ước vọng bị chèn ép nhưng đang mai phục, và đáng tiếc là có thể cho thấy một cách ít rõ hơn rằng nó hòa trộn với một tư liệu khác, đồng thời đã trở nên sôi động. Thông tin thần giao cách cảm - nếu một thông tin như vậy phải được công nhận thực sự - như vậy là chẳng có thể thay đổi gì được ở sự hình thành giấc mơ, thần giao cách cảm chẳng có liên can gì tới bản chất của giấc mơ. Và để tránh cảm tưởng rằng tôi muốn giấu giếm đằng sau một câu nói trừu tượng và nghe có vẻ thanh nhã một sự mập mờ, thì tôi sẵn sàng nhắc lại: Bản chất của giấc mơ là hình thành từ quá trình độc đáo của công đoạn giấc mơ mà nó chuyển những ý nghĩ được ý thức từ trước thành nội dung hiển nhiên của giấc mơ, nhờ một sự xúc động ước vọng vô thức. Nhưng vấn đề thần giao cách cảm ít có liên can tới giấc mơ cũng hết như vấn đề sợ hãi.

Tôi hy vọng rằng các vị cũng đồng ý với điều đó, nhưng sẽ bác lại tôi ngay rằng cũng vẫn còn có những giấc mơ thần giao cách cảm khác mà ở đó không có sự khác biệt giữa sự kiện và giấc mơ, và ở đó không thể tìm ra một cái gì khác hơn là sự tái hiện không bị làm sai lệch của sự kiện. Tôi lại không biết những giấc mơ thần giao cách cảm như vậy bởi kinh nghiệm của chính các vị, nhưng tôi biết rằng người ta thường hay tường thuật về chúng. Chúng ta hãy giả thiết rằng, chúng ta đang phải xử lý một Giấc mơ thần giao cách cảm không bị làm sai lệch và không bị hòa trộn như vậy, thì sẽ nảy sinh ngay một câu hỏi khác: Liệu người ta có còn được gọi chính một trải nghiệm thần giao cách cảm như vậy là một “Giấc mơ” chẳng? Chắc chắn là các vị sẽ làm điều đó, chừng nào mà các vị còn quen

sử dụng ngôn ngữ đại chúng, vì với cách dùng đó thì tất cả đều là Giấc mơ cả, chẳng nào mà chúng còn xảy ra trong cuộc sống tâm linh và trong giấc ngủ của các vị. Các vị có lẽ cũng sẽ nói: Tôi cũng đã trải qua chiêm bao và hoàn toàn không thấy một cái gì ở đó là không đúng để có thể nói rằng: Tôi đã khóc hay đã sợ hãi trong chiêm bao. Nhưng lẽ ra thì các vị đã phải nhận thấy rằng, trong tất cả các trường hợp này thì các vị đã nhầm lẫn lung tung với nhau giữa “Giấc mơ” và “giấc ngủ” hay “trạng thái ngủ” mà không hề có sự phân biệt. Tôi cho rằng, sẽ là vì mục đích chính xác khoa học nếu chúng ta phải phân biệt rõ ràng hơn giữa “giấc mơ” và “trạng thái ngủ.” Tại sao chúng ta lại phải tạo thêm một phần phụ cho sự lộn xộn mà Maeder đã gây ra. Ông là người đã phát hiện ra được một chức năng mới cho giấc mơ khi ông hoàn toàn không muốn tách công đoạn giấc mơ ra khỏi các tư tưởng tiềm ẩn của Giấc mơ. Vậy là, nếu ta gặp phải một “giấc mơ” thần giao cách cảm thuần khiết như vậy, thì lẽ ra chúng ta nên gọi nó là một trải nghiệm thần giao cách cảm trong trạng thái ngủ. Một giấc mơ không có sự cô đặc, làm sai lệch, chuyển thể kịch, và đặc biệt là không có sự thỏa mãn ước muốn, thì thực sự là không xứng đáng với cái tên đó. Các vị sẽ nhắc nhở tôi rằng còn có những sản phẩm tâm linh khác trong giấc mơ mà với chúng thì chúng ta lẽ ra phải tước quyền gọi tên là “giấc mơ.” Có xảy ra trường hợp là những trải nghiệm có thực ở ban ngày chỉ đơn giản là sẽ được nhắc lại trong giấc ngủ. Những sự tái hiện các cảnh tượng gây chấn động tâm thần - trong “giấc mơ” mới gần đây đã bắt buộc chúng ta phải xét lại lý thuyết về giấc mơ. Có những giấc mơ khác biệt với các loại thông thường bởi những tính chất hoàn toàn đặc biệt, mà các loại thông thường này thực ra chẳng phải là cái gì khác hơn là những điều tưởng tượng ban đêm nguyên vẹn mà không bị hòa trộn và ngoài ra thì hoàn toàn giống với những điều tưởng tượng ban

ngày mà ta đã biết. Nhưng tất cả chúng đều xuất phát từ nội tâm, là sản phẩm của cuộc sống tinh thần của chúng ta, trong khi theo định nghĩa của nó thì “Giấc mơ thần giao cách cảm” thuần khiết phải là một sự thụ cảm từ bên ngoài, mà để phản ứng lại với nó thì cuộc sống tinh thần sẽ ứng xử một cách miễn cảm và thụ động.

II

Trường hợp thứ hai mà tôi muốn tường thuật lại cho các vị lẽ ra nằm ở một bình diện khác. Nó không cho chúng ta một giấc mơ thần giao cách cảm, mà một giấc mơ liên hệ ngược trở lại những năm thời thơ ấu của một nhân vật đã có rất nhiều trải nghiệm thần giao cách cảm. Bức thư của cô ta, mà dưới đây tôi sẽ chép lại, có chứa những điều rất lạ lùng mà chúng ta chẳng có quyền phán xét. Một số điểm trong đó có thể dùng vào việc làm sáng tỏ mối quan hệ của thần giao cách cảm đối với giấc mơ.

1.

“... Thầy thuốc chuyên trị cho tôi là bác sĩ N. khuyên tôi nên kể cho Ngài một giấc mơ mà nó đã theo đuổi tôi từ khoảng 30-32 năm nay. Tôi nghe theo lời khuyên của ông ta, có thể là xét về mặt khoa học thì giấc mơ sẽ được Ngài quan tâm tới vì theo ý kiến Ngài thì những giấc mơ như thế này phải được quy về một trải nghiệm về mặt quan hệ tình dục ở những năm đầu của thời thơ ấu, nên tôi sẽ ôn lại những kỷ niệm thời thơ ấu. Đó là những trải nghiệm mà cho đến hôm nay vẫn còn gây ấn tượng đối với tôi và thậm chí những ấn tượng đó còn mạnh tới mức mà chúng đã quyết định tới tín ngưỡng của tôi.

Tôi xin đề nghị Ngài rằng, sau khi đã nhận đầy đủ các thông tin này, Ngài hãy cho tôi biết, Ngài có thể Diễn giải Giác mơ này theo cách nào, và liệu có khả năng loại trừ nó ra khỏi cuộc đời tôi, bởi vì nó theo đuổi tôi hết như một con ma và thông qua các hoàn cảnh mà nó đi theo - tôi luôn luôn ngã từ trên giường xuống đất và không ít lần đã bị thương” nó rất là khó chịu và bất tiện cho tôi.

2.

Tôi hiện 37 tuổi, khỏe mạnh về thể chất, thậm chí có thể nói là cường tráng, ngoài bệnh sỏi và bệnh ban đỏ thì thời nhỏ, tôi cũng đã trải qua một trận viêm thận. Vào lúc 5 tuổi thì tôi bị viêm mắt nặng, mà sau đó còn lại di chứng là tôi bị tật nhìn thành ảnh kép. Các ảnh này nằm lệch với nhau, những đường viền của ảnh bị mờ vì các vết sẹo của các chỗ mưng mủ ảnh hưởng tới độ rõ nét. Theo đánh giá của các bác sĩ chuyên khoa thì không còn có thể làm thay đổi hay cải thiện gì hơn trên mắt tôi. Vì tôi thường phải gập mắt trái lại để nhìn cho rõ hơn nên toàn bộ nửa trái khuôn mặt tôi bị kéo lên trên. Nhưng do chịu khó tập luyện và với nhiều nghị lực nên tôi cũng có thể hoàn thành những công việc tinh vi nhất bằng tay. Tương tự thì khi 6 tuổi, tôi đã học cách nhìn lệch đi trước gương nên hiện nay, nếu chỉ nhìn bề ngoài thì không ai nhận rằng tôi bị tật ở mắt.

Ngay từ những năm tháng đầu đời, tôi đã luôn luôn đơn độc. Tôi tránh bạn trẻ khác để tự co lại với mình và cũng đã mang nhiều bộ mặt khác (thính tai và tiên tri) nhưng chưa phân biệt được điều đó với thực tế và chính bởi vậy mà thường bị lâm vào những xung đột mà chúng đã làm cho tôi trở nên một người rất dè dặt, thậm chí nhút nhát. Vì ngay từ khi còn là đứa trẻ còn rất nhỏ, tôi đã biết rất nhiều hơn những điều mà tôi có thể học được, nên tôi hoàn toàn không thể

hiếu những đứa trẻ đồng lứa nữa. Bản thân tôi lại là đứa cả trong số 12 anh chị em.

Từ 6 đến 10 tuổi thì tôi theo học ở trường tiểu học quê hương, và sau đó cho đến 16 tuổi thì ở trường Trung học Nữ Ki-tô giáo ở B.. Khi tôi 10 tuổi thì chỉ trong 4 tuần, với 8 buổi học thêm, trong môn Pháp văn, tôi đã học đuối như những đứa trẻ bình thường khác phải học trong 2 năm. Tôi chỉ cần ôn lại thôi. Đối với tôi thì cứ y như là tôi đã học từ lâu môn này rồi, và tôi chỉ bị quên mà thôi. Nói chung thì sau này, tôi cũng chẳng bao giờ cần phải học tiếng Pháp nữa. Trái lại, với tiếng Anh là môn tuy chẳng gây khó khăn gì cho tôi, nhưng tôi lại không biết. Tương tự như với tiếng Pháp là điều đã xảy ra đối với tiếng Latin. Tôi chưa bao giờ học tiếng đó một cách nghiêm chỉnh, và chỉ biết nhờ phải học tiếng Latin ở nhà thờ, nhưng có lẽ cũng vì vậy mà tôi hoàn toàn quen thuộc với nó. Hôm nay, khi tôi đọc một tác phẩm bằng tiếng Pháp thì tôi cũng sẽ suy nghĩ ngay bằng tiếng Pháp, trong khi điều đó chưa bao giờ xảy ra với tôi trong tiếng Anh, dù là ở tiếng này thì tôi giỏi hơn. Bố mẹ tôi đều là dân cày mà từ bao thế kỷ nay chẳng hề biết một ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Đức và tiếng Ba Lan.

Các bộ mặt: Đôi khi thì thực tế biến mất đi trong chốc lát, và tôi thấy một cái gì đó hoàn toàn khác. Trong căn hộ tôi ở, chẳng hạn tôi thường thấy một cặp vợ chồng già với một đứa trẻ. Căn hộ đó sau này có một nội thất khác. - Ngay ở nhà an dưỡng thì vào lúc 4 giờ sáng, bạn gái tôi đến phòng tôi. Tôi đang tỉnh, còn để đèn sáng và đang ngồi đọc sách báo trên bàn vì tôi bị bệnh mất ngủ trầm trọng. Sự xuất hiện này luôn làm tôi bức, lần này cũng vậy.

Vào năm 1914 thì em trai tôi phải ra ngoài mặt trận, còn tôi thì không ở với cha mẹ ở B., mà về ở Ch. Lúc đó là vào khoảng 10 giờ

sáng ngày 22 tháng 8, tôi bỗng đứng nghe tiếng em tôi gọi “Mẹ ơi mẹ.” Sau đó 10 phút thì lại nghe một lần nữa, nhưng không hề nhìn thấy một cái gì cả. Vào ngày 24 tháng 8, tôi về với bố mẹ tôi và thấy mẹ tôi đang rất khổ tâm, khi tôi gắng hỏi thì bà bảo, vào ngày 22 tháng 8, em tôi có gọi bà. Buổi sáng hôm đó, khi bà vào thăm vườn thì nghe thấy tiếng nó gọi “Mẹ ơi mẹ.” Tôi an ủi bà mà không nói gì với bà về việc của tôi. Ba tuần sau thì ở nhà nhận được một bưu thiếp của em tôi mà nó viết vào thời gian giữa 9 và 10 giờ sáng ngày 22 tháng 8. Sau đó ít lâu thì em tôi mất.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 1921 có ai đó muốn báo tin gì đó cho tôi ở trại an dưỡng. Đã có tiếng gõ mạnh 2-3 lần vào giường cô bạn gái cùng phòng tôi. Cả hai chúng tôi đều đang còn tỉnh, tôi hỏi liệu có phải cô ấy đã gõ vào giường hay chẳng thì cô bạn bảo thậm chí cô còn chẳng hề nghe thấy gì hết cả. Tám tháng sau, tôi nhận được tin rằng một trong số các bạn gái của tôi đã mất vào đêm ngày 26 rạng ngày 27.

Vậy là có một cái gì đó, y như là một ảo giác, đó là vấn đề quan niệm! Tôi có một cô bạn đã lấy một ông góa vợ có năm người con. Người đàn ông này thì mãi sau này tôi mới quen qua cô bạn đó. Còn ở nhà cô bạn thì hầu như lần nào tôi tới thăm, tôi cũng trông thấy có một người đàn bà đi ra hoặc vào. Dễ dàng đi tới giả thiết rằng đó là bà vợ cả của ông này. Thi thoảng, tôi có hỏi tìm một tấm ảnh, nhưng theo tấm ảnh đó thì tôi không đồng nhất được với hiện tượng mà tôi đã chứng kiến. Sau đó 7 năm, tôi có dịp được thấy ở nhà một trong số các đứa con một bức ảnh có các nét của bà nọ. Dĩ nhiên đó là bà vợ cả. Trong bức ảnh thì bà ta đẹp hơn rất nhiều. Bà vừa mới đi bồi dưỡng để nâng cao thể trạng về, và vì vậy mà đã có một vẻ ngoài thay đổi đối với một người bị bệnh phổi. - Đây chỉ là một vài ví dụ mà tôi có hết sức nhiều.

GIẤC MƠ: Tôi thấy một cái mũi đất có biển bao quanh. Sóng dôn từng cơn vào bờ rồi lại đánh ngược trở lại biển. Trên bán đảo có một cây dừa uốn xuống nước. Có một người đàn bà dang tay ôm lấy thân dừa và cúi xuống sát mặt nước nơi một người đàn ông đang cố gắng bơi vào bờ. Cuối cùng thì bà ta nằm xuống bãi cát, lấy tay trái nắm lấy thân cây dừa rồi dùng tay phải để cố rướn đến người đàn ông, dù không thể với tới được chỗ ông ta.

Khi đó thì tôi ngã từ trên giường xuống đất và tỉnh dậy - khoảng 15-16 tuổi, khi tôi nhận biết được rằng, tôi chính là người đàn bà nọ, và từ đó thì tôi không chỉ cảm thấy nỗi lo sợ của người đàn bà đối với người đàn ông, mà đôi khi cũng ở đó với tư cách người thứ ba và chỉ quan sát mà thôi. Trải nghiệm này cũng được tôi chiêm bao theo từng giai đoạn. Khi bắt đầu quan tâm tới nam giới (18-20 tuổi) thì tôi cố gắng nhận ra mặt người đàn ông này, nhưng tôi chưa bao giờ thực hiện được điều đó. Bọt sóng chỉ để hở mỗi gáy và phần sau đầu. Tôi đã hai lần đính hôn, nhưng theo dáng đầu và cơ thể thì người ngoài biển không phải là hai người đàn ông trên. - Ở trại điều dưỡng, một lần khi tôi đang nằm trong cơn say paraldehyt thì tôi thấy được mặt người đàn ông này và từ giờ, mỗi lần chiêm bao là tôi lại thấy cái mặt đó. Đó chính là bộ mặt của Bác sĩ điều trị tôi ở trại điều dưỡng mà tôi quý mến chỉ với tư cách là Bác sĩ chứ giữa chúng tôi không có một quan hệ gì khác.

Hồi tưởng: 1/2 đến 3/4 tuổi. Tôi nằm trong cái xe đẩy trẻ con, bên phải tôi có hai con ngựa, một con màu nâu nhìn tôi bằng cặp mắt mở to và đầy ấn tượng, đây là trải nghiệm sâu sắc nhất, tôi có cảm giác rằng đó là một người.

Một tuổi: Bố tôi và tôi vào thăm vườn hoa thành phố, ở đây thì người coi vườn cho một con chim nhỏ đậu lên tay tôi. Hai mắt nó nhìn tôi, và tôi lại có cảm giác rằng đó cũng là một sinh linh như tôi.

Lò mổ tại gia: Khi lữ lợn kêu lên éc éc thì tôi luôn hét lên kêu cứu và tôi luôn kêu rằng: Các người giết một con người đấy (4 tuổi). Tôi luôn không chịu ăn thịt. Thịt lợn làm tôi muốn mửa. Chỉ có khi chiến tranh xảy ra, tôi mới phải học cách ăn thịt, nhưng cũng vẫn luôn cảm thấy ghê tởm. Còn bây giờ thì tôi cũng đã mất đi thói quen ăn thịt.

Năm tuổi: Mẹ tôi sinh em, tôi nghe bà la hét. Tôi có cảm giác ở đấy có một con người hay con vật đang gặp cơn hoạn nạn đến cùng cực, hệt như cảm giác mà tôi có khi người ta giết gia súc.

Về quan hệ tình dục thì khi còn nhỏ, tôi hoàn toàn đứng đưng, lúc 10 tuổi thì những tội lỗi để làm mất trinh vẫn chưa nhập được vào ý niệm của tôi. Khi tôi 12 tuổi thì tôi bắt đầu hành kinh, ở tuổi 26, sau khi đã sinh được một đứa con, tôi mới tỉnh ra để trở thành người phụ nữ, còn cho đến lúc đó, tôi luôn nôn mửa khi phải giao cấu. Và sau này thì tôi cũng sẽ nôn mửa khi một nỗi bức dọc nhỏ nhất giày vò tôi.

Tôi cực kỳ có năng khiếu quan sát, và một thính giác đặc biệt nhạy bén, khứu giác cũng vậy. Nếu là người quen thì tôi có thể ngửi ra ngay được trong một đám đông, khi mắt bị bịt kín.

Khả năng nghe và nhìn hơn người của tôi, tôi không quy về bản chất bệnh tật của mình, mà về giác quan nhạy bén hơn và khả năng tổng hợp vấn đề nhanh hơn, nhưng tôi cũng chỉ nói về điều đó với giáo viên Tôn giáo của tôi và Tiên sĩ..., với ông sau thì cũng chỉ rất miễn cưỡng, bởi vì tôi rất sợ phải nghe nói rằng mình có nhiều tính xấu mà bản thân tôi lại coi là những đức tính tốt, và vì qua những hiểu lầm ở thời thanh niên mà nay tôi đã trở nên rất nhút nhát”.

Giấc mơ và việc diễn giải nó được người viết vừa trình bày cho chúng ta thấy, không phải là khó hiểu. Đó là một giấc mơ về việc cứu người chết đuối, đó là một giấc mơ đặc trưng cho sự sinh nở. Ngôn ngữ của sự tượng trưng, như các vị đều biết, không có ngữ

pháp, đó là cực điểm của một ngôn ngữ ở dạng nguyên thể của động từ, cả thể chủ động và bị động đều được miêu tả bởi cùng một hình ảnh. Khi trong chiêm bao, một người phụ nữ kéo (hay muốn kéo) một người đàn ông từ dưới nước lên, thì điều đó có nghĩa là, nàng muốn làm mẹ người này (công nhận người này là con mình, như con gái Hoàng đế Pharaoh nhận Moses), hoặc cũng còn là: nàng muốn thông qua người này để trở thành mẹ, muốn có con trai với người đó và nó là bức ảnh tương tự và được đặt ngang hàng với người đó. Thân cây mà người phụ nữ bám vào, được dễ dàng nhận dạng là biểu tượng cho dương vật, dù cho là nó không đứng thẳng mà nghiêng so với mặt nước - trong giấc mơ lại là: cong. Sự lên xuống của cơn sóng vỗ bờ đã dẫn dắt một người phụ nữ chiêm bao khác - mà người này cũng đã chiêm bao một giấc mơ hết sức tương tự - đến sự so sánh với hoạt động theo từng cơn của sự đau đẻ; và khi tôi hỏi cô ta là một phụ nữ chưa từng sinh nở, rằng từ đâu mà cô biết đặc tính của hoạt động sinh đẻ như thế này, thì cô nói rằng, người ta có thể tưởng tượng ra sự trở dạ như là một loại cơn đau bụng, điều mà về mặt sinh lý học là hoàn toàn không thể chê vào đâu được. Cô ta lại còn liên hệ thêm vào đó: “Những cơn sóng biển cả và yêu dương.” Từ đâu mà cô gái chiêm bao của chúng ta nắm bắt được sự trang bị tinh vi bằng biểu tượng ngay từ thời còn non dại như vậy (mũi đất, ở tiếng Đức còn hình tượng hơn là: lưỡi đất: -ND, cây dừa) thì tôi không biết. Nhưng chúng ta cũng không nên quên rằng: Nếu như người nào khẳng định rằng mình bị một giấc mơ nào đó theo đuổi từ nhiều năm nay, thì thường sẽ thấy, hóa ra là không phải hiển nhiên như vậy. Chỉ có cái nhân của giấc mơ lần nào cũng quay trở lại, nhưng nhiều chi tiết trong nội dung lại được thay đổi, hoặc được thêm bớt.

Cuối giấc mơ rõ ràng là đáng sợ này thì cô gái chiêm bao ngất từ trên giường xuống. Đây là một cách miêu tả mới về sự sinh nở.

Sự khảo cứu Phân tâm học về bệnh sợ độ cao, nỗi sợ hãi trước sự bật khởi muốn nhảy ra ngoài cửa sổ, chắc chắn cũng cho tất cả các vị cùng một kết quả đó.

Vậy ai là người đàn ông mà cô gái chiêm bao muốn có một đứa con với người đó, hay cô muốn là mẹ của bức chân dung anh ta? Cô ta thường xuyên cố gắng nhìn thấy mặt anh ta, nhưng giấc mơ không cho phép làm điều đó, người đàn ông này phải được giữ kín như một người ẩn danh. Từ vô vàn những bài phân tích thì chúng ta biết rằng, sự che giấu này có nghĩa gì, và kết luận của chúng ta về sự loại suy sẽ được bảo đảm bởi một thông tin khác của người chiêm bao. Trong cơn say paraldehyt thì cô ta đã nhận ra mặt của người đàn ông trong mơ chính là mặt của vị bác sĩ ở trại điều dưỡng, cũng là người bác sĩ đã điều trị cô và là người hoàn toàn không có ý nghĩa gì khác trong đời sống tình cảm có ý thức của cô. Vậy là cái nguyên bản không bao giờ để lộ mặt, nhưng phiên bản của nó trong sự phiên dịch cho phép kết luận rằng ngay từ trước, đó luôn luôn có thể là người cha. Ferenczi có lý biết bao khi ông chỉ ra rằng “Những giấc mơ của những người hoàn toàn không biết” là những bằng chứng quý giá để chứng minh cho những ước đoán Phân tâm học của chúng ta! Cô gái chiêm bao của chúng ta là đứa đầu trong số 12 đứa con. Đã biết bao nhiêu lần cô phải trải qua những nỗi đau của sự ghen tuông và thất vọng khi không phải cô mà lại là mẹ cô là người nhận được đứa con biết bao mong ước của người cha!

Cô gái chiêm bao của chúng ta đã hiểu rất đúng rằng những hồi tưởng đầu tiên của thời thơ ấu của cô sẽ rất có giá trị cho việc Diễn giải Giấc mơ đầu và từ đó thường xuyên lặp lại của cô. Trong cái màn kịch đầu trước đó một năm thì cô ngồi trong xe đẩy trẻ con, bên cạnh cô là hai con ngựa mà một con nhìn cô bằng cặp

mắt mở to và đầy ấn tượng. Cô gọi đó là trải nghiệm đáng nhớ nhất của mình, cô có cảm giác rằng đó là một con người, chúng ta chỉ có thể đi vào cách đánh giá này nếu như chúng ta giả thiết rằng ở đây thì hai con ngựa tượng trưng - y như thường xuyên - cho một cặp vợ chồng, cho bố và mẹ. Khi đó thì nó như là một tia chớp đánh vào tín ngưỡng tôtem trẻ con. Nếu như chúng ta đối thoại được với người viết thì ta phải nêu câu hỏi rằng liệu bố cô có nhận ra theo màu yêu của mình con ngựa nâu mà nó nhìn cô đầy nhân ái chăng. Hồi tưởng thứ hai được gắn liền một cách liên hiệp với hồi tưởng đầy qua cùng “sự quan sát đầy cảm thông.” Nhưng việc cầm ở tay con chim nhỏ nhấn nhủ nhà Phân tâm học, mà bây giờ đã có thành kiến của mình, về một dây giấc mơ mà nó liên hệ cái tay của người phụ nữ về một biểu tượng khác cho dương vật.

Hai đoạn hồi tưởng sau thì gắn với nhau, thậm chí chúng còn gây ít khó khăn hơn nữa cho việc diễn giải. Sự la hét của người mẹ khi sinh nở gợi cho chúng ta nhớ ngay tới tiếng kêu eng éc của lũ lợn khi mổ lợn tại gia, và đưa về sự giận dữ cuồng loạn đáng thương đó. Nhưng chúng ta cũng ước đoán được rằng, ở đây đã có một phản ứng mãnh liệt chống lại ước muốn độc ác mong cho người mẹ mau chết đi.

Với những gợi ý này về sự âu yếm dành cho người cha, sự tiếp xúc với ông ta bằng cơ quan sinh dục và những ước muốn mong cho người mẹ chết đi, thì bản sơ thảo cho mặc cảm Oedipus của phái nữ đã được phác họa. Sự thiếu hiểu biết về tình dục đã được giữ rất lâu và sự lãnh cảm về sau là tương ứng với các điều kiện này. Người viết của chúng ta đã trở nên người loạn thần kinh chức năng ictêri ở dạng ảo - còn nhất thời thì chắc chắn cũng có ở dạng thực. Những sức mạnh của cuộc sống mà chúng đã kéo cô theo để đưa cô tới hạnh

phúc của mình, cũng đã tạo điều kiện cho cô thực hiện được cảm giác tình dục phụ nữ của mình, hạnh phúc được làm mẹ và những năng lực tiếp thu đa dạng, nhưng một phần nhục dục của cô vẫn luôn bám chặt vào những chỗ cố định vào thời thơ ấu của cô. Cô vẫn chiêm bao tới giấc mơ thuở nào mà nó đẩy cô ngã từ giường xuống, và bằng “những vết thương không phải không đáng kể”, phạt vạ vì sự lựa chọn đối tượng một cách loạn luân.

Nếu như những ảnh hưởng mãnh liệt nhất của trải nghiệm sau này cũng không thành công, thì bây giờ, việc diễn giải bằng thư của một vị bác sĩ xa lạ lại làm được việc đó. Có lẽ sẽ thành công, nếu có một sự phân tích thực sự và lâu dài. Hoàn cảnh ra sao thì tôi phải hài lòng bằng việc viết cho cô ta rằng, tôi tin chắc rằng, cô đang mắc bệnh bởi hậu quả về sau của một sự gắn bó tình cảm quá mãnh liệt với người cha và sự tự đồng nhất tương ứng mình với người mẹ. Nhưng tôi lại chẳng hy vọng là việc diễn giải này sẽ giúp ích gì cho cô. Sự khởi bệnh bột phát chứng loạn thần kinh chức năng thông thường sẽ để lại những vết sẹo, và thi thoảng thì chúng lại làm đau. Chúng ta sẽ rất tự hào bởi sự tài tình của chúng ta, một khi chúng ta đã thành công với việc chữa khỏi bệnh bằng Phân tâm học, nhưng cũng không phải là luôn luôn tránh được việc đó với sự kéo theo một vết sẹo đau đớn.

Chuỗi những hồi tưởng này vẫn đang bắt chúng ta phải để ý đấy. Đã có một lần tôi khẳng định rằng, những màn kịch thời thơ ấu như thế này là những “hồi ức bọc ngoài” mà sau này sẽ được chọn ra, tổng hợp lại và khi đó thì không hiếm khi sẽ bị làm sai lệch đi. Đôi khi thì chúng ta vẫn có thể đoán ra được là sự sửa đổi về sau như thế này sẽ phục vụ cho xu hướng nào. Trong trường hợp của chúng ta thì chúng ta hầu như luôn thấy Cái Tôi của người viết khoe khoang hay trấn an

bằng chuỗi hồi ức này: Ngay từ nhỏ thì tôi đã là một đứa trẻ đặc biệt sáng giá và đầy lòng trắc ẩn. Ngay từ rất sớm, tôi đã nhận thức được rằng, loài vật cũng có một tâm linh như loài người chúng ta và không thể chịu được sự tàn bạo đối với loài vật. Tôi luôn xa lánh những tội lỗi gắn với sự giết chóc, và tôi thậm chí đã giữ được thói ăn chay cho đến cả sau này. Với những lời tuyên bố như thế này thì cô đã nói ngược lại những giả thiết mà chúng ta buộc phải nêu ra khi chúng ta dựa trên thực nghiệm Phân tâm học của chúng ta về thời thơ ấu của cô: rằng cô chứa đầy những xúc động tình dục quá sớm và những cảm xúc hận thù đối với người mẹ và các em. (Ngoài ý nghĩa là cơ quan sinh dục mà chúng ta có thể quy cho nó, thì con chim nhỏ cũng có thể mang biểu tượng một đứa bé, cũng như tất cả những con vật nhỏ bé, và sự hồi tưởng này nhấn mạnh đến mức gây khó chịu quyền bình đẳng của sinh linh bé nhỏ này với chính cô). Như vậy là chuỗi các hồi tưởng này cho ta một ví dụ lý thú về một hình tượng tâm lý theo hai giác độ. Nếu chỉ nhìn bề ngoài thì nó thể hiện một ý nghĩ trừu tượng mà ở đây, cũng như trong phần lớn trường hợp, liên hệ về cái mang tính đạo đức. Theo cách gọi của H. Silberer thì nó có nội dung theo *phép giải thích thần bí*. Nhưng nếu nghiên cứu tỉ mỉ hơn thì nó biểu lộ ra là một dãy những sự kiện trên lĩnh vực đời sống bản năng bị chèn ép, nó sẽ thể hiện nội dung Phân tâm học của mình. Như các vị đã biết thì Silberer, là một trong những người đầu tiên đã cảnh báo chúng ta rằng không nên quên cái phần cao thượng hơn của tâm linh loài người, đã nêu điều khẳng định rằng tất cả hay phần lớn các giấc mơ cho phép một cách diễn giải kép như thế này, tức là một phép diễn giải thần bí, thuần nhất hơn làm đối trọng với cách diễn giải thông thường, theo Phân tâm học. Nhưng đây lại không phải là trường hợp đó. Ngược lại, một cách diễn giải kép như vậy chỉ thành công trong trường hợp hết sức hi hữu. Và theo hiểu

biết của tôi thì cho đến nay vẫn chưa thấy có một ví dụ khả dụng cho một cách phân tích đôi nghĩa như vậy về giấc mơ được công bố. Nhưng ở những chuỗi liên hệ mà bệnh nhân nữ của chúng ta đưa ra cho đợt điều trị phân tâm học, các vị tương đối thường xuyên có thể thực hiện những quan sát như vậy. Một mặt thì thông qua một sự liên hệ được phơi bày ra một cách rõ ràng, liên tục, những ý tưởng chợt đến tiếp nối nhau sẽ được liên kết lại với nhau, mặt khác thì các vị cũng sẽ phải quan tâm tới một đề tài được giữ bí mật và ở sâu kín, mà nó đồng thời cũng có tham gia vào tất cả những ý tưởng bất chợt này. Sự tương phản giữa hai đề tài ngụ trị ở cùng một chuỗi các ý tưởng bất chợt không phải là sự tương phản về việc rất - theo phép diễn giải thần bí và thông thường - theo Phân tâm học, mà nhiều hơn là số sàng và lịch thiệp hoặc không khác nhau, điều mà sẽ cho phép các vị dễ dàng hiểu lý do cho sự hình thành của một chuỗi liên hệ với cách xác định kép như vậy. Trong ví dụ của chúng ta thì dĩ nhiên không phải ngẫu nhiên là phép diễn giải thần bí và cách diễn giải theo Phân tâm học lại có mâu thuẫn sâu sắc với nhau như vậy; cả hai đều quy về chính cái tư liệu ấy, và xu hướng sau này lại chính là cái xu hướng muốn tạo ra các phản ứng mà chúng nổi lên để chống lại các cảm xúc bản năng đã bị phủ nhận.

Nhưng tại sao chúng ta lại phải đặc biệt tìm tới một sự diễn giải Phân tâm học, mà không tự thỏa mãn với phép diễn giải thần bí gần với chúng ta hơn? Điều đó liên quan tới nhiều thứ, tới sự tồn tại của chứng loạn thần kinh chức năng nói chung, tới những diễn giải mà nó nhất thiết yêu cầu, với sự thật là phẩm hạnh cũng chẳng làm loài người vui sướng và yêu đời như người ta vẫn kỳ vọng, cứ y như là nó vẫn mang theo quá nhiều những thứ từ nguồn gốc của nó - ngay cả cô gái chiêm bao của chúng ta cũng chẳng hề được thưởng một cách xứng đáng với đức hạnh của cô

ta, và tới cả những thứ khác nữa mà đặc biệt là trước các vị thì tôi chẳng cần phải thảo luận.

Nhưng cho tới nay thì chúng ta đã hoàn toàn bỏ qua thần giao cách cảm là cái yếu tố quyết định khác trong mối quan tâm của chúng ta tới trường hợp này. Đã tới lúc phải quay trở lại vấn đề đó. Ở đây thì theo một nghĩa nào đó, chúng ta có phần nào dễ dàng hơn ở trường hợp ông G¹. Ở một nhân vật mà ngay từ khi còn rất nhỏ đã quá dễ đánh mất tính thực tế để dành chỗ cho một thế giới hão huyền, thì sức cảm dỗ là quá lớn để gắn liền những trải nghiệm và “bộ mặt” thần giao cách cảm của mình với chứng loạn thần kinh chức năng của mình và cũng từ đó mà dẫn đi, mặc dầu là ngay cả ở đây thì chúng ta cũng không được phép tự lừa dối mình về cái sức mạnh mang tính ép buộc của cách trình bày của chúng ta. Chúng ta chỉ đặt những khả năng để có thể hiểu được thay vì cái không biết và cái bất khả tri.

Ngày 22 tháng 8 năm 1914, vào lúc 10 giờ sáng thì người viết của chúng ta cảm nhận được thông tin thần giao cách cảm rằng cậu em đang ở chiến trường của cô gọi “Mẹ ơi mẹ.” Hiện tượng này là một hiện tượng thuần túy âm học, sau đó lặp lại, nhưng khi đó thì cô chẳng thấy một chút gì cả. Hai ngày sau thì cô gặp mẹ mình và thấy bà bị giày vò nghiêm trọng, bởi vì cậu con gọi đi gọi lại cho bà nhiều lần câu “Mẹ ơi mẹ.” Cô hồi tưởng ra ngay, chính cái thông tin thần giao cách cảm ấy đã được báo cho cô trong cùng thời gian đó, và thực sự thì sau vài tuần đã xác minh được rằng, người chiến sỹ trẻ đã hy sinh đúng vào ngày đó, và thậm chí là vào đúng cái giờ oan nghiệt đó.

Cô biết rằng, cậu em đã có báo tin thần giao cách cảm cho bà. Ngay khi đó, ở cô xuất hiện niềm tin chắc chắn rằng, vào chính thời

¹ [Chắc là viết nhầm: “Ông H.”: hãy xem trên (ND)].

gian đó thì cô cũng đã có chính kết quả đó. Những sự lầm lẫn trong hồi ức như thế này thường xuất hiện với một cường độ bắt buộc mà chúng lấy ra được từ một nguồn có thực; nhưng chúng đã chuyển thực tế tâm lý thành thực tế vật chất. Cái mạnh của sự lầm lẫn trong hồi ức là nó có thể thành một chỉ báo tốt cho xu hướng luôn tồn tại ở người chị là muốn đồng nhất mình với người mẹ. “Mẹ đã lo lắng cho cậu em, nhưng con mới chính là mẹ cậu ta. Như vậy tức là cậu mà cậu ta gọi là gọi cho con, chính con đã nhận được thông tin thần giao cách cảm đó.” Dĩ nhiên là người chị cương quyết khước từ nỗ lực diễn giải của chúng ta và sẽ bám chặt vào niềm tin của cô ta vào trải nghiệm của chính mình. Một mình cô thì không thể làm cái gì khác, cô ta phải tin vào sự thật của thành công về mặt bệnh lý học, chứng nào mà cô còn chưa biết thực tế của điều kiện vô thức.

Dĩ nhiên, sức mạnh và tính không thể tấn công được của mỗi sự điên rồ đều sẽ dẫn tới nguồn gốc của nó, xuất phát từ một thực tế tâm lý học vô thức. Tôi còn nhận thấy rằng, trải nghiệm của bà mẹ thì ở đây, chúng ta không phải diễn giải và cũng không phải nghiên cứu của một thực tế tâm lý học. Tôi cũng còn nhận thấy rằng kết quả của bà mẹ thì ở đây, chúng ta không phải chứng minh và không phải nghiên cứu về tính thực sự của nó.

Nhưng người em vừa chết không phải chỉ là đứa con ảo của người viết thư, mà cậu còn là một địch thủ mà ngay khi đẻ ra đã được tiếp nhận bằng sự thù ghét.

Đại đa số các linh cảm thần giao cách cảm liên hệ tới cái chết và khả năng chết. Với những bệnh nhân Phân tâm học mà những người này đang báo cáo cho chúng ta biết về sự thường xuyên xảy ra và tính không thể nhầm lẫn được của những linh cảm u tối của họ, thì chúng ta cũng có thể chứng minh cũng bằng cái tính thường xuyên y như vậy là họ đang nuôi dưỡng những ước muốn hết sức

mãnh liệt mong cho những người thân của họ chết đi, mà họ không ý thức được trong cái vô thức, và bởi vậy từ lâu, họ đã phải trấn áp chúng. Người bệnh mà câu chuyện của anh ta được tôi kể vào năm 1909 trong bài: “Những nhận xét về một trường hợp chứng loạn thần kinh chức năng ép buộc”, là một ví dụ cho điều đó. Bởi vậy mà với họ hàng anh ta, anh ta cũng luôn được mệnh danh là “con chim lợn báo tử”; nhưng khi mà người đàn ông đáng yêu và thông minh - mà sau đó thì chính ông này cũng tàn lụi đi trong cuộc chiến - đang trên đường hồi phục, và đã giúp cho chính bản thân tôi làm sáng tỏ nhờ tâm lý học những ngón tử của anh ta ở trò chơi ảo thuật với con bài Tây. Ngay cả thông báo ở lá thư của những người mà tôi có trao đổi thư tín đầu tiên rằng anh ta và ba người em anh ta đã nhận được tin về cái chết của cậu em út như là một điều mà trong thâm tâm họ, họ đã biết từ lâu, còn như thế nào thì chắc cũng chẳng cần phải khai sáng thêm nữa. Tất cả những ông anh đều đã cùng xây dựng cho mình một niềm tin vững như đá rằng thằng út sinh ra là hết sức thừa.

Một “bộ mặt” khác của cô gái chiêm bao của chúng ta mà để hiểu nó thì sự đào sâu về Phân tâm học, sẽ làm cho dễ dàng đi nhiều! Rõ ràng là những người bạn gái có một ý nghĩa rất lớn cho đời sống tình cảm của cô ấy. Gần đây, tin về cái chết của một cô trong số này được báo cho cô ta qua việc gõ lên giường của cô bạn cùng phòng ở trại an dưỡng vào một đêm khuya khoắt. Một cô bạn khác, trước đây nhiều năm, đã lấy một ông góa có nhiều (5) con. Ở nhà cô này, trong những cuộc viếng thăm thường xuyên của mình, cô thấy một bà mà cô đoán rằng đó là người vợ cả đã mất, điều mà lúc đầu không được xác nhận, và chỉ sau 7 năm, do mới tìm được một bức ảnh của người đã khuất mà mới được xác nhận. Khả năng thấu thị này nằm chính trong sự phụ thuộc nội tại của những mặc cảm gia đình của

người viết mà chúng ta đã biết, cũng như linh cảm của cô về cái chết của cậu em. Nếu cô tự đồng nhất mình với cô bạn thì ở nhân cách cô này, cô có thể thấy được sự thỏa mãn ước muốn của mình, bởi vì tất cả những người con gái lớn của các gia đình đông con đều xây dựng trong cái vô thức trí tưởng tượng rằng thông qua cái chết của người mẹ thì họ sẽ nghiêm nhiên trở thành vợ kế của người cha. Khi người mẹ ốm hay chết đi thì như một lẽ tự nhiên, người con gái lớn sẽ hoán vị vị trí của bà trong mối quan hệ với các em, và ngay với người cha thì cũng được phép đóng một phần chức năng người vợ.

Đây sắp là toàn bộ những gì mà tôi muốn kể cho các vị nghe. Tôi cũng có thể bổ sung thêm nhận xét rằng các trường hợp về thông tin hay khả năng thần giao cách cảm mà ở đây, chúng ta vừa thảo luận, rõ ràng là gắn với những hưng phấn mà chúng thuộc về lĩnh vực mặc cảm Oedipus. Điều này nghe có vẻ lạ lùng, nhưng tôi không muốn đưa nó ra như là một phát kiến vĩ đại. Chúng ta nên quay về với kết quả mà chúng ta đã thu được từ việc khảo cứu giấc mơ trong trường hợp thứ nhất của chúng ta. Thần giao cách cảm không có một chút dính gì liên quan tới bản chất giấc mơ. Trái lại thì Phân tâm học lại có thể khuyến khích việc nghiên cứu thần giao cách cảm bằng cách là nó, với sự trợ giúp của những diễn giải của mình, sẽ đưa một vài điều của các hiện tượng thần giao cách cảm mà chúng ta không thể hiểu nổi, đến gần sự hiểu biết của chúng ta hơn, hoặc trước hết phải chứng minh các hiện tượng khác, đang còn nghi vấn, rằng chúng có bản chất thần giao cách cảm.

Còn xét về bề ngoài thì chỉ còn lại một mối quan hệ nội tại giữa thần giao cách cảm và giấc mơ, lại là sự ưu đãi mà không ai phủ nhận được của thần giao cách cảm nhờ trạng thái ngủ. Tuy nó không phải là điều kiện không thể thiếu được trong sự hình thành các quá trình

thần giao cách cảm - dù là chúng dựa trên thông tin hay khả năng vô thức. Nếu như các vị chưa từng biết về điều này, thì cái ví dụ thứ hai của chúng ta, mà ở đó thì cậu bé báo tin vào lúc giữa 9 đến 10 giờ sáng, sẽ dạy cho các vị. Nhưng chúng ta vẫn phải nói rằng, chúng ta không có quyền phê phán các quan sát thần giao cách cảm chính bởi lẽ là sự kiện và linh cảm (hay thông tin) không xảy ra cùng một thời gian thiên văn như nhau, về thông tin thần giao cách cảm thì dễ dàng nghĩ ra rằng, nó đến cùng với sự kiện nhưng mãi tới đêm hôm sau trong trạng thái ngủ - hay ngay ở trạng thái thức thì cũng phải sau một lúc, trong thời khoảng nghỉ của hoạt động tinh thần tích cực - thì mới được ý thức cảm nhận. Chúng tôi cũng đồng ý với ý kiến rằng, sự hình thành giấc mơ không nhất thiết phải chờ cho mãi khi trạng thái ngủ được ghi nhận rồi thì mới được bắt đầu. Những ý nghĩ tiềm ẩn trong giấc mơ thì thường có thể là đã được chuẩn bị trong cả ngày hôm đó cho tới khi vào lúc đêm, nó được tiếp tục tiếp nối với ước muốn vô thức mà các cái này sẽ chuyển đổi nó thành giấc mơ. Nhưng nếu như hiện tượng thần giao cách cảm chỉ là một thành tựu của cái vô thức thì chắc chắn sẽ chẳng có vấn đề gì mới. Việc ứng dụng các quy luật của đời sống tâm linh vô thức rồi sẽ tự khắc cảm thông với thần giao cách cảm. Phải chăng tôi đã gây cho các vị ấn tượng rằng, tôi đã bằng một cách kín đáo ủng hộ cho việc coi thần giao cách cảm là hiện thực theo nghĩa thần bí? Tôi sẽ rất lấy làm tiếc rằng rất khó tránh được ấn tượng này. Bởi vì tôi thực sự muốn hoàn toàn khách quan. Tôi cũng có tất cả các nguyên cơ cho việc đó, bởi vì tôi không có một phán xét gì, tôi chẳng biết một chút gì về vấn đề cả.

**MỘT VÀI ĐIỀU BỔ SUNG
CHO TOÀN BỘ VẤN ĐỀ
DIỄN GIẢI GIẤC MƠ
(1925)**

MỘT VÀI ĐIỀU BỔ SUNG CHO TOÀN BỘ VẤN ĐỀ DIỄN GIẢI GIẤC MƠ

a) Các giới hạn của khả năng có thể diễn giải được

Câu hỏi rằng, liệu từ mỗi sản phẩm của đời sống chiêm bao, người ta có thể cho một bản dịch hoàn chỉnh và chắc chắn vào phương thức thể hiện của đời sống khi tỉnh (diễn giải) hay không? Câu trả lời là không được xử lý một cách trừu tượng, mà phải có sự liên hệ với những điều kiện mà ở đó người ta tiến hành việc Diễn giải Giấc mơ.

Các hoạt động tinh thần của chúng ta vươn tới hoặc một mục tiêu hữu ích, hoặc một lợi nhuận trực tiếp về sắc dục. Trong trường hợp đầu thì đó là những quyết định thuộc về trí tuệ, những sự chuẩn bị cho hành động hay những thông báo cho người khác; còn trong trường hợp kia thì chúng ta gọi chúng là chơi và tưởng tượng. Như đã biết thì ngay cái hữu ích cũng chỉ là một con đường vòng để đi đến việc thỏa mãn dục vọng. Còn Giấc mơ là một hoạt động loại hai mà nếu nói về mặt lịch sử phát triển thì nó lại là cái thuộc về nguồn gốc hơn. Sẽ là mang tính đánh lạc hướng, một khi chúng ta nói rằng, chiêm bao cố gắng để hoàn thành các nhiệm vụ mà cuộc sống đặt ra hay tìm cách kết thúc các vấn đề của công việc ban ngày. Tư duy đã được ý thức trước sẽ quan tâm tới cái đó. Những ý định hữu ích như vậy cũng xa rời đối với chiêm bao y như sự chuẩn bị

một thông báo cho một người khác. Nếu như giấc mơ bận rộn với một nhiệm vụ của đời sống thì nó giải quyết nhiệm vụ đó bằng cái cách y như là nó tương ứng với một ước muốn phi lý chứ không phải là một sự suy nghĩ có lý trí. Ta chỉ có thể ghi nhận cho giấc mơ một ý định có ích, một chức năng, đó là nó phải ngăn ngừa việc quấy rối giấc ngủ. Có thể miêu tả giấc mơ như là một hoạt động tưởng tượng nhằm mục đích bảo vệ giấc ngủ.

Từ đó thì rút ra được là, với Cái Tôi thì việc ban đêm chiêm bao cái gì là hoàn toàn dừng đứng, nếu như Giấc mơ chỉ thi hành cái nhiệm vụ mà nó được giao, và những Giấc mơ hoàn thành nhiệm vụ của chúng tốt nhất chính là những Giấc mơ mà sau khi thức dậy thì người ta chẳng biết nói gì về chúng. Nếu như quá thường xuyên xảy ra điều khác, nếu như chúng ta nhớ lại các Giấc mơ - thậm chí sau hàng năm và hàng thập niên, thì điều đó có nghĩa là lần đó là một vụ đột nhập của cái vô thức bị chèn ép vào cái tôi bình thường. Nếu không có sự toại nguyện như vậy thì cái bị chèn ép sẽ không muốn giành sự trợ giúp của nó cho việc hủy bỏ sự đe dọa quấy rối giấc ngủ. Chúng ta biết rằng, đó chính là sự kiện đột nhập này, là cái mà đã tạo cho Giấc mơ cái ý nghĩa của nó đối với bệnh học tâm thần. Nếu như chúng ta có thể bóc trần động cơ hoạt động của nó thì chúng ta sẽ thu được thông tin không lường trước được về những cảm xúc bị chèn ép trong cái vô thức; mặt khác thì nếu chúng ta hủy bỏ sự làm sai lệch nó, chúng ta sẽ tìm hiểu được sự suy nghĩ đã được ý thức trước ở các trạng thái tập hợp nội tại mà nếu không thì trong ngày, chúng đã không thu ý thức về mình.

Không có ai có thể thực thi sự Diễn giải Giấc mơ như là một hoạt động đơn độc; nó luôn là một phần của công tác phân tích. Trong việc này thì tùy nhu cầu mà chúng ta khi thì hướng sự chú

ý của mình vào nội dung đã được ý thức trước của giấc mơ, khi thì vào đóng góp vô thức vào sự hình thành giấc mơ, và cũng thường bỏ qua yếu tố này để có lợi cho yếu tố khác. Cũng chẳng có ích chi, nếu như có ai đó muốn thử Diễn giải các Giác mơ mà không có phân tích. Người đó sẽ không thoát khỏi được các điều kiện của hoàn cảnh phân tích, và khi anh ta xử lý các Giác mơ của chính mình thì anh ta đã thực hiện sự phân tích bản thân cho chính mình. Nhận xét này không đúng cho người đã khước từ sự cộng tác của người chiêm bao và muốn biết được sự Diễn giải Giác mơ thông qua sự nắm bắt vấn đề bằng linh cảm. Nhưng những Diễn giải Giác mơ không hề để ý đến sự liên hệ với người chiêm bao như thế sẽ là một sáng tác phi khoa học của một người kỳ tài mà giá trị của nó là đáng ngờ, ngay ở trường hợp thuận lợi nhất.

Nếu chúng ta thực thi việc Diễn giải Giác mơ theo phương pháp kỹ thuật duy nhất mà nó tự bào chữa cho mình được thì chúng ta nhận ra ngay rằng, thành công vẫn hoàn toàn phụ thuộc vào sự căng thẳng của sức chống đối giữa Cái Tôi đã thức tỉnh và cái vô thức bị chèn ép. Công việc dưới “sức ép cao của chống đối” thậm chí cũng đòi hỏi người phân tích phải có một ứng xử khác với trường hợp áp lực nhỏ, điều mà tôi đã có cắt nghĩa ở một nơi khác. Còn trong phân tích thì do thời gian lâu nên chúng ta phải tính đến những áp lực lớn mà chúng ta chưa biết và dấu thế nào đi nữa thì chúng ta cũng không vượt qua được, chừng nào mà chúng vẫn còn là ẩn số. Vậy là chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả nếu như trong số rất lớn các sản phẩm chiêm bao của người bệnh thì chỉ có một phần nhất định được dịch và xử lý, và ngay với phần này thì cũng chỉ dịch và xử lý không hoàn chỉnh. Ngay cả khi thông qua sự tập luyện của bản thân mà người ta rơi vào hoàn cảnh có thể hiểu được nhiều giấc mơ, mà để diễn giải chúng thì người chiêm bao lại có một đóng góp

không đáng kể, thì vẫn phải cảnh báo rằng độ chắc chắn của những diễn giải như vậy phải được nghi vấn, và nếu có sự đắn đo, thì phải ép bệnh nhân nhận ước đoán của mình.

Những sự phản kháng nghiêm khắc sẽ cho thấy là: Nếu như chúng ta không Giải thích được tất cả những giấc mơ mà chúng ta phải xử lý, thì chúng ta cũng không thể khẳng định qua những gì mà chúng ta có thể đại diện, và phải thỏa mãn với lời phát biểu rằng, sẽ nhận thấy được rằng một số Giấc mơ là hàm chứa nhiều ý nghĩa còn về những Giấc mơ khác thì chúng ta chẳng biết gì cả. Nhưng cũng chính chỉ riêng sự phụ thuộc của sự thành công Diễn giải vào sự kháng cự đã làm cho nhà phân tâm học khỏi phải khiêm tốn như vậy. Anh ta có thể thử nghiệm để thấy rằng, một giấc mơ lúc đầu là không thể hiểu được nhưng ngay trong giờ đầu đó đã được thấu suốt, sau khi anh ta thành công trong việc loại trừ được sự kháng cự của người chiêm bao thông qua một cuộc đối thoại đầy may mắn. Anh này bỗng chợt nhớ ra một mẫu Giấc mơ mà cho tới lúc đó anh vẫn quên, và chính cái mẫu này lại là chiếc chìa khóa để mở lời Diễn giải, hoặc lập được một mối liên hệ mới mà nhờ nó thì đường hầm bỗng có lối thoát. Cũng đã xảy ra trường hợp là, sau hàng tháng hay thậm chí hàng năm cố gắng phân tích thì người ta lại quay lại với một giấc mơ mà thoát đầu khi xử lý thì tỏ ra là vô nghĩa và chẳng thể hiểu nổi và qua cú nhìn thấu vừa rồi mà đã trở nên hoàn toàn sáng tỏ. Nếu từ lý thuyết về Giấc mơ, chúng ta lấy thêm luận chứng rằng những thành tựu đáng làm gương về Giấc mơ ở trẻ em hoàn toàn là có ý nghĩa và dễ Diễn giải, thì chúng ta có lý khi khẳng định rằng nhìn chung thì giấc mơ là một thực thể tâm lý có thể giải thích được, dù cho hoàn cảnh không phải luôn luôn cho phép đi đến diễn giải ngay.

Nếu chúng ta đã tìm ra được sự Diễn giải cho Giấc mơ, thì vẫn không phải luôn luôn là dễ để khẳng định rằng, liệu nó đã “hoàn hảo” chưa, nghĩa là liệu có những ý nghĩ khác, được ý thức trước đã tìm được sự thể hiện qua Giấc mơ đó không. Ý nghĩa sẽ là được chứng minh, một khi nó có thể quy về được những ý tưởng bất chợt của người chiêm bao và sự đánh giá hoàn cảnh, mà không cần vì thế mà lại phải khước từ ý nghĩa khác. Nó vẫn là có thể được, dù không chứng minh được; chúng ta phải chấp nhận một sự thực là giấc mơ có đa nghĩa như vậy. Tóm lại là tính đa nghĩa này không phải một lần lại đổ lỗi cho việc giải thích rằng nó chưa hoàn chỉnh, mà nó hoàn toàn cũng có thể chứa ngay chính trong ý nghĩ tiềm ẩn của giấc mơ. Trường hợp mà chúng ta không chắc chắn rằng liệu một lời tuyên bố mà chúng ta vừa nghe có cho phép Diễn giải theo điều chúng đã bảo mà chúng ta đã nhận được, rằng ngoài ý nghĩa đã được bày tỏ, còn ám chỉ một nghĩa nào khác nữa, cũng xảy ra trong trạng thái thức và bên ngoài hoàn cảnh Diễn giải Giấc mơ.

Những biến cố lý thú được nghiên cứu quá ít nên cùng nội dung hiển nhiên đó của Giấc mơ thì nó đồng thời biểu hiện cho một chuỗi tưởng tượng và một dãy ý nghĩ trừu tượng mà nó dựa trên chuỗi đầu. Dĩ nhiên là với công tác tạo giấc mơ thì có khó khăn để tìm ra những công cụ tưởng tượng cho những ý nghĩ trừu tượng.

b) Trách nhiệm đạo đức cho nội dung giấc mơ

Trong phần nhập môn cho cuốn sách này¹ (“Các tài liệu khoa học cho Giấc mơ”), tôi đã trình bày cho thấy là bằng cách nào thì các tác giả phản ứng đối với sự kiện được cảm nhận là khó xử rằng nội dung phóng dăng của các Giấc mơ rất thường xuyên mâu thuẫn với

¹ [Của cuốn *Diễn giải Giấc mơ*. Hãy xem thêm về lần xuất bản đầu tiên cho những phần “bổ sung” này ở dưới.]

cảm xúc đạo đức của người chiêm bao. (Tôi chủ ý tránh không dùng khái niệm giấc mơ “tội phạm”, bởi vì tôi cho rằng tên gọi đó đi ra ngoài sự quan tâm về mặt tâm lý học như thế này). Từ bản chất vô đạo đức của giấc mơ thì dễ hiểu là đã hình thành một động cơ mới muốn phủ nhận việc đánh giá giấc mơ về mặt tâm lý. Nếu giấc mơ là một sản phẩm vô nghĩa của hoạt động bị nhiễu của tâm linh, thì sẽ mất đi bất cứ cơ hội nào để chấp nhận ý thức trách nhiệm cho nội dung của giấc mơ.

Vấn đề ý thức trách nhiệm cho nội dung hiển nhiên của giấc mơ đã bị chuyển dịch một cách cơ bản do việc làm sáng tỏ cuốn *Diễn giải Giấc mơ*, thậm chí lẽ ra còn bị loại.

Bây giờ thì chúng ta biết rằng, nội dung hiển nhiên là một tác phẩm làm lóa mắt, một mặt tiền. Không đáng để phải kiểm tra về đạo đức cho nội dung đó, và xem sự vi phạm của nó đối với đạo đức thậm chí còn nghiêm trọng hơn là đối với logic hay toán học. Khi ta nói tới “nội dung”¹ của giấc mơ thì ta chỉ có thể nói tới nội dung của các ý nghĩ được ý thức trước và của cảm xúc ước vọng, bị chèn ép, mà được khám phá ra ở sau mặt tiền của giấc mơ, nhờ công việc diễn giải. Dẫu sao thì cái mặt tiền vô đạo đức này cũng đặt cho ta một câu hỏi. Chúng ta có nghe nói rằng, những ý nghĩ tiềm ẩn trong giấc mơ phải chịu một sự kiểm duyệt ngặt nghèo, trước khi chúng được phép chấp nhận vào nội dung hiển nhiên.

Làm sao mà có thể xảy ra là sự kiểm duyệt, thậm chí là còn khắt khe phê phán cả những điều còn nhẹ nhàng hơn nhiều, nay lại hoàn toàn bất lực đối với những giấc mơ rõ ràng là vô đạo đức?

Câu trả lời không có ngay được, và có lẽ cũng không thực sự thỏa mãn. Trước hết, người ta sẽ tiến hành diễn giải các giấc mơ này, rồi

thấy rằng có một trong đó không gây bất bình gì cho kiểm duyệt vì về cơ bản thì chúng chẳng thể hiện điều gì độc ác. Đó là những sự khoe khoang vô hại, những sự đồng nhất mà chúng muốn lừa gạt qua một mặt nạ, chúng không bị kiểm duyệt bởi vì chúng không nói sự thật. Nhưng những cách diễn giải khác - phải thừa nhận rằng đó là đa số - thực sự mang ý nghĩa mà chúng đã báo trước, tức là chúng không bị sự kiểm duyệt làm sai lệch đi. Chúng là biểu hiện của các cảm xúc vô đạo đức, loạn luân và đồi bại, hoặc những thèm muốn giết chóc, ác tâm. Người chiêm bao phản ứng trước một số trong số các giấc mơ này bằng cách sợ hãi thức dậy; khi đó thì tình trạng không còn là không rõ đối với chúng ta nữa. Sự kiểm duyệt đã sao nhãng công việc của mình, nó biết thì đã quá chậm mất rồi, và việc nảy sinh sự sợ hãi là phép thế cho việc làm sai lệch đã không xảy ra. Ở các trường hợp khác của các giấc mơ thuộc loại này thì ngay cách biểu hiện cảm xúc này cũng bị mất. Nội dung gây khó chịu chứa trong độ cao của sự kích dục đạt được trong giấc ngủ, hoặc nó hưởng sự dung hòa mà người thức cũng có thể tập được với một cơn nổi giận, một tâm trạng tức giận, một trò chơi bằng óc tưởng tượng đã man.

Nhưng mối quan tâm của chúng ta với sự thoát khỏi những giấc mơ rõ rệt là vô đạo đức như thế này lại phải chịu một sự giảm nhẹ bớt, khi từ việc phân tích, chúng ta biết rằng, phần lớn các giấc mơ - vô hại, không cảm xúc và đầy sợ hãi - nếu chúng ta đã vô hiệu hóa được sự làm sai lệch bởi kiểm duyệt, thì nó sẽ tự bộc lộ ra như là sự thỏa mãn các cảm xúc ước muốn vô đạo đức - ích kỷ, ác tâm, đồi trụy, loạn luân. Những tên tội phạm giả trang này cũng như ở trong thế giới đời sống thức là thường xuyên hơn nhiều mà không thể so sánh được, nếu so với những tên lộ mặt. Giác mơ thành thật về mối quan hệ tình dục với mẹ mà Jokaste đã tưởng nhớ về nó trong vở

“Vua Oedipus”, là một của hiềm đối với tất cả những giấc mơ nhiều vẻ mà Phân tâm học phải Diễn giải theo cùng ý nghĩa đó.

Trong cuốn sách này, tôi đã thảo luận quá kỹ càng về tính chất này của các giấc mơ, mà nó chính là động cơ cho sự hình thành giấc mơ, đến mức mà bây giờ thì tôi có thể lướt qua các trạng huống để đi đến vấn đề đang đặt ra trước mặt chúng ta: Chúng ta có phải nhận ý thức trách nhiệm cho nội dung các giấc mơ của mình hay không? Để hoàn chỉnh, phải bổ sung rằng, giấc mơ không phải luôn luôn đưa tới việc thỏa mãn ước muốn vô đạo đức, mà thường cũng là những phản ứng mãnh liệt để chống lại điều đó dưới dạng những “Giấc mơ phạt vạ.” Nói cách khác thì sự kiểm duyệt giấc mơ không chỉ thể hiện ở việc làm sai lệch và phát triển nỗi sợ hãi, mà nó còn có thể cố gắng đến mức hoàn toàn loại bỏ nội dung vô đạo đức và thay thế nó bằng một nội dung khác nhằm mục đích chuộc tội, mà ở đây chúng ta có thể nhận ra được nội dung đó. Nhưng vấn đề ý thức trách nhiệm cho nội dung vô đạo đức của giấc mơ không còn tồn tại cho chúng ta nữa như trước đây đối với các tác giả, mà họ không hề biết một chút gì về ý nghĩa tiềm ẩn trong giấc mơ và cái bị chèn ép trong đời sống tâm linh chúng ta.

Dĩ nhiên là chúng ta phải có trách nhiệm về những cảm xúc chiêm bao độc ác của mình. Liệu chúng ta còn có thể làm một cái gì khác với chúng không? Nếu như nội dung giấc mơ - phải được hiểu đúng đắn - không phải là linh cảm cho những thần linh xa lạ, thì nó phải là một phần của bản thể tôi. Nếu như tôi muốn phân loại những thèm muốn đang có trong tôi theo những thước đo xã hội theo những cái thiện và cái ác, thì với cả hai loại thì tôi vẫn phải mang ý thức trách nhiệm, còn nếu như bằng cách phòng thủ mà tôi bảo là, những cái gì là vô tri, vô thức và bị chèn ép ở tôi, thì cái

đó không phải là “Cái Tôi” của tôi, thì khi đó, tôi không đứng trên nền tảng của Phân tâm học, tôi đã không chấp nhận sự diễn giải của nó và thông qua sự phê phán của những người xung quanh, sự ngăn cản những hành động của mình, và những bối rối trong cảm xúc của mình, được chỉ cho thấy là mình đã nhầm. Tôi sẽ thấy rằng, những gì mà tôi đã chối bỏ này, không chỉ đang “tồn tại” trong tôi, mà đôi khi cũng “tác động” từ tôi.

Theo nghĩa siêu Tâm lý học thì cái bị chèn ép mang tính ác này trái lại không thuộc “Cái Tôi ” của tôi - nếu như tôi chính là một người không ai chê trách được về mặt đạo đức - mà thuộc về một “Cái Ấy” mà Cái Tôi của tôi đang ngồi trên đó. Nhưng Cái Tôi này đã phát triển từ Cái Ấy, nó tạo thành một thể thống nhất sinh học với nó, chỉ là một phần ngoại biên, bị biến dạng của nó, chịu những ảnh hưởng của nó, tuân thủ những kích thích xuất phát từ “Cái Ấy.” Sẽ là một sự khởi đầu vô vọng cho bất kỳ một mục tiêu sống còn nào khi muốn tách Cái Tôi ra khỏi Cái Ấy.

Và lại, khi tôi cũng phải lui bước trước sự kiêu ngạo cao đạo của mình và muốn ra lệnh rằng, theo tất cả các cách đánh giá về đạo đức thì tôi được phép bỏ qua cái ác trong Cái Ấy và không phải bắt Cái Tôi chịu một trách nhiệm gì về việc đó, thì điều đó có ích chi cho tôi? Kinh nghiệm cho tôi thấy rằng, tôi vẫn làm việc ấy, rằng tôi bị bắt buộc phải làm điều đó bằng một cách nào đó. Phân tâm học đã dạy cho chúng ta biết được một trạng thái bệnh hoạn, đó là chứng loạn thần kinh bắt buộc mà ở đó thì Cái Tôi đáng thương luôn cảm thấy mắc tội cho tất cả những cảm xúc độc ác mà nó hoàn toàn chẳng biết một chút gì về chúng tuy ở đó, chúng được giữ trong ý thức, nhưng nó lại không thể tự thú nhận về chúng. Bất cứ ai bình thường cũng thấy một chút cái đó ở mình. Đáng lưu ý là “lương tâm” của anh ta càng nhạy cảm hơn nếu anh ta càng đạo đức hơn.

Trái lại thì ta hãy tưởng tượng rằng, một người sẽ càng “dễ bị lây nhiễm” hơn, nếu như anh ta càng chịu sự nhiễm khuẩn và tác động của các Giấc mơ - tức là anh ta càng khỏe mạnh hơn. Chắc rằng điều đó xuất phát từ chỗ là, chính lương tâm cũng lại là một phản ứng với cái ác được Cái Ấy cảm nhận. Nếu chèn ép chúng càng mạnh thì lương tâm cũng sẽ càng náo nhiệt hơn. Bệnh ái kỷ đạo đức của con người sẽ được thỏa mãn khi ở sự kiện làm sai lệch giấc mơ, ở những giấc mơ sợ hãi và phạt vạ, nó cũng thấy những minh chứng rõ ràng cho bản chất đạo đức của mình hết như thông qua sự Diễn giải Giấc mơ, những chứng chỉ cho sự tồn tại và sức mạnh của bản chất độc ác của mình. Ai không thỏa mãn với cái đó mà còn muốn “tốt hơn” những gì tạo hóa sinh ra, thì hãy thử xem là trong đời liệu hắn có đi xa được hơn là đến sự giả dối hay là đến sự ức chế.

Còn với các mục đích xã hội thì người thầy thuốc sẽ để cho luật sư cái quyền xây dựng một ý thức trách nhiệm bị hạn chế một cách nhân tạo vào Cái Tồi siêu Tâm lý học. Nói chung thì ai cũng rõ rằng sẽ gặp biết bao khó khăn để từ cái chuỗi khái niệm này mà suy ra những hệ quả thực tế không mâu thuẫn với những cảm xúc của con người.

c) Ý nghĩa thần bí của giấc mơ

Nếu như chúng ta chưa thấy hồi kết cho các vấn đề của đời sống chiêm bao, thì về điều đó chỉ có người ngạc nhiên là người mà đã quên rằng, tất cả các vấn đề của đời sống tâm linh cũng sẽ trở lại ở giấc mơ, thậm chí còn được gia tăng bởi những vấn đề mới liên quan tới bản chất đặc biệt của giấc mơ. Nhưng có nhiều cái được chúng ta nghiên cứu ở giấc mơ bởi vì chúng ta thấy chúng ở đó, mà lại chẳng hề có hay ít có cái gì liên quan tới đặc điểm tâm lý này của giấc mơ. Như vậy thì chẳng hạn hệ ký hiệu không phải là vấn đề giấc mơ, mà là một đề tài về tư duy có tính cách cổ của chúng ta, của “ngôn ngữ gốc”

của chúng ta theo khái niệm tuyệt đẹp của người mắc chứng hoang tưởng bộ phận là Schreiber, nó thống trị thần thoại và lễ nghi tôn giáo chẳng kém gì giấc mơ; dù cho chẳng riêng hệ ký hiệu của giấc mơ mới có đặc tính chủ yếu che giấu những gì là trọng đại về mặt tình dục! Và cả giấc mơ sợ hãi cũng chẳng cần tới Chiêm bao học để diễn giải nó, mà đúng hơn thì sợ hãi là một vấn đề về loạn thần kinh chức năng, chỉ còn phải thảo luận là sự sợ hãi sẽ hình thành như thế nào trong các điều kiện chiêm bao.

Tôi muốn nói rằng, quan hệ của giấc mơ đối với những sự kiện có tính chất tưởng tượng của thế giới thần bí cũng chẳng khác gì. Nhưng bởi vì chính bản thân giấc mơ cũng luôn là một cái gì bí mật lắm, nên người ta đã đưa nó vào một mối liên hệ thâm kín với những điều bí mật chưa biết khác nọ. Có lẽ về mặt lịch sử thì nó cũng có quyền hạn nhất định với việc đó, bởi vì vào thời cổ đại, khi thần thoại của chúng ta hình thành, có lẽ các bức tranh trong mơ cũng có tham gia vào sự hình thành các ý tưởng tâm linh.

Có hai thể loại giấc mơ mà phải quy chúng về các hiện tượng thần bí, đó là các hiện tượng tiên tri và thần giao cách cảm. Với cả hai đều có một loạt không đếm xuể chứng cứ ủng hộ; còn chống lại chúng là ác cảm tới mức ngoan cố, thậm chí định kiến của khoa học.

Nhưng không có một chút nghi ngờ gì rằng, có những giấc mơ tiên tri theo cái nghĩa là nội dung của chúng thể hiện một dáng dấp nào đó của tương lai, chỉ phải hỏi là, liệu những dự báo này có đồng nhất theo một cách đáng kể nào không với những gì sau này thực sự xảy ra. Tôi phải thú nhận rằng ở trường hợp này thì chủ định muốn khách quan của tôi đã bỏ mặc tôi.

Việc lẽ ra phải có bất kỳ một cái năng lực tâm lý nào đó độc lập với một tính toán sáng suốt để tiên đoán được những gì xảy ra

trong tương lai một cách chi tiết, một mặt sẽ quá ư mâu thuẫn với mọi kỳ vọng và quan điểm của khoa học, và mặt khác sẽ tương ứng quá ư trung thành những ước muốn cổ xưa, quá quen biết của loài người, mà chúng sẽ bị sự chỉ trích gạt bỏ vì là yêu sách vô lý. Vậy là tôi muốn nói rằng, nếu chúng ta tổng hợp sự bấp bênh, sự nhẹ dạ và sự không đáng tin cậy của phần lớn các báo cáo với khả năng nhầm lẫn trong hồi tưởng do xúc động gây ra và sự cần thiết phải có may mắn ngẫu nhiên, thì chúng ta có thể kỳ vọng rằng, ma quỷ của các giấc mơ tiên tri sẽ tan biến nhanh như bột xà phòng. Bản thân tôi chưa bao giờ được trải nghiệm hay biết một cái gì đó có thể làm thức tỉnh một định kiến thuận lợi cho hướng này.

Với giấc mơ thần giao cách cảm thì vấn đề lại khác. Nhưng ở đây đặc biệt phải lưu ý là, chưa có ai dám khẳng định rằng, hiện tượng thần giao cách cảm - sự tiếp nhận một quá trình tâm linh ở một cá nhân thông qua một cá nhân khác trên một con đường khác với con đường cảm nhận qua các giác quan - hoàn toàn chỉ gắn liền với giấc mơ mà thôi. Vậy là thần giao cách cảm cũng không phải là vấn đề của giấc mơ, ta không cần nêu phán xét của mình về sự tồn tại của nó thông qua việc nghiên cứu thần giao cách cảm.

Nếu với các báo cáo về các biến cố thần giao cách cảm (không chính xác: sự truyền ý nghĩ), ta cũng thực hiện cùng sự phê phán mà với nó, ta bảo vệ những sự khẳng định thần bí khác, thì ta vẫn còn một số lớn các tư liệu mà ta không dễ bỏ qua. Trên lĩnh vực này thì cũng dễ đạt tới việc thu thập những quan sát và thực nghiệm riêng mà chúng cho phép có một quan điểm sáng sủa hơn về vấn đề thần giao cách cảm, mặc dù nó vẫn chưa đủ để tạo ra được một sự thuyết phục chắc chắn. Tạm thời, để hình thành ý kiến rằng, có lẽ nên coi

rằng, thần giao cách cảm có tồn tại thực sự và nó lập nên hạt nhân về sự thực cho nhiều giả định khác, nói chung là khó tin.

Chắc chắn rằng người ta có lý khi với vấn đề thần giao cách cảm, người ta bảo vệ một cách kiên trì trước mọi vị trí hoài nghi và chỉ lùi bước trước sức mạnh của các chứng cứ. Tôi tin rằng đã tìm ra được một tư liệu mà nó thoát khỏi được mọi cân nhắc bình thường đã có sẵn là, cho phép những lời tiên tri không được biến thành sự thật của các nhà tiên tri chuyên nghiệp. Đáng tiếc là tôi ít có sẵn những quan sát như vậy, nhưng có hai trong số này đã gây một ấn tượng sâu sắc ở tôi. Nhưng tôi không thành công trong việc mô tả nó một cách chi tiết sao cho nó tác động được lên người khác. Vậy tôi chỉ hạn chế nêu lên một số điểm chủ yếu mà thôi.

Những người có liên can - ở nơi lạ và với một nhà tiên tri lạ, người này khi đó đang tiến hành một cơ sở đầu đó, có lẽ không đáng quan tâm - đã được tiên tri cho một thời gian nhất định một cái gì đó mà sau đó *không* xảy ra. Thời gian mà lời tiên tri hết hiệu nghiệm đã qua từ lâu. Đáng chú ý là những người liên can thay vì thất vọng và đi chệch nhạo, lại kể với một sự thoải mái rõ rệt về trải nghiệm của họ. Về nội dung những thông tin mà họ được báo có những chi tiết nhất định, có vẻ là độc đoán và khó hiểu mà chỉ có thể được xác nhận bởi chính sự xuất hiện của chúng. Chẳng hạn người xem tướng tay cho cô gái 27 tuổi của chúng ta, mà trông trẻ hơn nhiều, và cô đã rút nhân cưới ra rồi, rằng cô sẽ còn lấy chồng lại và ở tuổi 32, cô sẽ có hai con. Lúc bà 43 tuổi, đang ốm nặng và đang điều trị Phân tâm học, không con, thì bà kể cho tôi nghe. Nếu người ta biết câu chuyện bí mật của bà, và giáo sư - ở tiền sảnh của khách sạn sang trọng ở Paris chắc không phải là không biết, thì ta có thể hiểu hai con số ở lời tiên tri. Cô gái đã cưới sau

một mối quan hệ chặt chẽ một cách bất thường với người cha; và sau đó rất mong có con để có thể đưa người chồng cô vào vị trí người cha. Sau nhiều năm thất vọng, ở ngay ngưỡng cửa chứng loạn thần kinh chức năng, cô nhận được lời tiên tri này. Cô đã được hứa sẽ có số phận của mẹ cô. Với bà này thì lời tiên tri trên là đúng, vì khi bà 32 tuổi, bà có 2 con. Vậy là với Phân tâm học, chỉ có thể diễn giải một cách hợp lý những đặc trưng của thông tin mà được tưởng tượng là từ ngoài đến. Nhưng sau đó thì người ta không thể diễn giải được cho trạng huống rõ ràng được xác định là đơn trị một cách tốt hơn là thông qua giả thiết rằng, một ước muốn mãnh liệt của người hỏi - trên thực tế là ước muốn vô thức mãnh liệt nhất của đời sống tình cảm của cô và là động cơ của chứng loạn thần kinh chức năng đang nhen nhúm nơi cô - đã được báo cho nhà tiên tri đang bận tâm với việc xem tay nhưng đang đánh lạc hướng, thông qua một sự truyền trực tiếp.

Ở những thí nghiệm trong một nhóm thân thuộc thì tôi đã nhiều lần có được ấn tượng rằng, việc truyền những hồi ức được nhấn mạnh về mặt tình cảm, rất dễ thành công. Nếu người ta cả gan dám thực hiện một sự xử lý Phân tâm học cho những ý tưởng bất chợt của người mà sẽ phải được truyền, thì sẽ thường xuất hiện một sự nhất trí mà nếu không thì sẽ không bao giờ nhận ra được. Từ một số kinh nghiệm nhất định thì tôi có xu hướng đi đến kết luận rằng, những sự truyền như thế sẽ thành công hết sức mỹ mãn vào thời điểm đó, bởi vì một sự tưởng tượng từ cái vô thức xuất hiện, nói một cách lý thuyết, ngay vào lúc mà nó chuyển từ “quá trình sơ cấp” sang “quá trình thứ cấp.”

Ở tất cả sự cần trọng mà tầm quan trọng, sự mới mẻ và bóng tối của đối tượng yêu cầu thì tôi cho rằng không còn chính đáng nữa, nếu như tôi dùng những lời phát biểu này để cản không cho mọi người đi đến vấn đề thần giao cách cảm. Với giấc mơ, tất cả những điều đó chỉ có cái chung nhiều nhất là: Nếu như có các thông tin thần giao cách cảm thì không thể khước từ để cho chúng cũng đến với người đang ngủ và anh ta cũng tiếp nhận được nó dù đang chiêm bao. Vâng, theo sự tương tự với tư liệu cảm nhận và tư duy khác thì người ta cũng không thể chối từ rằng, các thông tin thần giao cách cảm, mà được nhận vào ban ngày, mãi tới đêm hôm đó mới được xử lý trong chiêm bao. Cũng chẳng thể phản đối, nếu như tư liệu được thần giao cách cảm truyền, trong chiêm bao cũng sẽ được thay đổi và cải biến hết như một tư liệu khác. Người ta rất muốn nhờ Phân tâm học để biết nhiều điều chắc chắn và tốt hơn về thần giao cách cảm.

THƯ GỬI MAXIME LEROY
VỀ MỘT GIẤC MƠ
CỦA DESCARTES
(1929)

THƯ GỬI MAXIME LEROY VỀ MỘT GIẤC MƠ CỦA DESCARTES¹

[Lời tựa của những người xuất bản (N.N.X.B.) Tập 14 của cuốn "Gesammelte Werke - Tuyển tập công trình":] “Lần đầu tiên, thư này đã được đăng trong tác phẩm của Maxim[e] Leroy: *Descartes, le philosophe au masque - Descartes, triết gia đeo mặt nạ*. (Paris, Les Editions Rieder, 1929.) Leroy đã gửi cho tác giả một báo cáo về giấc mơ của Descartes để tác giả nhận xét². Bức thư dưới đây có chứa

¹[Thật ra ở đây, vấn đề không chỉ xoay quanh một Giấc mơ duy nhất, mà là nhiều giấc mơ trong một đêm. - Vì bản gốc không chứa thư của Freud gửi Leroy nên Anna Freud đã cung cấp cho Nhà xuất bản (Fischer Taschenbuch Verlag, Frankfurt am Main, 1971) một bản dịch ngược, chính bà cũng dịch thư Leroy (sang tiếng Đức - ND). Chúng tôi in lại từ *Gesammelte Werke*.

²[Đây lại là lời nhận xét của N.N.X.B.:] Trong cuốn sách của mình, Leroy đã đưa ra báo cáo sau về giấc mơ này (Tom. I, Chapitre VI, Les songes d'une nuit de Souabe):

“Alors, dans la nuit, où tout est fièvre, orage, panique, des fantômes se lèvent devant le songer. Il essaie de se lever, pour les chasser. Mais il retombe, honteux de lui-même, en sentant une grande faiblesse l'incommoder au côté droit. Brusquement, s'ouvre une fenêtre de sa chambre. Epouvanté, il se sent emporté dans les rafales d'un vent impétueux, qui le fait pirouter plusieurs fois sur le pied gauche.

Se traînant et titubant, il arrive devant les batiment du collège où il a été élevé. Il tente un effort désespéré pour entrer dans la chapelle, enfin d'y faire ses dévotions.

A se moment, des passants arrivent- Il veut s'arrêter, leur parler; il remarque que Tun d'eux porte un melon. Mais un vent violent le repousse vers la chapelle.

Il ouvre alors les yeux, tiraillé par une vive souffrance au côté gauche. Il ne sait s'il rêve ou s'il est éveillé. Mal éveillé, U se dit qu'un mauvais génie a voulu te séduire et il murmure quelque prière, pour l'exorciser.

Il se rendort. Un coup de tonnerre le réveille, remplissant sa chambre d'étincelles. H se demande une fois encore s'il dort ou s'il veille, si c'est rêve ou rêverie, ouvrant et fermant les yeux pour trouver une certitude; puis, rassuré, il s'assoupit, la fatigue l'emportant.

Le cerveau en feu, ces rumeurs et ces sourdes souffrances l'excitant, Descartes ouvre un dictionnaire, puis un recueil de poésies. Ce marcheur intrépide rêve sur ce vers: Quod vitae sectabor iter? Encore un voyage au pays des songes?

Alors, soudain, un homme qu'il ne connaît pas, survient, prétendant lui faire lire une pièce d'Ausone, commençant par ces mots: Est et non. Mais l'homme disparaît, un autre

câu trả lời cho tư liệu mà ông này đã cung cấp cho tác giả.” (riêng Pháp trong nguyên bản -ND)

En prenant connaissance de votre lettre me priant d'examiner quelques rêves de Descartes, mon premier sentiment fut une impression d'angoisse, car travailler sur des rêves sans pouvoir obtenir du rêveur lui-même des indications qui peuvent les relier entre eux ou les rattacher au monde extérieur - c'est bien le cas lorsqu'il s'agit des rêves de personnages historiques - ne donne, en règle générale, qu'un maigre résultat. Par la suite, ma tâche s'est révélée plus facile que je ne m'y attendais; portant le fruit de mes recherches vous apparaîtra sans doute beaucoup moins important que vous n'étiez en droit de l'espérer.

Les rêves de notre philosophe sont ce que l'on appelle des "rêves d'en haut" (Giấc mơ từ trên), c'est-à-dire des formations d'idées qui auraient pu être créées aussi bien pendant l'état de veille que pendant l'état de sommeil et qui, en certaines parties seulement, ont tiré leur substance d'états d'âme assez profonds. Aussi ces rêves présentent-ils le plus souvent un contenu à forme abstraite, poétique ou symbolique.

L'analyse de ces sortes de rêves nous amène communément à ceci: nous ne pouvons pas comprendre le rêve; mais le rêveur - ou le patient - sait le traduire immédiatement et sans difficulté, étant donné que le contenu du rêve est très proche de sa pensée consciente. Il reste alors encore quelques parties du rêve au sujet desquelles le rêveur ne sait que dire: ce sont, précisément, les parties qui appartiennent à l'inconscient et qui, sous bien des rapports, sont les plus intéressantes.

Dans le cas le plus favorable, on explique cet inconscient en s'appuyant sur les idées que le rêveur y a ajoutées.

survient. Le livre s'évanouit à son tour, puis revient, orné de portraits en taille douce. La nuit s'apaise, enfin."

Cette façon de juger les “rêves d'en haut” (et il faut entendre ce terme dans la sens psychologique, et non dans le sens mystique) est celle qu'il y a lieu d'observer dans le cas des rêves de Descartes.

Notre philosophe les interprète lui-même) et, nous conformant à toutes les règles de l'interprétation des rêves - nous devons accepter son explication, mais il faut ajouter que nous ne disposons pas d'une voie qui nous conduise au delà.*

Confirmant son explication, nous dirons que les entraves qui empêchent Descartes de se mouvoir avec liberté nous sont exactement connues: c'est la représentation, par le rêve, d'un conflit intérieur. Le côté gauche est la représentation du mal et du péché et le vent celle du “mauvais génie” (animus).

Les différentes personnes qui se présentent dans le rêve ne peuvent naturellement être identifiées par nous, bien que Descartes, questionné, n'eût pas manqué de les identifier. Quant aux éléments bizarres, “le melon d'un pays étranger”, et les petits portraits, ils restent inexpliqués.

Pour ce qui est du melon, le rêveur a eu l'idée (originale) de figurer de la sorte les charmes de la solitude, mais présentes par des sollicitations purement humaines.” Ce n'est certainement pas exact, mais ce pourrait être une association d'idées qui mènerait sur la voie d'une explication exacte. En corrélation avec son état de péché, cette association pourrait figurer une représentation sexuelle, qui a occupé l'imagination du jeune solitaire.

Sur les portraits, Descartes ne donne aucun éclaircissement.

** Những đoạn văn liên quan với đây là:*

Il jugea que le Dictionnaire ne voulait dire autre chose que toutes les Sciences ramassées ensemble: et que le recueil des Poésies intitulé le Corpus Poetarum, marquait en particulier et d'une manière plus

distincte la Philosophie et la Sagesse jointes ensemble....M.Descartes continuant d'interpréter son songe dans le sommeil, estimait que la pièce de Vers sur l'incertitude du gendre de vie qu'on doit choisir, et qui commence par Quod vitae sectabor iter, marquait le bon conseil d'une personne sage, ou même la Théologie Morale...

Par les Poètes rassemblés dans le recueil, il entendait la Révélation et l'Enthousiasme, dont il ne désespérait pas de se voir favorisé. Par la pièce de vers Est et Non, qui est le Oui et le Non de pythagore, il comprenait la Vérité et la Fausseté dans les connaissances humaines, et les sciences profane. Voyant que l'application de toutes ces choses réussissait si bien à son gré, il fut assez hardi pour se persuader, que c'était l'Esprit de Vérité qui avait voulu lui ouvrir les trésors de toutes les sciences par ce songe. Et comme il ne lui restait plus à expliquer que les petits Portraits de taille douce qu'il avait trouvés dans le second livre, il n'en chercha plus l'explication après la visite qu'un Peintre italien lut rendit dès le lendemain.

Ce dernier songe qui n'était rien eu que de fort doux et de fort agréable, marquait l'avenir selon lui: et il n'était que pour ce qui devait lui arriver dans le reste de sa vie. Mais il pris les deux précédents pour des avertissements menaçant touchant sa vie passé, qui pouvait n'avoir pas été aussi innocente devant Dieu que devant les hommes. Et il crut que c'était la raison de la terreur et de l'effroi dont ces deux songe, signifiait, disait-il, les charmes de la solitude, mais présentés par des sollicitations purement humaines. Le vent qui le poussait vers l'Eglise du collège, lorsqu'il avait mal au côté droit, n'était autre chose que le mauvais Génie qui tâchait de le jeter par force dans un lieu, où son dessein était d'aller volontairement. c'est pourquoi Dieu ne permit pas qu'il avançât plus loin, et qu'il se laissât emporter même en un lieu saint par un Esprit qu'il n'avait pas envoyé: quoiqu'il fut très persuadé que

c'eut été l'Esprit de Dieu qui lui avait fait faire les premières démarches vers cette Eglise. L'épouvante dont il fut frappé dans le second songe, marquait, à son sens, sa syndérèse, commis pendant le cours de sa vie jusqu'alors. La foudre dont il entendit l'éclat, était le signal de l'esprit de vérité qui descendait sur lui pour le posséder.

Leroy gửi tác giả bài báo cáo sau đây:

Khi đó là vào ban đêm mà mọi thứ ở đây đều là sốt nóng, giông tố, hoảng loạn, những bóng ma đã trôi dạt trước người chiêm bao. Ông cố đứng dậy để đuổi chúng đi. Nhưng ông lại ngã vật xuống, xấu hổ với chính mình, cảm thấy bên phải rất yếu, rất khó chịu. Bất thành linh thì cửa sổ phòng ông bật mở toang ra. Quá hoảng sợ, ông cảm thấy mình như bị cuốn vào những cơn gió mạnh, dữ dội, làm cho ông xoay tít nhiều vòng trên chân phải.

Vừa lê lết, vừa loạng choạng, ông đến được trước những dãy nhà của ngôi trường mà trước đây ông đã theo học. Ông thực hiện một nỗ lực vô vọng để vào nhà thờ và cầu nguyện ở đó. Vào lúc này thì có nhiều khách qua đường đi qua. Ông muốn dừng lại để nói chuyện với họ, ông cũng thấy rằng có một trong những người đó mang một quả dưa. Song một cơn gió mạnh đẩy ông lui trở lại phía nhà thờ.

Lúc bấy giờ ông chợt mở mắt, bên trái nhức nhối vì đau đớn. Ông không biết mình tỉnh hay mơ. Không tỉnh hẳn, ông tự nhủ có một ông thần độc ác muốn quyến rũ ông, và ông rì rầm một câu cầu nguyện để trừ tà.

Ông lại đi vào giấc ngủ. Một tiếng sấm đánh thức ông dậy, cả gian phòng tràn đầy những tia sáng. Một lần nữa, ông tự hỏi mình ngủ hay thức, đó là giấc mơ hay sự mộng mị, ông chớp chớp mắt để cho chắc chắn, rồi khi đã được trấn an, ông thiu thiu ngủ, sự mệt mỏi cuốn ông đi.

Đầu óc nóng ran như lửa, những tiếng ồn và sự đau đớn âm ỉ đó kích động ông; Descartes mở một cuốn Tự diễn, rồi một tuyển tập thơ. Người tản bộ đó mơ về một câu thơ: Quod vitae sectabor iter? - Tôi phải đi theo con đường nào đây (t. Latin)?

Lại một chuyến đi đến xứ sở của những giấc mơ? Thế rồi; bất thình lình, có một người đàn ông lạ mặt xuất hiện, người này có ý định đọc cho ông nghe một vở của Ausonius, bắt đầu bằng những từ Là và Không là. Những người đàn ông biến mất, một người khác xuất hiện. Đến lượt cuốn sách cũng tan biến nốt, rồi nó lại tái hiện, được trang trí bởi những chân dung trên bản khắc bằng đồng. Cuối cùng thì bóng đêm yên lặng cũng buông xuống.

Thư của S. Freud gửi Leroy bằng tiếng Pháp, cũng như các thư của Leroy tất nhiên; và như trên đã nói, được Anna Freud, con gái ông dịch ra tiếng Đức ở bản in (1971), tức là từ ở bản in này là các bản song ngữ. Chúng tôi dịch sang tiếng Việt theo bản tiếng Pháp, dĩ nhiên cũng có tham khảo bản Đức văn của Anna Freud (ND):

Khi được biết bức thư của ông đề nghị tôi nhận xét về một số giấc mơ của Descartes (ở trên - ND), cảm tưởng đầu tiên của tôi là một ấn tượng lo hãi, bởi lẽ nếu chỉ phân tích các giấc mơ mà không được chính bản thân người chiêm bao cung cấp cho những chỉ dẫn về các quan hệ nối liền chúng với nhau và gắn chúng với thế giới bên ngoài - đó đúng là trường hợp của những giấc mơ của những nhân vật lịch sử - sẽ chỉ cho ta, theo nguyên tắc chung, những kết quả nghèo nàn. Về sau thì nhiệm vụ của tôi tỏ ra dễ hơn điều tôi mong đợi, tuy nhiên thành quả nghiên cứu của tôi có lẽ vẫn kém quan trọng hơn nhiều nếu so với điều mà ông có quyền hy vọng.

Những giấc mơ của triết gia của chúng ta là cái được người ta gọi là “những giấc mơ từ trên”, tức là những sự hình thành ý niệm có

thể được tạo nên ở trạng thái thức cũng như trạng thái ngủ, và chỉ ở một đôi phần thôi, đã rút nội dung chủ yếu của chúng từ những lớp sâu hơn của đời sống tâm linh. Do đó, những giấc mơ đó thường hay chứa một nội dung ở dạng trừu tượng, thơ mộng hoặc tượng trưng.

Phân tích các loại giấc mơ đó thông thường dẫn tới: chúng ta không thể hiểu được giấc mơ; nhưng người chiêm bao - hay bệnh nhân - biết cách diễn đạt ngay và chẳng khó khăn gì, do nội dung của giấc mơ rất gần gũi với tư duy ý thức được của người đó. Nhưng hãy còn một vài phần của giấc mơ mà người chiêm bao không biết nói gì về chúng: chính đó là những phần thuộc vô thức, mà theo nhiều khía cạnh, lại là quan trọng bậc nhất.

Trong trường hợp thuận lợi nhất, người ta diễn giải vô thức đó bằng cách dựa vào những ý kiến mà người chiêm bao bổ sung vào.

Cách đánh giá “các giấc mơ từ *trên*” (có điều là phải hiểu thuật ngữ này theo nghĩa Phân tâm học là mặt *trên* của ý thức, chứ không theo nghĩa thần bí của các ảnh hưởng từ *trên* trời, [Anna - ND]), là cách cần được xem xét trong trường hợp các giấc mơ của Descartes.

Bản thân triết gia của chúng ta đã diễn giải chúng (xem ở dưới -ND) và tuân thủ các nguyên tắc Diễn giải Giác mơ - chúng ta cần phải chấp nhận cách diễn giải của ông, song cũng cần phải nói thêm là chúng ta không có sẵn một con đường khác dẫn chúng ta vượt qua đó.

Khẳng định cách diễn giải của ông, chúng ta sẽ nói là những trở ngại ngăn cản Descartes vận động một cách tự do, lại đúng là điều mà chúng ta biết rõ, đó là biểu tượng, nhờ giấc mơ, của một xung đột nội tâm. Phía bên trái là biểu tượng của cái xấu, của tội lỗi; cơn gió là biểu tượng “của vị thần độc ác” (*animus-tâm linh*, t. Latin).

Những con người khác nhau xuất hiện trong giấc mơ thì chúng ta dĩ nhiên là chẳng thể nhận dạng ra được, nhưng Descartes, nếu được hỏi, sẽ không khó gì mà không nhận ra. Còn các yếu tố kỳ dị, cũng không nhiều, và hầu như phi lý, chẳng hạn như “quả dưa của nước ngoài” và những chân dung nhỏ, thì vẫn không lý giải được.

Đối với quả dưa, người chiêm bao có ý kiến (độc đáo) là bằng cách đó, hình tượng hóa “những quyến rũ của sự cô đơn, song được đưa ra bằng những lời thỉnh cầu hết sức nhân bản.” Chắc chắn là không đúng, song có thể đó là một sự liên tưởng có thể dẫn tới con đường cho một diễn giải đúng đắn. Liên quan tới trạng thái tội lỗi của ông, liên tưởng đó có thể là một biểu tượng tình dục đã chiếm lĩnh trí tưởng tượng của chàng trai cô đơn.

Đối với các bức chân dung thì Descartes không cung cấp một sự diễn giải nào.

Lời diễn giải của Descartes, tương ứng với nội dung cuốn sách của Leroy, sẽ là như sau:

Ông cho rằng, cuốn Tự điển không có nghĩa gì khác ngoài sự việc là những ngành khoa học được gom lại với nhau và tuyển tập thơ mang tựa đề Corpus Poetarum, đặc biệt nêu bật một cách rõ rệt là Triết học và Đạo lý gắn với nhau...

Descartes tiếp tục Diễn giải Giấc mơ của mình trong khi ngủ cho rằng bản thi ca về sự thiếu chắc chắn trong lối sống mà người ta phải chọn và bắt đầu bằng Quod vitae sectabor iter chỉ ra cho chúng ta thấy lời khuyên tốt của một nhà thông thái hay thậm chí của thần học - đạo đức.

Với các thi sỹ được tập trung trong tuyển tập, ông đề cho hiểu rằng đó là sự phát hiện và sự hứng thú mà ông không bao giờ vô vọng rằng mình sẽ được ưu ái. Bằng bản thi ca: Là và Không là (Est et non),

chính là Phải và Không của Pythagore, ông hiểu đó là cái Đúng và cái Sai trong kiến thức của con người và trong các ngành khoa học phạm tục. Thấy rằng áp dụng tất cả các điều đó quá phù hợp với ý muốn của khải của mình, có thể nó không được vô tội như thế trước Chúa, như trước con người. Và ông tin đó là lý do của sự kinh hãi, khiếp sợ kèm theo hai giấc mơ đó. Còn về quả dưa mà trong giấc mơ thứ nhất, người ta muốn làm quà cho ông, ông nói đó nghĩa là những kích thích của sự cô đơn, song được thể hiện bằng sự quyến rũ rất mang tính người. Con gió đã đẩy ông về phía nhà thờ của nhà trường, khi ông bị đau ở bên phải (ngay trong bản tiếng Pháp đã nhầm là trái), không phải là cái gì khác là vị thần ác đã dùng uy lực để ném ông vào một nơi mà ý của ông là cũng đã tự nguyện muốn đến.

Vì thế, Chúa không cho phép ông ta tiến xa hơn và để cho ông bị lôi cuốn đến một đất thánh bởi một vị thần linh không do Chúa phái tới: mặc dầu ông rất tin rằng vị thần linh do Chúa gửi đến đã thúc đẩy ông thực hiện những bước đi đầu tiên về phía nhà thờ đó. Với nỗi khiếp đảm của mình, trong giấc mơ thứ hai, theo ông, làm nổi bật những hối hận của lương tâm ông liên quan đến các tội lỗi mà ông có thể đã phạm phải trong cuộc sống cho tới đó của mình. Tiếng sét mà ông nghe thấy là báo hiệu cho sự giáng xuống của vị thần chân lý để chiếm lĩnh ông.”

**SỰ TIẾP XÚC CỦA TÔI
VỚI JOSEF POPPER-LYNKEUS
(1932)**

SỰ TIẾP XÚC CỦA TÔI VỚI JOSEF POPPER-LYNKEUS

Đó là vào mùa đông năm 1899, khi cuốn *Diễn giải Giác mơ* của tôi, cùng lúc với một kỷ nguyên - thế kỷ mới được mở ra, cuối cùng thì cũng đã nằm ở trước mặt tôi. Tác phẩm này là kết quả của của một công trình kéo dài tới 4-5 năm và đã được hình thành theo một cái cách không bình thường. Sau khi đã bảo vệ luận án về các bệnh thần kinh để làm cán bộ giảng dạy đại học, tôi đã hết sức cố gắng nhờ vào việc với tư cách là bác sĩ để chăm sóc sức khỏe cho những người được mệnh danh là “bị bệnh thần kinh” mà ở xã hội chúng ta đã có quá ư là nhiều, để gìn giữ mình và cái gia đình của mình dù nó đang càng ngày càng phình to ra. Nhưng nhiệm vụ tỏ ra nặng nhọc hơn là tôi đã kỳ vọng. Những phương pháp trị liệu thông thường rõ ràng chẳng giúp ích được một chút gì hoặc nếu có thì cũng quá ít, người ta phải đi tìm những con đường mới. Và làm sao mà người ta có thể trợ giúp những người bệnh, một khi người ta chẳng hiểu một tí gì về những bệnh này, chẳng hề hiểu chỉ về căn nguyên gây ra những nỗi đau đớn của họ, về ý nghĩa những trách cứ của họ? Vậy là tôi năng nổ đi tìm điểm tựa và sự chỉ bảo của Giáo sư Charcot ở Paris, của Giáo sư Bemheim ở Nancy. Một sự quan sát của người bạn có ưu thế nhiều hơn tôi là Josef Breuer ở Wien cuối cùng cũng đã cho thấy triển vọng để hiểu và để có tác động trị liệu, đã được mở ra.

Chính những kết quả thực nghiệm mới này đem lại sự tin tưởng chắc chắn rằng những người bệnh được chúng ta gọi là bị thần kinh này, theo một cái nghĩa nào đó đang bị đau bởi những rối loạn tâm lý và bởi vậy phải được điều trị bằng những phương tiện tâm lý. Vậy là mối quan tâm của chúng ta phải hướng vào Tâm lý học. Nhưng những gì mà các ngành khoa học về tâm linh đang thống trị ở các trường dạy về Triết học có thể cung cấp, dĩ nhiên là không đáng kể và không thể dùng được cho các mục đích của chúng ta; chúng ta bắt buộc phải tìm ra những phương pháp mới cũng như các tiền đề cho chúng. Thế là tôi tiến hành công việc theo hướng trên, đầu tiên là cùng cộng tác với Breuer, về sau thì độc lập với ông này. Cuối cùng thì nó đã trở nên một phần của kỹ thuật của tôi, khi tôi yêu cầu người bệnh phải thông báo cho tôi mà không phê phán về tất cả những gì xảy ra trong ý thức của họ, thậm chí kể cả những ý tưởng bất chợt mà họ không hiểu được rằng liệu chúng có đúng hay không, và vì vậy cảm thấy khổ tâm khi phải thông báo chúng.

Một khi họ nhượng bộ trước đòi hỏi của tôi thì họ cũng kể cho tôi nghe về những giấc mơ của họ, y như là chúng cũng cùng một thể loại với những ý nghĩ khác của họ. Đó là một lời chỉ dẫn rõ ràng rằng, phải đánh giá những giấc mơ này như những sản phẩm dễ hiểu khác. Nhưng chúng không dễ hiểu, bởi vì kỳ quặc, rắc rối, phi lý như chính các giấc mơ là như vậy, và cũng vì vậy mà chúng bị khoa học lên án là những chứng co giật vô nghĩa và vô ích trên cơ quan tâm linh. Nếu như những bệnh nhân của tôi có lý, mà có vẻ như họ chỉ lặp lại đức tin đã có từ hàng ngàn năm của cái loài người thiếu khoa học, thì tôi đang đứng trước nhiệm vụ phải “Diễn giải Giấc mơ” để nó có thể đứng vững trước sự phán xét của khoa học.

Lúc đầu, dĩ nhiên tôi cũng chẳng hiểu về các giấc mơ của các bệnh nhân của tôi nhiều hơn chính những người chiêm bao. Nhưng bằng cách ứng dụng vào các giấc mơ này, mà đặc biệt là vào các giấc mơ của bản thân tôi phương pháp mà tôi đã dùng cho việc nghiên cứu những hình thái tâm lý bất thường khác, thì tôi đã thành công trong việc giải đáp phần lớn những câu hỏi mà một sự Diễn giải Giấc mơ có thể đặt ra. Có nhiều thứ để hỏi: Người ta chiêm bao về cái gì? Tại sao là người ta lại chiêm bao? Tất cả những tính chất lạ lùng làm cho giấc mơ khác với sự suy nghĩ khi thức, sẽ xuất phát từ đâu? Và còn nhiều câu hỏi tương tự. Một vài câu trả lời là dễ đưa ra vì chúng cũng chứng tỏ là sự xác nhận cho những quan niệm đã được nêu ra từ trước, còn những câu khác lại đòi hỏi hoàn toàn những giả thiết mới về kết cấu và phương thức làm việc của bộ máy tâm linh của chúng ta. Người ta chiêm bao về những gì mà ban ngày khi thức, chúng đã thôi thúc tâm linh; người ta chiêm bao để làm cho dịu đi những cảm xúc mà chúng muốn quấy rối giấc ngủ và để có thể tiếp tục giấc ngủ. Nhưng tại làm sao mà giấc mơ có thể xuất hiện kỳ lạ như vậy, hỗn độn, vô nghĩa, rõ ràng mâu thuẫn với nội dung của tư duy tỉnh táo, khi mà nó vẫn phải bận bịu với chính tư liệu đó? Chắc chắn giấc mơ chỉ là sự thay thế cho một hoạt động tư duy hợp lý và cũng cho phép diễn giải như vậy, nghĩa là phiên dịch đi như vậy, nhưng điều mà đòi hỏi phải diễn giải thêm, đó là sự thật về *sự làm sai lệch* mà nó gây ra sự hoạt động chiêm bao trên tư liệu hợp lý và dễ hiểu.

Sự làm sai lệch giấc mơ là vấn đề sâu sắc nhất và cũng phức tạp nhất của đời sống chiêm bao. Và để diễn giải nó thì có điều sau đây, điều này cũng đặt giấc mơ vào một dãy cùng với những hình thái bệnh lý học - tâm lý khác, đồng thời lật tẩy nó là bệnh loạn thần kinh thông thường của con người. Tâm linh của chúng ta, đó là

công cụ quý giá mà nhờ nó, chúng ta tự khẳng định mình trong cuộc đời, chính nó lại không là một thể thống nhất, hoàn chỉnh một cách bình yên, mà có thể so sánh với một nhà nước hiện đại mà bên trong đó có một khối cuồng si hưởng lạc và phá phách, phải được trấn áp thông qua quyền lực của một tầng lớp thượng lưu chín chắn. Tất cả những gì vùng vẫy trong đời sống tâm linh chúng ta và biểu hiện trong tư duy chúng ta, đều là người nổi dối và đại diện cho những bản năng nhiều vẻ mà chúng ta có được trong thể tạng máu thịt chúng ta; nhưng không phải tất cả những bản năng này đều có thể được điều khiển và giáo dục như nhau để phù hợp với các yêu cầu của thế giới bên ngoài và của cộng đồng loài người. Một số trong đó vẫn giữ tính chất ngang ngạnh ban đầu của chúng; nếu chúng ta để chúng tự do làm, thì chắc chắn chúng sẽ đẩy chúng ta vào sự suy đồi. Bởi vậy mà chúng ta, do những tổn thất mà khôn lên, đã phát triển trong tâm linh chúng ta những tổ chức mà với tư cách là sự ức chế, chúng chống lại sự biểu hiện trực tiếp của bản năng. Những gì mà nổi lên như cảm xúc ước muốn từ những nguồn thôi thúc bản năng, phải được kiểm nghiệm qua những thẩm cấp tâm linh cao nhất của chúng ta, và nếu không đứng vững, sẽ bị hủy bỏ và sẽ bị ngăn cản không cho ảnh hưởng tới năng lực vận động, tức là không cho thực thi. Thậm chí những ước muốn này thường bị cự tuyệt cả việc đi vào ý thức mà nó cũng thường là xa lạ với sự tồn tại của những nguồn bản năng nguy hiểm. Khi đó thì chúng ta nói rằng, những cảm xúc này đã bị chèn ép ra khỏi ý thức và chỉ tồn tại trong vô thức. Nếu cái bị chèn ép thành công trong việc thâm nhập vào đâu đó, chẳng hạn vào ý thức hay vào năng lực vận động hay vào cả hai, thì khi đó chúng ta sẽ không còn là bình thường nữa. Chúng ta sẽ phát triển một loạt những triệu chứng loạn thần kinh chức năng và loạn tâm thần. Việc duy trì những ức chế và những sự

chèn ép, đã trở nên cần thiết như thế này, gây tổn kém nhiều sức lực cho đời sống tâm linh chúng ta, mà vì vậy nó hay muốn nghỉ ngơi. Trạng thái ngủ ban đêm có vẻ như là một cơ hội tốt cho việc đó, bởi vì nó kéo theo mình sự đình chỉ các năng lực vận động của chúng ta. Khi trạng huống tỏ ra là không nguy hiểm thì chúng ta giảm bớt sự khắc nghiệt của các quyền lực cảnh sát nội tại của chúng ta. Chúng ta không thu hồi chúng một cách hoàn toàn, bởi vì người ta không biết chắc, cái vô thức có thể không bao giờ ngủ cũng nên. Và bây giờ thì sự giảm bớt áp lực tác dụng lên nó sẽ có tác dụng của mình. Từ cái vô thức bị chèn ép sẽ nổi lên những ước muốn mà ít nhất là trong giấc ngủ thì chúng sẽ tìm ra được lối đi vào ý thức. Nếu chúng ta biết được về các ước muốn này thì chúng ta sẽ khiếp sợ về nội dung của chúng, sự vô độ, thậm chí chỉ đơn giản là cơ hội của chúng. Nhưng điều đó rất hiếm khi xảy ra, mà khi đó thì chúng ta phải mau chóng tỉnh dậy vì sợ hãi. Bình thường thì ý thức của chúng ta không được biết giấc mơ như nó thực sự đã xảy ra. Những thể lực ức chế, sự *kiểm duyệt giấc mơ* như chúng ta thường gọi tên chúng, tuy không phải luôn luôn hoàn toàn thức, nhưng cũng phải là chúng đã ngủ. Chúng đã ảnh hưởng tới giấc mơ, trong khi nó đang tìm cách thể hiện mình bằng ngôn từ và hình ảnh, đã loại bỏ cái lỗ mông nhất, thay đổi những cái khác tới mức chẳng thể nhận ra được nữa, xóa bỏ những mối liên hệ thực sự, nhập vào những liên kết không thực, cho tới khi sự tưởng tượng được mong ước của giấc mơ - là chân thành những tàn bạo - đã trở nên giấc mơ hiển nhiên như đã được chúng ta hồi tưởng, ít nhiều hỗn độn, luôn luôn là kỳ lạ và khó hiểu. Giấc mơ, hay đúng hơn là sự làm sai lệch giấc mơ, vậy là sự biểu hiện của một sự nhượng bộ giữa những cảm xúc và nỗ lực luôn xung khắc với nhau của đời sống tâm linh của chúng ta. Và chúng ta cũng không được phép quên rằng, chính cái quá trình,

chính cái cuộc chơi giữa các thế lực đó, mà nó diễn giải cho chúng ta giấc mơ của một người chiêm bao thông thường, sẽ cho chúng ta cái chìa khóa để hiểu được tất cả những quá trình loạn thần kinh và loạn tâm thần.

Tôi phải xin lỗi về điều rằng cho tới nay tôi đã đề cập quá nhiều tới mình và những công việc liên quan tới các vấn đề giấc mơ của mình. Nhưng chúng là điều kiện cần thiết cho cái kế tiếp sau đây. Sự diễn giải của tôi cho sự làm sai lệch giấc mơ tỏ ra là mới ngay cả với tôi, không ở nơi nào mà tôi thấy được một cái gì tương tự. Nhiều năm sau (tôi không thể nói là lúc nào) thì cuốn *Những trí tưởng tượng của một người có đầu óc thực tế* của Josef Popper-Lynkeus tình cờ rơi vào tay tôi. Một trong số những mẩu chuyện trong đó mang tên là “Mơ mà như tỉnh”, chắc chắn là nó đã gây cho tôi sự quan tâm mạnh mẽ nhất. Trong đó có miêu tả một ông mà ông này đã tự phụ rằng mình chưa bao giờ nằm mơ thấy những gì là vô lý. Những giấc mơ của ông hư ảo hết như truyện cổ tích, nhưng chúng lại chẳng hề mâu thuẫn với thế giới tỉnh đến mức mà người ta dứt khoát phải nói rằng, “không thể thể được hay vấn đề tự nó đã là phi lý rồi”. Nếu dịch nó sang cách diễn đạt của tôi thì ở người đàn ông này không hình thành được sự làm sai lệch giấc mơ, còn nếu người ta biết được nguyên nhân vì sao nó không diễn ra, thì người ta cũng sẽ biết được nguyên nhân hình thành nó. Popper đã cho người đàn ông của mình hoàn toàn nhìn thấu được lý lẽ cho sự độc đáo của mình. Ông đã để cho ông này nói: “Trong tư duy của tôi cũng ngự trị trật tự và hài hòa y như trong cảm xúc của tôi, chúng cũng không bao giờ đánh lộn nhau cả... Tôi là một, không hề bị chia cắt, còn những người khác thì bị chia cắt, và hai phần của họ là: *Thức và mơ* hầu như là luôn luôn có chiến tranh với nhau.” Và tiếp theo về sự Diễn giải Giấc mơ: “Đây chắc chắn không phải là một nhiệm vụ dễ dàng,

nhưng nếu họ chịu để ý một chút thì người chiêm bao sẽ luôn luôn thành công. - Còn tại sao thường thì nó lại thất bại? Trong giấc mơ của các vị có một điều gì đó bị giấu giếm, một cái gì đó không lành mạnh ở thể loại đặc biệt, một cái bí ẩn gì đó trong bản chất các vị mà tôi khó diễn đạt. Và bởi vậy mà sự chiêm bao của các vị thường có vẻ như là chẳng có nghĩa gì cả, thậm chí là một điều phi lý. Nhưng trong cái nền tảng sâu lắng nhất thì hoàn toàn không phải là như vậy; thực vậy, nó hoàn toàn không phải như vậy, bởi vì đó luôn luôn là chính con người đó, dù anh ta tỉnh hay mơ.”

Nhưng nếu từ chối dùng thuật ngữ Tâm lý học thì đó lại chính là lời diễn giải cho sự làm sai lệch giấc mơ mà tôi rút ra được từ các công trình về giấc mơ của tôi. Sự làm sai lệch là một sự nhượng bộ, một cái gì đó mà theo bản chất của nó thì nó là thiếu chân thực, là kết quả của mâu thuẫn giữa tư duy và tình cảm, hoặc như tôi đã nói là, giữa cái ý thức được và cái bị chèn ép. Ở đâu đó mà không tồn tại một xung đột như vậy, mà nó không cần bị chèn ép, thì các giấc mơ cũng chẳng thể là kỳ lạ và vô lý được. Trong cái người đàn ông mà hẳn ta chẳng hề chiêm bao tới một cái gì khác với những gì hẳn nghĩ khi hẳn thức, thì Popper đã để mặc cho cái sự hài hòa nội tâm mà chính là mục đích mà một nhà nước với tư cách là nhà cải cách xã hội muốn xây dựng. Còn nếu như khoa học bảo chúng ta rằng, một con người như vậy, hoàn toàn không có gì là xấu xa, là giả tạo, không có tất cả những cái gì bị chèn ép, không bao giờ xuất hiện hoặc không có sức sống, thì cũng dễ dàng đoán nhận rằng, nếu như có thể tiêm cận trạng thái lý tưởng này, thì sự tiêm cận đó đã được hiện thân ở chính Popper bằng xương bằng thịt.

Bị chinh phục bởi cuộc hội ngộ với sự thông thái của ông, tôi bắt đầu đọc tất cả các tác phẩm của ông viết về Voltaire, về tôn giáo,

chiến tranh, trách nhiệm nuôi dưỡng chung... cho tới khi bức tranh về người đàn ông giản dị nhưng lại vĩ đại, một nhà tư tưởng và phê bình, đồng thời là một người nhân ái hết sức tốt bụng và nhà cải cách hiện lên trước mặt tôi. Tôi nghĩ nhiều về các quyền của cá nhân mà ông đứng lên bảo vệ và tôi cũng hết sức ủng hộ. Sự cân nhắc rằng cả ứng xử của thiên nhiên lẫn mục tiêu của xã hội loài người đều chẳng biện minh được cho yêu cầu của chúng cũng không làm tôi bối rối. Có một mối thiện cảm đặc biệt cuốn hút tôi lại với ông, bởi vì rõ ràng là cả ông cũng cảm nhận được cái đáng cay của cuộc đời người Do Thái và cái đau đớn về sự trống rỗng của các kiểu mẫu văn hóa hiện nay. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy ông bằng xương bằng thịt. Ông cũng chỉ biết tôi qua những người quen chung của hai người, và có một lần thì tôi phải trả lời thư ông mà ông yêu cầu có được một thông tin. Nhưng tôi không tìm gặp ông. Những việc làm của tôi nhằm đổi mới ngành Tâm lý học đã làm tôi xa cách mọi người đương thời, đặc biệt là giới người cao tuổi. Quá thông thường khi tôi đến gần một người đàn ông mà tôi kính nể từ xa, thì tôi lại như bị cự tuyệt trước sự thiếu thiện cảm của ông đối với những gì mà tôi đã lấy làm ý nghĩa cho cuộc đời mình. Josef Popper đến từ ngành vật lý, ông là bạn của Ernst Mach (nhà vật lý và triết gia lớn của Áo, 1838-1916 - ND). Tôi không muốn phá hỏng ấn tượng tốt đẹp của sự thống nhất của chúng tôi về vấn đề sự làm sai lệch giấc mơ. Vì vậy mà tôi luôn tìm cách trì hoãn cuộc viếng thăm ông, cho tới khi mọi sự đã là quá muộn và tôi chỉ có thể chào bức tượng bán thân của ông trong Vườn hoa Toà thị chính thành phố chúng tôi ở.

SIGMUND FREUD DIỄN GIẢI GIẤC MƠ

Nhận xét ban đầu

Khi ở đây tôi tìm cách trình bày về việc Diễn giải Giấc mơ, thì tôi tin rằng tôi đã không vượt qua giới hạn của những mối quan tâm bệnh lý học thần kinh, bởi lẽ khi kiểm tra tâm lý học ở tư cách là mắt xích đầu tiên trong dây thực thể tâm lý học bất thường, mà từ các lý do thực tiễn thì bác sĩ điều trị phải quan tâm tới các mắt xích tiếp theo là chứng sợ hysteria, chứng hoang tưởng ép buộc và chứng hoang tưởng điên loạn. Giấc mơ - sẽ thấy ở sau - không thể đòi hỏi một ý nghĩa thực tiễn như thế, thế nhưng giá trị của nó lại càng lớn hơn ở tư cách là hệ biến hóa, bởi lẽ ai không biết cách giải thích đi xuất hiện những hình ảnh trong giấc mơ thì người ấy cũng chỉ uống công trong việc hiểu các chứng sợ, những ý tưởng ép buộc và ý tưởng điên loạn, và cũng có thể về tác động trị liệu của chúng.

Cũng vậy khi phải quy trách nhiệm về những thiếu sót của công trình này cho mối liên hệ mà đề tài của chúng ta quan trọng đến thế. Cũng sẽ thấy nhiều chỗ thiếu sót ở cách mô tả này tương ứng với nhiều chỗ tiếp xúc mà vấn đề hình thành giấc mơ tiếp cận với những vấn đề tổng quát hơn của bệnh lý học tâm lý mà ở đây không thể đề cập tới được và sẽ dành để xử lý sau một khi có đủ thời gian và công sức và tập hợp được những tư liệu bổ sung.

Những tính chất đặc thù của tư liệu mà ở đây tôi cắt nghĩa việc Diễn giải Giấc mơ, cũng đã gây nhiều khó khăn khi tôi muốn công bố tác phẩm này. Ngay từ chính công trình sẽ thấy, vì sao phải bỏ đi tất cả những giấc mơ đã được kể lại ở tài liệu tham khảo hay đã được những nhân vật vô danh thu thập mà không dùng cho các mục tiêu của tôi; tôi chỉ còn cách lựa chọn giữa những giấc mơ của chính mình và những giấc mơ của các bệnh nhân mà tôi đang điều trị bởi phương pháp phân tâm học. Tư liệu cuối cùng mà tôi không dùng được là vì hoàn cảnh, ở đây các quá trình giấc mơ xảy ra đã chịu một sự phức tạp hóa chẳng hề mong muốn bởi sự thu hẹp lại của những tính chất loạn thần kinh chức năng. Thế nhưng việc công bố những giấc mơ của chính mình sẽ tỏ ra là có liên hệ chặt chẽ với việc tôi mở cho người ngoài xem quá nhiều điều riêng tư trong cuộc sống tâm lý của mình và nó tỏ ra là quá nhiều ở trách nhiệm một nhà nghiên cứu khoa học tự nhiên chứ không phải là thi sĩ. Điều ấy là đáng hổ thẹn, nhưng là không tránh khỏi, vậy là tôi đã quy phục nó để hoàn toàn không phải từ bỏ việc dẫn ra các chứng cứ cho những kết quả tâm lý học của mình. Dĩ nhiên là tôi đã không cưỡng lại được cám dỗ, bằng việc bỏ qua và thay đổi để cắt đỉnh sắc nhọn ở những sự tò mò nào đó, khi đó thì giá trị của những ví dụ được tôi dùng chịu thiệt hại nhiều nhất. Tôi chỉ muốn nói toạc ra kỳ vọng rằng, bạn đọc tác phẩm này sẽ hiểu được hoàn cảnh khó khăn của tôi nhằm khoan dung tôi, và hơn nữa là, tất cả những người cảm thấy có mối liên quan nào đấy ở những giấc mơ đã công bố, ít nhất cũng không muốn loại bỏ tính tự do tư tưởng cho đời sống trong mơ.

Lời nói đầu cho bản tái bản lần thứ nhất

Trên những câu đầu này, tôi không phải cảm ơn mối quan tâm của giới chuyên môn để trước kết thúc thập niên đầu tiên của thế kỷ

mới đã cần có tái bản lần thứ nhất, dấu cho cuốn sách rất khó đọc. Các đồng nghiệp bác sĩ bệnh lý học của tôi có vẻ như chẳng ngại để vượt qua những xa lạ ban đầu mà quan niệm mới của tôi về giấc mơ có thể gây nên, và các triết gia vốn thường xử lý các vấn đề của đời sống mơ như là phần phụ thêm của các trạng thái ý thức, rõ ràng là đã không nhận ra rằng, chính ở kết thúc này sẽ có thể ưu tiên tất cả mọi thứ bắt buộc phải dẫn tới sự thay đổi về cơ bản các thuyết của chúng ta về tâm lý học. Hành vi của việc phê bình cuốn sách chỉ có thể dẫn tới sự chờ đợi rằng, số phận tác phẩm của tôi sẽ là im lặng; và ngay cả đến con số nhỏ nhoi các môn đồ non yếu của tôi - họ theo cách tôi đưa phân tâm học vào công cụ của thầy thuốc rồi lấy tôi làm gương để Diễn giải Giác mơ rồi để áp dụng những Giải thích này vào việc điều trị những người bị loạn thần kinh chức năng - lẽ ra chẳng thể mua hết số bản in lần đầu. Vậy cho nên tôi cảm thấy có trách nhiệm số đông hơn những người có học thức và những người ham hiểu biết mà việc tham gia đọc sách của họ tạo nên đòi hỏi tôi, sau chín năm lại phải tiến hành xem lại công trình khó khăn và mang tính cơ sở cho rất nhiều vấn đề như thế này.

Nhưng tôi lại phải vui mừng mà có thể nói rằng, tôi không phải thay đổi nhiều. Đây đó tôi thêm vào tư liệu mới, bổ sung những quan điểm lẻ tẻ từ những kinh nghiệm tôi đã thu được thêm, chỉ ở số rất ít những điểm mới phải thử sửa đổi; thế nhưng tất cả những điểm cốt lõi về giấc mơ và cách giải thích nó cũng như những lý thuyết tâm lý học suy ra từ đó vẫn không thay đổi; ít nhất thì từ góc độ chủ quan, phép thử qua thời gian đã thành công. Ai biết những công trình khác của tôi (về nguyên nhân học và cơ chế của loạn thần kinh tâm thần), cũng sẽ hiểu rằng, tôi không bao giờ lấy cái chưa hoàn thành để bảo là cái đã hoàn thành, và luôn cố gắng, thay đổi những thông báo của tôi theo những quan điểm càng ngày

càng gia tăng của tôi; nhưng trên lĩnh vực đời sống khi mơ thì tôi vẫn giữ nguyên những thông báo ban đầu của tôi. Trong nhiều năm công tác ở những vấn đề về loạn thần kinh, tôi luôn bị lung lay và ở một số điểm gần như điên lên; khi đó “Diễn giải Giấc mơ” luôn lại là điểm tựa mà ở đó tôi tìm lại được sự vững tin ở chính mình. Số đông những kẻ đối lập tôi về mặt khoa học vậy là đã thể hiện một bản năng vững chắc khi chính là ở lĩnh vực nghiên cứu giấc mơ mà họ không muốn đồng ý với tôi.

Cả tài liệu của cuốn sách này, là những giấc mơ của cá nhân tôi, phần lớn mất giá trị hay quá đắt do các sự kiện, mà ở đó tôi đã giải thích thêm về các quy tắc của việc Diễn giải Giấc mơ, khi xem lại lại thể hiện một khả năng đứng vững đáng kinh ngạc trước những thay đổi muốn có. Với tôi thì cuốn sách còn có một ý nghĩa chủ quan khác mà chỉ khi kết thúc tôi mới hiểu. Nó chứng tỏ cho tôi biết ở tư cách là một phần của sự tự phân tích, phản ứng của tôi đối với cái chết của cha tôi, vậy là trước sự kiện rất ý nghĩa, mất mát đau đớn nhất trong cuộc đời của một người đàn ông. Sau khi tôi hiểu được điều này, tôi cảm thấy không có khả năng xóa nhòa vết tích của các nhát cắt này. Nhưng với người đọc, sẽ là như nhau khi anh ta học cách Diễn giải Giấc mơ ở tư liệu nào.

Khi thấy một nhận xét không tránh được mà không thêm vào mối liên hệ cũ được thì trong bản tái bản này, tôi chỉ ra bằng ngoặc vuông.

Berchtesgarden, hè 1908

Lời nói đầu cho bản tái bản lần thứ hai

Ngay khi thời gian giữa lần xuất và tái bản lần thứ nhất cuốn sách này là chín năm vừa trôi qua, chỉ sau hơn một năm một chút đã xuất

hiện nhu cầu tái bản lần thứ hai. Tôi có quyền tự cho phép mình vui mừng về chuyển biến này; nhưng khi tôi không muốn coi việc bạn đọc sao nhãng tác phẩm của tôi là minh chứng cho sự vô giá trị của nó, thì tôi cũng chẳng thể đánh giá mỗi quan tâm bây giờ đã được công khai thể hiện như là minh chứng cho tính ưu việt của nó.

Sự tiến bộ của nhận thức khoa học cũng đã không để nguyên mà không động tới “Diễn giải Giấc mơ.” Khi tôi viết cuốn sách vào năm 1899, còn chưa có “lý thuyết tình dục”, việc phân tích các dạng phức tạp hơn của loạn thần kinh tâm thần vẫn đang còn ở những bước khởi đầu của nó. Việc Diễn giải Giấc mơ phải là công cụ hỗ trợ để cho phép phân tích bệnh loạn thần kinh chức năng về mặt tâm lý học; từ đó thì hiểu biết sâu hơn về bệnh loạn thần kinh chức năng có thể tác động ngược trở lại cách nhìn giấc mơ. Còn chính bản thân học thuyết về Diễn giải Giấc mơ thì đã tiếp tục phát triển theo một hướng mà ở lần xuất bản đầu tiên cuốn sách này đã không nhấn mạnh đủ độ. Từ đó, qua kinh nghiệm bản thân và qua các công trình của W. Stekel và những người khác, tôi đã học được cách đánh giá đúng hơn ý nghĩa của hệ ký hiệu trong giấc mơ (hay nói đúng hơn là trong tư duy vô thức). Vậy nên trong những năm qua đã tích tụ nhiều thứ đòi hỏi phải lưu ý. Tôi đã cố gắng lưu ý thích đáng đến những điểm mới này qua rất nhiều bổ sung vào văn bản và ghi thêm phụ chú lẻ. Nếu như bây giờ những bổ sung này đôi lúc đe dọa phá vỡ khuôn khổ bài trình bày hay dấu đã hết sức mà vẫn chưa thành công ở tất cả mọi nơi với việc nâng văn bản cũ lên tầm những quan niệm của chúng ta ngày nay, thì tôi xin được sự thông cảm cho những thiếu sót này của cuốn sách, bởi lẽ nó chỉ là hệ quả và chỉ dấu cho bước phát triển nay hết như vũ bão về kiến thức của chúng ta. Tôi cũng mạnh dạn tiên đoán những tái bản lần sau này của Diễn giải Giấc mơ - nếu như xuất hiện nhu cầu về chúng - sẽ lệch theo

những hướng khác nào so với hướng ở đây. Những cái này một mặt lẽ ra phải tìm cách gắn kết hơn với số tư liệu dồi dào về thi ca, thần thoại, vận dụng ngôn từ và văn hóa dân gian, mặt khác xử lý mối liên hệ của giấc mơ với loạn thần kinh chức năng và bệnh rối loạn tâm thần một cách sâu hơn vốn là có thể ở đây đã cho tôi những trợ giúp quý giá ở việc lựa chọn những bổ sung và một mình lo cho việc xem lại các bản in. Tôi có trách nhiệm phải cảm ơn ông ấy và những người khác về những đóng góp và sửa chữa của họ.

Wien, xuân 1911

Lời nói đầu cho bản tái bản lần thứ ba

Năm ngoái (1913), Tiến sĩ A.A. Brill ở New York đã hoàn thành bản dịch tiếng Anh cho cuốn sách này (*The Interpretation of Dreams*, G. Allen & Co., London).

Lần này Ngài Otto Rank không chỉ lo cho việc hiệu chỉnh mà còn bổ sung cho văn bản bằng hai phần đóng góp độc lập. (Phụ lục cho Chương VI).

Wein, tháng Sáu 1914

Lời nói đầu cho bản tái bản lần thứ tư

Mối quan tâm tới “Diễn giải Giấc mơ” cũng không dừng cả trong Thế chiến và ngay cả trước khi kết thúc nó đã làm cho cần phải có một lần tái bản mới. Nhưng ở lần này chưa có thể hoàn toàn lưu ý đến tài liệu tham khảo mới từ 1914; nếu chúng là ngoại ngữ thì chúng lại hoàn toàn chẳng được tôi và Tiến sĩ Rank biết tới.

Bản dịch tiếng Hung của *Diễn giải Giấc mơ* do các Ngài TS. Hollós và TS. Ferenczi lo liệu, đang sắp xuất bản. Trong các *Bài giảng về Nhập môn Phân tâm học* của tôi ấn hành 1916/17 (ở NXB

H. Heller) thì bài trung gian bao gồm mười một bài giảng đã giành cho sự miêu tả giấc mơ mà sự miêu tả này cố gắng sao cho chi tiết hơn nữa và có chủ ý muốn thiết lập mối liên hệ sâu hơn tới lý thuyết loạn thần kinh chức năng. Xét toàn bộ, nó có tính cách một trích đoạn từ *Diễn giải Giác mơ*, cho dù ở nhiều chỗ lẻ tẻ nó cho ta những điều chi tiết hơn.

Tôi chưa dám quyết định xem, có nên sửa cơ bản cuốn sách này để nâng nó lên trình độ phổ cập hiện nay về quan điểm phân tâm học nhưng vẫn không phá hủy đặc tính lịch sử của nó hay không. Tuy nhiên cũng nên nói rằng, trong gần 20 năm tồn tại, cuốn sách đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Budapest-Steinbruch, tháng Bảy 1918

Lời nói đầu cho bản tái bản lần thứ năm

Khó khăn của nghiệp vụ in ấn thời điểm hiện nay gây hệ quả rằng, tái bản lần này rất chậm hơn lẽ ra nó phải tương ứng với nhu cầu, và rằng - cũng là lần đầu tiên - ở tư cách là nguyên bản in lại từ tái bản lần trước. Chỉ có danh mục tài liệu tham khảo ở cuối cuốn sách là đã được TS. O. Rank hoàn chỉnh và tiếp tục.

Vậy là giả thiết của tôi rằng, trong gần 20 năm tồn tại cuốn sách đã hoàn thành nhiệm vụ của mình, không đúng. Hơn nữa tôi phải nói rằng, nó phải thực hiện một nhiệm vụ mới. Nếu trước đây vấn đề xoay quanh việc phải cho một số điểm để làm sáng tỏ bản chất giấc mơ, thì bây giờ cũng quan trọng là phải đối mặt với những sự nhiễu sai ngoạn cổ mà những vấn đề khai sáng này phải chịu.

Wein, tháng Tư 1921

Lời nói đầu cho bản tái bản lần thứ bảy

Trong thời khoảng giữa bản tái bản gần nhất là lần thứ sáu của cuốn sách này (1922) và bản đổi mới này có xuất hiện *Tuyển tập những bài viết* của tôi, do Internationaler Psychoanalytischer Verlag - Nhà xuất bản Phân tâm học Quốc tế ở Wein ấn hành. Trong tập sách này tái hiện lại nguyên bản là tập hai, tất cả các phụ lục là tập ba. Tất cả các bản dịch trong thời gian này thích ứng vào dạng độc lập của cuốn sách, chẳng hạn bản tiếng Pháp *La science des rêves—Khoa học của giấc mơ* của I. Meyerson năm 1926, bản tiếng Thụy Điển 1927 và bản tiếng Tây Ban Nha, bản tiếng Hung từ 1918 mà tôi cũng đã có nhắc rồi.

Ở bản này có xem lại của *Diễn giải Giấc mơ*, tôi xử lý tác phẩm về cơ bản ở tư cách là tư liệu lịch sử và chỉ tiến hành thay đổi ở đó mà tôi cho là cần làm sáng tỏ và đào sâu thêm những ý kiến của chính bản thân tôi, mối liên quan tới quan điểm này, cuối cùng tôi đã từ bỏ việc đưa tài liệu tham khảo các vấn đề về giấc mơ kể từ khi xuất hiện *Diễn giải Giấc mơ* vào cuốn sách, và loại bỏ những mục tương ứng ở các bản in trước. Cũng vậy với các bài “Giấc mơ và thi ca” và “Giấc mơ và huyền thoại” mà Otto Rank đã bổ sung vào các bản in trước.

Wein, tháng Mười hai 1929

Tài liệu tham khảo khoa học cho các vấn đề về giấc mơ

Trong các trang sau tôi sẽ đưa ra các minh chứng rằng có một kỹ thuật tâm lý học cho phép *Diễn giải Giấc mơ*, và khi áp dụng phương pháp này thì mỗi giấc mơ sẽ chứng tỏ là một cấu hình tâm lý đầy ý nghĩa mà ở chỗ thích hợp, nó phải được xếp vào hoạt động tinh thần khi thức. Ngoài ra, tôi sẽ cố gắng làm sáng tỏ các quá trình

mà từ đó xuất phát tính khác thường và tính không thể không nhận ra của giấc mơ, và từ chúng rút ra kết luận về bản chất các lực tâm lý, từ tương tác hay tác động ngược nhau của các lực ấy xuất hiện giấc mơ. Khi đến đó thì việc mô tả của tôi dừng lại, bởi lẽ nó đã đạt tới điểm, ở đó vấn đề mơ dẫn đến những vấn đề khái quát hơn mà việc giải mã chúng phải được triển khai ở tư liệu khác.

Đầu tiên, tôi sẽ đề lên trước một bản khái quát về những đóng góp của những tác giả trước đây về hiện trạng các vấn đề về giấc mơ trong khoa học, bởi lẽ trong quá trình xử lý chúng, tôi sẽ hay thường xuyên có cơ may trở lại những vấn đề đó. Chính bởi vì tri thức về giấc mơ đầu đã có nỗ lực hàng ngàn năm vẫn chưa phát triển thực nhiều. Điều này nói chung cũng đã được các tác giả công nhận, nên có lẽ là thừa nếu nêu lên từng tiếng nói riêng lẻ. Ở những bài viết liệt kê ở danh mục cuối sẽ thấy nhiều nhận xét và gợi ý và khá nhiều tư liệu thú vị về đề tài này, nhưng hoàn toàn không hay chỉ ít về bản chất giấc mơ hay giải được hoàn toàn một trong những bí mật của nó. Dĩ nhiên nếu chuyển sang cho tri thức người nghiệp dư có học lại càng ít hơn nữa.

Giấc mơ có quan điểm thế nào vào thuở khai sinh loài người ở các dân tộc nguyên thủy và nó có ảnh hưởng gì đến sự hình thành quan niệm của họ về thế giới và tâm linh, là một đề tài thú vị tới mức tôi không thể loại bỏ nó khi xử lý mối liên hệ này. Tôi xin giới thiệu các tác phẩm nổi tiếng của Sir J. Lubbock, H. Spencer, E.B. Tylor... và chỉ bổ sung rằng chúng ta chỉ có thể hiểu những vấn đề và giả thiết này, sau khi chúng ta đã hoàn thành những nhiệm vụ đứng trước mặt cuốn *Diễn giải Giấc mơ*.

Rõ ràng là dư âm của quan niệm thời nguyên thủy về giấc mơ đã được làm cơ sở để các dân tộc cổ sơ kinh điển đánh giá về giấc

mơ¹. Điều kiện ban đầu ở đây là các giấc mơ phải có mối liên hệ với thế giới các siêu nhân mà họ tin vào chúng, và phải mang lại những tiết lộ từ các thần thánh và quỷ thần. Ngoài ra họ luôn đau đầu rằng, các giấc mơ có một ý định rất quan trọng cho người mơ là trên nguyên tắc sẽ báo trước cho họ tương lai. Tuy nhiên, sự khác biệt ghê gớm về nội dung và ấn tượng của giấc mơ gây khó khăn cho việc tiến hành một quan niệm thống nhất về chúng, và bắt buộc đi đến những sự phân biệt đủ loại và tạo nhóm các giấc mơ tùy theo giá trị và độ tin cậy của chúng. Dĩ nhiên ở từng triết gia riêng lẻ thời cổ đại, sự đánh giá giấc mơ phải là độc lập với trị trí mà nhà tiên tri sẵn sàng dành cho nó.

Ở hai bài viết nói về giấc mơ của Aristoteles, giấc mơ đã trở thành đối tượng của tâm lý học.

Chúng ta được chỉ ra rằng, giấc mơ không phải do Chúa ban, không có bản chất của Chúa mà bản chất của quỷ thần, bởi lẽ dĩ nhiên thiên nhiên mang tính quỷ thần chứ không phải thần thánh, nghĩa là giấc mơ không xuất triển tiết lộ mang tính siêu nhiên, mà tuân thủ các quy luật của tâm linh con người tuy nhiên cũng có họ hàng với thần thánh. Giấc mơ được định nghĩa là hoạt động tinh thần của người ngủ, chừng nào hấn đang ngủ.

Aristoteles biết một số trong những tính chất của đời sống khi mơ, chẳng hạn như là giấc mơ chuyển đổi nghĩa những kích thích nhỏ, xuất hiện khi mơ thành ra lớn (“người ta tin rằng, phải đi qua lửa và bị nóng khi chỉ xảy ra sự nóng lên hoàn toàn không đáng kể ở bộ phận này hay ở bộ phận kia của cơ thể”), và từ hành vi này suy ra kết luận rằng, chắc chắn là các giấc mơ có thể báo cho thấy thuốc

¹ Những điều trình bày sau đây là theo mô tả cẩn thận của Büchschütz (*Giấc mơ và Diễn giải Giấc mơ ở thời cổ đại*, Berlin 1868).

biết những dấu hiệu đầu tiên mà ban ngày chưa nhận ra của một sự thay đổi vừa bắt đầu trong cơ thể¹.

Như ta biết thì những người cổ đại trước Aristoteles đã coi giấc mơ không phải là sản phẩm của tâm linh khi ngủ, mà là linh cảm từ phía thần thánh, và hai xu hướng đối kháng nhau mà chúng ta sẽ tìm thấy như là luôn luôn có tồn tại ở việc đánh giá đời sống khi mơ, làm chúng luôn có hiệu lực. Người ta phân biệt giữa các giấc mơ thật sự và có giá trị, đã được gửi tới cho người mơ để cảnh báo anh ta hay thông báo tương lai cho anh, về những giấc mơ sáo rỗng, giả tạo và vật vãnh với ý định là dẫn dắt người mơ vào sự nhầm lẫn hay đẩy anh ta về chỗ suy đồi.

Gruppe (*Griechische Mythologie und Religionsgeschichte—Thần thoại và lịch sử tôn giáo Hy Lạp*, tr.390) thuật lại sự phân biệt các giấc mơ như thế theo Macrobius và Artemidoros: “Người ta phân biệt ra thành hai nhóm. Nhóm này chỉ bị ảnh hưởng bởi hiện tại (hay quá khứ), nhưng là vô nghĩa đối với tương lai; nó bao gồm ἐνύπνια, *insomnia* — *chứng mất ngủ*, chúng trực tiếp tái hiện điều tưởng tượng đã cho hay cái nghịch đảo của chúng, chẳng hạn cơn đói hay sự thỏa mãn nó, và φαντάσματα, chúng mở rộng ý tưởng đã cho một cách phi thường, chẳng hạn như bóng đèn, *ephialtes*—*bóng đèn*. Nhóm kia trái lại được coi như là có tính quyết định cho tương lai; thuộc chúng có: 1) (χρηματισμὸς, *oraculum* — *thánh nhân*), 2) dự báo một sự kiện sắp diễn ra (δραμα, *visio* — *tầm nhìn*), 3) giấc mơ biểu tượng, giấc mơ cần có giải thích (δραμα, *somnium* — *giấc ngủ*). Học thuyết này tồn tại qua nhiều thế kỷ.

¹ Về mối liên hệ của giấc mơ với bệnh tật, bác sĩ Hy Lạp Hippocrates đã thảo luận trong một chương ở tác phẩm nổi tiếng của ông.

Liên quan tới sự đánh giá luôn thay đổi này về giấc mơ là nhiệm vụ phải “Diễn giải Giấc mơ.” Bởi vì nói chung người ta kỳ vọng những thông báo quan trọng từ các giấc mơ, nhưng lại không trực tiếp hiểu tất cả các giấc mơ, liệu có một giấc mơ nhất định không hiểu được nhưng lại thông báo điều gì đó quan trọng, nên đã nảy sinh kích thích một cố gắng mà nó có thể thay thế nội dung không hiểu được của giấc mơ bằng một nội dung rõ ràng và qua đó mà quan trọng.

Ở thời đại muộn của thời cổ đại thì Artemidoros vùng Daldis là nhân vật uy tín nhất về Diễn giải Giấc mơ mà tác phẩm chi tiết của ông về đề tài này đã bù đắp cho chúng ta cho những bài viết đã bị thất lạc¹.

Quan niệm tiền khoa học của người cổ đại về giấc mơ chắc chắn là hoàn toàn phù hợp với toàn bộ thế giới quan của họ mà nó luôn muốn ở tư cách là thực tế phản chiếu lên thế giới bên ngoài nhưng lại chỉ là thực tế ở đời sống tâm linh. Ngoài ra nó còn lưu ý đến ấn tượng chính mà đời sống khi thức nhận được qua hồi ức buổi sáng còn lại từ giấc mơ, bởi lẽ ở hồi ức này thì giấc mơ tỏ ra như là cái gì đó xa lạ mà nó xuất phát từ một thế giới khác, trước nội dung tâm lý còn lại. Hơn nữa, có điên rồ mới nói rằng, học thuyết không cần tới nguồn gốc siêu nhiên của các giấc mơ ngày nay của những môn đệ; không kể đến tất cả những nhà văn theo thuyết kiến tín và thần bí - họ cố gắng giữ chặt những gì còn lại của lĩnh vực trước đây rất rộng lớn của cái siêu nhiên chừng nào chúng chưa bị Giải thích khoa học tự nhiên chiếm lĩnh - ta cũng bắt gặp những người sắc sảo

¹ Số phận tiếp theo của Giải thích giấc mơ thời Trung cổ, xem Diepgen và những nghiên cứu đặc biệt của M. Förster, Gouthard... Về giải thích giấc mơ ở người Do Thái có nghiên cứu của Almoli, Amram, Löwinger, cũng như gần đây, với lưu ý đến quan điểm phân tâm học, Lauer, Drexler, F. Schwarz và nhà truyền giáo Třinkdji cho ta hiểu biết về Giải thích giấc mơ theo văn hóa Ả Rập.

và có ác cảm với tất cả mọi sự phiêu lưu mà họ cố gắng dựa niềm tin tôn giáo của mình vào sự tồn tại và sự can thiệp của các lực thần thánh siêu nhân chính là lên tính không Giải thích được của hiện tượng mơ (Haffner). Việc đánh giá cao đời sống mơ từ phía một số trường phái triết học như Schellingianer là dư âm rõ ràng của tính thần thánh của giấc mơ vốn không thể bị tranh cãi ở thời cổ đại, và cũng chưa kết thúc thảo luận về lực tiên đoán, báo trước tương lai của giấc mơ, bởi lẽ những cố gắng Giải thích tâm lý học để hoàn tất việc xử lý tư liệu đã dồn lại chưa đủ, dấu cho cảm tình đến mấy của bất cứ ai đi theo lối suy luận khoa học để chống lại một sự khẳng định như vậy là không mập mờ.

Việc viết một câu chuyện về nhận thức khoa học của chúng ta về các vấn đề giấc mơ là khó vậy, bởi nhận thức này, dấu ở từng chỗ riêng lẻ rất giá trị, nhưng lại không nhận ra được tiến bộ theo những hướng nhất định. Chưa đi đến hình thành một nền tảng gồm các kết quả chắc chắn mà trên đó nhà nghiên cứu tiếp theo có thể triển khai, mà mỗi tác giả mới lại phải bắt đầu từ đầu chính những vấn đề ấy, cứ như từ khởi nguồn. Nếu tôi muốn tuân theo thứ tự thời gian của các tác giả và báo cáo về mỗi người theo trích đoạn mà họ đã thể hiện quan điểm về vấn đề giấc mơ, thì tôi lại phải khước từ việc phác ra một bức tranh toàn cục khái quát về hiện trạng nhận thức giấc mơ; nên tôi đã ưu tiên sự mô tả chủ đề thay vì liên hệ với tác giả và ở mỗi vấn đề giấc mơ lại nêu ra có tư liệu gì để giải vấn đề ấy ở tài liệu tham khảo.

Nhưng bởi vì tôi chưa thành công với việc hoàn thành toàn bộ số tài liệu tham khảo về đối tượng, rất phân tán như thế và chống chéo lên những thứ khác, nên tôi phải đề nghị bạn đọc hãy thỏa mãn khi chỉ đơn giản là ở bài mô tả của tôi không bị mất đi sự kiện cơ bản và quan điểm quan trọng.

Cho đến gần đây, phần lớn các tác giả thấy họ phải xử lý giấc ngủ và giấc mơ trong mối liên hệ vừa nói, thông thường cũng cả sự công nhận những trạng thái tương tự mà chúng vươn tới bệnh học tâm lý, và kết lại cả những biến cố tương tự như giấc mơ (như ảo giác, ảo mộng...). Trái lại ở những công trình mới nhất lại thấy cố gắng giữ cho đề tài hạn hẹp và chẳng hạn lấy một vấn đề riêng lẻ từ lĩnh vực đời sống khi mơ làm đối tượng.

Trong sự thay đổi này, tôi muốn thấy sự thể hiện niềm tin rằng, chỉ có thể đạt được sự khai sáng và thống nhất ở những vấn đề tối tăm như thế này qua một loạt những khảo sát chi tiết. Ở đây tôi cũng không thể cung cấp cái gì khác hơn là một sự khảo sát chi tiết như thế, cụ thể là theo bản chất đặc biệt tâm lý học. Tôi ít có cơ hội khảo sát vấn đề giấc ngủ bởi lẽ đây là một vấn đề về cơ bản là sinh lý học, dấu cho ở đặc trưng của trạng thái ngủ cũng phải chứa sự thay đổi các điều kiện chức năng cho công cụ tâm linh. Vậy là ở đây cũng sẽ không xét tới tài liệu tham khảo về giấc ngủ.

Mỗi quan tâm khoa học tới chính bản thân các hiện tượng giấc mơ dẫn tới các cách đặt vấn đề sau, phần nào gắn kết với nhau: A - Mối liên hệ của giấc mơ với đời sống khi tỉnh. B - Chất liệu giấc mơ - Trí nhớ trong giấc mơ. C - Các kích thích ở giấc mơ và các nguồn cho giấc mơ. D - Tại sao sau khi tỉnh người ta lại quên đi giấc mơ. E - Những đặc điểm tâm lý học của giấc mơ. F - Những cảm giác đạo đức học của giấc mơ. H - Mối liên hệ giữa giấc mơ và các bệnh tâm thần.

LỜI BẠT CỦA HERMANN BELAND

Cuốn sách này nhất định là đã mở rộng nhận thức loài người về bản thân thêm cả toàn bộ lãnh vực cái vô thức và mở ra một *via regia* (hoàng lộ, t. Latinh), một con đường của vua, để hiểu được sự chuyển đổi từ cái suy nghĩ vô thức về ý thức, hội nhập về sự hiểu biết và nắm bắt được tác động trị liệu của việc hội nhập này. Nó vĩ đại hơn một công trình mang tầm thế kỷ. Từ trước tới nay chưa có một người nào thành công với việc hiểu những giấc mơ của chính bản thân mình, thử nghiệm ước muốn được biết về chính bản thân mình qua những số phận của thời trẻ của chính mình mà mỗi giấc mơ đều có nắm bắt, chấp nhận những chấn động tâm thần kinh và đam mê vô thức trẻ con và khi ấy đồng thời những quy luật của tư duy vô thức và phát hiện ra những nguyên nhân hình thành các chứng loạn thần kinh và các chứng loạn tâm thần của loài người.

Từ đó đến nay, năng lượng lý thuyết vô cùng lớn của cuốn sách này đã lại được minh chứng ở sức mạnh để thách thức mỗi thế hệ. Dĩ nhiên việc hiểu giấc mơ chưa kết thúc với cuốn sách của Freud, thế nhưng mỗi tiến bộ lại phát triển trên những cách đặt vấn đề mà nó phát biểu và những hiệu ứng mà nó thu thập và trước hết phải đạt được độ rộng và độ chính xác của cách xây dựng lý thuyết của nó đã, để có thể có được một chút ý nghĩa gì.

Freud luôn xem *Diễn giải Giấc mơ* như là tác phẩm quan trọng nhất của ông và để nguyên vị thế lịch sử của nó theo cái cách mà ở những lần tái bản sau này chỉ tiến hành thay đổi nào mà chúng vẫn giữ tác phẩm “ở tư cách là tư liệu lịch sử”¹. Cả lý thuyết cấu trúc² lẫn lý thuyết đã thay đổi về sợ hãi, và cả lý thuyết cuối cùng về thôi thúc bản năng đều được ông dùng để thay đổi lý thuyết về giấc mơ, và không nên đặt câu hỏi rằng, không chỉ những thay đổi lý thuyết đã tạo ra một bức tranh toàn thể khác biệt đáng kể. Công việc này để dành lại cho các học trò của Freud. Chỉ trong *Phác thảo phân tâm*³ mới có tạm thời sử dụng lý thuyết cấu trúc ở việc Diễn giải Giấc mơ.

Thế nhưng cũng vẫn chưa lồng những mối liên hệ ngang trực tiếp từ các nguyên lý cơ bản của lý thuyết với kỹ thuật. Vậy nên giữa các năm 1890 và 1899, khi Freud có được những nhận thức cơ bản của mình về giấc mơ, thì ông vẫn còn chưa biết về sự phối hợp giữa sự truyền phát và việc làm kỹ lưỡng, nên tương ứng thiếu mất sự tham gia của công mơ vào năng suất tâm lý của việc làm kỹ lưỡng³. Nhưng nếu việc điều trị có kết quả tốt, sẽ xuất hiện những giấc mơ “tốt” mà chúng thể hiện mức độ công tâm lý đã đạt được để làm nhà trị liệu hài lòng.

Nguyên lý cơ bản của cái tâm linh để điều khiển là việc bắt buộc nhắc lại, có thể được coi như là người canh gác của xu hướng trị liệu đang tồn tại trong tâm linh⁴. Nó làm cho “sự hoàn thành giấc mơ” một chức năng có cơ sở sâu sắc hơn (thích hợp với giấc ngủ REM,

¹ Lời nói đầu cho tái bản lần thứ bảy cuốn *Diễn giải Giấc mơ* năm 1929, ở trên.

² Lý thuyết cấu trúc: Quan niệm của Freud về nhân cách theo Cái Nó, Cái Tôi, Cái Siêu Tôi từ 1920. Chẳng hạn: Mỗi hành vi đều đồng thời mang tính xã hội, vị kỷ, có suy nghĩ, theo bản năng và đạo đức; và tất cả những cái này đều theo một hỗn hợp, cường độ và độ thống nhất khác nhau, đồng thời nhiều lần vô thức và có ý thức. Ở: S. Freud, Toàn tập, Tập 17, London 1941, tr 63-138, và *Nachtragsband*, tập phụ, Frankfurt am Main 1987, tr 749.

³ Việc làm kỹ lưỡng: công hội nhập khi điều trị; mở rộng chủ yếu tự nhận thức (giải thích) chống lại sức chống đối của chính mình trước tất cả mọi mối liên hệ.

⁴ Max Schnur, *Cái Nó và các nguyên lý điều chỉnh sự kiện tâm lý*, S. Fischer, Frankfurt am Main 1973, tr.145

xem ở dưới) mà Freud cũng đã định nghĩa ở *Bên ngoài nguyên tắc thêm muốn*¹. Cuối cùng: Ở cuốn *Diễn giải Giấc mơ*, Freud cũng đã tính đến một tương lai mà ở đó, bên cạnh tâm lý học giấc mơ sẽ có bệnh lý học tâm lý giấc mơ². Sau này, mà trước hết là ở những bệnh nhân *Borderline* (rối loạn nhân cách - ND) và bệnh nhân loạn tâm thần, ở tư cách là rối loạn chức năng giấc mơ, thì rối loạn khả năng xây dựng ký hiệu chứng tỏ là trung tâm, và tất cả những nhận thức về việc xây dựng ký hiệu đã làm thay đổi nhiều chi tiết của lý thuyết giấc mơ của Freud. Nói chung, người ta có thể nói rằng, sự chú ý của các nhà phân tích hơi đi xa ra khỏi nội dung giấc mơ và hướng nhiều hơn về dạng và chức năng của giấc mơ.

Cuộc tranh cãi với lý thuyết giấc mơ của Freud trong nội bộ ngành phân tâm học thể hiện vai trò của các quan điểm cơ bản khác nhau đã hình thành trong quá trình phát triển ngành phân tâm học, nhưng cũng cả sự mở rộng phạm vi liệu pháp. Những thay đổi về hiểu biết giấc mơ hướng vào công mơ (mở rộng chức năng của tượng trưng hóa, của các yếu tố giấc mơ, của chức năng trị liệu), tâm lý học giấc mơ (mối liên hệ với đối tượng ngược với bệnh ái kỷ), đánh giá suy nghĩ trong giấc mơ, vai trò của giấc mơ nói chung (xử lý giấc mơ ngược với hoàn thành ước muốn và giữ được giấc ngủ). Một số trong những thay đổi này sau đây sẽ đề cập kỹ hơn. Nghiên cứu về giấc mơ - giấc ngủ bốn thập niên qua đã cho những kết quả hết sức lý thú, nhưng nội dung của chúng lại xa tất cả các nội dung tâm lý học chiều sâu hết như các phép đo huyết áp với Romeo và Julia. Phải nhắc đến những phỏng đoán có thể trong mối liên hệ với những thay đổi của Freud về quan niệm của ông về giấc ngủ và về cấu trúc của bộ máy tâm lý, cái được trình bày trước.

¹ Ở: S. Freud, *Toàn tập*, Tập 18, London 1940, tr.1-69.

² Ở trên, tr.103.

Tự phân tích của Freud, chống đối chèn ép và tổng hợp giấc mơ

Freud ba chín tuổi khi với giấc mơ về “Cú tiêm của Irma”, ông bắt đầu thử nghiệm một cách hệ thống, tự nghiên cứu về việc phân tích các giấc mơ của chính bản thân mình. Có lẽ ông phải làm điều ấy. Ông cảm thấy mình ốm, và cũng đúng như thế. Có lẽ đó là một trong những bệnh sáng tạo mà những vĩ nhân mắc phải để họ tự mình chuyển hóa với một công trình vĩ đại mà khi ấy họ sản sinh ra¹. Kể từ khi ông từ chối thôi miên và giả định ở bệnh nhân của mình và thay vào đó xây dựng những ý tưởng mục tiêu tự điều khiển (tiền ý thức), thì ông thấy rằng, ở những buổi điều trị, bệnh nhân tự phát kể ra những giấc mơ. Điều ấy lẽ ra chẳng thể gây ngạc nhiên nơi ông, nhưng vẫn có nó, và nó kèm theo nhu cầu phải giải bài toán về những rối loạn tâm lý, với nhiệm vụ phải hiểu các quá trình tâm lý thông thường (các giấc mơ). Khi ấy thì sự làm sai lệch giấc mơ, sự phi lý của các giấc mơ là vấn đề sâu sắc nhất và khó nhất mà cho đến nay, suy nghĩ của loài người vẫn luôn thất bại. Chính bản thân Freud đã quan sát đây suy tư những giấc mơ của chính mình từ lâu rồi, đã có trong đầu một “cuốn sách riêng tư về giấc mơ” (trong mối liên hệ với một quan điểm tư duy đam mê khoa học tự nhiên), ở đây ông sưu tập những kinh nghiệm của mình. Ngày 30.6.1882, khi 26 tuổi, ông viết cho người yêu: “Anh [...] không bao giờ mơ về những cái mà cả ngày anh đã bận tâm, chỉ về những đề tài mà trong ngày có lần va chạm nhưng lại bị ngắt giữa chừng.”² Việc tự quan sát này minh chứng cho sự chuẩn bị nội tâm của Freud cho cuộc nghiên cứu có hệ thống trên chính bản thân mình sau này và đã chứa mầm mống cho lý thuyết sau này về “phần dư trong ngày” và lý thuyết về

¹ Henry F. Ellenberger, *Die Entdeckung des Unbewußten — Phát minh cái vô thức*, Hans Haber, Bern-Stuttgart-Wien 1973.

² Ernest Jones, *Das Leben und Werk von Sigmund Freud — Cuộc đời và tác phẩm của Sigmund Freud*, Tập 1, Hans Haber, Bern-Stuttgart.

“những suy nghĩ vô thức trong mơ.” Cũng vậy, ngay từ khi còn học đại học ông đã biết rằng, những giấc mơ của bệnh nhân bệnh tâm thần và triệu chứng của chúng là những thể hiện ước mơ vô thức. Hai trong số các thầy về bệnh lý học của ông là Griesinger và Meynert đã nhấn mạnh cho quan điểm này trong các cuốn sách của họ một cách đầy thuyết phục. Thế nhưng liệu người ta có thể kết luận rằng phát kiến này cũng đúng cho những giấc mơ của những người khỏe? Theo những quy luật suy tư vô thức nào hình thành tính khó hiểu của các giấc mơ mà cho đến nay nỗ lực thu tập hàng ngàn năm tự nghiên cứu vẫn thất bại? Hay giấc mơ là cái gì đó như “những bệnh loạn thần kinh thông thường”?

Trong một bức thư gửi Fließ (đề ngày 12.6.1900), nửa năm sau khi ấn hành cuốn *Diễn giải Giác mơ*, Freud hỏi: “Lẽ ra anh có tin rằng trong tương lai bên nhà tôi sẽ treo biển đá cẩm thạch ghi: ‘Ở đây vào ngày 24.7.1895, TS. Sigmund Freud đã phát hiện ra bí mật của giấc mơ?’”¹ Câu hỏi này khá nhộn, nhưng lại được đặt ra một cách nghiêm túc. Nó liên hệ tới giấc mơ của “cú tiêm của Irma”, việc Diễn giải Giác mơ đầu tiên do Freud đề nghị thành công, mà với nó Freud bắt đầu tự phân tích chính bản thân mình và sau đó mở ra phần có hệ thống của việc *Diễn giải Giác mơ*. Khi hồi tưởng lại, Freud biết rằng, chuyển động nhận thức xuất phát từ thời điểm này sẽ dẫn đến một phát kiến mà một thiên tài khoa học chỉ thực hiện một lần trong đời. Đây là phát kiến các quy luật quá trình sơ cấp của bệnh loạn tâm thần, phát kiến của logic của tư duy vô thức, của nội dung quan trọng nhất về *Diễn giải Giác mơ* của ông. Đây là việc giải mã bí mật về sự làm sai lệch giấc mơ: nó xảy ra trong tư duy vô thức

¹ Sigmund Freud: *Những bức thư gửi Wilhelm Fließ 1887-1904*, bản không rút gọn do Jeffrey M. Masson ấn hành, bản tiếng Đức của Michael Schröter, Gerhard chuyển dạng, S. Fischer, Frankfurt am Main 1986, tr.458.

qua sự chuyển dịch cường độ, độ nén các ý nghĩa, xóa bỏ định luật mâu thuẫn, sự vắng mặt của quan niệm về thời gian và cái chết. Đặc trưng này về cái vô thức động học thống lĩnh công mơ, nhưng trước hết là cũng cả những sự hình thành triệu chứng của tất cả các bệnh tâm thần (ở đây thì trước hết Freud cũng cần nhắc đến), những công trình sai lệch của cuộc sống thường nhật, các điều kiện xuất hiện các loại hình nghệ thuật, huyền thoại, tôn giáo. Phát kiến này sẽ làm thay đổi nhân học, bệnh học thần kinh và tất cả các ngành khoa học nhân văn và lý giải cho một phương pháp điều trị hợp lý cho các bệnh tâm linh. Hoàn toàn không nghi ngờ gì nữa, nó rất xứng đáng với một bảng đá cẩm thạch! (Thật vậy, 77 năm sau Anna Freud đã khánh thành một bảng như thế trên núi Kahlenberg).

Cùng với sự “lưu ý đến tính có thể mô tả được”, quá trình sơ cấp thành công với công mơ ở sự thỏa mãn ước mơ bị kích, thường được xây dựng một cách biểu tượng và thường bị làm sai lệch đi của những ước mơ thời thơ ấu bị dồn nén trên sàn diễn giấc mơ ban đêm. Vậy đó là một kết quả xung đột mà nó đạt được một sự thỏa hiệp hết sức nghệ thuật giữa những điều kiện văn hóa (kiểm duyệt, kháng cự sự dồn nén), những ước vọng bị dồn nén (thường là những hệ quả của chấn động tâm thần) và ước vọng mạnh mẽ được ngủ. Ước vọng gây rối giấc ngủ muốn thoát sự dồn nén, do bị làm sai lệch mà được làm dịu đi một cách hầu như không cảm thấy được, giàu tưởng tượng, và mãi đến trước người giải thích giấc mơ thì nó mới giải bày những bí mật nặng nề của quá khứ và của cái vô thức¹.

¹ Một bản tổng kết các kết quả chính của những nghiên cứu của Freud trong *giải thích giấc mơ* là: “Giấc mơ là một động tác tâm lý hết sức quan trọng, động lực của nó luôn luôn là một ước muốn phải thực hiện; tính không nhận ra nó ở tư cách là ước muốn và nhiều tính cách đặc biệt và vô nghĩa của nó xuất phát từ ảnh hưởng của sự kiểm duyệt tâm lý mà nó nhận được khi hình thành; ngoài sự ép buộc phải thoát khỏi sự kiểm duyệt này, khi hình thành nó còn có một sự ép buộc để chèn ép tư liệu tâm lý học, một sự lưu ý đến khả năng có thể diễn tả thành những bức tranh cảm giác và - đầu cũng không thường xuyên, một sự lưu ý đến một vỏ ngoài hợp lý và dễ hiểu của bức tranh giấc mơ - tham gia tác động” (xem

Ước muốn ngủ tạo điều kiện cho giấc mơ, và giấc mơ gìn giữ giấc ngủ. Bởi lẽ dù có tất cả các ước muốn ban đêm, ước muốn ban ngày, ước muốn quá khứ, ước muốn thời còn bú, thì ước muốn được ngủ của người đang mơ vẫn giữ vị trí ưu tiên. Với Freud năm 1899 thì điều này vẫn là một tiền đề của sinh lý học mà không có vấn đề gì¹, mãi đến 1916, về mặt tâm lý học thì ước muốn được ngủ mới được định nghĩa là sự thỏa mãn một sự đến bù libido cho bệnh ái kỷ cũng như một sự đến bù cái tôi cho bậc của sự thỏa mãn ước muốn hoang tưởng². Chính ở đây, sau này thì học thuyết về giấc mơ phải nhận được sự gắn kết với mối liên hệ về đối tượng. Rồi còn nói về vấn đề này nữa.

Khoảng cách lịch sử khởi Freud dần xuất hiện cho phép có một mối quan tâm sâu lắng, khách quan tới toàn cảnh gia đình, tri thức, xã hội mà về mặt tâm lý, nó đúng cho Freud trong trường hợp nhân tài và trường hợp may mắn. Do ý nghĩa lịch sử của nó mà trong những thập niên qua, giấc mơ nổi tiếng nhất của Freud, cái giấc mơ về “cú tiêm của Irma”, đã được giải thích lại nhiều lần ở tư cách là bức tượng đài cho bước đột phá để đi đến nhận thức giấc mơ (Erikson 1954, Leavin 1956, Schur 1966, Grinstein 1968, Berenstein 1974, Eissler 1987, Anzieu 1988)³.

Tương tự cũng xảy ra với các giấc mơ khác của Freud. Trong số cỡ 200 giấc mơ trong cuốn *Diễn giải Giấc mơ* thì có khoảng 50 là của chính Freud. Với sự trợ giúp các giấc mơ này, mà ông đã xếp lại

tr.524).

¹ “Tôi ít có cơ hội bận tâm tới vấn đề giấc ngủ, bởi lẽ đây là một vấn đề chủ yếu là sinh lý học dẫn cho ở đặc trưng của trạng thái ngủ cũng vẫn phải có sự thay đổi các điều kiện chức năng cho bộ máy tâm linh” (xem trên, tr.23f).

² S. Freud, “Bổ sung siêu tâm lý học cho học thuyết về giấc mơ”, trong *Tuyển tập tác phẩm* T 10, London 1946, tr 413.

³ Tài liệu tham khảo ở Didier Anzieu, *Tự phân tích của Freud*, T 1, Verlag Internationale Psychoanalyse, Munich 1990.

theo thời gian và giải thích lại, Didier Anzieu đã mô tả tiến trình tự phân tích của Freud, những thăng giáng chuyên tiếp trong mối quan hệ với người bạn Berlin của ông là Wilhelm Fließ và những nhận thức thu được từ tự phân tích và những khái niệm khoa học vừa mới đưa vào. Người đọc sẽ trở thành người chứng kiến những phát minh vĩ đại của Freud - phát minh mặc cảm Oedipus, phát minh *Urszenenphantasie* - tưởng tượng cảnh tượng gốc, phát minh nỗi sợ bị thiến - cũng như các thất vọng lớn về việc thử tạo lập hệ thống và những lỗi lầm lý thuyết. Hầu như tất cả các nhận thức tích cực và tiêu cực đều do Freud thu thập được bởi tự phân tích từ việc giải thích những giấc mơ của chính bản thân mình.

Nhưng người ta cũng nhận thức ra rằng, sự chống cự của Freud trước việc công bố những giấc mơ của chính bản thân mình ở tư cách là chứng liệu đã làm chậm việc in cuốn *Diễn giải Giấc mơ* đi mất một năm - dễ hiểu, khi người ta nghĩ lại hoàn cảnh xã hội thời ấy. “Người ta không thể tự giấu giếm”, tác giả phớt trần, “rằng phải có sức chế ngự chính mình ghê gớm để giải thích và thông báo những giấc mơ của mình. Người ta phải phớt trần mình ở tư cách là kẻ độc ác duy nhất trong số tất cả những người cao quý mà người ta chia sẻ cuộc đời.” Thật vậy, mỗi cú giải song đề mà ta có thể nghĩ ra, để mà Freud đang vướng vào, lại đem theo nó những tác hại mang tính quyết định: chính là ở “tâm bí mật”, sự thỏa mãn ước muốn trẻ con của giấc mơ, thì ông phải giữ lại những nhận thức của mình cho chính bản thân mình hay dừng lại ở cách khá là chung chung. “Trong cơ cấu mô mà phép phân tích lột trần, tôi sẽ có thể”, ông viết năm 1901, “xiết chặt hơn những sợi dây rồi sau đó sẽ có thể cho thấy rằng chúng ta sẽ cùng đi đến một nút thắt duy nhất, thế nhưng những nết vì với bản chất không phải khoa học mà riêng tư đã cản tôi, công khai làm việc này. Nếu không vậy, tôi sẽ phải tiết lộ quá nhiều

điều, những điều tốt hơn dừng lại là bí mật của tôi, sau khi trên con đường đến giải pháp này tôi đã tự mình làm sáng tỏ đủ thứ, điều mà tôi tự thú một cách miễn cưỡng. [...] Cũng vậy lẽ ra tôi tránh được khó khăn này khi tôi đưa giấc mơ của một người khác ra phân tích, trừ trường hợp khi những mối liên hệ cho phép, vượt hết các bức màn che đậy mà không gây hại cho người đã tin cậy tôi”¹.

Sự nể nang (khi ấy còn?) cần có này có hại cho cuốn *Diễn giải Giác mơ*. Khái niệm ước muốn trẻ con bị chèn ép (chuyển cho những ý nghĩ ẩn chứa trong giấc mơ và bị làm lệch đi ở giấc mơ phát lộ) mà Freud có lý khi đặc biệt nhấn mạnh, được lưu ý quá ít trong cuốn *Diễn giải Giác mơ* và lấy mất của nó sức thuyết phục mà việc phân tích giấc mơ ở các câu chuyện của bệnh nhân sau này cần có. Freud đã tính đến việc ông và những bệnh nhân của ông sẽ là nạn nhân của “sức chống sự chèn ép” đang tồn tại ở xã hội (đấy chính là ý nghĩa của sự kiểm duyệt giấc mơ), và có lẽ ở điểm này thì ông có lý. Một chương đã lên kế hoạch của cuốn *Diễn giải Giác mơ* về giấc mơ và chứng loạn thần kinh chức năng cũng là nạn nhân của chính sự nể nang ấy. Chúng ta có thể giả thiết rằng, “đoạn phân tích chứng loạn thần kinh”² mà mãi 5 năm sau ông mới công bố, tương ứng với chương vốn bị bỏ. Trong công trình này, Freud đã cho “những bài tổng hợp giấc mơ” hoàn chỉnh tương ứng kế tiếp hai bài phân tích giấc mơ của nữ bệnh nhân Dora³. Freud gọi như thế hình tượng “chuyển đổi” của ước muốn trẻ con của cô gái đang mơ về những ý nghĩ đang còn ẩn chứa trong giấc mơ, nay đã được dịch sang ngôn từ thông dụng, mà chúng, khi lấy toàn bộ, thay thế hoàn toàn giấc mơ đã phát lộ, ứng với đòi hỏi của Freud. Ở giấc mơ của Dora về

¹ S. Freud, “Über den Traum-về giấc mơ” ở *Toàn tập tác phẩm*, tập 2/3, London 1942, tr 653.

² Ở S. Freud, *Toàn tập tác phẩm*, tập 5, London 1942, tr.161-286.

³ So sánh trên, tr.116.

“ngôi nhà đang cháy”, người ta có thể nhận thức rõ hơn là ở bất cứ thí dụ nào khác, giấc mơ đã phát lộ có mối liên hệ thế nào với giấc mơ đang còn ở ẩn, công mơ đã hoàn thành công việc gì và việc vượt qua được sức chống đối chèn ép trong liệu pháp lấy lại được ước muốn trẻ con. Sự tổng hợp giấc mơ đậm đặc để thành giấc mơ của Dora về “ngôi nhà đang cháy” kéo dài nhiều trang giấy in, trong khi giấc mơ chỉ cần tới 3 dòng¹.

Người ta có thể nghĩ thêm những sự tổng hợp giấc mơ như thế cộng vào các phân tích lớn giấc mơ ở cuốn *Diễn giải Giấc mơ*, đặc biệt và cũng chính là về những giấc mơ số mệnh của Freud (giấc mơ về “cú tiêm của Dora” và giấc mơ về “tháo rời cái đế ra”), nếu như có một giới bạn đọc mà họ chịu được sự mô tả cuộc đời thật sự (cuộc đời của Freud) và có thể tương ứng ứng dụng vào chính mình.

Freud đã chuyển đổi khái niệm “kiểm duyệt” từ chính sách truyền thông Nga Sa hoàng về việc làm sai lệch giấc mơ. Việc lưu ý tới “sức chống đối chèn ép” xã hội khi soạn thảo cuốn sách của ông nhắc chúng ta chú ý đến là con người ở tư cách là thực thể giống loài của sự tự nhận thức mà nó có thể hình thành qua giấc mơ, nói chung phải loại ra ngoài sự quan sát. Có lẽ, như nhờ sự trợ giúp của sinh học mà từ việc quên giấc mơ ở thời gian hai tiếng mơ mỗi đêm (giai đoạn REM) dễ đoán ra. Dẫu sao thì tác dụng của cuốn *Diễn giải Giấc mơ* cũng chẳng làm chấn động thế giới - và nếu như cuối cùng thì nó đã làm chấn động thế giới, thì điều đó xảy ra theo một cách hoàn toàn không dự báo được: Sau tiến trình nhiều năm, càng ngày nó càng kiếm thêm cho tác giả nhiều môn đệ hơn, họ là những nam thanh nữ tú tài ba, qua họ và qua môn đệ của họ... mà cuộc cách mạng tri thức được lan truyền.

¹ Toàn tập tác phẩm, tập 5, tr.251-255.

Những bổ sung sau này qua Freud, nghiên cứu giấc ngủ REM và một lý thuyết cấu trúc về giấc mơ

Do khoảng cách nội tâm quá lớn giữa những thí nghiệm sinh lý học của việc nghiên cứu - giấc ngủ - giấc mơ với tâm lý học phân tâm nên khó kết hợp hai môn lại với nhau một cách hữu ích. Việc nghiên cứu giấc mơ bằng thực nghiệm bắt đầu vào năm 1953 ở Đại học Chicago khi Aserinsky và Kleitmann phát hiện ra giấc ngủ “nghịch lý” hay tích cực, mỗi đêm có 4 đến 5 lần giai đoạn ngủ liên tục khoảng 9, 20, 26, 40 phút có quay lại, với chớp mắt nhanh khi nhắm mắt (Rapid Eye Movement, REM), thay đổi EEG (tương tự trạng thái tỉnh), cơ bắp bộ xương hoàn toàn nhũn, kích thích bộ phận sinh dục (hệ thống âm vật, âm hộ, dương vật), thay đổi thở, mạch, huyết áp (tương ứng với đi tham gia vào một sự kiện kích động khi thức), với nhiệt độ não bộ và tốc độ trao đổi chất cao và với báo cáo về giấc mơ, khi ở trạng thái này người ngủ bị đánh thức. Nếu mãi vài phút sau trạng thái REM, anh ta mới được đánh thức, anh ta thường đã quên mất giấc mơ. Kết quả riêng lẻ sau đây đáng quan tâm: khi tổng kết lại, thời gian giấc mơ sẽ được đánh giá đúng. Những thời gian giấc mơ bị việc đánh thức cản trở sẽ được bù ở những đêm sau. Những sự cản trở liên tục nhiều đêm dẫn đến tính dễ nổi nóng, mất tập trung cho đến ảo giác ở trạng thái tỉnh. Những thí nghiệm như thế ở mèo, nếu tiếp tục lâu, cuối cùng dẫn chúng đến chết. Những thí nghiệm ở động vật cho phép rút ra kết luận rằng, động vật cũng mơ ở giấc ngủ REM. Về lịch sử phát triển thì giấc ngủ REM mới hơn giấc ngủ REM chính thống mà ở chim thì nó bắt đầu với thời gian vài giây. Tất cả động vật có vú đều kéo dài giấc ngủ ra. Mới đẻ rất dài (50%) hơn trưởng thành (20%). Ở người, giấc ngủ bắt đầu trong bụng mẹ từ tuần thứ 12. Ba trung tâm não bộ cho trạng thái tỉnh, giấc ngủ chính thống và giấc ngủ REM

định vị tại cấu tạo lưới của *thân não* (Truncus cerebri hay Truncus encephali), từ đây điều khiển sự kết hợp qua lại đều đặn.

Những giả thuyết của các nhà nghiên cứu giấc mơ bằng thực nghiệm về chức năng của giấc ngủ REM là hết sức nhiều và mâu thuẫn nhau. Tuy các kết quả nghiên cứu thu được không mâu thuẫn với tâm lý học giấc mơ của Freud, nhưng dễ hiểu là nó cũng ít đóng góp cho môn đó. Thế nhưng một số sự kiện lại gây ngạc nhiên. Chẳng hạn các thí nghiệm lấy mất giấc mơ xác nhận một cái gì đó như bản năng mơ theo lệnh (theo cách nói cũ). Mỗi đêm phải mơ một thời gian nhất định. “Nếu thực hiện việc lấy đi mất giấc mơ đủ lâu, thì phải tính đến khả năng suy giảm nghiêm trọng nhân cách”¹. Điều đó ứng với quan niệm của Freud của sự tỉnh dưỡng nhờ đêm về công sức bỏ ra cho những ức chế và chèn ép trong giấc ngủ và giấc mơ, nhưng người ta có thể giả thiết rằng Freud rất ngạc nhiên về quy luật nghiệt ngã của thời gian - giấc ngủ - REM.

Đáng quan tâm đối với kinh nghiệm phân tâm học và lý thuyết là những mối liên hệ giả thuyết có thể với khái niệm thoái lui. Tỷ lệ phần trăm cao của giấc ngủ REM ở trẻ sơ sinh (với giải kích thích sinh dục) dẫn tới ở hầu như tất cả các tác giả phân tích bị ngạc nhiên tới “sự dè dặt có cân nhắc đầy thận trọng”: trẻ sơ sinh mơ ư?! Lẽ ra, nếu như Freud biết được những kết quả phân tích này, thì có lẽ ông đã chẳng từ chối nó ở tư cách là sự hỗ trợ có thể cho cái mà ông gọi là “tính cách cổ lỗ của giấc mơ”, ngôn ngữ hình², mối liên hệ ký hiệu, sự tiếp cận tự do về hồi ức thời thơ ấu vốn bị lãng quên cũng như về hồi ức thời gian tiền phát sinh loài³. Freud thậm

¹ William Dement, “the effect of dream deprivation”, *Science*, T 131 (1960), tr 1705 điều kiện.

² Xem S. Freud, “Tiếp xúc của tôi với Josef Popper-Lynkeus”, ở *Toàn tập công trình*, T 16, London, 1950, tr 263.

³ Đối với Freud, “vô thức tập thể” luôn là điều dĩ nhiên, tuy nhiên không tách biệt khỏi cá

chỉ còn hy vọng và cho là có thể, rằng “thu được những giải thích về [...]”¹ những bước khởi đầu sự phát triển tri thức chúng ta” thông qua nghiên cứu giấc mơ bởi phân tâm học, điều chỉ có thể quy về trẻ sơ sinh mà thôi.

Việc kết hợp nghiên cứu giấc ngủ REM với khái niệm thoái lui sẽ đặc biệt lý thú khi người ta sử dụng sự dịch chuyển theo lý thuyết cấu trúc lý thuyết cục bộ² của Freud. Năm 1917 (6 năm trước khi ở công trình *Cái Tôi và Cái Nó*³ của mình, ông nhập lý thuyết cấu trúc vào), Freud đã đưa nội dung cấu trúc vào lý thuyết giấc mơ ở ba điểm: ở sự thoái lui của Cái Tôi ở ước muốn được ngủ, ở giấc mơ bị phạt (ở tư cách là sự thỏa mãn của những đòi - hỏi - siêu - tôi) và ở việc giải thích cho kinh nghiệm thực tế. Sẽ luận bàn về vấn đề cuối lát nữa. Còn về ước muốn được ngủ, ông viết: “Khi người ta nghiên cứu các trạng thái loạn thần kinh thì người ta bị xui khiến phải nhấn mạnh ở mỗi người có trạng thái này cái được gọi là những *sự thoái lui thời gian*, lượng ngoạm khứ hồi đặc trưng cho anh ta về sự phát triển. Người ta phân biệt hai trong số những thoái lui này là cái của sự phát triển Cái Tôi và cái của sự phát triển libido. Trong giấc ngủ, cái sau kéo dài cho đến lúc sản sinh ra *bệnh ái kỷ nguyên thủy*, còn cái đầu tới bậc của sự *thỏa mãn ước muốn có tính ảo giác*”⁴. Năm 1938, trong *Phác thảo phân tâm học* ông diễn đạt ý nghĩ đó như sau: “[...] cùng lúc khi được sinh ra sẽ hình thành một bản năng, để quay

nhân và được hiểu chủ yếu lịch sử - chấn thương...

¹ S. Freud, *Bài giảng về nhập môn phân tâm học*, ở *Toàn tập công trình*, T 11, London, 1940, XIII. Vorl., tr 203.

² Lý thuyết cục bộ của phân tâm học, của một trong số những quan điểm giả tâm lý học: bố trí tất cả các hiện tượng tâm lý và các quá trình theo có ý thức, có ý thức từ trước, vô thức và theo mô hình đường cong phản xạ. Xem thêm “Cái vô thức” (1915, trong *Tuyển tập tác phẩm*, tập 10, tr 264-303).

³ Ở S. Freud, *Tuyển tập tác phẩm*, tập 13, tr 237-289.

⁴ S. Freud, *Bổ sung giả tâm lý học cho lý thuyết giấc mơ*, tr 413.

lại cuộc sống trong tử cung, một bản năng được ngủ. Giấc ngủ là một cuộc trở về như thế về bụng mẹ.”¹

Tất cả những cái ấy hết sức thích hợp với đứa trẻ sơ sinh đang mơ đáng tin - không đáng tin của việc nghiên cứu giấc ngủ REM. Khi ở đây chúng ta tán thành thuyết cấu trúc của giấc mơ mà Arlow và Brenner đã định nghĩa nó để thay thế thuyết giấc mơ cục bộ của Freud², thì lý thuyết về công mơ dễ hiểu hơn và cũng dễ tưởng tượng hơn với mối liên hệ với sinh học giấc mơ (giấc ngủ REM).

Thuyết cấu trúc của phân tâm học (sự kết hợp các hệ thống Cái Tôi - Cái Nó - Cái Siêu Tôi) được Freud đưa vào năm 1923 để có thể hệ thống hóa tốt hơn những xu hướng của Cái Tôi và của Cái Siêu Tôi vô thức, chẳng hạn các nhu cầu phạt vạ. Năm 1964, Arlow và Brenner áp dụng thuyết cấu trúc của Freud vào giấc mơ bởi lẽ họ cho rằng chúng giải thích đơn giản hơn và tốt hơn cho những hiện tượng đã biết về giấc mơ. Chúng sẽ được giải thích dễ hơn và tốt hơn về mặt lý thuyết thông qua trạng thái ngủ và qua những sự hạ thấp thoái lui các chức năng của Cái Tôi và của Cái Siêu Tôi về những chức năng trước đây³. Chẳng hạn trong khi ngủ thì các chức năng của cái tôi có thể thoái lui một cách rất dễ thích ứng, phần nào trong một giấc mơ sẽ sâu khác nhau. Cùng với Cái Nó và Cái Siêu Tôi thoái lui chúng dựng nên giấc mơ theo nghĩa của nguyên lý chức năng đa chiều. Một cách chi tiết, sẽ xảy ra những vấn đề sau:

¹ S. Freud, *Phác thảo phân tâm học*, tr.88.

² Jacob A. Arlow và Charles Brenner, *Psychoanalytic Concepts and the Structural Theory*, International Universities Press, New York 1964.

³ Hệ thống tâm lý “Cái Tôi” sẽ được xác định sâu hơn trong phân tâm học qua các chức năng của nó. Đó là tất cả những quá trình cho phép liên hệ với thực tại (cảm giác, ý thức, kiểm chứng thực tại); những cái làm nên mối liên hệ với đối tượng (tính dễ xúc động, yêu, ghét, mối liên hệ khác giới, tính không đối đối tượng); những cái của việc điều khiển bản năng (thỏa mãn, có thể đợi, dung thứ sợ hãi và dung thứ trầm cảm, làm việc); tất cả các quá trình tư duy; các chức năng phản vệ (chẳng hạn chèn ép); các chức năng tự trị (cảm giác, chế ngự cơ thể, tiếng nói); chức năng hội nhập (sản sinh những sự tổng hợp, tự tổ chức).

1. Cuộc kiểm duyệt thực tại thoái lui về thời kỳ của trẻ sơ sinh, về tính không thể phân biệt được của những sự kiện bên trong và bên ngoài. Những điều tưởng tượng sẽ trở thành thực trong hoang tưởng ảo giác (các giấc mơ).

2. Suy nghĩ và nói thoái lui về ngữ pháp mang tính cảm xúc - ký tượng của ngôn ngữ hình ảnh và hành động bị kịch ở thời kỳ trước khi biết nói. Qua đó sẽ hiểu được sự thống trị của tư duy quá trình sơ cấp ở những điều tưởng tượng ban đêm. Thiếu định hướng thực tiễn về không - thời gian, sự chết, tương tự như thế cũng thiếu logic ngôn trừ; trái lại các phép ẩn dụ, những kết hợp âm thanh, bản sắc các sự đối lập, đại diện toàn thể bởi chi tiết và ngược lại, logic đối xứng (Matte-Blanco¹) và sự hình thành biểu tượng thống trị sự suy nghĩ của trẻ nhỏ và suy nghĩ trong mơ. Trong giấc ngủ, người đang mơ thoái lui về đây.

3. Chức năng tích hợp của cái tôi thoái lui: giấc mơ thường không gắn kết với nhau.

4. Những sự kháng cự của cái tôi chống lại các ước muốn mạnh mẽ bị làm yếu khi thoái lui hết như ở cái tôi của đứa trẻ.

Cái Siêu Tôi rõ ràng là đã thay đổi khi thoái lui: các trạng thái sợ hãi chiếm đa số hơn hẳn những cảm giác tội lỗi, ngự trị cái *lex talionis* (luật ăn miếng trả miếng, t. Latin). *In summa* (tổng kết lại, t. Latin), tất cả những yếu tố quen thuộc của công mơ hình thành từ sự kết hợp đã bị thay đổi bởi sự thoái lui của những hệ thống đã thoái lui về thời kỳ trẻ sơ sinh. Giấc mơ là hình ảnh tưởng tượng vô

¹ Trong "Infinite Experiences, Affects and the Characteristics of the Unconscious", *International Journal of Psychoanalysis*, Tập 2 (1981), tr 403-412, Eric Rayner cho thấy một tổng quan về những ứng dụng đáng quan tâm của logic toán thông qua Ignatio Matte-Blanco lên logic của tư duy vô thức, là thử nghiệm cho tới nay duy nhất thành công để mô tả quá trình nguyên thủy ở tư cách là một (tư duy - ND) logic.

thức được trải nghiệm ở tư cách là thực tại của tư duy đã thoái lui mà nó dần dần tiếp tục phát triển ở sự hội nhập những kinh nghiệm (chấn động tâm thần) quan trọng nhất và những tách biệt cái tôi đã nảy sinh ở người này.

Tuy nhiên ở Arlow và Brenner vẫn để ngỏ câu hỏi rằng, chính vì sao mà lại phải mơ, một câu hỏi mà qua giấc ngủ REM đã trở nên hết sức quyết định. Ở đây vấn đề xoay quanh quan niệm tâm lý học về sự ép buộc sinh học của giấc mơ (giấc ngủ REM) hay bản năng muốn mơ. Freud có thể trả lời câu hỏi đó trong khuôn khổ của hệ thống cục bộ: cái bị chèn ép và những ý nghĩ tiếp cận nó (và vì thế đang đè nặng nhất) của cả ngày “chống lại” đòi hỏi được thoái lui của cái tôi đang muốn được ngủ, quay ra khỏi tất cả những cái đang tồn tại và cho tới nay đã trải qua, và bắt buộc phải bận rộn với chính mình ở công mơ, mà tuy nhiên sau đó nó lại “chỉ” gây nên một an ủi đầy tính ảo thuật (thỏa mãn ước muốn). Dĩ nhiên người ta cũng có thể chuyển gam quan điểm này về mặt lý thuyết cấu trúc: thực ra cái bị chèn ép chẳng phải cái gì khác hơn cái chính bản thân mình trước đây, khủng hoảng mối liên hệ vốn bị tách biệt và sự giới hạn cái tôi do xung đột gây ra sau sự gia tăng hung hăng của bản năng, một rào cản sự tiến triển và sự thoái lui (sự cố định), mà nó vẫn nguyên xi ở sự thoái lui của ước muốn được ngủ mang tính lịch sử cuộc đời và cũng vậy phải ngăn cản trạng thái ngủ hết như sự tỉnh giấc. Vậy là Cái Tôi đã bị tách ra và ban đêm phải làm việc. Thế nhưng nó lại muốn ngủ và loại bỏ những đòi hỏi cấp bách của “cái bị chèn ép”, bằng cách là tuyên bố những cái đó đã bị loại bỏ (tưởng tượng ra, thỏa mãn ước muốn).

Thế thì sẽ ra sao với chức năng trị liệu của giấc mơ mà nó đã được đặt ngay cạnh việc nghiên cứu - giấc mơ - giấc ngủ? Thực vậy,

câu hỏi là câu hỏi quan trọng nhất đã đi vào lịch sử cuộc tranh luận về cuốn *Diễn giải Giấc mơ* của Freud. Thế nhưng trước khi sau đây sẽ thảo luận về vấn đề ấy, phải nhắc lại công trình thuộc về lâm sàng của Bertram D. Lewin, mà nó cho ta một đóng góp đáng ngạc nhiên về câu hỏi, liệu trạng thái thoái lui của giấc ngủ và của giấc mơ có mối liên hệ với đối tượng hay không.

Mơ và mối liên hệ với đối tượng - Bức màn của giấc mơ

Chúng ta phải cảm ơn Lewin về những nhận thức quan trọng về tâm lý học giấc ngủ, mà nó đã rọi ánh sáng mới lên các vấn đề về mặt kỹ thuật liệu pháp. Chúng mở rộng nhận thức về tâm lý học orality - khẩu tính (hệ triat miệng về ăn, bị ăn thịt và ngủ) và mối liên hệ với nó là về việc thiết lập những trạng thái cuồng si và tột sợ chỗ kín. Chúng mở rộng nhận thức của chúng ta về giấc mơ. Theo quan điểm của ông thì “cảm giác thực tế xuất hiện trong giấc mơ từ sự lặp lại tưởng tượng (và trải nghiệm lại) trạng huống đứng yên¹.” Cảm giác thực tại trong giấc mơ là sự phát hiện lại trải nghiệm mạnh nhất trong tất cả các trải nghiệm ban đầu, đây chính là trải nghiệm nguyên thủy rằng, chúng ta thật sự có một lần đã nằm bên cạnh vú (mẹ - ND). Cái thực tế đã được hồi tưởng lại này là cái rồi sẽ được trải nghiệm ở tư cách là có thực. Khi đi ngủ, theo quan điểm của Lewin thì cũng chính như thế: về mặt tâm lý chúng ta lặp lại cử ngủ thiếp đi sớm nhất sau động tác cho bú. Vậy là bây giờ Lewin nhắc để nhớ lại những giấc mơ nhất định mà thuộc về nội dung hiển nhiên của chúng phải có một cảm giác thực tại mà nó mạnh tới mức, người mơ phải đặc biệt nhắc tới giấc mơ đó. Còn chính Freud, đã quen với hiện tượng này, thông báo làm thí dụ về giấc mơ của một người đàn ông 35 tuổi, khi ông ta mơ lúc 5 tuổi, 1 năm sau khi

¹ B.D. Lewin, *The Psychoanalysis of Elation*, New York, 1950.

cha ông mất: “Vị công chứng viên mà di chúc cha ông gửi ở đó [...], mang đến 2 trái lê mà ông ta được ăn 1 quả. Quả kia để trên thành cửa sổ phòng khách.” Đứa bé thức dậy mà tin chắc điều vừa mơ là thực nên đã kiên trì đòi mẹ quả lê thứ 2. (Bệnh nhân hồi tưởng rằng, công chứng viên thật sự một lần có mang lê tới, nhớ tiếp một giấc mơ hình thành tương tự của mẹ ông ta, nhưng ngoài ra chẳng có gì khác. Vậy đó là trường hợp cho sự chuyển dịch biểu tượng). Freud đánh đồng 2 quả lê với ngực bà mẹ và viết: “Cảm giác thực tại của ông ta sau khi thức dậy là đúng, bởi lẽ bà mẹ thật sự có cho ông ta bú, thậm chí lâu hơn thời gian bình thường nhiều, và vú mẹ luôn sẵn sàng. Phải chuyển dịch giấc mơ: Mẹ ơi, hãy lại cho cái vú mà trước đây con có bú đi.” Cảm giác thực tại tưởng tượng cho quả lê vậy là dựa trên thực tế hoàn cảnh cho bú.

Ở thí dụ này người ta có thể thấy Lewin muốn nói gì khi ông ấy muốn người khác hiểu cảm giác thực tại khi mơ như là *hồi tưởng*. Giải thích này ngược với cách Freud lý giải cảm giác thực tại khi mơ mà ông nghĩ là nó xuất hiện từ cảm xúc ngược trở lại (ảo giác, mô hình vòng cung phản xạ ngược) như nó đối nghịch với quan điểm của Arlow và Brenner về sự thoái lui lên tính không thể phân biệt được của cảm giác bên trong và bên ngoài. Về đề nghị của Lewin còn có một yếu tố cơ bản khác, phát kiến ra “dream screen - bức màn giấc mơ” ở tư cách là hồi tưởng tới vú, tới việc được bú, tới sau đó chìm-vào-giấc-mơ và tới giấc mơ của trẻ sơ sinh.

Năm 1946, Lewin thông báo về giấc mơ của một nữ bệnh nhân mà giấc mơ ấy đã đưa ông đến hình dung chung chung ra một cái phong giấc mơ không có hình ảnh, một màn ảnh giấc mơ hay một màn chiếu (dream screen) mà các giấc mơ được chiếu lên đó, chính là một bức ảnh chụp lại vú mãi mãi, đồng nhất với “giấc mơ trống

rộng” (như Lewin tiên đoán) của đứa trẻ sơ sinh sau khi bú. Nữ bệnh nhân có nói: “Giấc mơ mà tôi muốn kể cho ông nghe, vẫn gần tôi tới mức tôi có thể sờ nó, nhưng trong khi tôi nắm lấy và ngấm nó thì nó lại quay đi - cứ như là, nó cuộn lên và như 2 vận động viên nhào lộn ôm nhau lộn nhào đi mất.” Việc giấc mơ lộn nhào đi mất theo Lewin thể hiện sự quên giấc mơ, thêm vào giấc mơ ở tư cách là bức ảnh cuối cùng của giấc mơ: “Màn ảnh giấc mơ đang lộn đi mất là sự kiện cuối cùng trên con đường dẫn tới việc nữ bệnh nhân thức tỉnh hoàn toàn. [...] Cũng có thể nói nữ bệnh nhân phần nào vẫn ngủ, chừng nào bà ta còn nhớ ra giấc mơ (vậy là nhiều giờ sau khi thức tỉnh theo nghĩa thường nhật của ngôn từ)”¹. Chừng nào giấc mơ chưa “lộn nhào đi mất”, thì nó vẫn còn đây, cùng với màn chiếu mà trên đó sẽ được trải nghiệm giấc mơ, với “bức ảnh không đầy đủ của bộ ngực phẳng mà sau này trong cuộc đời vẫn còn được giữ lại ở tư cách là một thể loại như nền [...] cho các giấc mơ của chúng ta. Khi ước muốn ngủ được thực hiện, theo Lewin nó sẽ dẫn tới một giấc ngủ sâu hết như màn giấc mơ, lặp lại giấc ngủ đầu tiên sau khi bú và sự hòa tan của cái tôi và cặp vú. “Cái Tôi - giấc ngủ ban đầu thuộc về Cái Nó trừ đi màn giấc mơ, đại diện duy nhất và đầu tiên của thế giới bên ngoài, bức ảnh ghi lại cặp vú.”²

Ở đây, trạng thái ngủ và quá trình mơ được hiểu ở tư cách là hiện tượng kế tiếp, như là dẫn xuất nguyên thủy của kinh nghiệm nguyên thủy tâm thần cơ thể trong mối liên hệ với sự bú. Sự thoái lui ước muốn ngủ dừng lại ở kinh nghiệm thỏa mãn ở vú và không hướng vào hoàn cảnh trong tử cung như ở Freud. Suy nghĩ ban đêm được hiểu như là nhắc lại mối liên hệ với sự bú, tạo cho các giấc mơ

¹ B.D. Lewin, “Sleep, the smouth and the dream screen”, *The Psychoanalytic Quartely*, (1946), tr 419-434.

² B.D. Lewin, *Das Hochgefühl – Cảm xúc cao trào*, ở trên, tr 79.

sau sinh một cách tạo hình ảnh xã hội mà với tính đặc biệt quan trọng của mối liên hệ mẹ con rất đồng nhất cho tất cả các quá trình tăng trưởng và hiểu biết. Qua “dream screen” của Lewin thì giấc mơ là sự quay trở lại thực tế đầu tiên, mối liên hệ đầu tiên tới đối tượng ở kinh nghiệm với bản năng.

Suy nghĩ giữa chừng

Khái quát thô cho đến nay bao hàm khoảng 50 năm đầu thế kỷ XX này. Nhiều cái không được quan tâm. Những thay đổi hết sức quan trọng (luôn trên cơ sở và tiếp tục hay nâng cao cuốn *Diễn giải Giấc mơ* mang tính thời đại của Freud) - chẳng hạn việc tổ chức ngôn từ của công mơ mà Ella Freemann 1937 đã có lưu ý¹, hay sự thay đổi cách hiểu giấc mơ rõ ràng trên cơ sở những tiền đề triết học khác (ở đây dựa trên bản thể học hiện tượng phân tích tồn tại existentialanalytic phenomenologic ontology²) mà Binswanger và Boss dự kiến thực hiện - thuộc vào đấy. Lẽ ra quan điểm triết học khi xét các vấn đề giấc mơ sẽ đóng một vai trò quan trọng, có lẽ rằng, ở tư liệu này dễ thấy nhất các quan điểm mang tính tiên đề. Khác biệt của C.G. Jung với Freud và quan điểm của ông về bản chất cái tâm lý là một ví dụ đặc biệt rõ ràng. Đặc biệt dễ thấy quan điểm của Jung ở cách dùng khác giấc mơ để điều trị, chẳng quá ở quan niệm khác biệt về giấc mơ, càng không phải ở hiện tượng học, như những công trình mới công bố cho thấy³. Tuy nhiên quan điểm này chỉ có thể đúng khi người ta không bị ngăn về tính khái niệm khác biệt (mẫu lý tưởng, bù trừ, bổ sung, các mặt bằng chủ thể, đối tượng

¹ E.F. Shape, *Dream Analysis*, 1937, cùng quan điểm này rằng ngữ pháp của ngôn ngữ và ngữ pháp của công mơ có cùng trật tự vô thức là Jacques Lacan, và ông hệ thống hóa 20 năm sau.

² M. Boss, *Der Traum und seine Auslegung - Giấc mơ và thể hiện của nó*, Munich 1974.

³ C.G. Jung, “Vom Wesen der Träume” (1945), trong *Gesammelte Werke - Tuyển tập tác phẩm*, T VIII, Walter, Olten und Freiburg 1967.

của giấc mơ...) mà chúng luôn được lấy làm bằng chứng cho các hiện tượng khác nhau và những khác biệt về vấn đề tại những bản tóm tắt khái quát, đối với so sánh nội dung. (Tuy nhiên vẫn chẳng nên nghi vấn rằng, nhiều thập niên khác biệt về truyền thống ngôn ngữ, tư duy và xử lý vấn đề đã dẫn đến những sự làm giàu đặc biệt ở thực nghiệm, mà cái đó lại làm nghèo trường phái khác.)

Cho đến nay cũng không lưu ý rõ ràng là lịch sử của cách hiểu giấc mơ ở tư cách là lịch sử cách hiểu giấc mơ chuyển đổi khi phân tích. Nếu nhìn rõ ràng thì dĩ nhiên tất cả những tiến bộ kể từ cuốn *Diễn giải Giấc mơ* đều thu được từ quan điểm của Freud, và rằng, chính mỗi giấc mơ, nhưng khi phân tích lại ở mức độ đặc biệt rõ ràng và hết sức hữu ích về trị liệu, đều là một giấc mơ chuyển đổi. Nhà phân tích (và đối tượng chuyển giao của anh ta) luôn bị giam ở phần ngày còn lại, ở những suy nghĩ ẩn trong giấc mơ và ở sự tưởng tượng vô thức mà chúng “*chuyển giao* lên đó [những suy nghĩ ẩn trong giấc mơ] và được che đậy bởi chúng”¹. Nhận thức của Freud vào mối liên hệ này xuất phát có từ liệu pháp thần kinh: “Từ lý thuyết về chứng loạn thần kinh chúng ta rút ra câu, *rằng cách xử lý tâm lý bất thường một mạch tư duy bình thường như thế này chỉ xuất hiện khi nó trở nên cần để chuyển tải một ước muốn vô thức mà ước muốn này xuất phát từ thời nhỏ và nay đang bị chèn ép*. Vì câu này mà chúng tôi đã xây dựng nên lý thuyết về giấc mơ từ giả thiết rằng ước muốn được mơ đang cuốn hút luôn luôn xuất phát từ cái vô thức [...]”². Thế nhưng trong cuốn *Diễn giải Giấc mơ* lại còn thiếu mất điều cần thiết là những hiệu ứng về giấc mơ mà có thể quan sát được trong nhiều năm “làm việc liên tục”: công mơ ở tư cách là sự cộng tác trong lúc xử lý, như là gia giảm sự xuyên tạc, ở tư cách là gia

¹ Trên, tr 552.

² Trên, tr 552.

tăng khả năng biểu tượng hóa theo hướng những nội dung sợ hãi cho đến nay là không thể tưởng tượng nổi, như là gia tăng những giấc mơ trạng thái và những giấc mơ chỉ dẫn, như là cách thể hiện giấc mơ.

Đôi khi một kinh nghiệm lâm sàng đặc biệt hay một sự thay đổi quan điểm khi quan sát chính hiện tượng đó cho phép nhận thức rộng hơn hay một định nghĩa có tính khai sáng. Đây chẳng hạn là trường hợp về quan điểm của W. Ronald D. Fairbairn về giấc mơ mà nó nằm ở tương tác của lý thuyết cấu trúc đã thay đổi của ông ta. Theo ông thì giấc mơ thể hiện một hiện tượng có dạng tinh thần phân lập tổng quát (phải hiểu là *tất cả* các yếu tố của giấc mơ ở tư cách là những quan điểm tự thân có mối liên hệ với đối tượng), thế nhưng - và đây là phát biểu mà ông thu được từ giấc độ đã thay đổi - chức năng của hiện tượng này là phản ánh trạng thái thực tại tâm lý nội tâm, cho trình diễn một cuộn phim ngắn đầy tính bi kịch về mối liên hệ giữa các cấu trúc tâm lý nội tâm, nhiều khi bị chia tách. Tất cả mọi giấc mơ đều là các giấc mơ state of affairs—trạng thái công việc, sự ngưng tụ của quá khứ và thực tại ở những trạng huống mơ mà hiện nay chúng tồn tại ở thực tiễn nội tâm¹. Cái ấy lẽ ra hoàn toàn chẳng có gì khác hơn là quá trình hình thành nên giấc mơ, cái bị dồn nén cộng với phần còn lại của ban ngày nhân với công mơ, quá khứ và hiện tại ghi lại ở những trạng huống giấc mơ, nghĩa là các biểu diễn thực, thế nhưng việc định nghĩa mới là sáng tỏ, và rõ ràng là nó có mối liên hệ với quá trình trị liệu mà nó xuất phát từ đó.

Cho đến nay đang để giành một lĩnh vực đề tài mà nó luôn luôn lại được Freud thảo luận trong cuốn *Diễn giải Giấc mơ* và để

¹ William Ronald Dodds Fairbairn, *Psychoanalytic Studies of the Personality - Khảo cứu phân tâm học về nhân cách*, Routledge & Kegan, London 1952.

ngỏ trong lịch sử cuộc tranh luận và cũng đã bí mật đóng một vai trò điều khiển. Vấn đề xoay quanh liệu giấc mơ và việc nằm mơ có biểu hiện một sự suy nghĩ mang tính giải quyết vấn đề, nghĩa là điều trị, chính là sáng tạo, mang lại ý nghĩa hay không. Một cách hết sức rõ ràng là Freud đã trả lời rằng Không, chẳng nào mà chỉ xét riêng công mơ (sự nén, sự dịch chuyển...), dẫu cho cả ông lẫn những đối thủ của ông mà về vấn đề này trước đây lẫn ngày nay đều đam mê với việc hiểu lầm ông hay thậm chí còn khinh bỉ phê phán ông, không kém họ ở việc say mê với “công cụ tuyệt diệu nhất và bí mật nhất”¹ của trải nghiệm, suy nghĩ và cảm nhận vô thức và có ý thức. Vấn đề này có vẻ như là một vấn đề thuộc thế giới quan và nó chỉ thật sự trở nên một vấn đề phân tâm học khi các nhà phân tâm học có khả năng chấp nhận đòi hỏi trị liệu của những bệnh rối loạn suy nghĩ thuộc chứng tâm thần phân lập và bệnh rối loạn Bordeline của giấc mơ. Tuy nhiên rồi sau đó có một câu trả lời mà nó duy nhất chỉ xuất hiện từ những trạng huống chuyển giao và đối chuyển giao và thật sự kết nối các quan điểm triết học với quan điểm phân tâm học. Nhưng điều đó xảy ra trên cơ sở một thực nghiệm mà chưa hề có một triết gia nào nắm bắt được thực nghiệm này, bởi vậy cũng chưa bao giờ phải (và có thể) nghĩ tới. Ở Chương VII của cuốn *Diễn giải Giấc mơ*, Freud đã rõ ràng quy cho giấc mơ một chức năng trị liệu mà nó đã và vẫn phải hoàn thành chính cái công việc mà phép trị liệu tâm lý đang nỗ lực². Freud cũng quy cho năng lực tư duy trong mơ bất cứ chiều cao, độ sâu, tính phức tạp, năng lực giải quyết xung đột, hành xử mẫu (những phác thảo tương lai mà rồi sau đó sẽ được thực hiện)..., nhưng ông ấy cũng trừ tính cả hai, chức năng trị liệu cũng như tư duy sáng tạo, duy nhất cho suy nghĩ khi tỉnh tiền ý thức

¹ Trên, tr 595.

² Xem trên, tr 567f.

(mà nó chủ yếu là một suy nghĩ vô thức), nhưng lại không quy cả hai cho công mơ ban đêm mà nó chuyển đổi bằng cách thoái lui những ý nghĩ tiên ý thức này (sau cuộc chuyển giao cái bị chèn ép). Tính tự chủ của Freud về khái niệm bản năng và lý thuyết của ông về bản chất của động học, của Cái Nó, làm nền cho cả hai cách phân loại.

Người ta có thể tự hỏi mình, tại sao Freud không chấp nhận chức năng này cho công mơ, nghĩa là quá trình nguyên thủy, tức các quá trình tâm lý ở Cái Nó. Về vấn đề đó, người ta có thể cho ba câu trả lời. Câu trả lời là câu rất hệ thống của Freud: cái vô thức chỉ có thể mong muốn, nghĩa là cố gắng vươn tới một bản sắc thực tế với một kinh nghiệm đã thu được về bản năng, nói bằng cách khác: nó chỉ có thể tái sản xuất; đồng thời thì tâm lý học giấc ngủ, nghĩa là chiều sâu thoái lui giả định (trước khi sinh) không cho phép một quyết định khác¹. Vấn đề thứ hai liên quan tới lịch sử khảo cứu phân tâm học và việc nghiên cứu chung về tâm lý học trẻ sơ sinh mà nó đã kích thích và do Freud sáng lập nên, thế nhưng ông còn chưa đạt tới những kết quả hiện nay của nó. Ngày hôm nay có thể nghĩ ra cái mà năm 1898 Freud chưa có thể nghĩ ra: tính phức tạp tâm lý học của đứa trẻ sơ sinh mà trước đây hiện lên là không thể tin nổi, mà nó vẫn được giữ lại ở tư cách là phương thức hoạt động của Cái Nó. Vấn đề thứ ba là vấn đề đáng quan tâm nhất về mặt lịch sử khoa học: tất cả các đối thủ của Freud trên vấn đề này (Adler, Jung, Maeder, Boss và những người khác) gắn kết quan niệm của họ về cái vô thức và về giấc mơ với sự phủ định tính dục của đứa trẻ. Cuộc hôn phối kỳ lạ này giữa sự phủ định tính dục của đứa trẻ với sự công nhận một công mơ sáng tạo, thậm chí thần thánh hóa tạo nên một thế nước đôi dễ lạc lối cho lý thuyết giấc mơ phân tâm học, mà trước cái thế

¹ Xem trên, tr 580f.

đó, có nhiều lý do để cho Freud vẫn kiên định cố thủ ở quan niệm của mình, rằng công mơ chỉ tái tạo nếu nhìn riêng cho nó (quá trình nguyên thủy) và rằng tất cả các chức năng tư duy giải quyết vấn đề lại thuộc về suy ý nghĩ tiền ý thức khi tỉnh (thuộc về ý nghĩ ẩn chứa trong mơ). Khi nhìn lại sẽ rõ ràng nhận ra là, những tiến bộ nào về nhận thức lâm sàng của phân tâm học là cần để từ những điều tưởng tượng vô thức của đứa trẻ sơ sinh xây dựng nên một lý thuyết phát triển của các quá trình hiểu, mơ và suy nghĩ và để có thể tiếp cận về mặt thực nghiệm câu hỏi về chức năng của công mơ nhằm giải quyết vấn đề.

Giấc mơ loạn tâm thần, một thuyết về tư duy và không gian tâm lý của công mơ

Năm 1946, Melanie Klein đã mô tả kỹ hơn nỗi sợ hãi hủy hoại của đứa trẻ sơ sinh và những phản vệ của đứa trẻ chống lại nó và dẫn nhập “sự đồng nhất hóa phản chiếu” ở tư cách là cơ chế phản vệ cơ bản vào những nhận xét về một vài cơ chế tinh thần phân lập¹. Đây là một phát kiến nhỏ về lâm sàng mà nó. Sau này với Wilfred Bion ở lý thuyết tư duy của ông, nó trở thành hình mẫu cho các quá trình truyền thông và hiểu biết giữa đứa trẻ sơ sinh và bà mẹ, rồi thành hình mẫu cho toàn bộ những khía cạnh của truyền thông giữa người với nhau (kể cả trị liệu), nhưng cũng thành cả hình mẫu cho các quá trình hiểu biết của sự tự nhận thức². Nó trở thành nổi tiếng ở tư cách là “Container - Contained - Modell - hình mẫu Container đã đầy.” Lý thuyết tư duy của Bion đồng thời chứa những yếu tố chính cho việc hiểu biết quá trình mơ mà chúng vốn

¹ Trong: M. Klein, *Das Seelenleben des Kindes - Cuộc sống của đứa trẻ*, Klett, Stuttgart 1962, tr 101-121m.

² W.R. Bion, *Learning from Experience*, Basic Books, New York 1962.

được Leon Grinberg và Donald Meltzer phác thảo¹. Tranh luận với Freud ở câu hỏi liệu quá trình mơ vô thức tạo ra khả năng tư duy độc lập hay “chỉ” tái tạo ở tư cách là công mơ, sẽ có thể được quyết định ở mối liên hệ với lý thuyết về tư duy và lý thuyết về giấc mơ của Bion².

Việc điều trị các bệnh nhân loạn tinh thần và Borderline làm cho người ta để ý tới sự rối loạn các khả năng tâm lý mà quá trình mơ phụ thuộc vào chúng hay cũng phụ thuộc vào chúng là liệu một giấc mơ có được nhận biết và được sử dụng ở tư cách là như thế hay không. Trước hết khả năng biểu tượng hóa có thể sẽ bị phá hủy hay hoạt động không hoàn thiện, Sau đó thì sẽ không thể phân biệt các giấc mơ với những ảo giác nữa, và nội dung của chúng vào ban ngày có thể được tiếp tục ở tư cách là trải nghiệm thực. Khi đó thì biểu tượng sẽ giống cái được biểu tượng hóa (“sự bình đẳng của biểu tượng”).

Những thí dụ ngắn gọn sau đây sẽ có thể làm sáng tỏ cái muốn nói: một nữ bệnh nhân mà Hanna Segal có biết báo cáo, kêu ca rằng, trong phòng điều trị không thể chịu được nữa vì mùi khí (bà ta đã “mơ” thấy một khinh khí cầu bị nổ)³. Về mặt tâm lý, trong giờ điều trị bà ta đã loại được hết khí ra khỏi phòng (phản ứng loại bỏ), điều được trải nghiệm ở tư cách là động tác thể chất. Không thể phân biệt các sự kiện trong mơ với những sự kiện ban ngày nữa. Tương ứng, nữ phân tích cũng bị tấn công dữ dội vì những hành động đã thực hiện trong mơ. Một cách cụ thể thì nữ bệnh nhân

¹ L.Grinner et al., *Funcion del sonar y classification de los sueños el proceso analitico*, Revista de Psicoanálisis, T 24 (1967), tr 749-769.

² Xem Meltzer, tr.81-113.

³ H.Segal, *The function of dream - Chức năng của giấc mơ* (1981), ở: The Work of Hanna Segal, Karnac, London 1986, tr 89-100.

phải tự giải phóng mình ra khỏi nội dung giấc mơ của mình. Bằng cách về mặt tâm lý loại bỏ nó, bà sẽ trải nghiệm hiệu ứng ở tư cách là sự hiện diện thể chất. - Một bệnh nhân khác luôn nhắc lại nhiều phần giấc mơ của anh ta hôm sau một cách tự động, đúng từng từ một mà không nhận thức một cách có ý thức, lý giải hành động của mình thay vì, như hậu giả thiết, bằng những cách hợp lý hóa dễ hiểu (những giấc mơ mang tính dự báo). Cảm giác đổi chuyển giao của nữ phân tích ở cuộc đàm luận như là một cơn rối trong cơn ác mộng. - Một bệnh nhân của Bion giạt mình sợ hãi về sự xuất hiện người phân tích mình trong giấc mơ vì điều đó chứng minh rằng, anh ta thật sự đã nuốt chứng hấn.

Những “sự bình đẳng của biểu tượng cụ thể hóa”¹ như thế này dẫn về nỗi đau đớn vì chia ly trước đây, không thể xử lý, cũng như ngược lại sự phát triển khả năng biểu tượng hóa ở đứa trẻ sơ sinh mà nỗi đau đớn vì chia ly của nó chứng minh, nỗi đau được cha mẹ nó tiếp nhận, thấu hiểu và xoa dịu. “Chỉ cái có thể được đúng đắn thương tiếc, thì mới có thể biểu tượng hóa đúng đắn.”² Vậy là những sự biểu tượng hóa không đếm xuể mỗi đêm có mơ (công mơ) dựa trên một năng lực tiếp thu được từ rất sớm mà chính trị bản thân nó đã là “sự tăng trưởng vốn đã được điều trị ở tư cách là sự linh hội.”

Những trải nghiệm đau đớn không thể xử lý nổi, những sự sợ hãi vô danh chưa được xử lý và những nỗi sợ đến chết, nhưng cũng cả các trạng thái ngây ngất tới mức không chịu được từ thời còn bú, tất cả những kinh nghiệm tâm lý thô thiển chưa được xử lý (qua “linh hội”) được Bion gọi là các yếu tố Bêta. Chúng đều tồn tại hoàn toàn không biểu tượng hóa và gây nên một sức ép cực mạnh cho đến khi

¹ H.Segal, *Notes on symbol formation* (1957), ở: *The Work of Hanna Segal*, tr 49-68.

² H.Segal (1981), xem trên tr 91.

chúng được phát lộ ra ngoài thành hành động, thành điều hoang tưởng hay thay đổi tinh thần - cơ thể. Chúng có mối liên hệ với thể loại giấc mơ loạn tinh thần và phản ứng của nó. Ở trạng thái này thì các xu hướng cơ bản như đã trải nghiệm và chưa trải nghiệm, đã tồn tại hay chỉ mới nghĩ ra, giữa thế giới nội tâm và thực tế bên ngoài, chủ thể và đối thể, biểu tượng và cái được biểu tượng hóa, từ và vật, còn chưa đạt đến hay lại đã được loại bỏ trong thoái lui. Việc xử lý trải nghiệm thô thiển, “sự trở nên dễ tiêu hóa” của nó xảy ra ở đứa trẻ sơ sinh thông qua người mẹ, bà ta hiểu đúng khi đại diện một cách vô thức, gia giảm, “cho bú.” Việc một cách vô thức tự đặt mình vào ai đó để hiểu như thế này, thể hiện nghiêm túc và trấn an như thế này, là cái cốt yếu của tất cả các quá trình hiểu biết và về bản chất của nó là không thể gọi tên được. Nhưng nó lại là *contio sine qua non* (điều kiện không thể thiếu được, t. Latin) cho sự tăng trưởng tâm lý. Bion gọi đó là chức năng alpha của người mẹ và cái được xử lý như thế là những yếu tố alpha của đứa trẻ sơ sinh mà từ những cái đó trở thành các biểu tượng và tư liệu cho các giấc mơ loạn thần kinh chức năng và bình thường. Nếu có sự trao đổi này chiếm ưu thế, đứa trẻ sơ sinh sẽ nội tâm hóa sự linh hội của người mẹ ở tư cách là container mà nó có thể tiếp nhận những nỗi sợ hãi và xung đột và xử lý một cách có ý nghĩa và khi tỉnh (chuyển giao) và trong khi mơ. “Cái container đã nội tâm hóa này tạo nên không gian tâm lý mà ở đây chức năng alpha có thể làm việc được. [...] Nếu container và chức năng alpha thất bại, sẽ không thể thực hiện được công mơ nữa, và dẫn đến những giấc mơ loạn tinh thần cụ thể hóa.”¹

Bài tổng quát này về lịch sử cuộc tranh luận với cuốn *Diễn giải Giấc mơ* của Freud và về tiến trình của sự nghiên cứu sẽ được kết

¹ H. Segal (1981), xem trên tr 93.

thức với lời nhắc phải lưu ý đến những rối loạn về chức năng tư duy mà công mơ phụ thuộc vào chúng. Liệu pháp khả năng tạo nên biểu tượng, một trong những chức năng cơ bản nhất của công mơ, xác nhận rằng, công mơ thực hiện một công việc tư duy sáng tạo, tạo nên ý nghĩa. Việc chiến thắng “cái chưa nhận thức được”, các hoàn cảnh vô thức, vốn xảy ra cơn ác mộng, như tưởng tượng ra, thuộc về công việc tâm lý mà mỗi giấc mơ dùng các phương tiện biểu tượng hóa - khi giải quyết vấn đề - tìm cách thực hiện hay nó - thực hiện ước muốn - tránh chúng ra. Trong Chương VII cuốn *Diễn giải Giấc mơ* nổi tiếng của mình, mà nó cũng có chứa một thuyết về tư duy, Freud đã chọn từ rất đáng lưu ý là “cái chưa nhận thức được” để nhắc ta nhớ về tính không bao giờ hết - vô tận nằm trong bản chất của tư duy (kể cả tư duy ban đêm). Ngay ở những giấc mơ đã được giải thích hay nhất thì người ta thường vẫn phải để lại một chỗ trong bóng tối, bởi lẽ khi giải thích người ta nhận ra rằng ở đây hiện lên một bó những ý nghĩ trong giấc mơ mà nó chẳng hề muốn gỡ rối [...]. *Đấy rồi sẽ là cái rốn của giấc mơ, chỗ mà ở đấy nó lâm vào cái chưa nhận thức được*. Những ý nghĩ trong mơ mà khi giải thích người ta sa vào nói chung sẽ phải không có kết thúc và lan tỏa ra theo tất cả mọi phía về sự đan xen theo kiểu mạng lưới của thế giới suy tư của chúng ta”¹.

Cuốn *Diễn giải Giấc mơ* của Freud đã giải được bí mật cho tới khi đó chưa giải được của loài người là giấc mơ. Cuốn sách đó đã làm rung chuyển nền văn hóa của chúng ta và làm thay đổi bức tranh của chúng ta về con người. Nếu đem so với phát minh mang tính cơ bản của Freud (theo đúng nghĩa của từ), thì những khảo cứu lâm sàng xây dựng nên từ đấy và những nội dung mới

¹ Xem trên, tr 517 (nhấn mạnh bởi H.B.).

cho lý thuyết chủ yếu là sự gia công và xác nhận lại các nhận thức cơ bản của ông. Đây là một kết quả đáng ngạc nhiên của một thể kỷ nghiên cứu mà nó nhấn mạnh thứ bậc đặc biệt của cuốn sách này.

Để bạn đọc hiểu thêm về Freud và cách ông hiểu và Diễn giải Giấc mơ, được sự đồng ý của tác giả, nhân đây xin trân trọng giới thiệu bài viết của TS. Trần Thiện Khanh ở phần phụ lục.

NGÔN NGỮ GIẤC MƠ TRONG PHÂN TÂM HỌC

TS. Trần Thiện Khanh¹

Biểu tượng là vấn đề trung tâm của lý thuyết phân tâm học, thậm chí, có thể nói đó là ngôn ngữ chính của phân tâm học: Từ việc lí giải về những giấc mơ, những xung đột nội giới, những ham muốn trá hình, bản ngã, cái siêu tôi hay siêu ngã, đến vấn đề như mẫu gốc, sự cấm kị, kiểm duyệt, sự ức chế, mặc cảm, cái ấy (tiềm thức), sự giải tỏa, triệu chứng bệnh lý và cách điều trị, ý tưởng mới... đều được phân tâm học lí giải từ ngôn ngữ biểu tượng và quá trình biểu tượng hóa. Việc lí giải các biểu tượng, các hệ kí hiệu trong phân tâm học luôn gắn với việc lí giải các giấc mơ của con người, của các nền văn hóa - giấc mơ không phải ngẫu nhiên mà có, “giấc mơ có liên lạc với tư tưởng và những vấn đề mà ta ý thức được”. Carl Gustav Jung nói về kinh nghiệm của mình như sau: “Giấc mơ là một hiện tượng bình thường của con người, biểu tượng xuất hiện trong giấc mơ rất đa dạng và đặc sắc dưới dạng các giả cảnh; qua nhiều năm chiêm nghiệm, tôi đã đi đến kết luận rằng, *giấc mơ là nguồn gốc chính để ta tìm hiểu biểu tượng*”, “giấc mơ là lĩnh vực thăm dò dễ dàng nhất

¹ Viện Văn học.

² Carl Gustav Jung, *Thăm dò tiềm thức* (Vũ Đình Lưu dịch), Nxb. Tri thức, 2007, tr.67.

và thường thường người nào muốn nghiên cứu khả năng tạo biểu tượng của con người cũng dễ dàng đến nhất”¹, muốn tìm hiểu khả năng tạo biểu tượng thì giấc mơ là tài liệu chính yếu nhất, vì giấc mơ là tiếng nói đặc thù của tiềm thức, vô thức; *thăm dò tiềm thức chính là thăm dò giấc mơ*, “trong lúc hành nghề, nhiều lần tôi phải nhắc lại câu này: Hãy trở lại giấc mơ. Giấc mơ nói cái gì?”. Jung tạo được một khúc rẽ khác trong sự tiến triển của phân tâm học cũng chính từ chỗ lấy hình ảnh giấc mơ làm trung tâm nghiên cứu, trên con đường đó, ông đã khám phá ra những chiều kích khác của giấc mơ, đi đến một giả thuyết khác về thông điệp của giấc mơ, trái với cách suy luận của Freud đã xác lập trước đó.

Thật vậy, Sigmund Freud là người đầu tiên chỉ ra sự hình thành biểu tượng liên quan đến hoạt động của tiềm thức. Nhận thấy chức năng dồn nén và thỏa mãn ham muốn của biểu tượng ở người bệnh, Freud thực hiện thăm dò bình diện tiềm thức, tìm hiểu những vấn đề dày vò người bệnh qua giả thuyết giấc mơ. Ông nhiều lần đồng nhất việc khám phá các hình ảnh trong giấc mơ với việc khảo luận các biểu tượng. Ông nói: *Chiếm bao “diễn đạt bằng biểu tượng.”* Qua nghiên cứu hàng loạt các giấc mơ, Freud khẳng định chắc chắn rằng, cái quan trọng nhất, cái đáng được xem xét nhất, đó là vấn đề biểu tượng, hệ kí hiệu của giấc mơ. Cũng theo Freud, để có thể giải thích được giấc mơ, phải “có kiến thức về hệ kí hiệu”, “giải thích thông qua hệ kí hiệu” như “kĩ thuật giải thích của các bộ tộc xa xưa” (*Về giấc mơ*, 1901). Nhưng “hệ kí hiệu còn dẫn dắt đi xa, vượt ra ngoài phạm vi giấc mơ. Nó không phải của riêng giấc mơ, nó còn ngự trị cũng như vậy ở các truyện cổ tích, truyện thần thoại và truyền thuyết, truyện cười và văn hóa dân gian. Nó cho phép ta lần theo

¹ Carl Gustav Jung, *Thăm dò tiềm thức*, Nxb. Tri thức, 2007, tr.25.

những mối quan hệ mật thiết giữa giấc mơ và các sáng tác ấy. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải nói với chính mình rằng, nó không phải là sản phẩm của công mơ. Nó chính là một đặc thù, có lẽ của tư duy vô thức, cái tư duy vẫn cung cấp chất liệu cho công mơ tô đậm, chuyển dịch và bi kịch hóa”¹. Tuy nhiên, Freud cũng từng lưu ý rằng: “...biểu tượng không giải thích toàn bộ nội dung giấc mơ. Kiến thức về hệ kí hiệu mãi mãi chỉ có thể là công cụ để phiên dịch từng phần riêng lẻ ở nội dung giấc mơ. Nó không khiến cho việc vận dụng những quy tắc kĩ thuật đã có trước trở nên thừa, nhưng nó sẽ lại là một thứ công cụ đắt giá nhất ở bất kì đâu, mỗi khi thiếu hẵn hay là không đủ các ý tưởng bất chợt của người chiêm bao.”²

Bài viết này khảo sát khái niệm và nội dung của biểu tượng, chức năng của biểu tượng và quá trình biểu tượng hóa, đồng thời điểm lại một số biểu tượng theo sự lí giải của phân tâm học (qua khảo sát một số tác phẩm quan trọng của Freud và Jung).

Khái niệm và nội dung của biểu tượng

Năm 1900, Sigmund Freud cho in cuốn sách *Giải thích giấc mơ*, tác phẩm này được coi là đặt nền tảng cho Phân tâm học. Chính từ cuốn sách này, thông qua những vấn đề như dồn nén, vô thức, giấc mơ (quy luật tự nhiên của giấc mơ, quá trình mơ mộng, sự tương đồng giữa việc cấu thành giấc mơ với chứng loạn thần kinh hay loạn tâm thần, các dữ liệu cổ tích trong giấc mơ, giấc mơ được sáng tác trong văn hóa dân gian, triết gia - nhà văn với tư cách là người đang chiêm bao, cái vô thức bị dồn nén...), Freud lần lượt công khai những bí mật về đời sống tinh thần con người.

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Nxb. Thế giới, H, 2005, tr.100.

² Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Nxb. Thế giới, H, 2005, tr.99.

Trong bài viết *Về giấc mơ* (1901), Freud cho rằng, những ý nghĩ trong giấc mơ thường bị chuyển dịch, biến dạng, bóp méo, dồn nén, che giấu, đến mức không còn nhận ra được, nó “được diễn đạt không bằng ngôn ngữ đời thường, mà chúng ta vẫn quen tư duy, mà bằng thứ ngôn ngữ biểu tượng đầy những sự so sánh và phép ẩn dụ, và giàu hình ảnh như ngôn ngữ thi ca. Tìm động cơ cho sự gò bó đến mức độ ấy trong diễn đạt các ý nghĩ trong giấc mơ là chẳng khó. Nội dung giấc mơ thường là các tình huống trực cảm, vậy, các ý nghĩ trong giấc mơ trước hết phải trau chuốt rồi mới thành cách diễn đạt ấy. Hãy hình dung: chúng ta phải thay câu chữ ở một bài chính luận hoặc một lời bào chữa trong tòa án bằng một chuỗi hình ảnh. Ta sẽ hiểu những thay đổi mà công mơ buộc phải làm, cốt để cho nội dung giấc mơ có thể thể hiện được”¹.

Xét ví dụ và sự phân tích sau đây của Freud: “Có một thiếu nữ chiêm bao thấy đứa con duy nhất còn lại của bà chị mình mới chết, trong khung cảnh hệt như trước đó mấy năm, cô đã nhìn thấy tử thi của đứa con đầu. Khi đó, cô chẳng hề cảm thấy đau đớn gì, song đương nhiên là cô cố cưỡng lại ý nghĩ cho rằng, cái tình huống ấy ứng với một ước nguyện của chính cô. Cũng không hề yêu cầu tới điều đó, song mấy năm trước, chính bên linh cửu đứa bé kia lại đúng là nơi cô từng gặp gỡ và nói chuyện lần chót với người đàn ông cô hằng yêu quý. Giả định đứa thứ hai chết nốt, ắt hẳn cô sẽ có dịp gặp lại người đàn ông kia ở nhà bà chị. Cô khắc khoải mong cuộc gặp ấy, nhưng cũng cố cưỡng lại cảm xúc đó nơi mình. Đúng hôm chiêm bao, cô nhận được giấy mời đến dự một cuộc thuyết trình mà báo cáo viên sẽ là chính người đàn ông mà cô hằng yêu quý. Giấc mơ của cô chỉ là một giấc mơ sốt ruột đơn giản, như biết bao giấc

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Nxb. Thế giới, H., 2005, tr.72.

mơ trước những lúc người ta đi xa, đi xem hát, hoặc giả những khi người ta mong đợi một niềm vui nào đó. Song để che giấu sự khao khát này trước cô, tình huống đã được chuyển dịch qua một trường hợp chẳng thích hợp với một cảm xúc vui vẻ chút nào, nhưng lại là một trường hợp từng có thật. Tình huống trong giấc mơ thể hiện trước một bước một cuộc gặp gỡ đã từ lâu hằng khao khát: nó không hề thả một sợi dây liên lạc nào cho một cảm xúc đau buồn.”

Giấc mơ trên đây được diễn đạt hoàn toàn bằng ngôn ngữ biểu tượng. Ở người chiêm bao có một ước nguyện (ham muốn) bị dồn nén (chèn ép), cô ta cố che đậy ước muốn của mình. Hình tượng đứa con của bà chị chết là một biểu tượng thỏa mãn ước nguyện gặp gỡ người yêu của người chiêm bao. Tình huống đám tang cũng là một tình huống có tính chất biểu tượng, nó biểu tượng cho ước nguyện trở thành hiện thực. Như vậy, ước muốn được gặp gỡ, sự thỏa mãn ước nguyện bị dồn nén bấy lâu đã được dịch chuyển thành tình huống đứa cháu - con bà chị chết. Giấc mơ thực hiện sự dịch chuyển như thế chính là để che đậy một ước nguyện, tức cái sự thực tâm lý ở người chiêm bao. Bình thường bà cô kia che giấu “sự thực tâm lý” của mình, tức là xảy ra sự kiểm duyệt. Vì có sự kiểm duyệt nên cái ước nguyện thâm kín đó bị dồn nén lại, đẩy xuống bề sâu vô thức. Trong giấc ngủ, cái vô thức ấy trôi lên khu vực ý thức (do bộ phận kiểm duyệt nơi lỏng) nhưng nó không thể giữ “nguyên hình” mà buộc phải thay đổi, chuyển dịch, cải biến, làm sai lệch “chất liệu” đi để che giấu, do đó đã tạo thành các biểu tượng (những hình tượng trá hình) như chúng ta vừa thấy.

Theo Freud, biểu tượng là ngôn ngữ của cái vô thức bị chèn ép, là thứ ngôn ngữ đã bị dịch chuyển. Tức là những gì đã xảy ra ở thời ấu thơ đã bị lãng quên hoặc những ham muốn bản năng bị dồn nén,

những chấn thương từng phải chịu đựng trong quá khứ, cả sự lí tưởng hóa và mặc cảm tội lỗi, dối bại (ước muốn loạn luân, hoặc có tính hủy diệt những người thân thương), những xung đột với xã hội, gia đình (cha mẹ) và những cảm nhận được hình thành trong thế giới nội tâm sau những xung đột đó ở con người... có thể được biểu hiện, tái hiện trong giấc mơ dưới dạng các biểu tượng, những hình ảnh thay thế, ám chỉ khác hẳn hình ảnh thực tế hoặc chúng được trá hình dưới các hình ảnh đặc thù theo cơ chế kiểm duyệt, chúng bị xuyên tạc, bị làm sai lệch đi. Biểu tượng, trước hết, được hiểu là sự hình tượng hóa những ước muốn (bản năng tính dục) bị dồn nén từ thời ấu thơ; những ước muốn bị dồn nén đó là nguyên nhân làm nảy sinh giấc mơ sau này; nguyên nhân nảy sinh giấc mơ ấy cũng chính là nguyên nhân tạo ra các biểu tượng trong đời sống tinh thần của từng cá thể. Vô thức hoạt động biến đổi thành các hình ảnh trong giấc mơ; giấc mơ là một dạng của ham muốn, một sự nguy trang để thỏa mãn ham muốn hoặc giải phóng ản ức. Bởi vậy, nội dung đích thực của giấc mơ không phải cái gì khác, chính là nội dung của biểu tượng (sự sợ hãi, sự trừng phạt, ham muốn, ganh tị...).

Freud nhấn mạnh, “chẳng có một nhóm bản năng nào khác lại bị những yêu cầu về giáo dục để có văn hóa bóp nghẹt như các bản năng tình dục, nhưng ở hầu hết mọi người thì các bản năng tình dục cũng đã sớm biết cách thoát ra khỏi sự kìm kẹp của các thẩm cấp tâm hồn cao nhất...”, trong nội dung giấc mơ những ước nguyện tình dục bị dồn nén, những điều tưởng tượng tình dục được thể hiện một cách gián tiếp, “được thể chân bởi những ám chỉ, bóng gió và những cách thể hiện gián tiếp, tương tự khác. Thế nhưng khác các trường hợp thể hiện gián tiếp khác, cách thể hiện được dùng trong giấc mơ phải loại bỏ hẳn khả năng được hiểu trực tiếp. Người ta quen gọi những cách thể hiện ứng với những điều kiện như thế

là những biểu tượng của cái mà chúng muốn thể hiện. Chúng được quan tâm đặc biệt, kể từ khi người ta nhận ra rằng: Thì ra người chiêm bao vẫn sử dụng cùng thứ ngôn ngữ ấy của chính các biểu tượng. Thật vậy, ở một số trường hợp riêng, cộng đồng các biểu tượng thậm chí còn vượt ra ngoài cộng đồng ngôn ngữ. Vì chính người chiêm bao không nắm được ý nghĩa của các biểu tượng đã dùng nên vẫn còn một điều bí ẩn là từ đâu có mối quan hệ giữa chúng với những cái mà chúng thể chân và ám chỉ... Nếu có kiến thức về hệ kí hiệu thì sẽ có thể nắm bắt được ý nghĩa ở những yếu tố riêng lẻ của nội dung giấc mơ, từng phần của giấc mơ, đôi khi thậm chí toàn bộ nội dung giấc mơ”¹.

Biểu tượng (trong phân tâm học Freud) là sự thay thế của cái biểu đạt này bằng cái biểu đạt khác; ở đó cái được biểu đạt luôn vắng mặt, cái biểu đạt xuất hiện như là cái kí hiệu ám chỉ. Sự vắng mặt của cái biểu đạt có liên quan đến cơ chế kiểm duyệt của văn hóa, xã hội, đến cơ chế tâm lý đặc thù của mỗi cá nhân (sự gạt bỏ, loại bỏ ra khỏi nhận thức, hoặc sự lên án, phê phán những vấn đề, sự kiện... nào đó). “Giấc mơ là thành quả tâm lý riêng của người chiêm bao” (Freud). Nội dung của biểu tượng/giấc mơ đa nghĩa, nhưng không phải là cái nội dung do các thể lực siêu nhiên - thần thánh, ma quỷ báo trước cho con người, dưới dạng các điềm lành/dữ. Nghĩa là, có thể giải thích được giấc mơ từ cơ sở thực tế, nhưng không phải bằng cách thay đổi nội dung của giấc mơ bằng một nội dung nào đó có thể xảy ra trong tương lai, mà phải thấy được có một kiểu mã hóa, một quan hệ biểu tượng, một thứ nội dung ẩn náu hay “có liên hệ” trong giấc mơ. Để dịch được nội dung và ý nghĩa của giấc mơ, người quan sát/giải thích giấc mơ phải bỏ qua sự kiểm duyệt, phê phán,

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Nxb. Thế giới, H, 2005, tr.97-98.

để các “ý tưởng đến bất chợt.” Trong bài *Về giấc mơ* (1901), Freud dẫn ra nội dung một giấc mơ của bản thân mình như sau: “Một buổi giao tiếp... Cái bàn hay table d’hôte (bàn của những người ăn cơm thán, T.Pháp)... Chúng tôi ăn rau ba lăng. Bà E.L, ngồi bên tôi, quay ngoắt sang tôi rồi thân mật đặt bàn tay lên đầu gối tôi. Tôi gạt bàn tay ấy đi, tránh ra. Bà ta mới bảo: Ông đã từng có đôi mắt thật đẹp... Lúc đó, tôi nhìn thấy mù mờ một cái gì đó như đôi mắt trên ảnh hay là đường viền của một cái mắt kính.” Ở đây, bà E.L không phải là bạn bè của Freud, cũng không phải là đối tượng mà Freud muốn thân thiết, đã lâu rồi ông không gặp bà ta, cũng không nhắc và không có ai nhắc đến bà ta trước vài ngày khi có giấc mơ trên. Giấc mơ trên, theo giải thích của Freud, có ý nghĩa biểu tượng. Bà E.L là một nhân vật thay thế, một biểu tượng cho người vợ của Freud; “quá trình xảy ra trong giấc mơ là sự tái hiện một màn diễn nhỏ”: một bên là vợ Freud và một bên là ông ta, trong thời kì mà Freud đang âm thầm theo đuổi bà ấy. Bà E.L (con gái một người đàn ông mà Freud đã mắc nợ tiền bạc) còn là một biểu tượng (ý nghĩa kép) về người bạn đã khoản đãi Freud tối hôm trước, người nhiều lần hào phóng nhưng để lại cho Freud cảm giác bản thân mình trở “thành con nợ”, hình ảnh “cái bàn hay table d’hôte” đánh thức lại nỗi lo sợ bị thiệt, bị mất tiền ở Freud; hình ảnh đôi mắt là một biểu tượng cho chiếc khăn choàng cổ, gợi nhắc câu chuyện về số mắt kính, bác sĩ chuyên khoa mắt và cậu bé có đôi mắt đẹp; rau ba lăng gợi nhớ đến chuyện hồi nhỏ của Freud, đến nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái... Trong cách cắt nghĩa của Freud, biểu tượng luôn có khả năng tạo ra các quan hệ và ý nghĩa mới, nó có liên hệ với những ý nghĩ và ký ức; nó được biểu hiện như một loại “giá trị của đời sống tâm linh.” Giấc mơ/biểu tượng trong giấc mơ thường rời rạc, khó hiểu, nhưng đằng sau nó luôn có “ẩn ý và nguyên cơ rõ

ràng”, gắn bó logic: “có những ý nào đó như thể ý trung tâm cứ lặp đi lặp lại. Những ý tưởng không được thể hiện trong giấc mơ như thể chẳng hạn có thể gặp ở các cặp đối nghĩa vị kỉ - vị tha, các khái niệm đang mắc nợ - thực hiện miễn phí.” Những biểu tượng vừa kể trong giấc mơ của Freud ám chỉ “ước nguyện muốn được hưởng một mối tình mà không mất gì”¹.

“Giấc mơ của trẻ con là giấc mơ thỏa mãn ý nguyện không che đậy... Có thể thay mỗi giấc mơ bằng một điều ước... nhưng giấc mơ còn cho nhiều hơn điều mong ước. Nó cho thấy ý nguyện đã được thỏa mãn, nó thể hiện sự thỏa mãn ấy như thể có thật, hiện hữu. Nó sử dụng chủ yếu, nếu không phải duy nhất, toàn những tình huống và thường là những hình ảnh mà cảm quan thấy được. Vậy là ở cả nhóm này cũng không hoàn toàn thiếu sự chuyển đổi, có thể gọi là công mơ. Một ý nghĩ trong lối mong mỏi được thay thế bằng một trực cảm trong thì hiện tại”². Giấc mơ của người lớn giống giấc mơ trẻ con ở chỗ, nó cũng bao hàm sự thực hiện nguyện vọng, nhưng có thể điều đó lại được gắn vào thứ vật liệu khác, khó hiểu. Trong giấc mơ của người lớn thường có một cái ý nghĩa khác ẩn đằng sau nguyện vọng cần được thỏa mãn. Người phân tích biểu tượng nên chú ý chỉ ra được những kí ức nường nấu trong đó, phải ráp nối nó với thời thơ ấu của con người.

Freud phân biệt hai loại nội dung: Nội dung tiềm ẩn và nội dung hiển nhiên của giấc mơ. Những gì chúng ta thấy trong giấc mơ, đó là nội dung hiển nhiên. Những ý nghĩa, nội dung ẩn trong giấc mơ mà chúng ta phân tích thấy được, đó là nội dung tiềm ẩn: “Tôi đem giấc mơ như tôi còn nhớ đối chiếu với thứ vật liệu mà tôi đã tìm được qua

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Nxb. Thế giới, H, 2005, tr.69.

² Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Nxb. Thế giới, H., 2005, tr.62.

phân tích. Cái trước tôi gọi là nội dung hiển nhiên của giấc mơ, cái sau mới đầu chưa phân cách nhiều, là nội dung tiềm ẩn của giấc mơ. Giờ thì tôi đứng trước hai vấn đề bấy lâu nay chưa từng được xác lập: 1. Quá trình tâm lý nào chuyển nội dung, từ tiềm ẩn sang cái hiển nhiên như tôi nhớ; 2. Lí do hay những lí do nào dẫn đến sự chuyển đổi ấy. Tôi gọi quá trình chuyển đổi nội dung từ tiềm ẩn sang hiển nhiên là công chiêm bao. Đối lập với công việc này, tức là việc hoàn thành sự chuyển đổi ngược, gọi là công phân tích.”

Để hiểu rõ hơn về khái niệm và nội dung của biểu tượng, chúng ta thử tìm hiểu một ví dụ khác. Trong bài báo “Linh cảm trong mơ mà có thật” (viết năm 1899), Freud thuật câu chuyện như sau: Bà B có lần kể lại câu chuyện, không có dụng ý bày đặt, rằng cách đây nhiều năm, trong lúc chiêm bao, bà thấy mình gặp Bs.K, ông thầy thuốc tại gia và cũng là bạn; gặp ở phố Kartner, trước cửa hiệu Hie; sáng hôm sau bà ta đi ra phố ấy thì quả nhiên gặp chính ông ấy ở đúng chỗ ấy. Theo Freud thì nên giải thích sự việc như sau sẽ hợp lý hơn: Một buổi sáng lúc đi chơi phố Karter, bà ta gặp lại người thầy thuốc tại gia cũ; thấy ông ấy bà tin chắc là mới đêm qua, bà chiêm bao thấy cuộc gặp ấy ở chỗ ấy; niềm tin này là có lí. Nhưng phải giải thích nội dung của nó khác đi một chút: Quá khứ của bà B, có câu chuyện như sau, liên quan đến Bs.K. Hồi ấy còn trẻ, không thực sự tự nguyện, bà lấy một người đàn ông đứng tuổi nhưng giàu có, ít lâu sau ông này bị bệnh chết; mấy năm liền bà phải tự đi dạy nhạc kiếm tiền nuôi thân, nuôi người ốm, trong số bạn bè đến với bà lúc hoạn nạn có Bs.K, ông chăm lo cho người ốm và cũng là người dọn đường cho bà đi dạy nhạc lúc mới đầu. Một người bạn nữa cũng tên K, luật sư, Ts.K, là người có công ổn định hoàn cảnh khốn khó của vị thương gia bị phá sản; ông này yêu cô vợ trẻ và thế là ngọn lửa tình bốc cháy lòng bà, lần đầu và cũng là lần cuối. Mỗi tình ấy

gây ra đau khổ, vì gia giáo và lí trí giày vò cô vợ trẻ và sau này là bà góa. Trong cùng mối liên quan đến giấc mơ, bà B kể lại một sự việc có thật vào cái thời bất hạnh ấy, mà theo bà đó là một sự trùng hợp kỳ lạ. Bà chiêm bao thấy mình trong phòng riêng, đang nức nở vì quá nhớ ông luật sư, người yêu và người bảo trợ. Đúng lúc ấy, ông ta đẩy cửa, bước vào thăm bà. Sự trùng hợp này có lẽ là nội dung đích thực của giấc mơ và là cơ sở duy nhất để bà tin rằng giấc mơ kia có thật. Kể từ cái buổi ý nguyện trở thành hiện thực ấy cho đến ngày có giấc mơ kia đã hơn 25 năm. Trong khoảng thời gian đó, bà B đã lại góa chồng một lần nữa. Ông chồng sau để lại cho bà con cái và cửa cải. Người đàn bà luống tuổi này vẫn vẫn vương tình cảm với ông Ts.K. Vì Ts.K vừa là cố vấn vừa là người quản lí tài sản cho bà nên bà thường gặp. Chắc hẳn mấy hôm trước chiêm bao, bà đã mong ông đến nhưng ông lại không đến. Vậy thì đêm đến, một giấc mộng tương tự là chuyện rất dễ xảy ra, nó đưa bà ngược trở về cái thời xa xưa. Tất nhiên, bà ta mơ về một cuộc hẹn hò ở cái thời đang còn si mê. Rồi cứ thế, chuỗi ý nghĩ trong mơ lội ngược về tận thời điểm ông Ts.K hẹn mà đến, đúng lúc bà ta đang nhớ tới ông. Những giấc mơ như vậy có thể đến thường xuyên hơn nữa; chúng là bộ phận của một hình phạt, hình phạt cho người đàn bà bởi nhần tâm khi còn trẻ. Như thể hậu thân của một dòng chảy bị ức chế, đây rẩy những điều sức nhớ về các cuộc hẹn hò mà sau ngày tái hôn bà không còn muốn nghĩ đến. Những giấc mơ như thế đã bị xóa ngay lúc tỉnh. Cái gọi là giấc mơ tiên tri, theo Freud, sự thể cũng như vậy. Bà ta ra ngoài rồi gặp ông thầy thuốc tại gia cũ là Bs.K, ở giữa phố Kartner, ở đúng chỗ ấy. Lâu lắm rồi bà không thấy ông ta.

Ông ta gắn bó mật thiết với những cảm xúc ở cái thời hạnh phúc - bất hạnh kia, ông ta cũng là người đã giúp bà. Ông ta là một nhân vật giả tưởng trong ý nghĩ và có thể cả trong mộng mị của bà.

Ẩn đằng sau đó mới là nhân vật thật, Ts.K, người mà bà hằng yêu dấu. Cuộc gặp bây giờ đánh thức ký ức về giấc mơ và bà ta nghĩ mình: đúng là bữa nay mình vừa mới mơ về một cuộc hẹn giữa Ts.K với mình. Nhưng kí ức ấy phải chấp nhận một biến dạng mà giấc mơ đã tránh được, chỉ nhờ ở chỗ là nó không hề được lưu lại trong kí ức. Thay vì ông K yêu dấu, len lỏi xen vào lại là cái ông K vô tình, người gợi nhớ tới giấc mơ. Nội dung giấc mơ - cuộc hẹn hò, được chuyển thành niềm tin rằng bà đã thấy đúng chỗ ấy trong giấc mơ. Cuộc hẹn hò nào mà chẳng phải có hai người cùng một lúc tới cùng một chỗ. Nếu đúng lúc ấy nảy sinh cảm giác giấc mơ thành hiện thực, thì với cảm giác ấy, bà lại cảm thấy càng nổi trội, chỉ có cái kí ức về cảnh ngày xưa: Bà đang khóc vì khao khát chờ mong, thì tức khắc điều bà mong trở thành hiện thực.

Câu chuyện trên của Freud cho thấy, Bs.K là một biểu tượng. Bs.K là cái biểu đạt của một nhân vật khác (ông Ts.K). Nói cách khác, ông Ts.K, trong giấc mơ không được hiện ra như là một Ts.K thực, thay vào đó là một hình ảnh biểu tượng. Bs.K không phải là Bs.K thực, mà là một kí hiệu. Không phải bà B có giấc mơ tiên tri, mà bà ta sáng tác ra một giấc mơ, thể hiện sự hồi tưởng, mong nhớ đến người mà B yêu thích: Giấc mơ đã đưa bà B trở về quá khứ. Nội dung của giấc mơ là kí ức, là sự hồi tưởng về cuộc gặp gỡ, về sự mong chờ gặp gỡ đã trở thành sự thật. Biểu tượng, rõ ràng là ngôn ngữ về hiện thực, của hiện thực; nó không phải là ngôn ngữ thần bí, mặc dù nói theo cách của Jung thì nó là các "giả cảnh." Giả cảnh xuất hiện trong giấc mơ, do các tiềm thức, vô thức tạo thành. Biểu tượng là các giả cảnh.

Khi xem xét cách giải thích của Freud đối với các giấc mơ được tưởng tượng ra trong văn hóa dân gian, Hermann Beland nhận

thấy, trong quan niệm của phân tâm học “chất liệu về nội dung cho các mẫu chuyện chiêm bao bằng văn hóa dân gian xoay quanh việc ca tụng các cơ quan sinh dục, quanh việc giều cột và sự đau khổ của bệnh liệt dương, quanh dương lực thay thế và thói loạn dâm gây đau của việc đại tiện, quanh những khoảng không quý giá vùng hậu môn và quanh những cái cách đầu tiên và thô lỗ nhất được chọn để nhằm giải quyết vấn đề là những ước vọng mong chết. Tất cả các nội dung này đã được diễn đạt chính xác bằng biểu tượng trong các sáng tác tập thể nhờ giấc mộng, nghĩa là việc các thính giả hiểu được các biểu tượng được coi là điều kiện ban đầu bắt buộc phải có là hoàn toàn phù hợp với điều mà phân tâm học giả định”¹.

Cùng quan điểm với Freud, C.G. Jung khẳng định sáng tạo nghệ thuật có mối dây liên hệ đến đời sống tâm lý riêng tư, thâm kín của người nghệ sĩ. Nhưng Jung khác Freud ở nhiều điểm, nói chính xác hơn là “chống Freud”, đặc biệt ở việc xác định ngôn ngữ biểu tượng, nguồn gốc và nội dung của biểu tượng. Con đường phân tích và đi đến kết luận của Freud, theo Jung đã bộc lộ một số hạn chế. Thứ nhất, có thể tìm cách diễn giải sự sáng tạo nghệ thuật từ mối quan hệ giữa người nghệ sĩ với cha mẹ của họ (mặc cảm, thái độ đối với cha mẹ), nhưng nếu chỉ dừng lại ở những thiên kiến y học (rối loạn thần kinh chức năng...) thì không giúp hiểu sâu về bản chất nghệ thuật. Thứ hai, “sáng tạo nghệ thuật không phải là căn bệnh”, vì thế không thể quy giản tất cả những sự phong phú khác nhau trong đời sống tâm lý của cá nhân nghệ sĩ vào một sự giải thích. Jung nói: Freud sử dụng phương pháp điều trị y học với đối tượng là “cấu trúc tâm lý bị bệnh và bị sai lệch”, chúng ta chẳng thu nhận được gì đặc biệt cho câu chuyện bàn tác phẩm nghệ thuật,

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Nxb. Thế giới, H., 2005, tr.24.

cùng lắm phương pháp đó “chỉ giúp mở rộng và đào sâu thêm hiểu biết của chúng ta về sự ra đời của tác phẩm”, chỉ ra “nguyên nhân cá nhân thôi thúc sáng tạo” hay những “điều kiện tiên khởi của sự sáng tạo.” Kĩ thuật y học - tâm lý (phân tâm học bệnh học) của Freud có nhiệm vụ “tìm các con đường và cách thức để có thể ‘đi vòng’ qua hay nhìn xuyên qua mặt trước của ý thức tới mặt sau, lớp dưới của tâm lý, tới cái gọi là vô thức”; kĩ thuật này dựa trên giả thiết rằng, một số nội dung tâm lý (tính dục ấu thời, xấu hổ, tội lỗi...) của người bệnh bị dồn nén do chúng không kết hợp được với ý thức. Jung cho rằng, vô thức bộc lộ mình khi tác động đến nội dung của ý thức, phá vỡ các quá trình ý thức, vô thức không chỉ tác động đến ý thức mà còn điều khiển nó; “cội nguồn rất quan trọng để khám phá các nội dung vô thức là giấc mơ, sản phẩm trực tiếp của hoạt động vô thức.” Mục đích của Freud là “tái lập cấu trúc ban đầu của các ham muốn vô thức”, nhưng “những nội dung của ý thức khiến ngờ vực sự hiện diện của cái nền vô thức được Freud gọi một cách mù mờ là ‘biểu tượng’, trong khi ở học thuyết của ông chúng chỉ đơn giản giữ vai trò những kí hiệu hay triệu chứng của các quá trình ngầm ẩn chứ không hề có vai trò của những biểu tượng thực sự”¹. Từ đây Jung phân biệt kí hiệu (dấu hiệu, phù hiệu) và biểu tượng. Kí hiệu hay dấu hiệu dùng để chỉ những thực thể nhất định, gợi đến những sự vật liên quan đến chúng, ý nghĩa của chúng do chúng ta quy ước, gán cho. Kí hiệu (dấu hiệu) là sản phẩm có ý thức, một ý tưởng hữu lí. Còn biểu tượng thì khác, “biểu tượng là một cái gì đó tự nhiên và ngẫu nhiên”², không liên quan đến ý thức, ý nghĩa của nó phong phú, rộng lớn hơn ý nghĩa quy ước: “Trong giấc mơ,

¹ C.G. Jung “Về quan hệ của tâm lý học phân tích đối với sáng tạo nghệ thuật” in trong *Sự đồng đánh của phương pháp*, Nxb. Văn hóa thông tin, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, H., 2004, tr.225.

² Carl Gustav Jung, *Thăm dò tiềm thức*, Nxb. Tri thức, 2007, tr.67.

biểu tượng ngẫu nhiên xuất hiện bởi vì giấc mơ là biến cố xảy ra chứ không phải sáng kiến”¹. Jung đã tạo ra một khúc ngoặt trong việc lí giải nội dung và hình thức của giấc mơ, khám phá ra các chiều kích khác của giấc mơ so với các kĩ thuật, phương pháp, tiền đề mà Freud áp dụng hay xác lập trước đó đối với người bệnh. Biểu tượng trong luận giải của Jung có một trách vụ và ý nghĩa riêng vượt lên những “mặc cảm tính dục” gây ra chứng rối loạn thần kinh chức năng. Freud cho giấc mơ là kí hiệu của mặc cảm tính dục, Jung đặt ra giả thuyết rằng, thông điệp của giấc mơ không bó hẹp trong biểu tượng tình dục, giấc mơ cho ta biết toàn diện về đời sống tâm lý của con người. Biểu tượng trong giấc mơ gợi ra những ý nghĩa xa lạ hoặc tàng ẩn nằm ngoài ý thức, khó lí giải, khó hiểu, khó nắm bắt đối với chúng ta, ở biểu tượng có khía cạnh phi ý thức: “Một chữ hay một hình ảnh sẽ trở thành biểu tượng khi nó gợi đến cái gì khác ngoài ý nghĩa hiển nhiên và trực tiếp. Chữ ấy hay hình ảnh ấy có một khía cạnh không thể ý thức được, sâu rộng hơn, chưa bao giờ được xác định phân minh, được giải thích đầy đủ. Vả chăng không ai có thể giải thích được”².

Theo Jung, tác phẩm văn học có tính biểu tượng ngấm bởi khi sáng tạo người nghệ sĩ đã để cho cổ mẫu trong vô thức sống trở lại. Nhờ thế, tác phẩm có “khả năng có một ý nghĩa rộng hơn, cao hơn” nằm ngoài năng lực cảm nhận và suy xét thông thường của chúng ta. Cội nguồn của tính biểu tượng không phải là vô thức cá nhân như Freud quan niệm, mà là vô thức tập thể (tài sản chung của nhân loại)³. Nếu như vô thức cá nhân là cái do không tương thích

¹ Carl Gustav Jung, *Thăm dò tiềm thức*, Sđd, tr.67.

² Carl Gustav Jung, *Thăm dò tiềm thức*, Sđd, tr.18.

³ C.G. Jung, “Về quan hệ của tâm lý học phân tích đối với sáng tạo nghệ thuật” in trong *Sự đồng hành của phương pháp*, Nxb. Văn hóa thông tin, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, H., 2004, tr.241.

với ý thức, bị dồn nén, bị kìm giữ dưới ngưỡng ý thức, khi trồi lên tạo thành các kí hiệu thì vô thức tập thể là cái không bị dồn ép, không bị lãng quên, nó lặp đi lặp lại trong lịch sử, xuất hiện bất kì ở đâu có trí tưởng tượng sáng tạo hoạt động, vô thức đặt ra những “giới hạn”, những “phạm trù hoạt động” cho trí tưởng tượng, nó là “những nguyên tắc điều khiển sự tạo lập chất liệu”, nhưng nó không dễ nhận biết, khó xác định được nguồn gốc, nguyên nhân rõ ràng. Vô thức tập thể là khả năng của trí tưởng tượng sáng tạo mà chúng ta được thừa kế từ thời xa xưa dưới dạng hình ảnh có tính cách biểu tượng được ghi nhớ, tức những cổ mẫu, mà trước hết là cổ mẫu huyền thoại.

Ý nghĩa và chức năng của biểu tượng

Biểu tượng hoạt động theo nguyên tắc khoái cảm, nó tồn tại dưới dạng các vô thức, các ảo giác, sự hồi tưởng, những sự dịch chuyển mà người nằm mơ không thể kiểm soát được. Nếu hiểu giấc mơ là sự thực hiện những ham muốn/tái hiện những ám ảnh, dồn ép, thì biểu tượng chính là sự hiện thực hóa giấc mơ, một sự bù trừ, khuấy đảo những ham muốn, biểu tượng là sự hình tượng hóa, ngôn ngữ hóa, một sự dịch chuyển hình ảnh hay quy về những hình ảnh nào đó để thỏa mãn các ước vọng hoặc làm sống dậy các ám ảnh. Sự hoạt động của biểu tượng trong giấc mơ tác động đến cả thể chất lẫn tâm lý của con người. Mơ và sự hoạt động bằng ngôn ngữ biểu tượng trong nội giới là một nhu cầu thiết yếu của con người để đảm bảo về sức khỏe và cân bằng tâm lý của nó (trừ bệnh tâm thần phân lập). Chức năng đầu tiên của giấc mơ/biểu tượng là trị liệu và tạo ra các khoái cảm, những trải nghiệm và sự hưng phấn nào đó xảy ra ở cả hai giới.

Khi phân tích những giấc mơ từ trên của các nhân vật vĩ đại - loại các giấc mơ gắn với ý thức của người mơ, Freud cho rằng, ý nghĩa của

giấc mơ có khi gắn với những phát kiến khoa học, sự nhận thức, nơi khởi phát ý tưởng của người mơ; ở đó nội dung của giấc mơ thường trừu tượng, mang tính thơ ca hay có tính tượng trưng. Việc phân tích giấc mơ như thế thường cho kết quả như nhau: “Chúng ta không hiểu được giấc mơ, nhưng người chiêm bao (hay bệnh nhân) hiểu nó và dịch được nó mà không có khó khăn gì, chứng nào mà nội dung giấc mơ tương tự với tư duy có ý thức khi thức của người đó”¹. Lí giải rộng hơn Freud, Jung cho rằng, ở biểu tượng không chỉ có thông điệp mặc cảm tình dục mà còn ám chỉ những trạng thái tâm lý khác của con người, nó là cơ sở để khám phá “cá tính toàn diện” của một người nào đó. Biểu tượng có chức năng lập lại sự cân bằng tâm lý, bù đắp cho sự tổn thất của tinh thần hiện tại. Jung đặc biệt nhấn mạnh đến chức năng bổ túc, bù đắp của giấc mơ. Khi người nghệ sĩ không thỏa mãn với đương thời sẽ có xu hướng tìm thấy trong vô thức của mình những cổ mẫu bù đắp cho sự tổn thương, thiếu hụt đó². Ở đây, cần phải hiểu giá trị xã hội của tác phẩm không phải do nó đã đảm nhận chức năng “giáo dục tinh thần thời đại” nên có được, mà vì nó đem lại sự sống mới cho các cổ mẫu, đem lại cho các hình tượng cái gốc rễ huyền thoại, cái tinh thần cổ sơ của nhân loại. Mọi biểu tượng đều có tính cách lịch sử nguyên thủy của chúng. Vì vậy, tìm hiểu biểu tượng, như là khát vọng hiểu biết quá khứ của loài người.

Sự hình thành biểu tượng/quá trình biểu tượng hóa

Phân tâm học đem lại cho chúng ta nhiều kết quả quan trọng về khả năng biểu tượng hóa, cách tư duy bằng biểu tượng và quá trình biểu tượng hóa của con người. Ngay từ đầu thế kỉ XX, Freud đã cho rằng vấn đề biểu tượng hóa có tính chất phổ biến: “Hệ kí hiệu cho

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Sđd, tr.28.

² C.G. Jung, “Về quan hệ của tâm lý học phân tích đối với sáng tạo nghệ thuật” in trong *Sự đóng góp của phương pháp*, Nxb. Văn hóa thông tin, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, H., 2004, tr.245.

giấc mơ đã vượt khỏi phạm vi giấc mơ, nó không còn là chỉ riêng của giấc mơ nữa, mà y như vậy, nó cũng ngự trị ở cách mô tả trong truyện cổ tích, truyện thần thoại và truyền thuyết, trong các câu chuyện khôi hài và trong văn hóa dân gian. Chúng cho phép chúng ta theo dõi các mối quan hệ bên trong của giấc mơ đối với các sản phẩm này; nhưng chúng ta phải luôn tự nhủ rằng, chúng không hề được tạo ra bởi các công mơ mà có một nét đặc thù riêng, có lẽ là của tư duy vô thức của chúng ta, thứ tư duy đã cung cấp chất liệu cho công mơ để tô đậm, dịch chuyển và bi kịch hóa.” Công mơ, hay công chiêm bao là một khái niệm được Freud dùng để chỉ quá trình chuyển đổi nội dung, từ tiềm ẩn sang hiển nhiên. Một trong những nhiệm vụ của việc nghiên cứu sự hình thành biểu tượng là tìm hiểu các phương thức thể hiện đời sống tâm linh/tâm hồn, sự chuyển đổi của chất liệu tâm lý...

Quá trình biểu tượng hóa liên quan đến sự làm sai lệch giấc mơ ở chủ thể. Giấc mơ có thể che giấu cái ác, sự giả dối... của chính người chiêm bao mà anh ta bộc lộ ra và làm sai lệch nó đi để không ai nhận ra nó nữa. Người mơ nếu chịu sự kiểm duyệt chặt chẽ của văn hóa - xã hội, sẽ tự làm sai lệch giấc mơ; chính mặc cảm tội lỗi, sợ hãi, ý muốn trốn tránh che giấu tội lỗi đã khiến cho những hình ảnh trong giấc mơ của con người không được thể hiện một cách trung thực. Sự hình thành biểu tượng có liên quan đến các quy phạm đạo đức, tinh thần dũng cảm, sẵn sàng nhận trách nhiệm, thái độ chấp nhận sự trở lại của nỗi lo âu..., “tinh thần dũng cảm đồng nghĩa với sự độ lượng đối với những nội dung không ý thức được và khả năng phỏng đoán những nội dung đó”¹. “Dĩ nhiên là người ta phải giữ thái độ có trách nhiệm với những xúc cảm độc

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Sđd, tr.35.

ác trong chiêm bao của mình. Nếu không thì người ta phải làm gì với chúng? Nếu nội dung giấc mơ được hiểu đúng, không phải là ý nghĩ nảy sinh bất chợt của những thần linh xa lạ, thì nó vẫn là một phần bản thể của mình”¹. Chúng ta biết, Freud đã đọc phân tích tác phẩm của Sophocle và Shakespeare. Qua thực hành đọc phân tích, ông phát hiện ra một “thực tại tâm lý” của con người, gây chấn động mạnh mẽ: mặc cảm Oedipe. Theo Freud, tác phẩm văn học là sự thỏa mãn và giải thoát các ham muốn của con người. Cả Hamlet và Oedipe đều chung cội rễ, là các biểu tượng của ham muốn, ẩn ức có từ tuổi thơ mà con người đã quên. Oedipe là biểu tượng của ham muốn loạn luân với mẹ và ham muốn giết cha, Oedipe chính là “tất cả chúng ta.” Hamlet chính là Oedipe nhưng bị ức chế, Hamlet là con bệnh mắc chứng loạn thần kinh và cái vô thức của con bệnh này là Oedipe.

Freud quan niệm “giấc mơ là một thứ thể phẩm. Nó thể chân cho những dòng suy nghĩ giàu ý niệm và đầy đam mê”² của ông. Sự hình thành biểu tượng/quá trình biểu tượng hóa được cha đẻ của phân tâm học mô tả đồng nhất với quá trình thay thế hình ảnh này bằng hình ảnh khác. Biểu tượng chỉ xuất hiện khi nó “là một thể phẩm.” Quan hệ giữa thể phẩm/biểu tượng và cái được biểu đạt không cân xứng, nghĩa là không phải tương ứng theo kiểu 1/1; một biểu tượng có thể chứa đựng một chuỗi ý nghĩa, nó thể chân cho một số đam mê nào đó: “Giấc mơ ngắn hơn nhiều so với các ý nghĩa mà nó thể chân” (Freud). Có thể nói, biểu tượng là cái biểu đạt đa bội, cô nén lại trong nó rất nhiều kí ức, ý nghĩ. Biểu tượng luôn luôn gắn với kí ức, ham muốn, ý nguyện, những trải nghiệm ẩn tượng sâu sắc, những xung đột. Một biểu tượng được hình thành, được nhào nặn/sáng tạo lại từ

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Sđd, tr.37.

² Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Sđd, tr.55.

một hay nhiều ấn tượng và sự kiện trong quá khứ: “Không thấy một yếu tố nào của nội dung giấc mơ mà từ đó lại không có những sợi dây liên tưởng chạy ra hai hay nhiều ngã. Không thấy một tình huống nào mà lại không được dàn dựng từ hai hay nhiều ấn tượng sự kiện”¹. Biểu tượng có thể là một hình ảnh ngược so với hình ảnh quá khứ, nó có thể thống nhất trong bản thân nó những cái mâu thuẫn, trái ngược: người ta có thể “thỏa mãn ý nguyện bằng cái điều trái ngược”, ở biểu tượng “các hợp phần chống lên nhau, cái chung trong hoàn cảnh lúc ấy mới nổi trội, những chi tiết mâu thuẫn nhau tự xóa lẫn nhau. Cách dàn dựng như vậy cũng giải thích được một phần vì sao nhiều yếu tố nội dung của giấc mơ lại cứ mù mờ một cách rất đặc trưng, không xác định rõ ràng... Nơi nào mà giữa các ý nghĩa trong giấc mơ không có cái chung thì công mơ sẽ cố tạo ra những cái đó để trong giấc mơ có một bố cục chung. Con đường tiện nhất để cho hai ý nghĩ trong giấc mơ có cái chung có thể xích lại gần nhau, là đổi từ ngữ diễn đạt cái này, rồi để chiếu cố nó, khuôn cái kia lại bằng những từ ngữ khác. Y như người làm thơ phải gò vắn, miễn là cùng thanh thì sẽ đạt được cái chung như đã mong”².

Đối với Jung, biểu tượng không chỉ dấu về tiếng nói cá nhân mà chứa đựng hàng nghìn tiếng nói cổ xưa; là bản tổng kết khối kinh nghiệm, cảm xúc điển hình to lớn nguyên thủy của con người; là “cái thế giới của tuổi thơ ấu” nhân loại, đem lại cho tác phẩm chiều sâu lịch sử, nâng cái nhà văn miêu tả “từ chỗ ngắn ngủi một lần và tạm thời lên chỗ tồn tại muôn đời”, có cội rễ từ xưa: Người nói bằng cổ mẫu “dường như nói bằng hàng nghìn giọng” và tác phẩm mang tính biểu tượng “đánh thức chúng ta nhiều hơn, quấy đảo chúng ta sâu hơn và vì thế hiếm khi đưa lại cho chúng ta khoái cảm thẩm mỹ

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Sđd, tr.63.

² Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Sđd, tr.64.

thuần túy”¹. Ở đâu có trí tưởng tượng sáng tạo thì ở đó có vô thức hoạt động; ở đâu có vô thức hoạt động thì ở đó có cổ mẫu huyền thoại thức dậy; nhắc đến cổ mẫu là nhắc đến “giọng nói nhân loại”, đến cội rễ của các biểu tượng. Quá trình sáng tác chính là quá trình nhân loại hóa, xã hội hóa, hiểu theo nghĩa là quá trình đánh thức cổ mẫu xuất hiện, là quá trình dịch ngôn ngữ cổ xưa sang ngôn ngữ hiện tại, cấp cho hình tượng hơi thở thời gian. Jung viết: Sáng tạo là quá trình “hà hơi sống cho cổ mẫu từ trong vô thức, là trải nó ra và tạo hình cho nó cho đến khi thành một tác phẩm”².

Rõ ràng, Freud và Jung khác nhau trong cách gọi tên hình tượng biểu tượng, trong căn bản lí giải về nguyên nhân dẫn đến những biểu tượng giấc mơ. Jung gọi các hình ảnh trong giấc mơ là giả cảnh, huyền tượng; còn Freud gọi là sự nguy trang. Jung nói “giấc mơ đi những lối đi quanh co”, nó không vượt qua ngưỡng của ý thức, khi đến gần ý thức thì nó lánh đi; còn Freud nói, sự làm sai lệch, méo mó hình ảnh trong giấc mơ là do kiểm duyệt. Freud tin rằng, sự kiểm duyệt che giấu ý nghĩa thực của giấc mơ là để bảo vệ giấc ngủ. Chống lại quan điểm ấy, Jung cho giấc mơ nhiều khi quấy rối giấc ngủ, cái mà Freud gọi là nguy trang, thực ra là một hình thức tự nhiên của những kích thích trong tiềm thức, đối với tiềm thức, sự mờ nhòe, phi lí, ngẫu nhiên của hình ảnh chính là chất liệu đặc thù (chưa đạt đến ý thức) của giấc mơ. Freud cho nhiệm vụ chính của biểu tượng giấc mơ là nhắc lại kí ức thiếu thời đã mất của cá nhân, Jung xem kí ức tuổi thơ chỉ là một triệu chứng trong sự mất mát lớn hơn nhiều: cái tâm thức tối cổ.

¹ C.G. Jung “Về quan hệ của tâm lý học phân tích đối với sáng tạo nghệ thuật” in trong *Sự đóng góp của phương pháp*, Nxb. Văn hóa thông tin, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, H, 2004, tr.237.

² C.G. Jung “Về quan hệ của tâm lý học phân tích đối với sáng tạo nghệ thuật” in trong *Sự đóng góp của phương pháp*, Sđd, tr.244.

Phân loại và lí giải một số biểu tượng

Freud chia các giấc mơ thành ba loại. Loại thứ nhất, có thể thấy rõ ý nghĩa mà cũng dễ hiểu, cho phép ăn nhập với đời sống tâm linh của chúng ta mà không có trở ngại gì, ở đây nội dung tiềm ẩn và nội dung hiển nhiên trùng hợp. Loại giấc mơ thứ nhất thường gặp ở trẻ nhỏ. Điểm chung trong các giấc mơ của chúng là đáp ứng những nguyện vọng ban ngày đã giày vò đứa trẻ mà nó chưa được thỏa mãn, “chúng chỉ việc thỏa mãn một cách đơn giản, không che đậy các ước vọng”¹, giấc mơ của trẻ nhỏ rất gần với cuộc sống hằng ngày. “Giấc mơ con trẻ” cũng xuất hiện ở người lớn nhưng nội dung ngắn ngủi. Loại thứ hai, giấc mơ rõ nghĩa nhưng lạ lùng, chúng ta không biết xếp cái ý nghĩa ấy vào đâu trong đời sống tâm linh của chúng ta, ví dụ mơ thấy người thân chết vì dịch hạch, trong lúc không có một cơ sở nào để chờ đợi, lo lắng hay giả định sự kiện ấy. Loại thứ ba, giấc mơ rời rạc, rối ren, vô nghĩa, khó hiểu. Freud đã viết trong bài “Về giấc mơ” (1901): “Các giấc mơ được chia làm ba loại, tùy theo xử sự của chúng ta đối với sự thỏa mãn ước nguyện. Một là, những giấc mơ thể hiện không che đậy một ước nguyện không bị dồn nén, kiểu giấc mơ của trẻ con, mà với người trưởng thành thì chúng càng ngày càng thưa dần. Hai là, những giấc mơ thể hiện có che đậy một ước nguyện đã bị dồn nén; số đông những giấc mơ của chúng ta thuộc loại này, và để hiểu chúng thì cần phải có sự phân tích. Ba là, những giấc mơ thể hiện một ước nguyện đã bị dồn nén, nhưng không che đậy hoặc che chưa đủ kín. Các giấc mơ loại này thường không kèm theo sợ hãi mà chúng sẽ cắt giấc mơ giữa chừng. Ở đây thì nỗi sợ hãi thay thế cho sự làm sai lệch giấc mơ, chỉ có ở các giấc mơ loại hai, thông qua công mơ, nó mới được chữa ra. Chẳng có gì khó khăn lắm, có thể chứng minh cái nội dung tưởng tượng đã

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Sđd, tr.59.

làm chúng ta sợ lúc chiêm bao lúc này, vốn dĩ trước kia là một ước nguyện và suốt từ đó tới nay vẫn bị dồn nén. Chúng ta có những giấc mơ rõ ràng, có nội dung khó chịu, nhưng trong khi chiêm bao lại chẳng hề cảm thấy khó chịu. Không thể xếp chúng vào hàng các giấc mơ sợ hãi được, song chúng vẫn cứ minh chứng cho tính vô nghĩa và sự vô giá trị tâm lý của các giấc mơ. Phân tích xong một ví dụ như thế rồi mới thấy, ở đó chính là những sự thỏa mãn sự che đậy tốt cho các ước nguyện bị dồn nén, tức là các giấc mơ loại hai. Phân tích cùng lúc cũng chứng minh tính thích hợp đến mức tuyệt vời của công chuyển dịch để che đậy cho ước nguyện”¹. Vậy có thể nói đến ba loại biểu tượng: biểu tượng về ước nguyện không bị dồn nén, biểu tượng về ước nguyện bị dồn nén có che đậy và biểu tượng bị dồn nén không che đậy.

Sigmund Freud còn phân biệt biểu tượng chung và biểu tượng riêng, biểu tượng phổ cập (ở người chiêm bao nào cũng có, miễn là họ cùng một nhóm ngôn ngữ hay học vấn) và biểu tượng đặc thù - cá nhân (được dựng lên từ chất liệu của riêng cá nhân). Trong biểu tượng phổ cập lại được phân ra thành “những thứ mà quyền đại diện cho giới tính được cách dùng ngôn ngữ hợp thức hóa và những thứ mà quan hệ với giới tính dường như đã được xác lập từ những thời xa xưa nhất và ở những độ sâu thẳm nhất của quá trình hình thành khái niệm.” Các biểu tượng chung, hầu như chỉ có một nghĩa: Hoàng đế - nữ hoàng chỉ cha mẹ, căn phòng chỉ đàn bà; các cửa ra, vào phòng chỉ các lỗ ngỏ ở cơ thể... Trong phân tích tâm lý của Freud, phần lớn biểu tượng biểu hiện con người (tính dục). Chẳng hạn, các vũ khí sắc nhọn, đồ vật dài và cứng như thân cây, gậy gỗ biểu tượng cho cơ quan sinh dục nam. Tủ, hộp, xe, lò sưởi

¹ Freud, *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Sđd, tr.88-89.

“đại diện” cho cơ quan sinh dục nữ. Cầu thang, thang âm chỉ sự giao phối. Cà vạt chỉ dương vật, khúc gỗ chỉ phần dưới của người phụ nữ...

Theo C.G. Jung, trong những giấc mơ, bên cạnh yếu tố cá nhân (những sự việc xảy ra trong đời sống cá nhân) còn có những yếu tố phi cá nhân (nhiều trường hợp không thể giải thích được giấc mơ từ kinh nghiệm của người nằm mơ, người mơ không thể tìm ra được nguồn gốc của hình ảnh trong kí ức của mình). Freud gọi những yếu tố phi cá nhân đó là “vết tích tối cổ”, tức là những yếu tố tâm thần không thể cắt nghĩa được bằng một sự việc xảy ra trong đời sống cá nhân, dường như bẩm sinh đã có, có từ nguyên thủy, nó là một thành phần trong gia tài tinh thần của nhân loại¹. Jung lập luận rằng, mỗi bộ phận thân thể của con người là kết quả của một cuộc tiến hóa qua các thời kì lịch sử, “tinh thần cũng như thể chất của ta, không thể là một cái gì không có quá khứ.” Xuất phát từ quan niệm như thế, Jung đã quan tâm đến sự phát triển “sinh vật học, phi ý thức từ thời tiền sử, của trí khôn, khi con người còn ở thời bàn cổ, cái psyché còn gắn với cái psyché của loài vật.” Jung cho rằng: “Cái psyché trong quá khứ xa xăm ấy là nền móng của tinh thần người ta... Con mắt nhà nghề của nhà sinh vật học và nhà giải phẫu học thấy vết tích nguyên thủy của thân thể ta. Nhà khảo cứu có kinh nghiệm về việc thám hiểm cơ cấu tinh thần của loài người cũng vậy, họ có thể nhận ra sự tương đồng giữa những hình ảnh của tâm trạng con người cổ sơ và những ý niệm, thói tục, biểu tượng có ý nghĩa tập thể của họ, những chuyện thần thoại của họ.” Nhiệm vụ của phân tâm học, bởi vậy, không chỉ chú ý đến mặt cảm mà còn quan tâm đến những hoạt động khác của vô thức, am

¹ Carl Gustav Jung, *Thăm dò tiềm thức*, Sđd, 2007, tr.95.

hiếu thần thoại học. Cái mà Freud gọi là “vết tích tối cổ”, Jung gọi là cổ mẫu là một khuynh hướng bản năng, được kế thừa trong kí ức nhân loại. Biểu tượng có tính ngẫu phát, phi ý thức, nó không phải là sáng kiến có suy tính, không phải là những chữ hay ý niệm triết lí, mà để hiểu nó người ta có thể học thuộc lòng.

Jung phân biệt hai loại biểu tượng: biểu tượng tự nhiên và biểu tượng văn hóa. “Loại thứ nhất thoát thai từ nội dung phi ý thức của cái psyché, như thế nó biến đổi ra biết bao hình ảnh có tính cách biểu tượng chính yếu khác... Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, người ta có thể tìm thấy nguồn cội tối sơ của chúng, nghĩa là những ý nghĩ và hình ảnh tìm thấy ở các xã hội cổ sơ.” Biểu tượng văn hóa là “những biểu tượng dùng để diễn tả ‘chân lí vĩnh cửu’. Những biểu tượng này đã nhiều lần thay đổi, có thể do một tiến trình cấu tạo có ý thức, và trở thành những hình ảnh tập thể được các xã hội văn minh chấp nhận”, nhưng dù biến đổi thế nào đi nữa thì nó luôn giữ phần lớn tính chất huyền nhiệm, thiêng liêng quyến rũ nguyên thủy. Theo Jung, xã hội càng văn minh, khoa học càng tiến bộ thì người ta càng mất liên lạc với “sinh lực tâm thần nguyên thủy”, càng làm cho sự vật, thiên nhiên mất đi tính chất bí hiểm, thiêng liêng của nó, cắt đứt mối liên hệ ban sơ giữa nó và biểu tượng, người ta phủ nhận “ngôn ngữ thiên nhiên” phi lí, những mê tín dị đoan.

Lí thuyết biểu tượng của phân tâm học là một trong những chìa khóa thâm dò tiềm thức của con người, khám phá sự sáng tạo văn hóa văn học của nhân loại. Sự ra đời của phân tâm học tạo ra một bước ngoặt trong việc giải kiến tạo chủ thể lí tính, làm lay chuyển mạnh mẽ ngôn ngữ thế giới quan của con người. Theo đó, chúng ta có thể đặt lại nhiều vấn đề, chẳng hạn như văn học có tính dự báo không, nhà văn có phải là nhà tiên tri, nghĩa là người cho biết

trước, dự đoán trước điều sẽ xảy ra trong tương lai. Phân tâm học, trên thực tế, đã công kích những khuynh hướng giải thích con đường sáng tạo theo kiểu tiên tri. Đối với phân tâm học, sáng tạo là “sự đáp ứng ước vọng, sự thỏa mãn các nhu cầu”, là khoái cảm, nó luôn diễn tả chân lí vĩnh cửu, lưu giữ những hình ảnh trong xã hội cổ sơ của con người; cái mà ý thức chưa biết, không kiểm soát được thì tiềm thức đã biết trước rồi, nó tìm cách biểu lộ bằng ngôn ngữ đặc thù trong giấc mơ... Sự vận dụng lí thuyết phân tâm học ở Việt Nam trong phê bình văn học thời gian qua bị mắc kẹt lại quá lâu ở phân tâm học tiểu sử, nhà phê bình say mê liên hệ sáng tạo với những sự kiện đời tư, nghĩa là vẫn chủ yếu dừng lại ở con đường Freud. Những khám phá về biểu tượng ở chiều sâu văn hóa lịch sử đang ở những bước thăm dò ban đầu. Một hạn chế khác mà Jung đã cảnh báo nhiều lần, đối với người phân tích biểu tượng (nhà phê bình) là không thể áp dụng lí thuyết phổ quát, đại cương về giấc mơ đối với mọi giấc mơ, sẽ là phi lí khi cứ giải thích biểu tượng của những con người khác nhau (hai nhà văn mơ cùng một giấc mơ, cùng nói về một biểu tượng) theo cùng một cách. Jung nói, việc giải thích biểu tượng phụ thuộc phần lớn vào hoàn cảnh đặc thù của người nằm mơ (sáng tạo), trạng thái tinh thần, ngôn ngữ riêng của người ấy.

Phân tích biểu tượng cần xét từng trường hợp cá biệt, không thể lấy cá tính của người phân tích (nhà phê bình) thay cho cá tính của người nằm mơ (nhà văn), phải biết “hy sinh những ưa thích riêng” và gạt bỏ những thành kiến, cũng không nên suy luận theo kiểu cái gì mình cảm xúc, suy nghĩ thì nhà văn cũng như vậy. Nhưng Jung cũng lưu ý, để hiểu cho đúng biểu tượng, bên cạnh việc nắm bắt diễn biến của đời sống cá nhân, khám phá thế giới văn hóa của người ấy, phát huy trí tưởng tượng và trực giác, còn phải

hiếu quá khứ, “tinh thần nguyên thủy” của loài người, hiếu huyền thoại (theo nghĩa rộng) là một trong những điểm chính yếu.

Về Giấc mơ và Diễn giải Giấc mơ

Sigmund Freud

Nguy Hữu Tâm dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 024.37161518 - 024.37163409, Fax: 024.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.com.vn

E-mail: info@nxbvanhoc.com.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 028.38469858, Fax: 028.38483481

Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0236 3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập: Nguyễn Phương Thùy

Trình bày: Domino D.

Thiết kế bìa: Minh Thái

Sửa bản in: Domino Books

Thực hiện liên kết xuất bản:



Domino Books

CÔNG TY TNHH DOMINO BOOKS

125/30 Nguyễn Cửu Vân, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Hotline: **028 6287 4255**

Email: domino.dominobooks@gmail.com

Website: dominobooks.vn - dominobooks.com

In 1000 cuốn, khổ 15,5 x 23,5 cm

Tại Công ty TNHH in Tân Lạc Thành

Đc: 131/7 Mã Lò, P. Bình Trị Đông A, Q. Bình Tân, TP. HCM

Số đăng ký KHXB: 916-2019/CXBIPH/17-43/VH

Quyết định xuất bản số: 434/QĐ-VH cấp ngày 27/3/2019

ISBN: 978-604-976-857-6

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2019.

Cuốn sách này nhất định là đã mở rộng nhận thức của loài người về chính mình ở toàn bộ lãnh vực cái vô thức và mở ra một hoàng lộ để hiểu được sự chuyển đổi từ cái suy nghĩ vô thức về ý thức, hội nhập về sự hiểu biết và nắm bắt được tác động trị liệu của việc hội nhập này. Nó vĩ đại hơn một công trình mang tầm thế kỷ.

...

Cuốn *Diễn giải Giấc mơ* của Freud đã giải được bí mật của loài người là giấc mơ. Cuốn sách đó đã làm rung chuyển nền văn hóa của chúng ta và làm thay đổi bức tranh của chúng ta về con người. Nếu đem so với phát minh mang tính cơ bản của Freud (theo đúng nghĩa của từ), thì những khảo cứu lâm sàng xây dựng nên từ đây và những nội dung mới cho lý thuyết chủ yếu là sự gia công và xác nhận lại các nhận thức cơ bản của ông. Đây là một kết quả đáng ngạc nhiên của một thế kỷ nghiên cứu mà nó nhấn mạnh thứ bậc đặc biệt của cuốn sách này

Hermann Beland



Domino Books

CÔNG TY TNHH DOMINO BOOKS

125/30 Nguyễn Cửu Vân, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Hotline: **028 6287 4255**

Email: domino.dominobooks@gmail.com

Website: dominobooks.vn - dominobooks.com

Về Giấc mơ và Diễn giải Giấc mơ

ISBN: 978-604-976-857-6



9 786049 768576

DOMINO

ĐIỂM ĐỌC